

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
THÁNH ĐỨC TỔ ĐÌNH – CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI  
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

CUỘC ĐỜI  
ĐẠO ĐỨC  
CỦA NGÀI  
NGÔ VĂN CHIÊU

Về vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài  
và con đường Tâm Pháp bí truyền



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO  
2021

# **CUỘC ĐỜI ĐẠO ĐỨC CỦA NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**

Về vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài  
và con đường Tâm Pháp bí truyền



**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
THÁNH ĐỨC TỔ ĐÌNH - CHIẾU MINH TÂM THANH VÔ VI  
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

# **CUỘC ĐỜI ĐẠO ĐỨC CỦA NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**

Về vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài  
và con đường Tâm Pháp bí truyền

*(In lần thứ Nhất)*

 Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**

2021



## LỜI GIỚI THIỆU

Đầu Xuân Canh Tý 2020, Ban Quản lý Thánh Đức Tổ Đình, Pháp Môn Trung Ương Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi tại thành phố Cần Thơ hân hoan đón tiếp quý vị Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thăm viếng và chúc xuân.

Nhân dịp này, phái đoàn có trao cho chúng tôi bản thảo quyển *Cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu*. Trong thời gian qua, quý đạo huynh đã về Cần Thơ sưu tầm các sử liệu về Pháp Môn Chiếu Minh do Đức Tôn Sư Ngô Minh Chiêu truyền thừa, về quý Tiên Khai đắc Pháp liễu đạo và hình ảnh Bửu tháp của Ngô Tôn Sư cùng nhiều vị còn lưu lại tại Chiếu Minh nghĩa địa, phía trước Tổ Đình.

Sau khi đọc kỹ bản thảo, chúng tôi nhận thấy các tư liệu lịch sử đều hoàn toàn chính xác và có giá trị, nên xin trân trọng giới thiệu cùng quý đạo hữu, quý độc giả xa gần quyển *Cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu* mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã dày công thu thập sử liệu và biên soạn qua nhiều năm tháng với tinh thần hiến dâng cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây cũng là duyên lành được kết tụ từ cả hai phần hữu và vô trải qua thời gian lịch sử 94 năm của đạo Cao Đài tại Thánh địa Chín Rồng.

Nay sách được trao đến tay độc giả, để nhắc lại giai đoạn khai cơ vô vi tuyên độ, thể hiện nét đẹp văn hóa đem Đạo vào đời và giúp cho người tu học có thêm đức tin về sự cứu độ của cơ cứu thế Kỳ Ba, với sự hiện hữu của ngôi Thảo Lư và Thánh Đức Tổ Đình, nơi mà bao đệ tử cấp một của Ngô Tôn Sư đã tu luyện đắc Đạo và gửi lại tâm thân từ đại nơi Chiếu Minh Nghĩa Địa. Đây là một bằng chứng hiển nhiên về kết quả tu hành theo pháp môn do Ngô Tôn Sư truyền thừa. Ngoài ra, phân nguyên tắc căn bản Pháp môn Nội tu cũng được sách đề cập, giúp người đọc khắp nơi hiểu được phần nào đường lối tu hành của đệ tử Chiếu Minh chúng tôi.

*Quyển Cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu* với đầy đủ các sử liệu, hình ảnh, sắc chỉ của Thiêng Liêng ban ân cho người tu trở về ngôi xưa vị cũ sau khi tạ thế... quả là một công trình sử Đạo giá trị. Chúng tôi xin trân trọng ghi nhận công đức này.

Rất mong rằng cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu và các vị đệ tử thọ pháp đắc Đạo sẽ là một tấm gương tu hành đạo đức sáng chói cho hậu thế mai sau cùng soi chung để tất cả đồng được thọ nhận Hồng ân tận độ của Đức Chí Tôn Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Chân thành cảm ơn.

Thay mặt Ban Quản lý Thánh Đức Tổ Đình

**Minh Tân Đỗ Tấn Thông**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thời mạt kiếp, giữa lúc thế sự chinh nghiêng, nhân loại đang đứng bên bờ vực thẳm của sự diệt vong thì Việt Nam hữu phước được Đức Thượng Đế chọn làm nơi khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và dân tộc Việt Nam được ban trao sứ mạng hoàng dương chánh giáo.

Trong lịch sử đạo Cao Đài, chư vị Tiên khai Đại Đạo đã dày công xây đắp một nền tảng vững chắc cho đại cuộc cứu độ này, và cuộc đời Ngài Ngô Văn Chiêu- vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài- đã ghi một dấu ấn đặc biệt trong thời kỳ này.

1. Về thời gian: Đó là sự xuất hiện lần đầu tiên của Đức Cao Đài.

2. Về cơ Đạo: Đây là cuộc chuẩn bị lập giáo, thấu nhận Ngài Ngô làm người đệ tử đầu tiên để trực truyền Đạo pháp, đồng thời xuất hiện giáo tượng Thiên Nhân.

3. Giáo Chủ, Giáo đồ, Giáo tượng, Giáo pháp và một nền Giáo lý siêu việt đã sẵn sàng để khởi nguyên một tôn giáo thuộc về Nội giáo Tâm truyền; nhưng những thời kỳ kế tiếp cho thấy đây là một giai đoạn của Thiên cơ tối yếu mà cơ Công truyền sẽ kết hợp cùng, lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.



Các quyển lịch sử đạo Cao Đài và lịch sử Ngài Ngô Văn Chiêu xuất bản trước đây đã minh chứng phần nào các nhận định trên. Tuy nhiên, trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu tư liệu lịch sử liên quan đến Ngài Ngô Văn Chiêu, các môn đồ thuộc Tổ đình Chiêu Minh (Cần Thơ) và Ban Sử Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, tự thấy có bổn phận phải bày tỏ những gì thu thập được, có giá trị đặc biệt của lịch sử khách quan, hơn nữa có tính thiêng liêng cũng cố đức tin Cao Đài.

Quyển *Cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu* được biên soạn trong chủ hướng kết tập đầy đủ những yếu tố Cơ đạo mà không phải ngẫu nhiên được đặt định cho từng nhân vật, từng hoàn cảnh, từng tiến trình tu luyện...

4. Tìm hiểu sâu sắc đời sống gia đình và xã hội của Ngài Ngô từ thuở chưa gặp Đạo, cho thấy Ngài có nếp sống hoàn thiện, một người con rất mực hiếu thảo; người chồng gương mẫu, người cha đáng kính. Ra làm quan, Ngài là một công dân mẫu mực, thanh liêm, nhân ái. Những ghi nhận đó khiến người viết sử không khỏi nghĩ rằng Ngài là một Thiên mạng được chọn theo Thiên cơ Thánh ý.

Cuộc sống đạo của Ngài đã được ghi nhận hết sức khách quan, có chứng nhân, có chứng tích, không phải để dựng lên một thần tượng cá nhân mà nhằm

minh thị những yếu tố đạo đức tiền định xứng đáng với Cơ cứu độ Kỳ Ba.

Quyển sách chứng minh, với đức tin tuyệt đối, cùng tâm chuyên nhất tu luyện của hàng đệ tử của Ngài, hầu hết đều chứng quả sau một kiếp tu, cho thấy Chánh pháp Đại Đạo đã được ban trao từ Đại Từ Phụ Cao Đài qua người đệ tử đầu tiên, mở đầu Cơ Tâm truyền. Những cơ duyên lịch sử khiến Ngài gặp Thầy, gặp Đạo, thọ Pháp, hành Pháp, truyền Pháp, tất cả chỉ diễn tiến trong khoảng 12 năm mà kết quả là “hằng tại”, là “về nguyên”, hoàn thành một chu trình Đạo.

Phát xuất từ lòng kính ngưỡng chân thành đối với bậc Sứ mạng Thiên ân thọ mệnh Thầy sáng lập nền Nội giáo Tâm truyền, mở đầu thời Tam Kỳ Phổ Độ, quyển *Cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô Văn Chiêu* là một công trình sử Đạo dày công sưu khảo những tư liệu quý hiếm từ nghiên cứu thực địa, đến những nhân chứng uy tín về cuộc đời đạo đức của Ngài Ngô, kể cả tiểu sử đầy đủ của mấy mươi đệ tử trực truyền của Ngài, đã bổ sung vào các quyển lịch sử có trước, làm thành một tổng hợp sử Đạo quý giá, không chỉ đối với “Môn phái” Chiêu Minh mà còn góp phần nâng cao đức tin cho toàn Đạo Cao Đài, là một dấu ấn đặc biệt trong thời Khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Mấy trang “Lời nói đầu” này cốt ý bày tỏ niềm cảm kích trước những cống hiến tâm huyết của người viết sử vào các pho sử Đạo chính thống, mà thật ra chính sự tham khảo trọn vẹn của quý độc giả tín hữu mới đánh giá xứng đáng cho công trình này.

Kính bít,

Thay mặt Ban Thường Vụ  
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,

Tham Lý Minh Đạo

**Thiện Chí**

## ***Thánh giáo Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế***

*“Ngày xưa, Thầy đã giao bí pháp chọn truyền và trách nhiệm cho Chiêu để dìu dẫn các con nào có hoàn cảnh, có phương tiện, có thì giờ, có cơ duyên, thì sớm lo tu luyện để chờ ngày công đầy quả đủ trở về hiệp nhứt cùng Thầy.*

*Trong khi đó, ngoài Chiêu ra, còn có những con khác cũng lãnh sứ mạng trực tiếp của Thầy, đem phương pháp Ngoại giáo Công truyền để tinh ngộ và dìu dẫn các con khác còn nặng nghiệp duyên hồng trần đeo đẳng.*

*Sứ mạng của các con trong lớp sau này là khai sơn phá thạch, dọn rừnng, cày đất, lượm cỏ trên mảnh ruộng, để cho các con có trách nhiệm về Nội giáo Tâm truyền đem hột giống quý đến mảnh đất cày sẵn đó mà gieo giống. Dầu Nội giáo, dầu Ngoại giáo, mỗi người mỗi việc, trách vụ và công đức như nhau. Nếu một trong hai mà thiếu thì danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo quy nguyên Ngũ Chi hiệp nhứt không còn ý nghĩa gì nữa.*

*Các con hãy trọng tâm ý thức lời Thầy hôm nay mà hành đạo, rồi các con sẽ thấy nơi này trong tương lai sẽ còn có những gì tốt đẹp và vinh diệu khác nữa, nữa kia.”\**

---

\* Cao Đài Hội Thánh (Duong Đông, Phú Quốc), Tý thời, 16-3 Đinh Mùi (24-4-1967). Lễ Kỷ niệm Đức Ngôi Hai Giáo chủ Ngô Đại Tiên. Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.



## BỐI CẢNH NAM VIỆT TRƯỚC KHI THƯỢNG ĐẾ KHAI ĐẠO CAO ĐÀI

Thượng Đế khai đạo Cao Đài tại miền Nam nước Việt vào đầu thế kỷ 20. Hiểu về bối cảnh xã hội các vị Tiên khai sáng và hành đạo thời này là điều cần thiết.

### 1. VÀI DÒNG LỊCH SỬ

Phần lớn miền Nam nước Việt vào khoảng thế kỷ thứ 17 được gọi là Gia Định, đất này xưa vốn thuộc về nước Phù Nam. Nước Phù Nam bị diệt vong vào thế kỷ thứ 7. Thời gian sau đó, nơi đây, ngoài dân tộc Việt là chánh, còn nhiều dân tộc khác như Trung Hoa (lưu vong), Cambốt... chung sống.

Năm Mậu Dần (1698), Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh nhận lệnh Chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu vào khai khẩn và bình định vùng Gia Định - Biên Hòa. Ông Nguyễn Hữu Cảnh<sup>1</sup> trở nên Kinh Lược đầu tiên ở phủ Gia Định. Dần dần, biên giới Nam Việt mở rộng thêm theo chính sách của ông Nguyễn Cư Trinh (đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát).

---

<sup>1</sup> Ông tên thật là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (1650-1700). Hiện nay, ông được thờ ở đình Minh Hương Gia Thạnh (Quận 5), thờ ở cù lao Phố (Biên Hòa), ở đình Châu Phú (thị trấn Châu Đốc, nơi đây còn thờ sắc phong “Lễ Thành Hầu” với cấp bậc Thượng Đẳng Thần). Ông còn được thờ ở rất nhiều nơi khác.

Sau nhiều lần tranh chấp với quân Tây Sơn (từ 1776 đến 1788), Nguyễn Phúc Ánh chiếm lại miền Nam, tiến quân ra đánh lấy Phú Xuân, sau đó thống nhất non sông. Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, đặt kinh sư tại Huế, chọn hiệu là Gia Long, đổi quốc hiệu là Việt Nam. Năm 1808, Vua Gia Long định lại bờ cõi, chia thành 23 trấn và 4 dinh: Bắc Thành gồm 11 trấn; miền Trung gồm 7 trấn và 4 dinh vùng Kinh Kỳ; Gia Định Thành gồm 5 trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh (Vĩnh Long và An Giang), Định Tường và Hà Tiên.

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), cả nước chia thành 30 tỉnh (lúc này tổng dân số khoảng hơn 6 triệu người). Năm trấn Gia Định được đổi thành 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên. Do đó, miền Nam Việt xưa được gọi là Lục Tỉnh. Danh xưng “Lục Tỉnh” còn được dân gian dùng đến giữa thế kỷ 20.

Từ năm 1858, quân viễn chinh Pháp bắt đầu thôn tính Việt Nam.

Năm Tự Đức thứ 15, ngày 05-6-1862, triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất, nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông; đến 15-3-1874, hòa ước Giáp Tuất nhượng thêm ba tỉnh miền Tây. Mất sáu tỉnh, trọn đất Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp.

Toàn xứ Việt Nam sau đó bị chia làm ba miền (ba kỳ): Nam Kỳ (Cochinchine), Trung Kỳ (An Nam), Bắc Kỳ (Tonkin).

Ba miền có các thể chế chính trị tương đối khác nhau. Nam Kỳ là thuộc địa, Trung và Bắc Kỳ là đất bảo hộ của Pháp. Đất Nam Kỳ thuộc Pháp được cải sửa nền hành chánh, từ năm 1895 chia thành 21 hạt (sau đổi thành tỉnh)<sup>2</sup> như sau:

- Gia Định chia thành năm tỉnh: Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Tây Ninh và Gò Công (đến năm 1944 thêm tỉnh Tân Bình).
- Biên Hòa chia thành bốn tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) và Thủ Dầu Một.
- Vĩnh Long chia thành ba tỉnh: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh.
- Định Tường đổi thành Mỹ Tho.  
An Giang chia thành năm tỉnh: Châu Đốc,
- Long Xuyên, Sa Đéc, Sóc Trăng và Cần Thơ.
- Hà Tiên chia thành ba tỉnh: Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu.

Nam Việt bước vào thế kỷ 20 trong tình trạng bị Pháp phân chia và cai trị như vậy.

---

<sup>2</sup> Hạt (arrondissement), từ 16-01-1899 đổi thành tỉnh (province), sau đó mới chia thành quận (délégation), quận chia ra tổng (canton). Dưới nữa là xã, làng... Toàn Nam Kỳ có 78 quận, 197 tổng Kinh và 10 tổng Thượng, 1.470 xã. Các chữ Pháp trong dấu ngoặc là chữ được dùng bấy giờ.



## 2. HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỶ 20

Trên hết là Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur général de l'Indochine) coi cả ba kỳ Trung Nam Bắc và hai xứ Miên, Lào. Đứng đầu bộ máy chính quyền Nam Kỳ thời này là Thống đốc Nam Kỳ (Gouverneur de la Cochinchine), dinh Thống đốc Nam Kỳ còn được dân chúng gọi là dinh Phó Soái (nay là Bảo tàng Cách Mạng số 65 đường Lý Tự Trọng), dưới là 21 chủ tỉnh (Chef de province).

Trước năm 1879, Nam Kỳ lần lượt do các tướng Hải quân Pháp cai trị. Thống đốc dân sự đầu tiên là Le Myre de Vilers. Năm 1926 - năm khai đạo Cao Đài - Quyền Thống đốc Nam Kỳ là ông Le Fol. Toàn quyền Đông Dương thời ấy là ông Pierre Pasquier (tạm thay ông Varenne từ ngày 04-10-1926).

Hội đồng Quản hạt (Conseil colonial) được thành lập vào năm 1880 với nhiệm vụ thảo luận ngân sách và một số công việc địa phương. Lúc đầu hội viên gồm mười người Pháp, sáu người Việt. Sau tăng lên mười bốn người Pháp, mười người Việt. Trên nữa còn có Thượng Nghị viện Đông Dương (Conseil supérieur de l'Indochine) và Hội đồng Tư vấn (Conseil Privé). Để nắm vững tình hình chính trị chung, Toàn quyền Đông Dương cử thêm một viên chức đi thanh tra lưu động các

tỉnh, gọi là Thanh tra Chánh trị và Hành chánh (Inspecteur des affaires politiques et administratives). Khác hơn ở Bắc Kỳ tỉnh chia thành nhiều phủ, tỉnh ở Nam Kỳ chia thành nhiều quận, quận chia thành nhiều tổng, tổng chia thành nhiều xã. Ban Hội Tề của xã (còn gọi là Hội đồng Kỳ mục xã) gồm 12 vị Hương chức: Hương Cả, Hương Chủ, Hương Sư, Hương Trưởng, Hương Chánh, Hương Giáo, Hương Bộ, Hương Quản, Hương Thân, Hương Hào, Xã Trưởng và Chánh Lục Bộ.

Chủ tỉnh là người Pháp. Theo Nghị định ngày 14-12-1905, Chủ quận được tuyển trong số viên chức hành chánh người Việt thi đậu các ngạch: Huyện, Phủ, Đốc phủ sứ. Theo đó, Tri phủ và Tri huyện ở Nam Kỳ chỉ là ngạch trật về hành chánh.

### **3. HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở NAM KỲ KHOẢNG ĐẦU THẾ KỶ 20**

Hệ thống giáo dục thời Pháp có 3 bậc:

- Bậc Tiểu học (6 năm), 3 năm đầu là bậc Sơ học (lớp Đồng ấu, lớp Dự bị và lớp Sơ đẳng), qua 3 năm, học sinh thi bằng Sơ học Yếu lược (Primaire Élémentaire), tiếp lên lớp Nhì (2 năm) và lớp Nhất. Hết lớp Nhất thi bằng Tiểu học Yếu lược (Certificat d'Étude Primaire)

- Bậc Cao đẳng Tiểu học (4 năm), học xong 4 năm thi lấy bằng Cao đẳng Tiểu học, còn gọi là

bằng Thành Chung (Diplôme d'Études Primaires Supérieures). Các trường dạy Cao đẳng Tiểu học gọi là Collège.

- Bậc Trung học (3 năm), còn gọi là bậc Tú Tài Pháp - Việt. Thi lấy bằng Tú Tài Nhất sau 2 năm (Baccalauréat 1<sup>ère</sup> partie) và sau đó là Tú Tài Toàn phần.

Vào thập niên 20, tại Nam Kỳ có hai trường Trung học đệ nhị cấp là: Lycée Chasseloup Laubat và Lycée Pétrus - Trương Vĩnh Ký.<sup>3</sup> Học sinh các trường này sau khi tốt nghiệp, dễ dàng trở nên một viên chức nhà nước, thường là thơ ký, thông phán cho một công sở.<sup>4</sup>

Những “thầy thông, thầy ký” lâu năm, có năng lực, nếu muốn sẽ qua một kỳ thi kiểm tra gồm hai phần: phỏng vấn và khả năng chuyên nghiệp (khá khó khăn). Thi đậu, viên chức này được xếp ngạch Huyện, từ đó thăng dần lên các cấp Phủ, Đốc phủ sứ... vào hàng lãnh đạo.

---

<sup>3</sup> Trường Chasseloup Laubat mở từ năm 1875. Ban đầu có tên là Collège Indigène, nay là Lê Quý Đôn.

Năm 1927, trường Collège de Cochinchine khai giảng 4 lớp đầu tiên, qua năm sau, Thống đốc Blanchard de la Brosse đổi lại thành trường đệ nhị cấp (Lycée) Pétrus Trương Vĩnh Ký, nay là Lê Hồng Phong.

<sup>4</sup> Theo tác giả Lê Thành Khôi trong *Le VietNam, histoire et civilization* xuất bản tại Paris năm 1955, trang 406, thì vào năm 1944 (sau khi khai đạo Cao Đài gần 20 năm), 80% dân Việt Nam còn trong tình trạng mù chữ.

Là dân bản xứ, có học thức, vì cuộc sống phải ra làm việc, nhiều người vẫn giữ được lòng tự trọng với ý thức dân tộc cao. Nam Phong tạp chí số 102 (tháng 2-1926) trong phần Thời đàm có đoạn:

*“Có người Nam ta học bên Tây cũng đỗ kỹ sư, đỗ tiến sĩ như người Tây, mà về đây không vào làng Tây thì chỉ làm những công việc hạ tiện dưới quyền người Tây, không bao giờ được bình đẳng. Mà vào làng Tây thì là bỏ nước mình, người có lương tâm không ai nỡ thế.”*

Thuở ấy, các môn đồ đầu tiên của Đức Cao Đài nhiều vị làm công chức các cấp, từ làng xã lên đến Thượng nghị viện Đông Dương. Nhờ căn bản đạo đức vốn có, hầu hết các vị đều một lòng giúp dân, giảm nhẹ phần nào ách cai trị của chính phủ đô hộ trong thẩm quyền mình.

#### **4. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI**

- Nam Kỳ là đất mới khai phá, dân tứ phương đổ về lập nghiệp. Năm 1920, dân số ở Nam Kỳ ước độ 3.600.000 (trên 15 tuổi). Đất rộng người thưa, hòa với người bản địa, họ nương nhau cùng chung sống. Do vậy, phong tục tập quán riêng cũng dần dần kết hợp.

Dân tình hiền hậu, hiếu khách, giao tiếp rộng rãi, hào hiệp... các đức tính ấy trở nên phong cách sống phổ biến của người miền Nam. Và, bất cứ vùng dân cư nào mới hình thành, cùng lúc với các

công trình công cộng khác, những ngôi đình, chùa, miếu... được ưu tiên xây dựng trước.

- Bên cạnh bản sắc dân tộc được lưu giữ cẩn trọng, người dân Nam Kỳ dưới chế độ Pháp thuộc có dịp mở rộng nhãn quan, nhìn thấy thêm một nền văn minh khác từ phương Tây. Họ chứng kiến tận mắt những kỹ thuật về phương tiện giao thông, cơ khí, xây dựng... rất tiên bộ. Hiện diện quanh họ là một nền văn hóa mới cùng các hệ thống pháp luật, giáo dục, luân lý, triết học... khác hẳn phương Đông.

Với bản tính phóng khoáng và nhạy bén, người dân Nam Kỳ tiếp thu nhanh những kỹ thuật tiên bộ trên.

- Một trong những ảnh hưởng làm thay đổi nét văn hóa Việt Nam thời ấy là chữ Quốc ngữ. Được các nhà truyền đạo Thiên Chúa giáo - đặc biệt là Alexandre de Rhodes - sáng tạo theo mẫu tự La Tinh và nhờ tính tiện dụng, dễ học, loại chữ này đã nhanh chóng thâm nhập vào quảng đại quần chúng.

Đến đầu thế kỷ 20, chữ Quốc ngữ được sử dụng phổ biến trong trường ngôn luận Nam Kỳ. Đây cũng là phương tiện cần yếu trong việc phổ truyền đạo Cao Đài buổi ban đầu.

**PHẦN NHẤT**

**NHƠN ĐẠO CỦA NGÀI  
NGÔ VĂN CHIÊU**



**Ngài Ngô Văn Chiêu  
(1878 - 1932)**

## PHẦN NHỚ ĐẠO CỦA NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU

Ngài Ngô Văn Chiêu chào đời ngày 28-02-1878 (27-01 Mậu Dần)<sup>5</sup> trong một ngôi nhà nhỏ phía sau chùa Quan Thánh ở Chợ Lớn<sup>6</sup>.

Ngài là con duy nhứt của cụ ông Ngô Văn Xuân và cụ bà Lâm Thị Quý (1858-1919) (bà còn có tên là Lâm Thị Tiên). Nội tổ Ngài Ngô là cụ ông Lê Văn Chại và cụ bà Nguyễn Thị Tính có ba người con: ông Ngô Văn Xuân, bà Ngô Thị Đây và bà Ngô Thị Tồn.<sup>7</sup>

---

<sup>5</sup> Theo giấy Khai sanh, thẻ Căn cước (Titre d'Identité) và lý lịch tự ghi (ảnh trang 32), Ngài Ngô đều ghi ngày sanh của mình theo dương lịch, là 28-02-1878; quy ra âm lịch thành ngày **27 tháng giêng Mậu Dần**. Quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu* (in lần thứ Nhứt, 1932) vẫn ghi ngày sanh của Ngài theo dương lịch là 28 Février 1878, nhưng ghi âm lịch là “mồng bảy tháng giêng năm Mậu Dần”.

<sup>6</sup> Ngôi chùa Quan Thánh này xây cất năm 1873, có số 242 bên Lê Quang Liêm (sau là Trần Văn Kiêu). Đến năm 2005, khi dự án đại lộ Đông Tây tiến hành, chùa đã di dời. Tọa độ vệ tinh (GPS) nơi Ngài Ngô chào đời là N 10° 44'36,6", E 106° 38' 56,7". Xin nói thêm về GPS (Global Positioning System), hệ thống định vị toàn cầu: tác giả xác định tọa độ GPS bằng ứng dụng Google Maps trên điện thoại di động hệ điều hành Android, mục đích là để giúp cho các thế hệ sau cũng như các nhà nghiên cứu định vị chính xác vị trí di tích xưa. Có một số nơi đã mai một (như chùa Quan Thánh nêu trên), tác giả phải nhờ các vị cao niên ở địa phương chỉ rõ vị trí. Tác giả Huệ Nhẫn chịu trách nhiệm về các số liệu GPS được ghi nhận trong quyển sách này.

<sup>7</sup> Nhờ tìm được một số tờ Tông chi (viết tay) còn lưu lại tại gia đình Ngài Ngô ở Tân An nên kết hợp được những tư liệu nêu trên.



Bà Ngô Thị Tồn có chồng là ông Giang Văn Tài (1842-1933), ông bà không có con. Riêng bà Ngô Thị Đây sẽ được đề cập sau.

## A. LẬP THÂN

Cha mẹ Ngài Ngô Văn Chiêu nghèo, cụ ông Ngô Văn Xuân đi làm công nhật cho chủ (Ngài Ngô ghi là “Journalier”), có lúc phải ra tận Hà Nội, vì vậy, cuộc đời Ngài lúc nhỏ khá gian truân.

*“Ông thân bà thân Ngài nghèo lắm nên lên xuống Mỹ Tho lo bề sanh nhai và đem Ngài cho người em gái nuôi dưỡng và cho đi ăn học. Lúc đó Ngài vừa được 6 tuổi.”<sup>8</sup>*

Người cô của Ngài Ngô ở Mỹ Tho là bà Ngô Thị Đây (ảnh trang 26), có chồng là Hoa kiều bán thuốc bắc và cây ván, được mọi người gọi là “chú Phu”. Ngôi nhà ấy, nơi Ngài Ngô trọ học từ năm 6 tuổi, nằm trong khu phố người Hoa ở cạnh “nhà việc” xã Điều Hòa, và nơi đây được Ngài ghi lại là nguyên quán của mình: làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho.

*“Đến lúc Ngài được 12 tuổi, Ngài học chữ cũng khá. Vì bị cô thường la rầy hoài nên Ngài bèn đánh liều vào đến dinh quan Chánh Chủ Tỉnh Mỹ Tho cầu xin cho Ngài vô học trường trong. Khi đó việc*

---

<sup>8</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in lần thứ nhất, 1932, nhà in Xưa Nay, Sài Gòn, trang 4.

*học hành còn dễ nên Ngài Chủ Tỉnh bèn cho y theo lời xin. Kể từ Ngài được 12 tuổi thì nhà nước đã nuôi Ngài ăn học cho tới khi thành danh.”<sup>9</sup>*

Ngài Ngô thường kể lại với các con rằng: Thời trẻ Ngài thường nghe theo chúng bạn chơi lêu lổng nên thường bị cô rầy. Chính Ngài đã suy nghĩ để định hướng cuộc đời mình là cần phải đi học, và để xa những bạn xấu, vì vậy Ngài muốn học nội trú (xưa gọi là “trường trong”).

Năm Ngài 12 tuổi, tức là năm 1890, lúc đó Đốc phủ Lê Công Xứng (1853 - 1920)<sup>10</sup> đang là Quận trưởng quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho<sup>11</sup>.

Ngài Ngô có một quyết định chín chắn đặc biệt là, mạnh dạn tự tìm đến ông Đốc phủ Xứng (có thể có một mối quen biết nào đó với cha Ngài) nhờ chỉ bảo và giới thiệu vào học nội trú Collège de Mỹ Tho.

---

<sup>9</sup> Như ghi chú số 8.

<sup>10</sup> Đốc phủ **Lê Công Xứng** (Chữ Xứng ghi theo mộ bia của ông, và vài tư liệu khác) người làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho; làm Quận trưởng quận Châu Thành, Mỹ Tho vào đầu thập niên 1880, sau chuyển về làm Quận trưởng quận Chợ Gạo. Người vợ sau của ông tên Đào Thị Linh (quốc tịch Pháp) bệnh mất sớm, để lại cho ông người con trai tên Lê Công Phước (Phước George) (1901-1950) và một gia tài lớn. Với thế lực Đốc phủ, tiền bạc và biết làm ăn, ít lâu sau ông trở nên người giàu nứt nẻ Mỹ Tho.

<sup>11</sup> Thời điểm này tỉnh Mỹ Tho có 5 quận là: Châu Thành, Cai Lậy, An Hóa, Cái Bè, Chợ Gạo, đến 1913 thêm 2 quận Bến Tranh và Gò Công. Làng Điều Hòa thuộc quận Châu Thành, Tỉnh lỵ Mỹ Tho đặt tại làng Điều Hòa. Chủ Tỉnh và Phó chủ tỉnh (của toàn Nam Kỳ) đều là người Pháp.



**Ngài Ngô lúc 12 tuổi**



**Bà Ngô Thị Dây**



**Collège de My Tho (khoảng 1890)**

Ngài Ngô sau đó nhập học nội trú Collège de My Tho (nay là trường THPT Nguyễn Đình Chiểu).

Học xong lớp Nhất (Cours Supérieur), đậu bằng Tiểu học Yêu lược (CEPFI), Ngài Ngô Văn Chiêu được học bổng lên Sài Gòn nhập học Collège Chasseloup Laubat (nay là Lê Quý Đôn), học Cao đẳng Tiểu học (Primaire) trong 4 năm. Ngài đậu bằng Cao đẳng Tiểu học (Diplôme d'Études Primaires Supérieures Franco - Indigène), còn gọi là bằng Thành Chung, vào đầu năm 1899. Năm ấy Ngài 21 tuổi.

Với tấm bằng Thành Chung, Ngài Ngô có thể học tiếp lên các bậc học cao hơn, nhưng cũng đã rất đủ để ra làm việc trong bối cảnh xã hội thời bấy giờ. Để phụ giúp song thân và tự nuôi sống, Ngài Ngô chọn đi làm công chức. Đơn gửi đi không bao lâu, Ngài đã được nhận việc:

*“Ngày 23-3-1899, Ngài được bổ vào làm việc tại sở Tân Đáo (Service de l'Immigration). Ngài ở đó cho tới 3-12-1902.”<sup>12</sup>*

Công việc khởi đầu là thư ký học việc (élève secrétaire). Thời điểm Ngài Ngô bắt đầu đi làm công chức, song thân Ngài đang làm công tạn Hà Nội.

---

<sup>12</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in lần thứ nhất, 1932, nhà in Xưa Nay, Sài Gòn, trang 5.



**Ngài Ngô năm 23 tuổi  
(sau khi đậu Thành Chung)**



**Collège Chasseloup Laubat (khoảng 1900)**

## B. LÒNG HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ

*“Là một người hiếu nghĩa vẹn tròn, nên khi có lương bổng rồi, Ngài bèn viết thư mời ông thân bà thân từ ngoài Hà Nội về để trọn bề phụng dưỡng.*

*Làm việc ở Tòa Tân Đáo, Ngài mượn phố ở hẻm Chaigneau (bây giờ là Tôn Thất Đạm) sau công sở Triều Châu, ở với ông thân bà thân. Về sau, ông thân Ngài ở riêng; mỗi khi cần dùng tiền bao nhiêu thì Ngài cung phụng đầy đủ và không bao giờ để một lời than vãn. Để tránh sự thiếu hụt trong gia đình, ban đêm, Ngài đi dạy thêm tiếng Pháp cho các người Tàu.*

*Đối với mẹ, Ngài là người con chí hiếu. Mỗi ngày đi làm việc về, Ngài không bao giờ quên hỏi thăm mẹ ăn cơm chưa hoặc ăn có ngon không? Những lúc bà cụ đau nhiều thì Ngài đi cầu Tiên xin thuốc và tự lo giặt giũ cho mẹ vì sợ vợ con chảnh mắng.”<sup>13</sup>*

Hiếu thảo là nhiệm vụ của con cái, nhưng thời nào cũng vậy, xa mặt hay cách lòng. Từ nhỏ Ngài đã không sống gần cha mẹ, học nội trú từ Mỹ Tho lên Sài Gòn, và chủ yếu là tự lập trên 10 năm. Lòng thương cha mẹ như Ngài cũng không nhiều người làm được. Thương mẹ già, cha lại có vợ khác, Ngài Ngô tận tâm phụng dưỡng mẹ.

---

<sup>13</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, Sài Gòn, 1962, trang 15.



**Bà Bùi Thị Thân**  
(1879-1955)



**Nhà Ngài Ngô tại Tân An**  
(Ảnh Huệ Nhẫn chụp năm 1996)

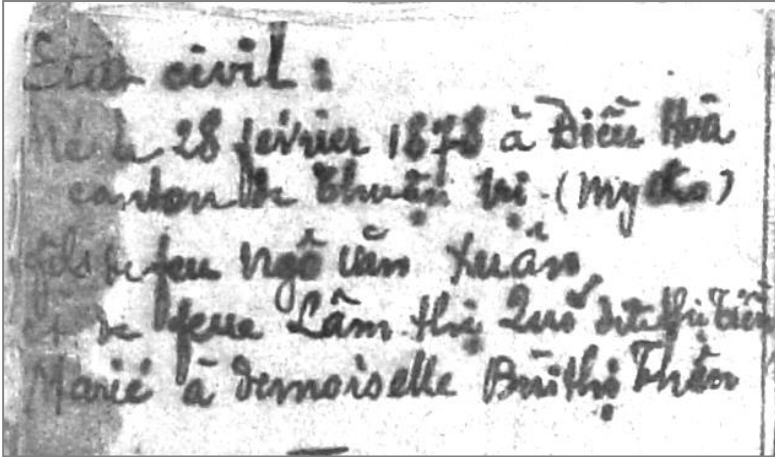
Đến ngày 01-5-1909, nhân thuyền chuyển làm Thơ ký Tòa Bó (Tòa Hành Chánh) tỉnh Tân An, Ngài Ngô đưa mẹ, vợ và các con theo. Làm công chức thanh liêm, không dư dả tiền bạc, Ngài mua một căn nhà lá giá 60 đồng (trên đất mướn), sửa lại thành 3 gian lợp ngói, số 31 đường Lagrange tại Tân An, để gia đình cùng ở (hiện nay đã đổi thành số 41 Phan Đình Phùng)<sup>14</sup>. Qua năm sau, ngày 14-7-1910, Ngài Ngô Văn Chiêu được thăng Thơ Ký chánh ngạch (Secrétaire titulaire). Lương được thêm, cuộc sống có đỡ hơn vì ngoài lương công chức, Ngài không nhận thu nhập nào thiếu công minh. Sống bên cạnh, phụng dưỡng mẹ được 20 năm, ngày 15-11-1919 (nhằm 24-9 Kỷ Mùi) thì mẹ Ngài - cụ Bà Lâm Thị Quý - từ trần, hưởng thọ 62 tuổi.<sup>15</sup>

---

<sup>14</sup> Mãi về sau, ngày 28-4-1964, hai người con gái của Ngài là Ngô Thị Yên Ngọc và Ngô Thị Nguyệt mới mua lại khu đất trên từ ông Phạm Văn Hy và bà Trần Thị Nho (bằng khoán điền thổ số 355), nhà và đất trồng rau, tất cả rộng 1082 m<sup>2</sup>. Đây là một di tích lịch sử của Đạo cần được trân trọng vì là nơi đầu tiên trên thế gian thừa tiếp hồng danh “Cao Đài Tiên Ông”.

<sup>15</sup> Theo lời Đạo huynh Ngô Mạnh Thường (cháu nội Ngài Ngô): Lúc ấy gia cảnh còn nghèo, Ngài Ngô an táng thân mẫu theo phương thức “mộc táng”, kim tính chỉ tấn ván, không có xây gạch. Xưa, ngôi mộ trong khuôn viên ngôi chùa gần làng Nguyễn Huỳnh Đức. Đến 24-9 Bính Thân (1956), nhờ cô Năm Ngô Thị Nguyệt có tài may thêu, làm ra tiền xây mộ lại khang trang. Qua thời gian, cảnh vật chung quanh thay đổi, có lúc, ngôi mộ nằm trong sân trường Tiểu học Khánh Hậu (Tân An), sau đã được di dời. Đạo huynh Ngô Mạnh Thường có tâm giữ lại được bia mộ bằng đá.





Thủ bút Ngài Ngô viết về lý lịch của mình



Mộ cụ bà Lâm Thị Quý (mẹ Ngài Ngô) lúc còn trong sân trường Tiểu học Khánh Hậu (Ảnh Huệ Nhẫn chụp năm 1996)

Riêng về cha của Ngài là cụ ông Ngô Văn Xuân, sau một thời gian ở riêng, lúc tuổi già có lẽ cũng đã về thường trú tại vùng Tân An, sống gần con cháu.<sup>16</sup>

### C. NGHĨA VỢ CHỒNG

• Như nhiều người thời xưa, Ngài Ngô Văn Chiêu lập gia đình qua sự giới thiệu, mai mối của người thân quen.

*“Khi Ngài thành tài, thì người ân của Ngài là ông Đốc Phủ Xứng muốn gả con gái cho. Việc đó làm cho Ngài đắn đo thắc mắc không ít, vì không biết tính sao cho dung hòa được cảnh phú quý của ân nhân để khỏi phụ lòng thương của người, với nếp sống thanh bạch tâm thường của cha mẹ mình.*

*Cô của Ngài lại khuyên Ngài nên cưới vợ con nhà cần lao, đặng sau kia nếu có thất thế thì vợ con có thể đi làm lụng nuôi con được, chớ vợ sang trọng quá, e chịu cực khổ không quen. Vì lẽ trên, Ngài vâng lời cô, tự hẹn sẽ tìm dịp đáp đền ân xưa của Ông Đốc Phủ Xứng, và kết hôn cùng bà Bùi Thị*

---

<sup>16</sup> Ngày 04-9-1946, chức việc làng Lợi Bình Nhơn, tổng Hưng Long tỉnh Tân An có làm tờ *Chứng sót Khai tử*, nguyên văn như sau: *“Làng chúng tôi chứng chắc ông Ngô Văn Xuân chết tại làng Lợi Bình Nhơn, nhưng không có bộ khai tử tại làng. Nay làng chúng tôi chứng cho ông Ngô Văn Xuân sót bộ khai tử”*. Rất tiếc là đến nay chưa tìm được mộ của cụ ông. Theo ông Ngô Văn Tinh (thứ nam Ngài Ngô) cho Huệ Nhẫn biết, ngôi mộ ấy ở vùng Phú Lâm - Phú Thọ, nay chắc đã bị di dời thất lạc.

*Thân, người làng Thạnh Trị lúc bấy giờ đang buôn bán tại chợ Mỹ Tho.*”<sup>17</sup>

Có thể nói rằng việc từ tạ có lẽ khá khó khăn vì Ngài đã từng thọ ơn trọng của ông Đốc phủ Xứng; ông Đốc phủ Xứng chắc rằng đã nghe ý kiến nhiều người khen tặng tánh tình của chàng thanh niên họ Ngô nên muốn chọn làm con rể trong nhà, tiếc cho ông là đã không có được chàng rể quý này.<sup>18</sup>

Bà Bùi Thị Thân (1879-1955) đã làm tròn vai trò người vợ hiền, chăm lo các con. Khi Ngài Ngô đi làm xa, bà ở nhà quán xuyến tiền bạc và các việc trong nhà. Trong thư từ Phú Quốc gửi về, Ngài căn dặn các con: “*Mẹ con tính làm sao thì cha cũng y một thể.*”

- Có lẽ nên phân tích thêm về nhân cách Ngài Ngô trong nghĩa vợ chồng:

Lập gia đình năm 1900 với bà Bùi Thị Thân, có người con đầu năm 1901, đến người con út sanh

---

<sup>17</sup> Chiêu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, in lần thứ năm, Sài Gòn, 1962, trang 12. Riêng về tên ông “Đốc Phủ Xứng”, mời xem thêm ghi chú số 10 trang 25.

<sup>18</sup> Trong một dịp Huệ Nhẫn phỏng vấn bà Trương Phụng Hào (nữ Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há, 1911-2009) - Bà có một thời là vợ của ông Lê Công Phước (George - Bạch Công Tử), bà cho biết: Ông Đốc Phủ Xứng có một người con gái tên Lê Thị Quyên (Madeleine) với người vợ trước, và một người con gái nuôi tên Marie (Cô Marie lúc đó còn nhỏ). Với vợ sau tên Đào Thị Linh, ông có người con trai là Lê Công Phước (1901-1950).

năm 1920, Ngài có tất cả 9 người con (hai người đầu mất sớm, nên còn 7; gồm 2 gái 5 trai).

Điều đáng nói ở đây là đạo đức của Ngài: làm công chức chánh ngạch, lương hướng khá, có nhiều điều kiện giống như bạn bè đồng thời là sa vào “tửu sắc tài khí” (rượu chè, sắc đẹp đàn bà, cờ bạc và hút thuốc phiện), trong đó đặc biệt là chữ “sắc” và chữ “khí” (á phiện được chính phủ Pháp cho phép).

Đáng nói hơn nữa là giai đoạn từ 1920 (năm Ngài 42 tuổi), Ngài rời vợ con đi làm tận Hà Tiên, và sau đó là chủ quận Phú Quốc. Thân đàn ông đi làm xa nhà, lương bổng dồi dào, chức quyền cao trọng, thế mà Ngài không hề có năm thê bảy thiếp như quan niệm xã hội thời bấy giờ chấp nhận, cả tửu sắc tài khí đều không vướng vào món nào. Quả là phi thường! Ngài làm gương mẫu đạo đức cho con cháu trong gia đình và nhất là cho tất cả hàng đệ tử của Ngài về sau.

#### D. BỐN PHẬN LÀM CHA

Trong một bản thảo tờ Tông chỉ còn lưu giữ được tại gia đình con cháu Ngài Ngô ở Tân An, có ghi lại:

*“Chúng tôi là bạn thân gia tộc của Ngô Văn Chại, Nguyễn Thị Tính và của Giang Văn Tài, Ngô Thị Tôn, chứng thiệt: (...)*

**Bà Ngô Thị Yến Ngọc****Ông Ngô Văn Nhựt****Ông Ngô Văn Tinh****Ông Ngô Tường Vân****Ông Ngô Thanh Phong****Ông Ngô Khai Minh**

*Ngô Văn Chiêu (chết) có một người vợ là Bùi Thị Thân sinh lối năm 1876, không có khai sinh ở làng Lợi Bình Nhơn, và không có vợ thứ, vợ lẽ nào hết, vợ chồng hạ sinh đặng 7 người con, không có con nào khác hết...”.*

Thật ra Ngài Ngô Văn Chiêu và bà Bùi Thị Thân có tất cả 9 người con, rũi thay, hai người con đầu mất sớm. Thứ tự đầy đủ như sau:

1. Cô **Ngô Thị Ngữ**, sinh năm 1901. Con gái đầu lòng, mất 5 ngày sau khi sinh tại Mỹ Tho.

2. Cô **Ngô Thị Hồng**, sinh năm 1903, mất năm 3 tuổi tại Sài Gòn.

3. Bà **Ngô Thị Yến Ngọc** (1904–1967) tên gọi ở nhà là Tư Lợi, có chồng là ông Huyện Trần Văn Vây.

4. Bà **Ngô Thị Nguyệt** (27-5-1906–25-12-1969) thường được gọi là cô Năm Nguyệt, tu theo pháp môn của Ngài Ngô (mời xem hình và đọc thêm nơi trang 283).

5. Ông **Ngô Văn Nhựt** (1908–1987) có vợ là bà Phạm Thị Lãnh (1914–2000). Ông bà có 7 người con, trong đó 2 con trai là Ngô Mạnh Thường và Ngô Mạnh Quang về sau tu theo pháp môn Chiếu Minh.

6. Ông **Ngô Văn Tinh** (1910 – 2000). Ông có lập gia đình (sau ly thân) và có 1 con gái. Ông Bảy

Tinh vẫn cư ngụ tại nhà Ngài Ngô ở Tân An đến cuối đời.

7. Ông **Ngô Tường Vân** (01-9-1913–20-7-1959), vợ con hiện nay ở Canada.

8. Ông **Ngô Thanh Phong** (15-11-1915–28-9-1986). Có vợ là bà Trần Thị Tám (1920–2008). Nhị vị có 4 người con, 2 trai, 2 gái. Vì thời cuộc, năm 1960 ông bà lên sống tại Tây Ninh. Cũng năm này, ông Chín Phong thọ pháp Chiếu Minh (với ông Tám Vinh, người thọ pháp với ông Nguyễn Văn Lý). Năm 1961, bà Trần Thị Tám thọ pháp Chiếu Minh với bà Nguyễn Thị Huyền.

Ông bà tiếp tục hành đạo tại Minh Cảnh Đàn (Tây Ninh) đến lúc quy liễu. Ông Ngô Thanh Phong đắc quả vị: Giác Quang Chơn Tiên. Bà Trần Thị Tám đắc quả vị: Thiên Vân Tiên Nương.

9. Ông **Ngô Khai Minh** (9-9-1920–28-3-1979). Từ khoảng 20 tuổi ông đi du học Hồng Kông. Năm 25 tuổi, ông Mười Minh lập gia đình với bà Nguyễn Thị Ngọc Sương (Thérèse) cũng đang học tại Hồng Kông (bà là con một đại điền chủ Bạc Liêu), sau đó hai vị sang Pháp, sanh sống tại Paris, có 2 con một trai một gái.

Nhờ sống tại Paris, có nhiều mối quan hệ và nhất là có tâm đạo, ông Ngô Khai Minh đã có mối liên hệ hợp tác với Tòa Thánh Tây Ninh, cụ thể là với Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc, để hoằng khai

nền đạo tại xứ người. Ông Ngô Khai Minh cũng là nhân tố quan trọng tổ chức chuyến đi Pháp của Ngài Hộ Pháp (20-5 đến 20-7-1954), Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa đã kể rõ chuyến đi trong Âu Du Ký, trong đó nhiều lần đề cập đến ông Ngô Khai Minh.

(Mời đọc thêm tư liệu “*Ông Ngô Khai Minh và Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc*” nơi trang 340)

Trở lại với Ngài Ngô. Hai người con đầu mắt sớm chắc chắn tác động tâm lý rất lớn với Ngài Ngô Văn Chiêu, thế nhưng, với những người con sau Ngài không hề cung chiều quá mức.

*“Đối với người ngoài, Ngài rất khoan dung, nhưng đối với con trong nhà thì công bình nghiêm khắc.*

*Lúc Ngài làm việc ở Tân An, một con trai của Ngài bấy giờ còn nhỏ tuổi, ngày Tết lén theo chúng bạn ra chợ rủ nhau lẩn dưa của người ta, bị lính bắt đem về bót. Ngài hay được, cho thả hết mấy dưa kia, còn con Ngài thì giam lại đến chiều mới tha.*

*Ngài thường dạy con khiêm cung nhẫn nhịn, an phận thủ thường. Ở gần thì dùng những câu chuyện xảy ra trước mắt mà dạy. Ở xa, thường viết thơ nhắc nhở bốn phận làm người.”*<sup>19</sup>

---

<sup>19</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Saigon, 1962, trang 15.





**Bà Tư Yến Ngọc (ngồi) và cô Năm Nguyệt tại nhà ở Tân An  
(Ảnh gia đình cung cấp cho Huệ Nhẫn)**

Để cụ thể, xin mạn phép Ngài được trích ra đây vài đoạn trong bức thư ngày 31-08-1923, từ Phú Quốc Ngài gửi về cho hai người con gái lớn (cô Tư và cô Năm), cũng là dạy chung:

*“... Cha thương hết các con, gái trai cũng đồng.*

*(...) Cha khuyên các con điều lành hoai hoai, ngay thật. Đừng mua cân già mà bán cân non, pha đồ xấu mà nói đồ tốt. Trong việc buôn bán như vậy tội nhiều lắm. (...) Các con nhớ lời cha dạy, ăn ở hiền lành, buôn bán ngay thật, không sanh chuyện với ai, cứ củi lục<sup>20</sup> làm ăn.*

*(...) Cái sự nhịn thua người là phép thân tiên dạy đời đời, xưa tới nay mấy muôn năm rồi, không phải mới...”*

Và để các con dần dần hiểu được điều tội phước đạo đức, Ngài giải thích thêm:

*“Cha nói cho Tư Lợi biết, Tiên Ông có xuống cơ nói Trời đã tính việc no đủ cho các con rồi, bởi vì Cha tu thì nhịn phước lại cho các con, đó là phước của cha để dư lại. Còn các con cũng có phước riêng của các con, đó là hồi đi đầu thai vào nhà họ Ngô. Các con khỏi trả, khỏi sót bớt phước của các con mà đền tội cho cha mẹ làm lỗi, để nuôi các con. Cha mẹ nhà họ Ngô lo làm phước để phước cho các con,*

---

<sup>20</sup> Theo Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, trang 202 (tác giả Huỳnh Tịnh Paulus Của): “Củi lục: Chịu khó chịu cực một bề. Củi lục làm ăn, không biết trà rượu”.

*thì các con hưởng phước nhiều (phước dư của cha mẹ và phước của mình). Cha cắt nghĩa cho mà hiểu vậy, nên Tư Lợi bảo cha cầu Tiên Ông mà hỏi việc ngày sau của Tư Lợi. Cha biết chắc, khỏi hỏi. Nhỏ chịu cực lớn thành thân...’<sup>21</sup>*

Không chỉ toàn lý thuyết, Ngài lấy chính cách sống của mình ra để làm gương cho con cái. Xin dẫn một thí dụ cụ thể: Cuối năm 1924, lúc này Ngài Ngô đã chuyển công tác trở về làm việc tại Sài Gòn (gia đình vẫn còn ở Tân An). Trong chức vụ một ông Tri Phủ với lương tháng 140 đồng thời ấy, Ngài lại sống rất thanh bạch, mặc đồ vải rẻ tiền lại ít may đồ mới. Xin trích một đoạn thơ của Ngài từ Sài Gòn gửi về cho con gái (12-10-1924):

*“Ba muốn hai cái áo vải trắng dài. Chứa nhứt tới về lấy, và ba đem về áo quần của cô Ba Lang may cho ba mấy năm nay đã hư hết, đừng cho bậy nhĩếp lại. Coi theo cái cũ ở nhà mà may. Gói đồ sứt sạt hết. Như má bậy có dư tiền thì may cho ba một cái áo và một cái quần châu sa trắng, thứ rẻ tiền, để dành đi chơi. Còn 2 cái áo trắng dài nói trước để cúng mà bận”.*

Quan phủ mà áo quần sứt sạt hết, phải nhĩếp lại mặc tiếp, còn may đồ mới mặc đi chơi thì chọn vải

---

<sup>21</sup> Trích đoạn thơ Ngài Ngô gửi từ Phú Quốc cho hai người con gái: cô Tư Lợi (Ngô Thị Yên Ngọc) và cô Năm Nguyệt ngày 31-8-1922.

rẻ tiền thôi. Dạy như vậy làm sao con tiêu xài hoang phí được.

Hơn nữa, về phần tâm linh, Ngài Ngô muốn gieo ý thức cho các con về chuyện đạo đức và việc tu hành của mình, Ngài viết tiếp:

*“ Các con lo mà phụng dưỡng mẹ già, thôi thì đành lòng quên cha đi cho rồi. Chớ nên thơ từ lắm, e cha thương xót các con mà cha bỏ tánh ý tu hành uống lắm. Đôi ba tháng gửi thơ một cái cũng đủ.*

*Các con phải sắm bàn ghế, hoa quả, hương đăng, tửu trà mà cúng Tiên Ông và đọc bài Nhụy Châu, dạy về hướng bắc mà lạy, hướng bắc là ở ngoài sân ngõ vô nhà là hướng bắc. Tối 11 giờ khuya đêm 30 tháng bảy, sáng mùng 1 tháng tám, nghĩa là tối 9 tây. Vì ngày ấy là ngày cha cảm ơn Ông Tiên dạy cha tu thân.*

*Bây giờ tên cha đã qua bộ khác rồi, không còn theo người thế gian nữa, nghĩa là đứng bộ đỏ, khỏi bộ đen. Cha một mai có thác rồi thì cha không có đầu thai nữa (Vĩnh bất tái sanh).*

*(...).*

*Mẹ con tính làm sao thì cha cũng y một thế. Cha không rầy, không cãi lẽ chi nữa, vì cha tu rồi chờ Trời đòi về mà thôi...”.*

## E. LÒNG NHƠN ÁI VỚI MỌI NGƯỜI

“Ngài rất từ thiện, hay giúp đỡ người hữu sự. Nhưng Ngài thường bố thí một cách kín đáo, không muốn cho người biết để cảm ơn mình.

Thấy trong xóm có người nghèo quá, muốn giúp cho họ, Ngài mượn có nhờ làm việc lật vật quanh nhà rồi trả tiền gấp năm gấp mười cho họ. Ngày Tết, gặp người vùng quê bán hàng ế, Ngài mua dùm, để họ có tiền mua sắm lễ vật cúng ông bà trong ba ngày Xuân.

Ban đêm, Ngài mặc quần áo thường dân đi len vào xóm nghèo, nghe ai than thở cảnh túng quẫn, con đau vợ yếu, Ngài sẽ lén bỏ tiền vào kẹt cửa rồi đi luôn không cho họ biết”.<sup>22</sup>

Nhiều câu chuyện kể về đức độ của Ngài Ngô lúc Ngài chưa gặp Đạo tu hành, xin đơn cử câu chuyện ghi nơi trang 116 quyển “*Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*”:

“Có một hôm Ngài đi khuya, cỡ 12 giờ mới về tới nhà thì gặp một tên trộm đang đào ngạch nhà mình. Linh vào đòi bắt đem đi nhốt, Ngài không cho, rồi kêu tên trộm vào giảng giải lời phải lẽ quấy, đoạn cho tiền và bảo thôi đừng làm nghề này nữa, lựa nghề khác mà sinh nhai, lấy số tiền này làm vốn buôn bán mà sống.

---

<sup>22</sup> Chiêu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, Sài Gòn, 1962, trang 15.

*Ít tháng sau, nhà Ngài lại cũng xảy ra một vụ như vậy nữa, Ngài cũng giải quyết như trên. Dân chúng trong hạt đồn đãi đức độ của Ngài, người người đều cảm xúc. Và từ đó về sau nhà Ngài không hề có trộm viếng nữa”.*

Với bạn hữu đồng trang, Ngài đối đãi trọn vẹn nghĩa tình. Dịp Ngài Ngô chuyển công vụ từ Tân An đi Hà Tiên (1920), mến tình cảm của Ngài, nhiều người làm thơ tiễn biệt. Đơn cử một đoạn trong bài chúc của ông Trần Phong Sắc và ông Cao Văn Lỗi (Trưởng Tòa tại Tân An), đoạn cuối có bài thi:

*“Mừng nay quan huyện đổi Hà Tiên  
Có đức Trời choặng có quyền  
Trăm dặm Vũng Gù còn tiếng mến  
Một đường sau trước nổi danh hiền  
Hòn Nghê cầm báu đưa theo gió  
Đảnh Hạc hoa tươi rắm tới thiên  
Âm chất sẽ ngời xe ngựa mã  
Trùng phùng đồng ước hội Đào Viên.”*

Những từ ngữ như “có đức”, “âm chất”... được thân hữu dùng với Ngài cho thấy sự tin tưởng, mến mộ. Nhiều bài thơ khác cũng vậy, tất cả đều nói lên niềm thương mến của thân hữu khi tạm biệt người bạn hiền phúc hậu.

Lòng hiếu thảo, lòng nhân ái và lòng kính ngưỡng Phật Trời của Ngài dần dần tạo nên một

nền móng vững chắc phần nhơn đạo, góp thêm vào căn duyên đưa Ngài Ngô Văn Chiêu đến cửa Đạo Kỳ Ba. Ngài Ngô sẽ trở thành người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài.

**PHẦN HAI**

**NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU  
TRÊN CON ĐƯỜNG ĐẾN  
VỚI CAO ĐÀI**



## A. CĂN DUYÊN XƯA VÀ NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN

### 1. Kính thờ Đức Quan Thánh từ nhỏ

Lòng kính ngưỡng các Đấng Thiêng Liêng đã tiềm ẩn trong lòng Ngài Ngô Văn Chiêu, gặp dịp tự nhiên phát xuất. Từ thuở nhỏ, lúc sống chung với cô dưỡng ở Mỹ Tho, sự kính ngưỡng này đã thể hiện. Xin trích một đoạn nơi trang 19 quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, như sau:

*“Lúc còn ở nhà Cô mà đi học, Ngài bắt chước Ông Dưỡng sắm một cái kệ nhỏ thờ Quan Thánh Đế Quân.*

*Tiền Cô Dưỡng cho ăn bánh trái, Ngài để dành một phần, mua nhang đèn. Tối học bài rồi, Ngài đọc kinh, cúng lạy rồi mới đi ngủ. (...)*

*Tâm lòng Ngài rất từ thiện, hằng kính trọng Thánh Thần Tiên Phật luôn luôn. Lớn lên Ngài cũng thờ Đức Quan Thánh, ăn chay một tháng 2 ngày và thường tụng kinh Minh Thánh.”<sup>23</sup>*

### 2. Đến đàn Tiên cầu thuốc cho mẹ

Năm 1902 (Nhâm Dần), vì đã trải qua cuộc đời cơ cực, mẹ Ngài hay đau yếu. Do muốn cầu thọ

---

<sup>23</sup> Minh Thánh Kinh xưng tụng Đức Quan Thánh Đế Quân (có trân trọng nhắc đến các đấng: Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân, Thái Bạch Kim Tinh...). Người tụng cần giữ mình nghiêm túc, phải quỳ tụng với tất cả thành tâm, luôn biết rằng Đức Quan Thánh rất linh hiển, nghiêm minh.

cho thân mẫu, mặt khác, cũng thường nghe đồn Tiên gia giáng cơ linh hiển, Ngài Ngô Văn Chiêu đến Thủ Dầu Một (nay thuộc tỉnh Bình Dương) hầu đàn Minh Thiện.<sup>24</sup>

Hôm ấy Ngài được một vị Tiên ban cho bài thơ tứ tuyệt sau đây:

*“Thủ bôi vị lễ diệt khả thông,  
Trung dung hữu Đạo thị tâm không,  
Đắc vọng kỳ sự giả thân du,  
Minh phong khả đối dữ thành công.”*

Bài thơ này nhiều ẩn nghĩa, chỉ riêng bốn chữ quán thủ “Thủ Trung Đắc Minh” đã hàm ý đến công trình công phu của Ngài sau này.

Đây có thể được xem là lần đầu tiên Ngài Ngô Văn Chiêu tiếp xúc với các Đấng Thiêng Liêng. Năm ấy Ngài 24 tuổi.

Cuối năm 1917 (Đinh Tỵ) do thân mẫu lâm trọng bệnh, Ngài Ngô đến hầu đàn Hiệp Minh ở Cái Khế<sup>25</sup> tỉnh Cần Thơ để cầu thuốc.

---

<sup>24</sup> **Đàn Minh Thiện**, dân địa phương gọi là Chùa Ông Ngựa, tên chính thức là Thanh An Tự, tọa lạc trên đường Hùng Vương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, xây dựng từ cuối thế kỷ 19.

<sup>25</sup> **Đàn Hiệp Minh** xây dựng từ năm 1911 tại làng Thới Bình, xã An Bình, Cái Khế, tỉnh Cần Thơ. Do vậy, còn được gọi là Đàn Cái Khế. Địa chỉ hiện nay là 97 Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, thành phố Cần Thơ.

Đến nơi thì đàn cơ đã lập, Ngài không dám đường đột vào, sợ làm náo động, nên đứng bên ngoài. Bỗng nhiên, Tiên gia gọi Ngài Ngô vào hầu, ban cho thân mẫu Ngài bài thuốc trị bệnh và riêng Ngài hai bài lục bát. Bài thơ thứ nhất mười câu, như sau:

*“Trời còn sông biển đều còn,  
 Khấp xem cỏi dưới núi non đượm nhuần.  
 Thanh Minh trong tiết vườn Xuân  
 Phụng châu hạc múa, gà rừng gáy reo.  
 Đường đi trên núi dưới đèo,  
 Lặng tìm cao thấp ải<sup>26</sup> trèo chông gai.  
 Phận làm con thảo há nài,  
 Biết phương Tiên Phật, Bồng lai mà tìm.  
 Xem qua xét lại cổ kim,  
 Một bầu trời đất thanh liêm chín mười.”*

Bài thơ thứ hai cũng mười câu, trong đó xin trích bốn câu cuối:

*“Sáu mươi hội điểm linh đặng,  
 Cầu cho mẹ mạnh mới bằng lòng con.  
 Ba ngày trong điểm vuông tròn,  
 Sớ dựng cho mẹ, điểm son tha rày.”*

Nhờ vào lòng thành của Ngài được Ông Trên chứng chiếu cho bài thuốc trị bệnh, thân mẫu Ngài mạnh khỏe thêm vài năm.

---

<sup>26</sup> Chữ ải có nghĩa là xa xôi cách trở. Nhiều quyển sách in bài thơ này xếp chữ “phải trèo” là không đúng nguyên gốc.

Đến năm 1919 (Kỷ Mùi), thân mẫu trở đau nhiều, Ngài Ngô lại đến đàn Hiệp Minh Cái Khế xin thuốc. Lần này Tiên gia không cho thuốc, Ngài chỉ được dạy hai bài thơ dài. Một là bài “*Khai xuất Thiên Hoàng*” gồm 17 câu. Bài thứ hai là “*Hồ xư xang*” gồm 30 câu. Cả hai bài có nhiều ẩn ý, rất lạ.

Vì lòng thương mẹ đang đau yếu, Ngài lại lên đàn Minh Thiện (Thủ Dầu Một) cầu xin thuốc lần nữa. Hôm ấy, Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ, ban cho Ngài bài thơ thất ngôn tứ tuyệt.

Cô Năm Ngô Thị Nguyệt còn nhớ được hai câu trong bài thi trên:

*“Ty thủy huê lưu thiên bán lạc,  
Hạnh lâm phong đảo hội tiên phi”*

Qua bài thơ, hiểu ý Đức Quan Thánh, Ngài biết rằng thân mẫu sẽ không còn sống bao lâu. Ngày 15 tháng 11 năm 1919 (nhằm 24-9 Kỷ Mùi), cụ bà từ trần.

### **3. Chấp bút câu Tiên trị bệnh cho dân**

Sau nhiều lần tìm đến các đàn Tiên cầu thuốc trị bệnh cho mẹ, Ngài Ngô Văn Chiêu được thọ nhận - một cách gián tiếp - thêm một điều hệ trọng, đó là có được **niềm tin**. Ngài tin rằng ngoài thế giới hữu hình này còn hiện hữu một thế giới vô hình, siêu linh, quyền năng tối thượng, và Ngài đã đặt trọn lòng tin tưởng vào các Đấng Thiêng Liêng.

Niềm tin này khiến Ngài đi đến quyết tâm chủ động tìm phương cách tiếp xúc với cõi Thiên.

Trong thời gian làm việc tại Tòa Bó Tân An, khoảng cuối năm 1919, lúc gần đi Hà Tiên, Ngài Ngô Văn Chiêu cùng một số thân hữu gồm quý ông: Trần Phong Sắc, Nguyễn Thiên Kim, Lê Kiến Thọ, Nguyễn Văn Vân<sup>27</sup> tập chấp bút câu Tiên. Cách thức câu Tiên dựa theo sự hướng dẫn của Đại Lão sư Nguyễn Đạo Tánh (ông Lão Sung)

---

<sup>27</sup> Ông **Trần Phong Sắc** (1873-1928) tên tộc là Diệm, bút hiệu Đăng Huy. Ông quê ở Vĩnh Long và là một nhà Nho hữu danh thời ấy. Dạy chữ Hán ở trường tỉnh (Tân An), nhà bên cạnh nhà Ngài Ngô (ngoài nhìn vào, bên phải). Ông đã dịch nhiều truyện Tàu qua tiếng Việt như: Phong Thần, Anh Hùng Náo... Ngoài ra, ông còn là một nhà văn sáng tác nhiều truyện, thơ, tuồng hát... với tổng cộng 59 đầu sách (bản sách đầu tiên in năm 1906). Ông mất ngày 24-8-1928.

Ông **Nguyễn Thiên Kim** (1870-1946) (con của cụ ông Đoàn Văn Vào và cụ bà Huỳnh Thị Thê), Tên lúc nhỏ là Đoàn Thiên Kim. Gia đình ngụ tại số 82A Phan Đình Phùng Tân An. Về sau, ông tu theo Minh Chơn Lý đến phẩm Thái Đầu Sư (Hòa Phong La Hán).

Ông **Nguyễn Văn Vân** (1893-1981) lúc ấy là giáo viên trường Nam Tỉnh lý Tân An (cùng trường với ông Trần Phong Sắc), nhà ở làng Lợi Bình Nhơn (nay có số 233/26 Bình Yên Đông 2, Tân An), về sau ông tu theo Minh Chơn Lý đến phẩm Thượng Đầu Sư (Thượng Kim Tiên).

Ông **Lê Kiến Thọ** (1879-1946) làm Hương Bộ ở làng nên còn gọi là ông Bộ Thọ, nhà số 76 Phan Đình Phùng, Tân An (phía đối diện nhà Ngài Ngô). Về sau ông hành đạo tại Thánh Thất Tân An (Tòa Thánh Tây Ninh) đến cuối đời. (Rất tiếc chưa tìm được hình ông Lê Kiến Thọ).

vịnh Đá Hàn (Tân An) <sup>28</sup>. Lúc ấy, cả nhóm chọn ông Lê Kiến Thọ làm đồng tử, chấp cây bút son, ông Trần Phong Sắc làm pháp đàn, Ngài Ngô Văn Chiêu làm độc giả và ông Nguyễn Văn Vân làm điền ký.

Những buổi chấp bút cầu Tiên thường lệ tổ chức tại nhà ông Lê Kiến Thọ để chữa bệnh làm phước, và vào các ngày Rằm hằng tháng tại nhà Ngài Ngô Văn Chiêu số 31 đường Lagrange, xã Bình Lập (nay đã đổi số lại thành 41 Phan Đình Phùng - Tân An). Lúc này Ngài thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, Đức Văn Xương Đế Quân và Đức Phật Quan Âm.<sup>29</sup>

Bài cầu Tiên “Thỉnh Tiên Chú” lấy trong sách “*Bí truyền Vạn Pháp Quy Tông*”<sup>30</sup>, do các đồng nhi ăn mặc sạch sẽ quỳ đọc. Phần đầu bài cầu ấy như sau:

---

<sup>28</sup> Ngôi chùa này là một nhánh của Quan Âm Phật Đường (xã Thâm Nhiên, Long An). Sau khi Đại Lão sư Nguyễn Đạo Tánh quy liễu (1946), thiếu người tiếp nối, ngôi chùa bị hư hoại dần. Ngày nay, nơi đây chỉ còn ngôi mộ của Đại Lão sư Nguyễn Đạo Tánh mà thôi.

<sup>29</sup> Các bài vị ấy hiện vẫn còn thờ phía dưới Thánh tượng ở tại nhà Ngài (Tân An). Nhìn vào, bên phải thờ Phật Bà, bên trái thờ Đức Quan Thánh Đế Quân và Đức Văn Xương Đế Quân.

Ngôi nhà của Ngài Ngô (là nơi lần đầu tiên trên thế gian thừa tiếp hồng danh Cao Đài Tiên Ông) có tọa độ theo hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (GPS) là: N 10°32'24"; E 106°24'39".

<sup>30</sup> *Quyển Bí Truyền Vạn Pháp Quy Tông* xưa hơn trăm năm, từ Trung Hoa truyền sang Việt Nam, là sách chuyên về phù chú, về sự thông linh với cõi vô hình.

“Kiềng thiềng cung khấu thỉnh,  
 Phù Sứ vị thông truyền.  
 Bất phân thời dữ khắc,  
 Trục chỉ đảo Đào nguyên.  
 Tiên cung trần tịch tịch,  
 Động phủ nguyệt quyên quyên.  
 Ngã kim bảm khai nguơn quân lệnh,  
 Hiệu triệu Bồng Lai thỉnh chúng Tiên.  
 Ngũ chơn bửu khí lâm trần thế,  
 Giá hạc đặng vân xiển từ nguyên  
 Cao Đài Tiên bút thư văn tự,  
 Tóc giáng oai linh phó cảm tiên.  
 Khấu khải chư Tiên chư Địa phủ,  
 Thông linh vị thượng tử cô tiên.  
 Kim thời hữu thỉnh tóc báo ứng,  
 Tế độ Càn Khôn vạn cổ truyền...”<sup>31</sup>

Bước đầu lập đàn chấp bút như vậy, nhưng nhóm của Ngài đã tiếp nhận được điển lành, chữa trị giúp nhiều người hết bệnh rất lạ kỳ, nhờ đó tăng thêm niềm tin cho Ngài và nhiều người khác.

---

<sup>31</sup> Bài Thỉnh Tiên Chú này gồm tất cả 52 câu, trong đó câu thứ 11: “Cao Đài Tiên bút thư văn tự” được nhiều người xem như là lời tiên báo về thân cơ diệu bút Cao Đài. Khi đọc bài cầu này, đến sáu câu cuối phải đọc thầm. Ngoài ra, nơi hai câu 9 và 10, nhiều sách viết “Lâm triều thế... xiển tự nguyên” là không đúng theo bản gốc chữ Hán như sau :

“五眞寶氣臨塵世  
 駕鶴騰雲闡詞源”

Xin ghi lại đây một trong những trường hợp được trị lành bệnh điên hình là bà Phạm Thị Thống, vợ của ông Nguyễn Văn Bạch (ông bà là song thân của ông Nguyễn Văn Vân trong nhóm cầu Tiên). Bà Phạm Thị Thống bị bệnh đường huyết đã nhiều năm, đến lúc chuyển nặng, các thầy thuốc tại Tân An lúc ấy xem như bó tay. Trong một buổi lập đàn, bệnh nhân đến dự hầu và kính thành cầu nguyện. Sau đàn, Ngài Ngô dùng bạch thủy (đã dâng trước trên Thiên bàn trong một chén nhỏ) cho bà Phạm Thị Thống uống. Qua ba lần như vậy, bà đã hết hẳn bệnh một cách kỳ diệu.

Ông Nguyễn Văn Thông, tên tục là Đồ (1902 – 1998) (ông có lẽ là người cuối cùng trong hàng lãnh đạo phái “Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản”, và là em thứ sáu của ông Nguyễn Văn Vân) kể câu chuyện trên. Còn nhớ nhiều trường hợp được trị lành bệnh khác cũng bằng những chén bạch thủy hay nước dừa tươi trên Thiên bàn.

Thuở ấy, ông Thông cùng con quý ông Nguyễn Thiên Kim, Lê Kiến Thọ... được cho theo đọc kinh và phụ việc cúng lễ, nhờ tận mắt chứng kiến nên ông không thể quên những huyền diệu như vậy. Những buổi cầu đàn trị bệnh này kéo dài không lâu, chỉ một vài tháng, nhưng như là phương tiện giúp Ngài Ngô Văn Chiêu củng cố đức tin và làm công quả trong bước đầu hướng thượng.

Chính qua những buổi hầu đàn ấy, cả nhóm hầu đàn tại Tân An này đã thọ nhận Thánh ý: Chinh đốn lại nghi thức cầu Tiên, tập đồng tử sử





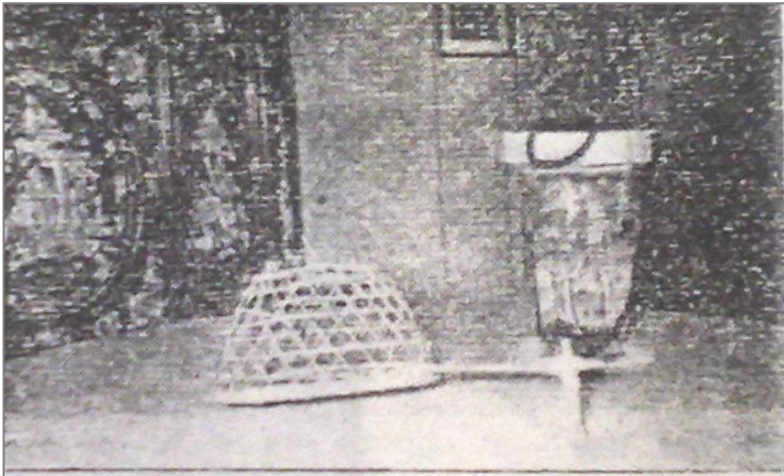
**Ông Trần Phong  
Sắc**



**Ông Nguyễn Văn  
Vân**



**Ông Nguyễn Thiên  
Kim**



**Hình chụp Ngọc Cơ (tại nhà Ngài Ngô ở Tân An)  
(ảnh trích từ quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*)**

dụng Đại Ngọc Cơ thay vì chấp bút.<sup>32</sup>

Ngài Ngô Văn Chiêu đã từng hầu đàn Minh Thiện nên cùng chư vị lên Thủ Dầu Một thỉnh Ngọc cơ, và được hướng dẫn một số cách thức cần thiết.

---

<sup>32</sup> Sử dụng Đại Ngọc Cơ là cách tiếp diễn nghiêm túc với đầy đủ nghi thức như bần thờ, kinh cầu, phép trấn thần...do một bộ phận gồm: Pháp đàn, đồng tử, độc giả, điển ký... đồng hiệp thành lực và tâm thành để cầu Tiên. Cách tiếp diễn này mới đủ điều kiện tiếp các Đấng Thượng đẳng Thiêng liêng.

Vì vậy, để chuẩn bị thừa tiếp danh Cao Đài, chư vị được Ôn Trên hướng dẫn sử dụng Đại Ngọc Cơ. Ở Nhánh đạo Phổ độ Công truyền, khi chuẩn bị tiếp Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu (đem Trung Thu), các vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc... cũng được lệnh phải tìm Đại Ngọc Cơ hầu tiếp Đức Mẹ.



**Thánh tượng Phật Quan Âm, Đức Quan Thánh và Văn Xương Đế Quân trên bàn thờ nhà Ngài Ngô (Tân An)**



**Gian trước nhà Ngài Ngô ở Tân An, phía trên là trang thờ  
(Ảnh Huệ Nhân chụp năm 1996)**

## B. THỪA TIẾP HỒNG DANH CAO ĐÀI

### 1. Nghe hồng danh Cao Đài lần đầu (Tân An - 1920) - Đại Ngọc Cơ

Như phân trước đã đề cập, khoảng hai tháng trước khi Ngài Ngô Văn Chiêu chuyển đi Hà Tiên, nhóm chấp bút tại Tân An của quý ngài nhận được lệnh Ôn Trên chính đôn lại nghi thức lập đàn, tập sử dụng Đại Ngọc Cơ.

Tuân hành lời dạy đó, bộ phận thông công được sắp xếp lại: ông Trần Phong Sắc làm pháp đàn, ông Nguyễn Văn Vân ngồi đồng dương, ông Lê Kiên Thọ ngồi đồng âm (song đồng âm dương), ông Nguyễn Thiên Kim làm điển ký và Ngài Ngô Văn Chiêu làm độc giả. Như vậy, hình thức lập đàn cơ đã tương tự như tại đàn Minh Thiện và đàn Hiệp Minh mà Ngài Ngô đã từng dự hầu khi trước.

Trong một lần lập đàn tại nhà Ngài Ngô, nhiều phần chắc là vào ngày Rằm tháng chạp Kỷ Mùi (04-02-1920), chư vị đang đọc bài cầu cơ, đến câu:

*“Ngũ chơn bửu khí lâm trần thế  
Giá hạc đằng vân xiển từ nguyên...”*

Chợt, cơ gõ mạnh, một vị Tiên Ông giáng hạ, xưng là: **Cao Đài Tiên Ông!**

Tiên Ông bảo Pháp đàn sửa lại hai câu trên. Ông Trần Phong Sắc chần chừ, trả lời đại ý: “Bài cầu cơ này có đã trăm năm rồi, từ Trung Quốc

truyền qua chưa ai dám cho là sai, nay sao Ngài bảo sửa? Có thiệt trật chăng?”.

Ngay lúc đó, ngọc cơ gạt ngang cảnh cáo. Ông Trần Phong Sắc bị quở vì câu nói suông sã của mình. Tiên Ông gọi tiếp Ngài Ngô Văn Chiêu, Ngài đổi câu ấy lại thành:

*“Bửu chơn ngữ khí, lâm trần thế...”*

Tiên Ông khen sửa vậy là đúng.

Vì chưa hiểu Cao Đài Tiên Ông là Đấng nào, các vị bạch hỏi, Tiên Ông trả lời bằng hai câu thơ:

*“Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh,  
Đó ai biết được cái danh Cao Đài.”*

Hồng danh Cao Đài hôm ấy Ôn Trên nhắc đến ba lần, nhưng làm sao mọi người hiểu nổi. Riêng Ngài Ngô Văn Chiêu, Ngài đã tin rằng Cao Đài Tiên Ông là Đấng Tối Cao. Chỉ có Trời mới dám sửa kinh sách xưa như vậy. Cũng từ ngày ấy, ông Trần Phong Sắc không làm pháp đàn nữa.

Bài câu cơ “Thỉnh Tiên Chú” nêu trên đã được Ôn Trên thay đổi vào thời gian tiếp sau đó. Chư vị chuyển sang dùng bài thơ lục bát thứ nhất Tiên gia ban cho Ngài Ngô Văn Chiêu cuối năm Đinh Ty (1917) tại đàn Hiệp Minh. Ngài Ngô thọ lệnh Ôn Trên viết tiếp bốn câu cuối, như sau:

*“Vàng trau ngọc chuốt càng tươi,  
Bền lòng theo Phật cho người xét suy,*

*Thần Tiên vốn chẳng xa chi.  
Có lòng triêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.”*

Bài kinh cầu cơ mới này thường được gọi là bài “*Trời còn*” do câu đầu tiên là: “*Trời còn sông biển đều còn...*”

Trở lại hai câu thơ:

*“Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh,  
Đó ai biết được cái danh Cao Đài”*

Đây là **lần đầu tiên Đức Thượng Đế giáng trần xưng danh Cao Đài**. Hai câu thơ trên không những được Ngài Ngô nhắc nhở suốt quãng đời tu hành của Ngài, mà còn tạo nên một “công án” để hậu bối suy nghiệm. Đó là nguồn gốc phát xuất hai chữ **Cao Đài** khi khai đạo.<sup>33</sup>

---

<sup>33</sup> Có lẽ cũng cần trình bày qua về ý nghĩa hai chữ Cao Đài, dựa theo những lời giải thích được Ông Trên dạy thêm về sau:

*“Ý nghĩa hai chữ **Cao Đài**.*

*Để giải thích tá danh của Ngài, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vào năm 1927, trong một đàn cơ tại Cần Thơ, có dạy rằng:*

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,*

*Đại hội quân Tiên thử ngọc giai.*

*Vạn tượng hào quang từng thử xuất,*

*Cổ danh bửu cảnh: Lạc Thiên Thai.*

*Giải nghĩa: Nơi điện Linh Tiêu trên Thiên Đình, có một ngôi tháp gọi là Cao Đài; quân Tiên thường nhóm Đại hội trước bệ ngọc ấy; hào quang muôn tượng do đó mà chiếu ra. Tên xưa của cảnh quý báu này là Lạc Thiên Thai.*

*Vậy, Đức Ngọc Đế kỳ này lấy tên chỗ Ngài ngự làm tá danh của Ngài”* (Trích từ *Cao Đài Giáo Sơ Giải*, 1963, trang 31, tác giả Huệ Lương) ⇨

## 2. Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ hai (Hà Tiên - 1920)

Vừa xong tuần bá nhật thọ tang thân mẫu (cụ bà mất ngày 15-11-1919), đến ngày 01-3-1920 (nhằm ngày 11 tháng giêng Canh Thân), Ngài Ngô Văn Chiêu chuyển công vụ đi Hà Tiên.

Tại Hà Tiên, trước đó, theo sự hướng dẫn của vị Lão sư ở Quảng Tế Đường (Minh Sư)<sup>34</sup>, đã có một nhóm cầu cơ thỉnh Tiên gồm quý ông: Lâm Tấn Đức, Nguyễn Thành Diêu, Đốc phủ Cao Văn Sự, ông Phán Ngàn... Thường khi, nhóm này phải cầu năm bảy lần, Tiên gia mới giáng một lần.

Sau khi ổn định việc công, Ngài Ngô Văn Chiêu được ông Cao Văn Sự (bạn đồng sự tại Tòa Bố) giới thiệu và gia nhập nhóm cầu cơ trên.

---

Đó là ở trên Thiên Đình (Đại vũ trụ), còn nơi con người (Tiểu vũ trụ), Kinh Đại Thừa Chơn Giáo (trang 56), có đoạn: “*Chữ Cao Đài là gì? Là Côn Lôn đánh hay là Nê Hườn, thuộc về thượng giới. Trời có tam giới là: vô sắc giới, sắc giới và dục giới. Còn trong thân thể con người cũng có tam giới. Chừng nào linh hồn phá Thiên môn đặng, là nhập vào Thượng Thanh Cung. Thiên môn là gì? Là cái khiếu Nê Hườn Cung đó*”.

Đức Chí Tôn mở đạo Kỳ Ba, dùng tá danh Cao Đài, chắc chắn danh ấy còn mang nhiều ý nghĩa cao siêu khác nữa.

<sup>34</sup> Quảng Tế Đường thuộc tông Đức Tế (Minh Sư), được xây dựng từ năm 1863; có thể nói đây là ngôi chùa Minh Sư đầu tiên tại Việt Nam, do vị Đông Sơ Tổ Sư (Tổ thứ 15) tại La Phù Sơn (Trung Quốc) mật phó cho Y Đạo Tổ Sư qua Việt Nam truyền Đạo.

Và, kể từ lúc Ngài Ngô gia nhập, việc cầu cơ thỉnh Tiên dễ dàng hơn nhiều.

Các vị thường lập đàn trên núi Thạch Động (Tiên Sơn Động) và tại lăng Mạc Cửu.

Một lần, tại Thạch Động, vị Tiên cô Ngô Kim Liên ban cho Ngài Ngô Văn Chiêu hai vé thơ, ngụ ý khuyên tu:

*“Văng vẳng nhận kêu bạn giữa thu,  
Rằng Trời cùng Đất vẫn xa mù.  
Non Tây ngảnh lại đường gai góc,  
Gắng chí cho thành bực trượng phu.”*  
*“Ngân ngàn trắng tỏ giữa trời thu,  
Cái cảnh Tây Phương vẫn mịt mù.  
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,  
Lắm công trình mới đúng công phu.”*

Vào đêm Trung Thu năm ấy (Chủ nhật 26-9-1920), đàn cầu Tiên được tổ chức tại nhà ông Lâm Tấn Đức. Đồng tử gồm ông Lâm Tấn Đức và ông Cao Văn Sự. Tiên Ông giáng cho bài thơ sau:

*“Cao Đài Minh Nguyệt **Ngô Văn Chiêu**,  
Linh lung vạn học thể **Quan Diêu**.  
Vô thạm **Sự Đức**, nhiệm ngao du,  
Bích thủy, thanh sơn, tương đối tiếu.”*

Bài thơ ấy điểm danh những vị hầu đàn (Chiêu, Diêu, Sự, Đức). Riêng Ngài Ngô Văn Chiêu được điểm trước và trọn tên.





**Ngài Ngô Văn Chiêu thăm Thạch Động (Hà Tiên)**

Đặc biệt, đây là lần thứ hai Ngài Ngô nghe hồng danh Đức Cao Đài.<sup>35</sup>

Tùng sự tại Hà Tiên được tám tháng. Đúng một tháng sau khi nghe hồng danh Cao Đài lần hai, Ngài Ngô Văn Chiêu được lệnh chuyển công vụ ra làm Quận trưởng hải đảo Phú Quốc.<sup>36</sup>

Phú Quốc là đất lành, thi sĩ Đông Hồ trong một bài báo đã viết lời ca ngợi quê mình, đăng trong Nam Phong Tạp Chí số 124 (12-1927), có đoạn như sau:

*“Ở Phú Quốc phần nhiều là còn giữ được cái phong tục, cái đức tính cổ thời, rõ là xã hội “gia vô bế hộ”.*

---

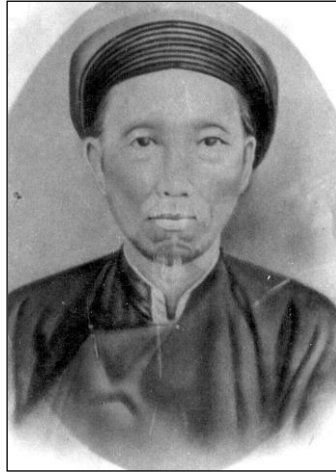
<sup>35</sup> Bài thi này trích từ quyển “*Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*”, theo đó câu thứ hai có chữ Quan in đậm. Điều là ông Nguyễn Thành Diêu, một vị có mặt hầu đàn. Quan chưa rõ là vị nào. Một số sách khác in câu thứ hai là: “Linh lung vạn học thể quang Diêu”.

Riêng về cụ **Lâm Tấn Đức** (1866-1934) (dưỡng phụ của nhà thơ Đông Hồ Lâm Tấn Phác) là một nhân sĩ đất Hà Tiên xưa. Ngôi nhà của cụ nơi bên Đông Hồ, nay là nhà lưu niệm thi sĩ Đông Hồ, có tọa độ theo hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (GPS) là N 10°22'56”; E 104°29'26”. Xem hình cụ Lâm Tấn Đức nơi trang bên.

<sup>36</sup> Nhân đây xin ghi lại tên cùng thời gian tại chức của những quận trưởng Phú Quốc người Việt, trước và sau Ngài Ngô Văn Chiêu (trước nữa là người Pháp): Lâm Nguơn Thơ (1915–1919), Đỗ Văn Diêm (1919–1920), Trần Văn Hồ (tự Dân) (1920), Ngô Văn Chiêu (1920–1924), Nguyễn Văn Hương (1924–1925), Nguyễn Văn Phẩm (1925–1928)...



**Ông Lâm Tấn Đức  
(1866-1934)**



**Ông Huỳnh Đăng Khoa  
(?-1906)**



**Nhà cụ Lâm Tấn Đức tại Hà Tiên, nơi Ngài Ngô Văn Chiêu  
thừa tiếp hồng danh Cao Đài lần thứ hai (1920)**

*Nhà ở không bao giờ có làm cửa. Những nhà hào phú muốn làm cửa là cho tốt coi chớ ban đêm cũng vẫn không khóa. Cửa bỏ ngõ mà không bao giờ có kẻ trộm.”*

Nơi Phú Quốc đây sẽ là môi trường thích hợp cho Ngài Ngô Văn Chiêu tu học tân pháp Cao Đài.



**Đồng tử Lê Văn Ngưng**

**(Tur Ngưng)**

**(1906-1948)**

## C. THỌ HỌC PHÁP MÔN CAO ĐÀI

### 1. Tham gia nhóm cầu Tiên tại Dương Đông

Ngày thứ ba 26-10-1920 (Rằm tháng 9 Canh Thân), Ngài Ngô Văn Chiêu ra làm chủ quận Phú Quốc. Phú Quốc là một hải đảo khá lớn tận cuối miền Nam nước Việt, có núi non chập chùng, trời nước mênh mông. Nơi đây, Ôn Trên như đã định sẵn, khi Ngài Ngô Văn Chiêu ra đến là trọn đủ ba điều kiện: Thiên - Địa - Nhơn; đã đúng lúc gieo mối đạo Trời cho người đệ tử đầu tiên ấy.

Dinh quận Phú Quốc - nơi Ngài Ngô từng sự và cư ngụ - đặt tại thị trấn Dương Đông.<sup>37</sup> Trên núi Dương Đông có chùa Minh Sư là Quan Âm Tự. Chùa Quan Âm cách dinh quận khoảng 500 mét.

Trước khi Ngài Ngô ra đến, nơi Dương Đông đã có một nhóm thân sĩ thường cầu cơ thỉnh Tiên. Cầu vài lần, Tiên gia mới giáng một lần (tương tự như ở Hà Tiên) mặc dù nhóm này có đồng tử và độc giả nhỏ tuổi. Cũng như ở Hà Tiên, từ khi Ngài Ngô Văn Chiêu gia nhập nhóm, mỗi khi thiết đàn, Ngài đọc bài cầu vừa xong là Tiên gia đều giáng hạ.

---

<sup>37</sup> Tên Dương Đông phải chăng do tình cờ trùng với nơi khai sinh mối Đạo vô vi. Hướng Đông theo Bát Quái Tiên Thiên và Hậu Thiên đều thuộc dương. Hướng Đông theo Ngũ hành thuộc Mộc; là mùa Xuân; là đức Nguyên trong Đạo Kiền. Mặt nhựt lộ dạng cũng ở phương này.

“*Trước nhất ở chùa Quan Âm Tự*<sup>38</sup> *thuộc phái Phật Đường. Mỗi khi đi cầu Tiên, Ngài thường đi với người em bạn dì là Cô Ba Lang và mấy người theo hầu đàn như: Hương Hào Khâu, Ông Giáo Mãn, Ông Hương Đa, Biện Tý, Ba Đồng, Bà Năm Vàng, Bà Phủ Phẩm, Hội Đồng Phanh với năm ba đứa nhỏ sạch sẽ, theo làm đồng tử và đọc giả như: Hai Huỳnh, Tư Xuân, Tư Ngưng, Ba Nguơn, Năm Nhon, Ba Xuân, Mười Đức, v.v.*

*Dân sự Phú Quốc cũng lấy làm lạ hết sức như bà con ở Hà Tiên, vì trước khi Ngài chưa ra trấn nhậm thì cầu Tiên rất khó khăn, cầu 5-3 lần mới có Tiên Ông giáng cơ một lần. Còn khi Ngài ra Phú Quốc, khi thiết đàn, mỗi lần Ngài đứng vái, đọc bài cầu là có Tiên giáng.”*<sup>39</sup>

Các vị nêu danh trên thực sự đã có công qua lập đàn thông công, tạo điều kiện cần thiết để Ngài

---

<sup>38</sup> Ông Huỳnh Đăng Khoa (?-1906), Đạo danh Minh Sư là Huỳnh Kim Chung, xây dựng nên Quan Âm Tự trên đất của người em tên Huỳnh Cập Đệ hiến. Bên cạnh đó, do ông Huỳnh Đăng Khoa lại là em rể ông Lâm Tấn Đức ở Hà Tiên, chắc hẳn hai nhóm cầu tiên ở Hà Tiên và Phú Quốc này có quen biết nhau. (Hình ông Huỳnh Đăng Khoa trang 66).

Tọa độ theo hệ thống định vị toàn cầu (GPS) của Quan Âm Tự là: N 10°12'48"; E 103°57'39".

<sup>39</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, Sài Gòn, 1962, trang 26.



Bia đá kỷ niệm chữ viết của Ngài Ngô trước Quan Âm Tự (Phú Quốc)



**Sùng Hưng Tự (Phú Quốc)**  
Ảnh Huệ Nhãn chụp năm 1997

Ngô Văn Chiêu ngày càng gần gũi thêm với chư Thiên, vì vậy xin được ghi thêm một số chi tiết và hình ảnh của từng vị làm tư liệu lịch sử, theo thứ tự như trên:

- Bà **Đinh Thị Lang** (1884 - 1972) con của cụ ông Đinh Văn Nhiều (1854-1927) và cụ bà Nguyễn Thị Thành (1855-1920); có chồng là ông Nguyễn Văn Còn (1880-1940). Bà có hai con trai là Nguyễn Văn Huỳnh (Hai Huỳnh) (1906 - 1945) và Nguyễn Văn Xuân (Ba Xuân) (1912 - 1988), đều có làm đồng tử thời ấy. Bà Đinh Thị Lang là em bà con với Ngài Ngô.

Ngài Ngô thường đến thăm nhà bà Ba Lang (nay thuộc khu phố 2, số 58 Bạch Đằng) được bà may giúp một số áo quần. Bà Ba Lang mất ngày 28-5-1972.

Ngôi nhà, vốn làm bằng gỗ cây sắn đá do Cai tổng Đinh Văn Nhiều xây, sau đó được hai cô Nguyễn Thị Ba và Nguyễn Thị Tư (con ông Hai Huỳnh) chăm sóc, bảo tồn được gần như trước với hệ thống bàn thờ chạm trổ tinh vi. Đặc biệt nơi đây từng lưu giữ một Thánh tượng Thiên Nhân rất xưa, có từ thời Ngài Ngô còn ở Phú Quốc (dù gia đình không tu theo Chiêu Minh nhưng vẫn lễ thờ) (ảnh Thiên Nhân này nơi trang 82).

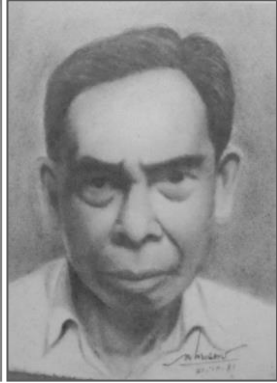




**Bà Đinh Thị Lang**  
**(Ba Lang)**



**Ông Nguyễn Văn**  
**Huỳnh**  
**(Hai Huỳnh)**



**Ông Nguyễn Văn**  
**Xuân**  
**(Ba Xuân)**



**Ông Trương Văn**  
**Khâu**  
**(Hương Hào Khâu)**



**Ông Trương Văn**  
**Tý**  
**(Biện Tý)**



**Ông Đinh Minh**  
**Thanh**  
**(Hội Đồng Phan)**

- Ông **Trương Văn Khâu** (Hương Hào Khâu) (1873-1958) người gốc ở Lấp Vò, Sa Đéc; vợ là bà Nguyễn Thị Thành (1876-1924).

- Bà **Trương Thị Vàng** (Bà Năm Vàng) (1868-1949) chị gái ông Trương Văn Khâu.

- Ông **Nguyễn Văn Mẫn** (Ông Giáo Mẫn) (1897-1941), vợ là bà Hà Thị Ốc (1901-1947). Một nhiệm vụ gần Bát Quái Đồ Thiên, Hà Tiên.

- Ông **Hà Văn Đa** (Hương Đa) (1872-1927). Ông chấp nối với bà Đỗ Thị Liên (1872-1945). Bà là mẹ ông Hội Đồng Phan).

- Ông **Trương Văn Tý** (Biện Tý) (1899-1960) làm Ban Biện (Thơ ký Hội đồng Địa hạt) nên gọi Biện Tý; ông là con ông Trương Văn Khâu (nêu trên).

- Ông **Hồ Văn Đồng** (Ba Đồng) (1906-1980), con của ông Hồ Văn Hội và bà Nguyễn Thị Kết. Ông Ba Đồng có vợ là bà Phạm Thị Thơ (1914-1939).

- Bà **Phủ Phẩm**, vợ Ông Đốc phủ Nguyễn Văn Phẩm (Quận trưởng quận Phú Quốc từ 1925 đến 1928).

- Ông **Đình Minh Thanh** (thường được gọi là Hội đồng Phan) (1898-1948) con của cụ ông Đình Văn Hữu và cụ bà Đỗ Thị Liên; có vợ là bà Nghiêm Thị Mít (1902-1951).

Ông Đinh Minh Thanh thời Pháp có trong Hội đồng Địa hạt. Nhờ lòng trung nghĩa với dân, sau 1945, ông tiếp tục được tin nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận Phú Quốc.

- Ông **Nguyễn Văn Huỳnh** (Hai Huỳnh) (1906-1945), con của bà Ba Lang. Thuở nhỏ ông có làm đồng tử thời điểm Ngài Ngô ở Phú Quốc, lớn lên làm Hương Hào địa phương, ông lập gia đình với bà Huỳnh Thị Chơn (1907-1980).

- Ông **Nguyễn Văn Xuân** (Ba Xuân) (1912-1988) con của bà Ba Lang. Thuở nhỏ ông có làm đồng tử thời điểm Ngài Ngô ở Phú Quốc, lớn lên làm nghề Họa sĩ, lập gia đình với bà Trần Thị Mai (1914-1948).

- Ông **Trần Quang Nhơn** (Năm Nhơn) (1904-1976). Thuở nhỏ ông có làm đồng tử thời điểm Ngài Ngô ở Phú Quốc, lớn lên làm Xã trưởng Dương Đông, có vợ là bà Trịnh Thị Chánh (1909-1948).

- Ông **Phạm Tấn Đức** (Mười Đức) (1902-?). Thuở nhỏ ông có làm đồng tử thời điểm Ngài Ngô ở Phú Quốc, lớn lên làm Chánh lục bộ xã Dương Đông nên thường được gọi là ông Bộ Đức.

- Ông **Diệp Văn Nguơn** (Ba Nguơn) (1912-1975). Ông Ba Nguơn trọn đời đi tu, không lập gia đình.

Riêng về đồng tử Tu Ngung, người vừa làm đồng tử riêng, vừa là người theo hộ giúp Ngài Ngô Văn Chiêu suốt thời gian Ngài học đạo tại Phú Quốc, và trọn cuộc đời hành đạo của Ngài sau này, xin ghi một số chi tiết:

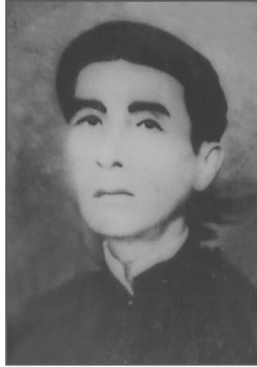
Đồng tử Tu Ngung tên **Lê Văn Ngung** sanh năm Bính Ngọ (1906), được người mẹ tu theo Tông Đức Tế chi Minh Sư tại Quang Nam Phật Đường (số 17 Trần Quang Khải, Quận 1, Sài Gòn) cho theo làm đồng tử và hầu cận Ngài Ngô.

Do tánh tình khá phóng khoáng, ông Tu Ngung không tu theo pháp môn Chiếu Minh. Đến khi Ngài Ngô sắp đăng Tiên (1932), ông có quỳ xin thọ pháp nhưng Ngài Ngô không đồng ý, lúc ấy Ngài có trao cho ông Tu mẩu bánh đang cầm trên tay, nói đại ý: *“Con thành tâm ăn bánh này đi, ngày sau sẽ được độ về phần hồn”*, ông vâng theo.

Sau khi Ngài Ngô đăng Tiên, ông Tu có ở lại Cần Thơ một thời gian, phụ việc với ông Nguyễn Văn Huỳnh (Tu Huỳnh). Sau đó, về cư ngụ tại Trước Tiết Tàng Thơ ở Thủ Thiêm (GPS: N 10°46'46"; E 106°43'18"). Đến năm 1945, Trước Tiết Tàng Thơ bị cháy, ông Tu Ngung và bà Phạm Thị Trung về ngụ tại nhà ông Phan Quang (cạnh chùa Ngọc Hoàng, Đa Kao). Thời gian này ông Tu theo xe kiểm lâm của ông Nguyễn Văn Lê (1904-1975) (thường được gọi là ông Đốc Lê, một đệ tử của Chiếu Minh) đi về Ban Mê Thuột mua bán áo quần.



**Ông Hồ Văn Đồng  
(Ba Đồng)**



**Ông Phạm Tấn Đức  
(Mười Đức)**



**Ông Hà Văn Đa  
(Hương Đa)**



**Dinh Cậu (Dương Đông - Phú Quốc) năm 1894**

Năm 1948, sau một chuyến buôn vừa về, ông bị mệt và qua ngày sau thì mất. Ông được an táng tại Bình Hòa. Đến khoảng 1985, nghĩa trang giải tỏa làm chợ Cây Diệp, ông Tư được cải táng về Nha Trang. (Hình ông Lê Văn Ngung nơi trang 67).<sup>40</sup>

## 2. Được chọn làm đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài (Phú Quốc - 1921)

Ngài Ngô nhiều lần cầu Tiên trên Quan Âm Tự. Vào cuối năm Canh Thân (1920), một vị Tiên Ông ẵm danh giáng đàn, muốn rằng nếu Ngài Ngô Văn Chiêu thuận làm đệ tử, Tiên Ông sẽ truyền đạo cho; đồng thời dạy Ngài ngưng tụng kinh Minh Thánh<sup>41</sup> như Ngài vốn tụng hằng đêm. Nhờ sẵn ý thức từ trước, Ngài Ngô Văn Chiêu mừng biết đã gặp được Thầy Trời nên nhận lời làm đệ tử Tiên Ông và ngưng tụng Minh Thánh Kinh.

Ngày nọ, Tiên Ông giáng cơ dạy Ngài phải **ăn chay mỗi tháng mười ngày** (lúc ấy, Ngài chỉ ăn chay vào hai ngày Sóc, Vọng).

---

<sup>40</sup> Hầu hết hình ảnh và thông tin về các vị hầu đàn Tiên nêu trên đều nhờ hiền đệ Hà Tấn Tài (Khu phố 4, Thị trấn Dương Đông) bỏ nhiều công sưu tầm và cung cấp. Phần về đồng tử Tư Ngung ghi theo lời bà Phạm Thị Trung (1919-2013), ngụ tại Thánh thất Phú Hữu gần phà Cát Lái (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, dù bà tu theo Chiêu Minh), bà là người sống kề cận ông Tư Lê Văn Ngung nhiều năm, đến những ngày cuối trước khi ông mất.

<sup>41</sup> Lời dạy này hàm ý Thiên vị Tiên Ông cao hơn Đức Quan Thánh.

Chúng ta đều biết nơi hải đảo Phú Quốc thịnh hành nghề đánh bắt hải sản và làm nước mắm danh tiếng, nhưng lại ít rau quả, hàng bông. Chỗ này ăn chay có phần khó hơn các nơi khác. Ngài Ngô lúc ấy đang e việc đòi ràng buộc, Ngài làm quan chủ quận, thiên hạ nay thỉnh mai mời, hằng ngày phải tiếp xúc giao thiệp với kẻ dưới người trên, rủi phạm ăn mặn không tròn lời hứa nguyện. Hơn nữa, theo Ngài nghĩ, ăn chay mười ngày, chỉ tinh tấn hơn hai ngày chút ít... Đang còn phân vân về việc chay lạt, Ngài Ngô định bụng có dịp hầu đàn, sẽ bạch rõ sự tình với Ông Trên. Lúc ấy vào cận cuối năm Canh Thân.

Ngày mồng một Tết Tân Dậu (08-02-1921) một người thợ bạc ở thị trấn có lòng muốn lên Quan Âm Tự cầu Tiên, mời Ngài Ngô chứng đàn. Hôm ấy, Ngài chưa kịp bạch hỏi tâm sự riêng thì Tiên Ông đã điềm danh và ban lệnh:

*“Chiêu, tam niên trường trai.”*

Ngài chỉ còn cách tuân lời và bạch rằng: “Bạch Tiên Ông, Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng, song xin Tiên Ông bảo hộ đệ tử, chớ trường trai ba năm lâu quá chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không? Và cầu xin Tiên Ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy xin có chứng quả chi mới được.”

Tiên Ông bảo, đại ý: “*Cứ việc làm theo lời dạy, sau rồi sẽ hiểu*”. Ba năm sau, tức là sẽ rơi vào đúng đầu Xuân Giáp Tý (1924).

Như vậy, kể từ mùng một Tết Tân Dậu (1921), **Ngài Ngô Văn Chiêu trở nên người đầu tiên thời Tam Kỳ Phổ Độ thọ giáo Đức Thượng Đế Chí Tôn.** Cũng từ đó, Ngài Ngô được lập những đàn cơ riêng biệt, chỉ một mình Ngài dự hầu, để học đạo lý và pháp môn tu luyện. Sư vô vi dạy đạo vô vi. Đồng tử Lê Văn Ngung được Ông Trên đặc trách phò ngọc cơ cho những đàn dạy đạo riêng này.

Về sau, tín đồ Cao Đài nhánh Chiếu Minh chọn ngày mùng một Tết hàng năm làm lễ kỷ niệm ngày “Trường trai thọ pháp”. Ba ngày lễ khác kỷ niệm Đức Ngô là: Mùng 7 tháng Giêng, kỷ niệm sinh nhật<sup>42</sup>; Mùng 5 tháng Ba, kỷ niệm ngày hiển đạo tại thế; Ngày 13 tháng Ba, kỷ niệm ngày quy Thiên.

---

<sup>42</sup> Mời xem thêm chú thích số 5, trang 23.



## D. NHỮNG BƯỚC TU TIẾN TIẾP THEO

### 1. Thiên Nhân xuất hiện (Phú Quốc - 1921)

Từ đầu năm Tân Dậu (1921), đã là đệ tử của Tiên Ông, nhưng Ngài Ngô Văn Chiêu chưa biết nghi thức thờ phượng Đức Cao Đài.

Một hôm, Tiên Ông dạy Ngài hãy tìm ra một biểu tượng để thờ, biểu tượng ấy phải riêng biệt và thể hiện đầy đủ lý siêu việt của nền Đạo mới. Như đã có ý chọn từ trước, Ngài bạch với Tiên Ông xin thờ “**Chữ Thập**”. Tiên Ông dạy tiếp, đại ý: “**Chữ Thập** cũng được, song đó là dấu hiệu riêng của một nền Đạo đã có rồi. Phải suy nghĩ mà tìm cho ra, có Tiên Ông giúp sức.”<sup>43</sup>

Hôm ấy, Ngài Ngô bạch xin được triển hạn một tuần để suy nghiệm. Vấn đề quá khó, đến hết tuần Ngài vẫn chưa nghĩ ra nên thờ biểu tượng nào.

Vào khoảng tám giờ sáng ngày 13-3 năm Tân Dậu (20-4-1921), Ngài đang ngồi trên võng phía sau dinh quận, nhìn hướng ra phía biển, chợt thấy trước mặt hiện rõ một CON MẮT lớn, chói ngời

---

<sup>43</sup> **Chữ Thập**, theo Đạo học, là biểu thị âm dương kết hợp; chiều ngang là âm, chiều đứng là dương. Chữ Thập cũng biểu thị chiều không gian và thời gian, tức vũ trụ.

Thiên Chúa Giáo đã chọn Thập Tự Thánh Giá làm biểu tượng thờ phượng.

hào quang thật linh động, cách Ngài vãi thước tây<sup>44</sup>. Sợ hãi, Ngài lấy hai tay che mắt. Lúc sau, mở tay ra nhìn, cảnh tượng ấy vẫn còn. Ngài chấp tay vái và khẩn rằng:

*“Bạch Tiên Ông, đệ tử biết rõ cái huyền diệu của Tiên Ông rồi. Đệ tử xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì.”*

Ngài Ngô khẩn xong, CON MẮT lu dần rồi biến mất. Dù vậy, vì là lần đầu tiên nhìn thấy Thiên Nhân nên Ngài cũng còn phân vân, chưa họa hình Thiên Nhân để thờ. Vài ngày sau, Ngài lại mục kích cảnh tượng y như vậy, và cũng chỉ sau khi khẩn hứa xin thờ Thiên Nhân, CON MẮT mới biến đi.

Ngay sau khi Thiên Nhân xuất hiện lần thứ hai, Ngài Ngô đến hầu đàn tại Quan Âm Tự thỉnh ý Ôn Trên. Hôm ấy Tiên Ông dạy Ngài hãy vẽ Thiên Nhân (mặt trái, vì bên trái là bên dương), y như đã thấy để thờ. Rất có thể, ngày Ngài Ngô hầu đàn là Rằm tháng 3 Tân Dậu (1921).

---

<sup>44</sup> Trước nay, các sách viết về giai đoạn này không ghi rõ thời điểm, chỉ ước đoán vào giữa tháng 3 âm lịch. Ngày 14-3 Đinh Mùi (23-4-1967), Đức Ngô có về đàn tại Cao Đài Hội Thánh, Dương Đông, Phú Quốc, Ngài xác định rõ ngày Thiên Nhân xuất hiện là 13-3 (Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam).

Tọa độ theo hệ thống định vị toàn cầu (GPS) nơi Ngài Ngô thấy Thiên Nhân xuất hiện là: N 10°12'57"; E 103°57'29".



**Ảnh chụp Thánh tượng Thiên Nhãn tại nhà bà  
Đình Thị Lang (Ba Lang) ở Phú Quốc.**

Thánh tượng này cùng mẫu với Thánh tượng xưa (hiện còn) tại nhà Đức Ngô ở Tân An. Điểm đặc biệt là chỉ riêng ở Thánh tượng này: nhánh trên Thập Tự Tam Thanh chỉ có 5 chữ “Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn”, thay vì 10 chữ “Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn” trong các Thánh Tượng sau.

Từ đây, phát khởi nghi thức thờ biểu tượng Thiên Nhân của Cao Đài Giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.<sup>45</sup>

<sup>45</sup> Trong buổi đầu khai đạo, do lúc ấy còn mới chưa thể dạy giáo lý cao sâu được, vì vậy Thầy chưa giảng rõ ý nghĩa biểu tượng Thiên Nhân. Đến khi Nhóm Hai đã được độ dẫn, ngày 25-02-1926, Thầy mới chỉ giải nghĩa một phần:

“...Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng “Con Mắt” mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

*Nhãn thị chủ Tâm,  
Lưỡng quang chủ tế,  
Quang thị Thần,  
Thần thị Thiên,  
Thiên giả ngã dã.*

*Thần là nhiệm khuyết của cơ mâu nhiệm, từ ngày Đạo bị bé. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí đặng đủ Tam Bửu, là cơ mâu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I).*

Mười năm sau, ý nghĩa về Đạo học của Thiên Nhân được Thầy giảng thêm trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Tại sao Thiên Nhân là Thầy? Thầy có dạy trước: Nhãn thị chủ Tâm, lưỡng quang chủ tế. Quang thị Thần, Thần thị Thiên, Thiên giả ngã dã. Nhãn là cửa Trái Tim của con người. Trái Tim ấy là Tạo Hóa, tức là Thần, mà Thần là cái Lý Hư Vô. Lý Hư Vô ấy là Trời vậy.*

*Người tu hành chừng nào luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư, luyện Hư hườn Vô, thì Huyền Quan Nhất Khiếu ấy mở hoát ra. Huyền Quan Nhất Khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy”.*

Ý nghĩa của việc Cao Đài Giáo lấy Thiên Nhân làm biểu tượng thờ phượng đã được minh giải trong nhiều bài viết. Điều quan trọng nhất mà người Cao Đài ngày nay đã hiểu rõ rằng: Biểu tượng Thiên Nhân còn là một bí pháp thời Tam Kỳ. ⇨

## 2. Thừa tiếp đầy đủ hồng danh Cao Đài Tiên Ông (Phú Quốc - 1921)

Chính trong buổi đàn dạy thờ Thiên Nhân tại Quan Âm Tự hôm ấy, Tiên Ông cho phép Ngài Ngô Văn Chiêu gọi Tiên Ông bằng **Thầy**. Và, cũng trong đàn này, lần đầu tiên ở thế gian, Đức Thượng Đế xưng danh hiệu đầy đủ là: **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**.

Nhờ hai lần trước, tại Tân An (cuối năm Kỷ Mùi - 1920) và sau đó tại Hà Tiên (Rằm tháng 8 Canh Thân), Ngài Ngô đã được nghe hồng danh Cao Đài nên lần này không còn ngỡ, biết rõ Thầy chính là Thượng Đế Chí Tôn.

Các tư liệu đạo sử hiện có vẫn chưa xác định rõ buổi đàn này được cầu vào ngày nào, nhưng suy luận đơn giản: Hai lần Thiên Nhân xuất hiện chỉ cách nhau vài ngày. Và, Ngài Ngô Văn Chiêu phải thiết đàn ngay sau lần hai, tức vào khoảng từ Rằm đến 20-3 Tân Dậu (cuối tháng 4-1921).

Đàn hôm ấy mang ý nghĩa rất lớn:

- Thứ nhất: Xác định sự tu tiên của Ngài Ngô Văn Chiêu. Đức Cao Đài đã khẳng định việc chấp nhận Ngài làm đệ tử đầu tiên sau ba tháng Ngài thành tâm cầu học pháp môn.

---

Nhờ đó, tự mỗi hành giả tu theo tân pháp Cao Đài sẽ trực tiếp nhận được ơn cứu rỗi của Thượng Đế, tùy theo chơn tâm của mình hiển lộ đến từng mức nào.

- Thứ nhì: Xác lập đầy đủ những yếu tố căn bản của một nền tôn giáo: Giáo Chủ, Giáo Đồ, Giáo Pháp, Giáo Tượng, ...

Ngài Ngô Văn Chiêu hầu đàn và học đạo tại Quan Âm Tự trước sau được bảy, tám tháng. Đến giữa năm Tân Dậu (1921), do ông thủ tự Đỗ Văn Đồ (Tám Gia) bị động kinh, tánh tình có lúc thất thường, Ngài không lập đàn tại Quan Âm Tự nữa. Ngài Ngô cùng các đạo hữu khác chuyên xuống Sùng Hưng Tự dưới núi Dương Đông (cách đó khoảng 200m, khuôn viên hai ngôi chùa liền rào), nhờ Hòa Thượng trụ trì tại đây cho mượn chỗ cầu cơ.<sup>46</sup>

Thời gian tiếp theo, tại Sùng Hưng Tự, Ngài Ngô Văn Chiêu tiếp tục được thiết những đàn riêng, tu học đạo pháp. Ngài một lòng tu tiến bất thối chuyển. Tuy nhiên, các pháp môn học được Ngài vẫn phải giữ kín, khi ấy chưa được phép truyền trao người khác, còn đợi lệnh Ôn Trên.

Trong giai đoạn tu học này, Ngài Ngô thọ lệnh tụng bài Nhụy Châu (*Nhụy châu Chơn Võ du*

---

<sup>46</sup> Năm ấy (1921), **Sùng Hưng Tự** do Hòa Thượng Thích Ngô Tiên (Tịnh Nghĩa) trụ trì đời thứ bảy. Hòa Thượng người gốc tại Quan Âm Cổ Tự (Long Thuận, Tân Châu) được phái qua đây giữ mối đạo Cổ Sơn Môn. Hòa Thượng Thích Ngô Tiên viên tịch ngày Rằm tháng Hai Bính Tuất (1946) thọ 61 tuổi. Bửu tháp hiện còn phía sau Sùng Hưng Tự (Phú Quốc). Ảnh Sùng Hưng Tự trang 70.

du...), về sau là một trong những bài kinh nhật tụng (đọc vào hai thời Tý, Ngọ) của phái Chiếu Minh.

### 3. Lễ dâng rượu nho cảm tạ chư Thiên

Qua đến giữa năm Quý Hợi (1923), sau gần ba năm thọ nhận được ân phước trực tiếp học đạo với Thiêng liêng, Ngài Ngô Văn Chiêu tự cảm thấy mình đã mang nặng ơn giáo hóa. Trong một buổi hầu đàn, Ngài bạch rằng:

*“Bạch Thầy, đệ tử ở chốn phàm trần này biết lấy chi mà đền ơn chư Tiên, chư Phật cho xứng đáng. Vậy đệ tử xin dâng lên chư Tiên, chư Phật một tiệc rượu Champagne, chẳng biết được hay không? Xin Thầy dạy cho đệ tử rõ.”*

Thầy đã trả lời rằng: *“Tự nơi lòng đệ tử”*.

Ngài Ngô cũng hiểu rằng ân phước này không phải chỉ riêng cho cá nhân mình, mà có ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều. Ngày 31-8-1923, từ Phú Quốc Ngài đã viết thư về Tân An cho gia đình đồng hiệp tâm thành. Trong thư, Ngài căn dặn: *“Các con phải sắm bàn ghế, hoa quả hương đăng mà cúng Tiên Ông và đọc bài Nhụy Châu, dạy về hướng Bắc mà lạy, hướng Bắc là ở ngoài sân ngó vô nhà là hướng Bắc<sup>42</sup>. Tôi 11 giờ khuya đêm 30 tháng bảy, sáng mừng một tháng tám, nghĩa là tối 9 tây. Vì ngày ấy là ngày cha cảm ơn Ông Tiên đã dạy cha tu thân.”*

---

<sup>42</sup> Phương hướng ngôi nhà 31 (nay là 41) Phan Đình Phùng - Tân An đã được kiểm chứng bằng la bàn.

Như vậy, vào Tý thời ngày 1 tháng 8 năm Quý Hợi (1923), Ngài Ngô thiết lễ dâng rượu cảm tạ chư Thiên tại Phú Quốc. Đó cũng là sự tích về lễ dâng rượu nho (bồ đào) đặc biệt của phái Chiêu Minh. Mỗi khi làm lễ “Dâng rượu lễ” này, người đệ tử Chiêu Minh đọc ba lần bài kinh sau:

*“Bồ đào cam giá tửu Tây phương,  
Bả trân cung trần mỹ vị hương.  
Đệ tử thành tâm kiên phụng hiến,  
Cao Đài hoan lạc kiết trình tường”.*

#### **4. Thoáng hiện cảnh Bồng lai (1924)**

Do thấy Ngài chuyên cần tu học, một lần, Tiên Ông động viên:

*“Ba năm lao khổ độ nhứt nhơn,  
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc.  
Thương vì con trẻ hãy còn thơ,  
Gắng chí tâm phương biết Đạo màu”.*

Lần khác, vào khoảng tháng Giêng năm Giáp Tý (tháng Hai, 1924), Tiên Ông ban ân để khích lệ, có hỏi Ngài Ngô muốn điều chi, Tiên Ông sẽ thuận cho. Ngài bạch đại ý: *“Bạch Thầy, nghe rằng cảnh Bồng Lai xinh đẹp vô cùng. Thầy có thể nào cho đệ tử thấy cảnh ấy được không?”.*

Cơ gỗ một cái mạnh chớ không trả lời.

Vài ngày sau, vào một buổi chiều, Ngài Ngô đang ngồi trên một mỏm đá ngoài Dinh Cậu (Dinh Cậu cách dinh quận khoảng 300m, cùng cặp bờ



biển Dương Đông). Ngài hóng mát, mắt nhìn ra biển:

*“Bỗng chốc, Ngài trông thấy lần lần từ chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh chẳng biết là cảnh nào mà thiệt là xinh đẹp. Cảnh ấy vừa khuất lại lộ ra cảnh khác.*

*Chợt hết, Ngài thấy cảnh trên có Thiên Nhân số ngay xuống một hàng có Nhứt Nguyệt Tinh cũng đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi coi mê mẩn quên lửng rằng thân còn ở chốn phàm trần. Được chừng lối 15 phút đồng hồ thì cảnh ấy lu lần lần rồi tiêu mất.”<sup>47</sup>*

---

<sup>47</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu, 1962, trang 34. Trong đoạn này, cuối câu: “Chợt hết, Ngài thấy cảnh trên có Thiên Nhân số ngay xuống một hàng có Nhứt Nguyệt Tinh cũng đẹp đẽ vô cùng”, sách có chú thích thêm: “Về Sài Gòn, Ngài bảo một người đệ tử cấp nhứt của Ngài là ông Phạm Văn Thới vẽ lại y như của Ngài đã thấy để mà thờ. Ông Đốc học Thới có đọc lại cho đạo hữu Truyện, Tượng nghe lại một lần nữa”. Được biết, ông Đốc Thới là người viết quyển Lịch sử trên cùng quý vị đệ tử Chiêu Minh khác như: ông Lê Minh Huân, Nguyễn Minh Lý, Nguyễn Minh Dương....*

Mặt khác, theo nữ sĩ Mộng Tuyết (vợ thi sĩ Đông Hồ), bà nhớ khá chắc chắn rằng tại Phú Quốc - Hà Tiên, Thánh Tượng Thiên Nhân có Nhứt Nguyệt Tinh đầu tiên do ông Đốc học Lý Văn Nhơn (1900-1967) họa. Ông Đốc Nhơn (anh rể thi sĩ Đông Hồ) trước đó tu Minh Sư đến cấp Chứng Ân (Đạo hiệu Minh Đạo) đã từng giáo Cao Đài, ông cùng vợ tên Lâm Ngọc Anh theo pháp môn Chiêu Minh đến cuối đời.

Tọa độ theo hệ thống định vị toàn cầu (GPS) nơi Ngài Ngò thấy cảnh Bồng Lai và Thiên Nhân (lần thứ ba) là: N 10°13'01"; E 103°57'38".

Một lúc sau định thần lại, trở về thực tại, Ngài thấy mình vẫn ngồi trên mỏm đá ấy, phía trước mắt cũng trời mây, cũng nước non như cũ...

Đến dịp hầu đàn cơ, Tiên Ông cho Ngài Ngô biết đó là cảnh Bồng Lai mà Ngài ước nguyện được thấy.

Nhớ lại, đúng ba năm trước, vào ngày mùng Một Tết Tân Dậu, Đức Cao Đài ban lệnh: “*Chiêu, tam niên trường trai.*” và căn dặn “*cứ làm theo lời dạy, sau này rồi sẽ hiểu*”. Ngài Ngô đã chấp hành nghiêm túc lệnh trên, qua ba năm tu hành tinh tấn, đến ngày này thấy được cảnh Bồng Lai.

Cảnh Bồng Lai thoáng hiện chẳng mấy chốc, nhưng là một bằng chứng, xác định có tiến bộ vượt bậc trên bước đường tu hành của Ngài Ngô Văn Chiêu. Đây là lần thứ ba Ngài Ngô Văn Chiêu trực tiếp nhìn thấy Thiên Nhân bằng mắt trần, và là lần hoàn hảo nhất (Ngài không sợ như hai lần trước).

Có thể nói rằng Ngài Ngô đã hoàn thành phần công phu tự độ của mình; thần lực của Ngài đã thích ứng với cảnh Tiên Thiên.

Hơn nữa, cảnh Bồng Lai xuất hiện tại cõi trần vào đầu xuân Giáp Tý quả là một dấu ấn đặc biệt để khởi đầu nguơn hội mới của cơ đạo, Nguơn Tái Tạo: Tam Kỳ Phổ Độ.

## 5. Chuyển về Sài Gòn (1924)

Giữa năm 1924 (Giáp Tý), Ngài Ngô Văn Chiêu được chuyển công vụ về Sài Gòn <sup>48</sup>. Trước khi Ngài rời Phú Quốc, Đức Cao Đài có ban cho một bài lục bát trường thiên:

*“Kín ngoài rồi lại kín trong,  
Đường xa phong cảnh thưởng lòng để vui.  
Công đâu chịu cực đừng lui,  
Thiên Tào thẳng thưởng đạo mùi ngọt ngon.  
Ba năm lòng sáng như son,  
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu  
Chớ phiền mỗi một lòng tu,  
Trăng kia mây vệt, Đường Ngu gặp hiền.  
Mưa toan vụ thấy thanh Thiên,  
Các đào rõ biết mới truyền chánh tông.  
Giờ này Thầy điểm thâm công,  
Ngày sau con sẽ cõi rồng về Nguyên .”* <sup>49</sup>

<sup>48</sup> Theo một họa đồ xin xây cất nhà trụ Đình Thần Dương Đông năm 1962, con đường đi ngang Sùng Hưng Tự (nay là đoạn Lý Tự Trọng tiếp qua Trần Hưng Đạo) có tên là đường “Độc Phú Chiêu”. Nhiều người từng làm Chủ quận Phú Quốc nhưng ít người được đặt tên đường như Ngài Ngô.

<sup>49</sup> Câu thơ “Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên” được xem như lời tiên tri, ứng nghiệm khi Ngài đăng Thiên trên sông Cửu Long, lúc đang trên chiếc phà qua sông Mỹ Thuận.

Thêm một ý Đạo nữa, trong bài kinh “Ngọc Hoàng Bửu Cáo” có câu: “Thời thừa lục long du hành bất tức”. Có nghĩa là: Đúng thời cơ, cõi sáu rồng vân du không nghỉ. Câu kinh này diễn ý quê Kiền (Kinh Dịch): “Thời thừa lục long dĩ ngự Thiên”. ⇨

*Ngoài trong, sạch tợ bạch liên,  
 Khá lòng gìn giữ mỗi giềng chớ xao.  
 Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao,  
 Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem.  
 Thấm mùi con biết lân nem,  
 Đề hồ con uống Thầy xem ân cần.  
 Đạo luyện khắc kỷ phục thân,  
 Chiêu con khá giữ, Thầy phân cạn lời”.*

Các đạo hữu mến tiếc chia tay, trong đó có đồng tử Lê Văn Ngung là người hằng kế cận sớm khuya, giúp Ngài học Đạo (ít lâu sau, tái ngộ lại tại Sài Gòn).

Rời đảo Phú Quốc ngày 29-7-1924 (28-6 Giáp Tý), Ngài Ngô Văn Chiêu về đến Sài Gòn ngày hôm sau (30-7-1924).<sup>50</sup>

Gia đình, vợ con vẫn còn ở Tân An, Ngài Ngô muốn nhà tại Bá Huê Lâu đường Pellerin (nay là Pasteur). Sau đó dời chỗ ở vài lần.

Ngài sống kín đáo giữa chốn phồn hoa đô hội, hằng ngày đi làm việc ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ, tan sở về nhà đóng cửa tịnh luyện tứ thời... Phải

---

Đây là giai đoạn công thành quả mãn của hành giả: Đạt Đạo, phối Thiên.

<sup>50</sup> Nếu lưu ý, tự tên năm Giáp Tý cho thấy nhiều lý. Giáp khởi đầu Thập Thiên Can; Tý khởi đầu Thập Nhị Địa Chi. Có câu: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, nhân sanh ư Dần”. Năm 1925 (Ất Sửu) Đức Chí Tôn hóa độ nhóm Hai tại Sài Gòn để qua năm 1926 (Bính Dần), Đạo Trời sẽ Khai Minh trước nhân sanh.

chăng Ôn Trên chuyển Ngài Ngô về Sài Gòn làm nhân tố xúc tác, trong lúc Thiêng Liêng chuẩn bị bầu điện lạnh, để đúng một năm sau, tại đây - cũng vào cuối tháng bảy dương lịch - Đức Chí Tôn chuyển cơ khai mở nguồn đạo mạch thứ nhì (Ngoại giáo Công truyền).

Khoảng thời gian 1924-1926, tại Sài Gòn, Ngài Ngô có hướng dẫn một số ít vị như quý ngài Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang... thờ Thiên Nhân và tụng đọc vài bài kinh như: bài Cửu Thiên, bài Nhụy Châu... nhưng Ngài không truyền thụ pháp môn tịnh luyện cho các vị ấy; xem như vẫn chưa chính thức phổ truyền mỗi đạo Ngài đã học.

Nhìn lại toàn bộ diễn tiến của nguồn đạo mạch thứ nhất, kể từ năm 1920 đến năm 1924, đạo Cao Đài được Ôn Trên khai mở qua mỗi đạo Nội giáo Tâm truyền này và đã hình thành với đầy đủ yếu tố của một nền tôn giáo:

**Giáo chủ:** Là chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế với danh xưng: *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*.

Đức Cao Đài cho phép đệ tử gọi bằng **Thầy**.

**Giáo tượng:** Thiên Nhân.

**Giáo đồ:** Ngài Ngô Văn Chiêu.

---

**Giáo pháp:** Ăn chay và thực hành Tân pháp Cao Đài. Sử dụng Đại Ngọc Cơ để tiếp nhận Thánh giáo. Thánh giáo sử dụng nhiều thi phú, ẩn vào đó lời dạy đạo đức.

## E. GIAI ĐOẠN HÀNH ĐẠO VỚI NHÁNH PHỔ ĐỘ (NHÁNH HAI)

Đạo Cao Đài được chính Đức Chí Tôn Thượng Đế, là Đấng chưởng quản tất cả các hàng Thần Thánh Tiên Phật, hạ phàm qua linh điển cơ bút, khai minh đạo Cao Đài với hai nguồn Đạo mạch riêng biệt:

- Nhánh **Nội giáo Tâm truyền** (tạm gọi là **Nhánh Một**). Đức Chí Tôn độ dẫn người đệ tử đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu - thời gian từ năm 1920 đến 1924. Nhánh Đạo này độ dẫn những vị có căn duyên tu luyện đạo giải thoát.

- Nhánh **Ngoại giáo Công truyền** (tạm gọi là **Nhánh Hai**) được Đức Chí Tôn độ dẫn từ năm 1925. Đây là nhánh Đạo gánh trọng trách phổ độ đạo Cao Đài trực tiếp đến các giai tầng trong xã hội.

Sau khi độ dẫn hai nhánh riêng biệt, Đức Chí Tôn chuyển pháp để hai nguồn đạo mạch Nội giáo và Ngoại giáo có một thời gian hợp tác hành đạo cùng nhau

## 1. Lược sử Nhánh đạo Phổ độ Công truyền

Tại Sài Gòn, năm 1925, có ba công chức cùng quê ở Tây Ninh, đó là quý ngài Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Phạm Công Tắc (1890-1959) và Cao Hoài Sang (1901-1971). Ba vị sành thơ nhạc, lại ưu tư thời vận nên thường gặp nhau mượn lời thơ tiếng nhạc nói lên tâm sự riêng mình.

Cho đến một hôm, ngày 25-7-1925, tại nhà Ngài Cao Hoài Sang đường d'Arras (nay là Cống Quỳnh, Quận I) Ngài Cao Quỳnh Cư đề xuất ý xây bàn theo sách Pháp<sup>51</sup> để tiếp xúc với cõi vô hình. Ba vị thực hiện ngay, nhưng việc xây bàn hôm ấy chưa thành công. Không nản chí, các vị tiếp tục xây bàn trong các ngày kế tiếp và đạt được kết quả khích lệ. Đầu tiên là cụ Cao Quỳnh Tuân (thân phụ Ngài Cao Quỳnh Cư) giáng điền.

Đến đêm 30-7-1925, có một chơn linh xưng danh Đoàn Ngọc Quế đã cùng ba vị họa thơ rất tương đắc.<sup>52</sup>

Vị này còn xưng thêm tên là Vương Thị Lễ. Đây chính là một vị Tiên nương Diêu Trì Cung

---

<sup>51</sup> Có nhiều sách viết về vấn đề này, thí dụ như hai quyển: Le Livre des Esprits (sách về Thần linh) và Le Livre des Médioms (sách về Đồng tử) của Bác sĩ y khoa Allan Kardec (1804-1869).

<sup>52</sup> Ngày này, theo dương lịch, đúng chẵn một năm sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú Quốc về đến Sài Gòn (30-7-1924).



tá danh (về sau chư vị mới biết được), dẫn dắt các vị vào đường đạo đức.

Ngày 10-7 Ất Sửu (28-8-1925), Đức Chí Tôn tá danh A Ồ Ồ giáng điển tiếp xúc và tạo được sự kính trọng của ba vị vì sự uyên bác lâu thông mọi việc. Sự kiện này tương tự như Đức Chí Tôn đến với Ngài Ngô Văn Chiêu qua danh xưng Tiên Ông.

Thời điểm này, nội dung các cuộc tiếp xúc giữa hai cõi sắc không vẫn xoay quanh vấn đề văn chương, thi phú... nhưng Thiên điển của Ông Trên đã dần dần hướng tâm quý vị vào việc tu hành.

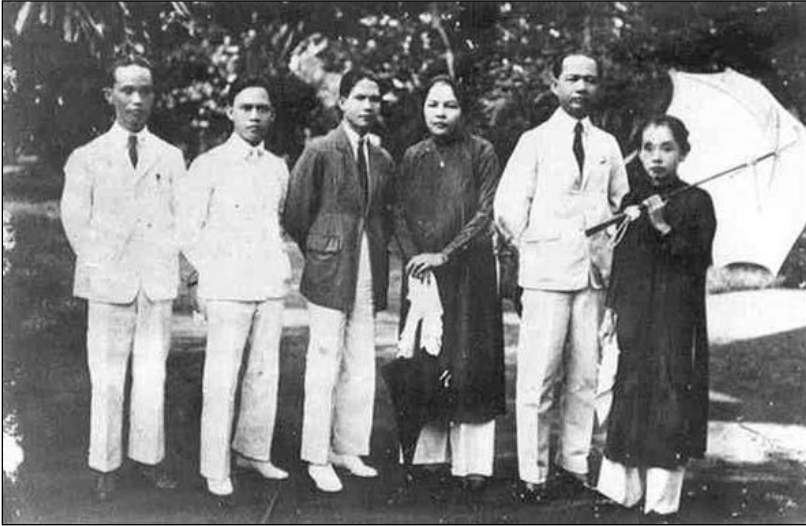
Chuẩn bị cho lễ Hội Yến Diêu Trì đêm Trung Thu Ất Sửu (1925), chư vị Tiên Nương (đầu tiên là Thất Nương và Bát Nương), chính thức xưng Thiên danh, đồng thời hướng dẫn cho quý vị đầy đủ nghi thức tiếp giá Đức Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu, và dạy phải sử dụng Đại Ngọc Cơ.

Đêm 01-11 Ất Sửu (1925), ba vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang thọ lệnh Ông Trên thiết lễ “Vọng Thiên Cầu Đạo”. Lịnh dạy ba vị “*Vọng bái Cao Đài Thượng Đế*”. Đây là lần đầu tiên chư vị tiếp được hồng danh Đức Cao Đài.

Qua từng bước được chư Thiên hướng dẫn vào cửa Đạo, tâm thành của chư vị đã được Ông Trên chứng chiếu. Đức Cao Đài chấp nhận ba vị trên làm đệ tử đầu tiên nhánh Phổ độ Công truyền (Nhánh Hai).

Trong vòng hơn nửa năm, với rất nhiều sự kiện xảy ra đã làm thay đổi cuộc đời của ba vị khởi đầu xây bàn, thay đổi từ tâm thức đến cuộc sống. Cũng trong thời gian đó, do việc xây bàn (sau đó chuyển sang sử dụng Đại Ngọc Cơ), không giới hạn khách đến tham dự nên được rất đông người đến tìm hiểu. Nhiều vị hữu duyên đã trụ lại và trở thành những Tiền khai Cao Đài, như quý Ngài: Lê Văn Trung (1876-1934) nguyên Thượng Nghị viên; Nguyễn Trung Hậu (1892-1961), Đốc học; Trương Hữu Đức (1890-1976); Vương Quan Kỳ (1880-1939), Tri phủ; Đoàn Văn Bản (1876-1941), Đốc học; Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950), Thủ khoán... Có hai phụ nữ tích cực hành đạo, đó là bà Nguyễn Thị Hương (1887-1971)- (phu nhân Ngài Cao Quỳnh Cư) và bà Lâm Ngọc Thanh (1874-1937)- (phu nhân Ngài Nguyễn Ngọc Thơ).

Lại thêm có nhiều vị tu hành gia nhập vào làm đệ tử Đức Cao Đài, thí dụ ở Phật giáo có các vị: Yết ma Trần Văn Giồng (chùa Phước Long), Yết Ma Nguyễn Văn Luật (chùa Hội Phước)... Ở chi Minh Sư, có: Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (Linh Quang Tự). Ở chi Minh Đường, có: Thái Lão Sư Trần Văn Thụ và Ngài Lê Văn Lịch (Vĩnh Nguyên Tự)..., các vị kể trên đã quy nhập Cao Đài, tạo thêm uy tín cho nền tôn giáo mới.



**Trên đây là bức ảnh chụp tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn  
vào một ngày Chủ Nhật năm 1924**

*Từ trái sang phải: Ngài Phạm Công Tắc, Ngài Cao Hoài Sang, hai người cháu, Ngài Cao Quỳnh Cư và bà Nguyễn Thị Hương.*

(Ảnh do Lễ Sanh Hương Huyền cho Huệ Nhẫn chụp lại. Lễ Sanh Hương Huyền là người kề cận Nữ Đầu Sư Hương Hiếu lúc sanh tiền, được tặng nhiều ảnh quý)

Đêm mùng 9 tháng 11 Ất Sửu (Noël, 1925), một dấu ấn lịch sử của đạo Cao Đài: Đức Thượng Đế Chí Tôn chính thức xưng hồng danh “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.<sup>53</sup>

Cũng vào thời điểm cuối năm 1925 qua đầu 1926, chư vị Tiền Khai nhóm Hai tiếp nhận được Thánh Linh thờ Thiên Nhân, nhưng lạ là Ôn Trên chưa giải thích ý nghĩa, cũng chưa chấp nhận ảnh tượng nào do quý vị đề xuất. Tuy vậy, đến đây có thể nói rằng cơ lập giáo Cao Đài nhánh Phổ độ Công truyền đã chính thức hình thành.

Ngày sau Tết Dương lịch 1926, Ôn Trên chuyển cơ Khai Đạo: Đêm 22-01-1926, Đức Chí Tôn ban lệnh cho chư vị Nhánh Hai đến tiếp xúc với Ngài Ngô Văn Chiêu (Nhánh Một).

## **2. Cơ vận chuyển hai mạch đạo sum họp**

Sau khi xuất hiện và trưởng thành từ hai căn cơ khác nhau, đến cuối năm Ất Sửu (1925), hai nguồn đạo mạch thứ Nhứt và thứ Nhì được Ôn Trên vận chuyển sum họp lại.

### **a. Những buổi tiếp xúc đầu tiên**

Trước hết, nên đề cập đến Ngài Vương Quan Kỳ. Ngài Vương Quan Kỳ (1880-1939) nhỏ hơn Ngài Ngô Văn Chiêu hai tuổi. Hai vị trước cùng

---

<sup>53</sup> Bài Thánh Ngôn này mở đầu quyển kinh *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1). Trước đó, ở Nhánh Một, Đức Chí Tôn đã xưng hồng danh như vậy.

học tại Mỹ Tho, sau lên Sài Gòn học trường Chasseloup - Laubat, cùng đậu ngạch Huyện rồi lên Tri Phủ và, khoảng thời gian 1924-1925, cùng làm việc tại Phòng Thương mại dinh Thống đốc Nam Kỳ. Như vậy, có thể gọi hai vị là bạn đồng song.<sup>54</sup>

Mặt khác, vào cuối năm 1925, Ngài Vương Quan Kỳ đã trở nên một thành viên chánh thức của Nhánh Hai qua sự giới thiệu của chơn linh Cô Vương Thị Lễ (Đoàn Ngọc Quế - Thất Nương Diêu Trì Cung) thời mới xây bàn.

Đầu năm 1926, khi Đức Cao Đài dạy Nhánh Hai thờ Thiên Nhân, quý ngài dù chấp hành nhưng chưa hiểu ý nghĩa, trong lòng còn thắc mắc. Ngài Vương Quan Kỳ lúc ấy biết bạn mình là Ngài Ngô Văn Chiêu đã tu theo Đấng Cao Đài, có thờ Thiên Nhân... Nhưng Ngài Vương Quan Kỳ không thọ pháp môn và không nắm rõ phương thức tu hành của Ngài Ngô, chỉ thấy biểu hiện bên ngoài của Ngài Ngô Văn Chiêu rất trầm mặc, kín đáo, ít giao thiệp với người đời. Ngài Vương Quan Kỳ trình bày điều này, rồi qua bàn bạc trao đổi ý kiến trong nội bộ, có lẽ quý ngài chưa muốn đến tiếp xúc ngay với Ngài Ngô Văn Chiêu, ý định là để có

---

<sup>54</sup> Trong *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, trang 35, có đoạn: “Ở Sài Gòn, Ngài gặp trước hết là Quan phủ Vương Quan Kỳ là bạn đồng song tâm đầu ý hiệp. Ngài mới khuyên ông Kỳ lo tu tâm dưỡng tánh và thờ Đức Cao Đài.”

thời gian từ từ tìm hiểu thêm phương tu của Ngài Ngô, mỗi bên lúc này theo con đường riêng mình.

Nhưng, đã đúng thời điểm cơ Đạo chuyển: Đêm 22-01-1926 (09-12 Ất Sửu), tại nhà ông Đốc học Đoàn Văn Bản (sau là Thánh thất Cầu Kho), Đức Cao Đài có lời dạy quyết định:

**“Kỳ, Trung, Bản, Cư, Tắc** nghe dạy:

*Mặt nhứt hồi mô thấy xẻ hai,  
Có thương mới biết Đấng Cao Đài.  
Cũng con cũng cái đồng môn đệ,  
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai?*

*Kỳ, Thầy muốn cho các con thương yêu nhau, sum hiệp với nhau. Nghe và tuân theo. Thầy sẽ nói lại với **Chiêu**, song con phải tùng nó”<sup>55</sup>*

Đó là mệnh lệnh của Thầy dạy các môn đệ hai nhánh Một và Hai tiếp xúc, **“sum hiệp”** với nhau, phải **“nghe và tuân theo”**.

Chấp hành theo lệnh Đức Cao Đài, Ngài Vương Quan Kỳ hướng dẫn chư vị: Lê Văn Trung, Đoàn Văn Bản, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc... tìm đến để hội ngộ với Ngài Ngô Văn Chiêu (lúc ấy Ngài Ngô đang ngụ tại lầu hai, số 110 đường Bonard, nay là Lê Lợi - Quận 1).

---

<sup>55</sup> Trích trong quyển “*Niên Số Thời Thiết Lục*” gồm một số Thánh giáo nguyên bản, do Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh kết tập và lưu truyền lại.



**Hình chụp một số công chức tại dinh Thống đốc Nam Kỳ.**

*Từ trái sang phải: Ngài Ngô Văn Chiêu đứng thứ tư hàng nhì, Ngài Vương Quan Kỳ đứng thứ hai hàng ba, Ngài Nguyễn Hữu Đắc đứng thứ ba hàng ba.*

(Ảnh tư liệu lưu trữ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý)

Chư vị Tiền khai Đại Đạo vậy là đã trực tiếp vừa đóng vai tuồng chánh, vừa làm chứng nhân cơ vận chuyển hai nhánh trùng phùng nhiệm mầu theo Thiên ý. Trong niềm vui mừng hạnh ngộ hôm ấy, bao nhiêu tâm tư tình cảm được bộc lộ; bao nhiêu thắc mắc từ trước đều được mang ra trình bày, quý ngài cùng nhau trao đổi, và giải đáp thỏa đáng các huyền diệu và ơn phước từng người đã nhận từ Đức Cao Đài..

Một sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt về lịch sử Đạo cần ghi lại trong buổi gặp, ấy là: Ngài Ngô Văn Chiêu đã cho chư vị kiến nhận THIÊN NHÃN Ngài đang thờ.

*“Cuối tháng chạp năm Ất Sửu (khoảng đầu tháng 02-1926) Thầy sai các môn đệ: Trung, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức đến nhà ông Ngô Văn Chiêu ở đường Bonard (Lê Lợi nay) số 110, thỉnh mẫu THIÊN NHÃN, kinh kệ và những điều cần thiết, phải chung sức với Ông Chiêu lo mở Đạo, mọi việc phải do ông Chiêu là Anh Cả.*

*Đến nơi, phái đoàn vừa ngỡ ý, ông Chiêu cho biết là ông thấu rõ cả sự việc. Thầy đã ứng hiện Thiên Nhãn cho ông biết, ông đã họa thờ lâu rồi. Ông dẫn khách đến nơi thờ, vén màn chỉ bức Tượng Thiên Nhãn, cùng nhau lên hương đèn đánh lễ. Ông trao cho phái đoàn mẫu Tượng và các bài*



*kinh dâng Tam Bửu (Hoa Rượu Trà), cầu cơ (bài Trời Còn...) đem về áp dụng lúc sơ khai”.*<sup>56</sup>

Niềm Tin về Đức Cao Đài một lần nữa được khẳng định trong lòng mỗi vị.<sup>57</sup>

- Trở lại câu đầu bài thơ “*Mặt nhứt hồi mô tháy xẻ hai*” (có lẽ có dấu chấm hỏi cuối câu), Ôn Trên muốn nhấn mạnh: Chỉ có Một Đấng Thượng Đế! Một Đấng Cao Đài! Một Thiên Nhân ban trao. Vì vậy, con cái môn đệ Đấng Cao Đài không nên “xẻ hai” nữa, phải thương nhau và hiệp một mà thôi. Lời dạy này cho lúc ấy và mãi mãi về sau.

Ngày 29-01-1926 (16 tháng Chạp Ất Sửu) Đức Chí Tôn lâm đàn khen ngợi, khích lệ sự thuận hòa của chư vị:

---

<sup>56</sup> Trích từ quyển “*40 năm lịch sử (1926-1966) Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*” của tác giả Hoài Nhân, ấn hành năm 1966. Quyển này được Tòa Thánh Tây Ninh kiểm duyệt ngày 26-10 Bính Ngọ (1966), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức ấn ký.

<sup>57</sup> Ngày 22-01-1926 (09-12 Ất Sửu) là một điểm mốc rất đặc biệt trong Đạo sử Cao Đài Giáo, đánh dấu ngày Đức Cao Đài ban lệnh hai nguồn đạo sum hiệp; có ý nghĩa hết sức quan trọng trên nhiều phương diện. Chỉ qua tính toán đơn giản cũng thấy: Ngày 22-01-1926 là điểm thời gian chính xác giữa Âm và Dương lịch; vừa qua “Tết Tây” 21 ngày, còn 21 ngày nữa đến “Tết Ta”. Và đêm tiếp sẽ đúng chẵn 300 ngày, từ ngày ấy đến Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo tại Thánh Thất Gò Kén.

Tọa độ theo hệ thống định vị toàn cầu (GPS) nhà Ngài Ngô Văn Chiêu vào thời điểm này (110 Bornard) là: N 10°46’20”; E 106°41’57”.

*“Thầy vui vì các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn cho các con như vậy hoài. Ấy là một lễ hiến cho Thầy rất long trọng...”*

### **b. Đoàn giao thừa Ất Sửu - Bính Dần**

Thời gian sau khi hai bên vừa tiếp xúc với nhau, việc đầu tiên là xác định hình thức Thánh Tượng Thiên Nhân làm biểu tượng thờ cho chư vị thuộc nguồn đạo mạch thứ nhì, cùng một số bài kinh.

Bước kế tiếp là tạo sự tiếp xúc thân thiết giữa hai bên. Đức Cao Đài đã sắp xếp một số đạo sự để chư vị cộng tác cùng nhau, công việc đầu tiên là đồng phối hợp trong nhiệm vụ phò ngọc cơ hầu Thầy các đàn cuối năm âm lịch sắp tới.

Đêm giao thừa Ất Sửu qua năm mới Bính Dần (12-02-1926), nhận lệnh trước của Đức Cao Đài, một bộ phận thông công do hai nhánh kết hợp được thành lập, gồm:

- Ngài Ngô Văn Chiêu làm pháp đàn.
- Nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan.
- Ngài Nguyễn Trung Hậu làm độc giả và
- Ngài Tuyết Tân Thành làm điển ký.

Đoàn lần lượt đến từng tư gia quý vị: Võ Văn Sang, Cao Quỳnh Cư, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Văn Hoài,

Phạm Công Tắc, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Hữu Đắc, Lê Văn Trung và Lý Trọng Quý.

Tại mỗi nơi, bộ phận thông công thiết đàn cơ và từng gia chủ được Đức Cao Đài ân ban một bài tứ tuyệt.

Phái đoàn đi một vòng thành phố, từ Bourdais, đến La Grandière, lên Đa Kao (trường Huỳnh Khương Ninh, nhà Ngài Nguyễn Trung Hậu), trở xuống chợ Thái Bình, Cầu Kho rồi vào Chợ Lớn ... Cùng hành trình với đoàn, Ôn Trên đã “tứ phước” cho nhơn sanh trước khi qua năm quyết định Bính Dần (1926). Cuối cùng, bộ phận thông công cùng mọi người trở về tụ hội tại nhà Ngài Lê Văn Trung, vừa kịp làm lễ đón giao thừa.

Đến đúng giờ Tý, bước qua năm mới Bính Dần, chư vị lập đàn và được Đức Cao Đài ban Thánh dụ:

*“Chư đệ tử nghe:*

***Chiêu**, buổi trước hứa lời truyền đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, dùi dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên thối trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.*

***Trung, Kỳ, Hoài**, ba con phải lo thay mặt **Chiêu** mà đi độ người. Nghe và tuân theo.*

***Bản, Sang, Giảng, Quý**, lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.*

*Đức, con phải hiệp một vào đây đặng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo.*

*Đức, tập cơ. Hậu, tập cơ. Sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo.”*

Đàn giao thừa đón năm Bính Dần, với sự hội hiệp gần như đủ mặt thành viên hai nhánh, là một dấu ấn đặc biệt của cơ Đạo. Trong giờ phút thiêng liêng của đất trời chuyển qua năm mới; trong hồng ân của Thượng Đế Chí Tôn, quý ngài đồng hòa điển lành, cùng thọ nhận trách vụ phổ độ Kỳ Ba.

Qua Thánh giáo trên, Đức Cao Đài đã “định vị, định hướng” cho từng vị, theo đó:

- Ngài Ngô Văn Chiêu là Anh Cả, coi sóc chung toàn môn đệ Đức Chí Tôn.

- Quý ngài: Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý lo việc công truyền mỗi đạo rộng khắp.

- Quý ngài: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức lãnh nhiệm vụ phò Đại Ngọc Cơ, làm “Tướng Soái” của Thầy.

Sự bố trí nhiệm vụ này là lần đầu tiên. Từ đó ý thức về việc thực thi sứ mạng bằng cách hợp đồng công tác, phân chia trách nhiệm, được Ôn Trên dạy đến từng thành viên.

Đêm giao thừa hôm ấy, quý vị Tiên khai Đạo Đạo hầu đàn tại nhà Ngài Lê Văn Trung đến hơn hai giờ sáng.<sup>58</sup>

### **3. Cuộc phân lập – Ngài Ngô từ tạ phẩm Giáo Tông**

Trên thế gian này, việc hợp rồi tan, tụ rồi tán là việc thường tình. Thế nhưng, luận về việc Đạo, nhất là cho cơ lập giáo Kỳ Ba, chắc rằng không đơn giản chư Tiên khai Đạo Cao Đài “hết tụ rồi tán” như vậy.

Như ngày nay, qua nhận xét về mặt nổi diễn tiến sự hình thành Nhánh Một, Nhánh Hai (với các dấu mốc quan trọng đã nêu trong những phần trước), rồi sự nối kết hai nhánh ấy lại; mọi người đều nhận rõ rằng phải có bàn tay của Đức Thượng Đế điều hành.

Thời gian cùng cộng tác hành đạo, “trường phái” riêng của mỗi nhánh được bảo thủ (cả hình thức lẫn nội dung). Một nhánh vẫn Nội giáo Tâm

---

<sup>58</sup> Đến đây, người đọc lịch sử đạo Cao Đài có thể suy gẫm lại để thấy thêm một ý Đạo nào đó, qua các con số 1:

- Ngài Ngô Văn Chiêu thọ nhận làm người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài vào ngày **1-1** Tân Dậu.

- Quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang “Vọng Thiên Cầu Đạo” làm đệ tử Đức Cao Đài vào ngày **1-11** Ất Sửu.

- Và đến **1-1** Bính Dần, Đức Chí Tôn phân định nhiệm vụ, phối hợp hai nhánh.

truyền, nhánh kia vẫn Ngoại giáo Công truyền. Tuy nhiên, ở tự mỗi nhánh đã tiềm ẩn mầm phát triển. Nhánh Một tu theo Vô vi Tâm pháp nhưng lại được tiếp nhận “Thiên Nhãn” làm biểu tượng thờ phượng trước. Biểu tượng thờ phượng của một tôn giáo có thể xem như hình tượng đặc trưng, thể hiện hữu hình, của tôn giáo ấy.

Ngược lại, Nhánh Hai chủ trương Phổ độ Công truyền, nhưng chư vị Tiên khai phải học phép tu đơn luyện đạo (theo Minh Đường - Vĩnh Nguyên Tự), sau đó mới thọ chức sắc Thiên phong.

Thời gian hai nhánh sum họp và cùng hành đạo thực tế khá ngắn, chỉ khoảng 3 tháng, cũng đã đủ để Ôn Trên vận chuyển bí pháp Cao Đài.

Cái tiềm ẩn trong mỗi nhánh trước kia đến giai đoạn này hầu như đã hiện tượng: Cơ Nội giáo Tâm truyền (Nhánh Một) chuẩn bị xuất hiện thêm phần Ngoại giáo và cơ Ngoại giáo Công truyền (Nhánh Hai) hiện rõ phần Nội giáo.

Khoảng thời gian đầu, lúc hai nhánh mới tiếp xúc, Ngài Ngô Văn Chiêu với trách nhiệm là người được Đức Cao Đài thu nhận làm đệ tử trước, Ngài truyền đạt lại tất cả những gì có thể được cho các đạo hữu Nhánh Hai, như: Việc họa hình Thiên Nhãn, kinh kệ, nghi thức lập đàn cơ... nhưng ngoài những điều ấy ra, việc nội tu Ngài vẫn giữ riêng, sẽ chỉ truyền dạy cho người có cùng cơ duyên tu ẩn.

Đàn đêm giao thừa qua năm Bính Dần, Đức Cao Đài trên tinh thần đó, đã căn dặn:

*“Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người”.*

Nếp sống của Ngài Ngô Văn Chiêu lúc này cũng có thêm nét mới.

*“Thường khi, hễ tới bữa thứ Bảy thì Ngài có thiết một tiệc chay tại căn phố Ngài ở, 110 Bonard (nay là Lê Lợi) trên lầu hai, mà đãi các vị đã thay mặt Ngài đi giảng đạo.”<sup>59</sup>*

Với bản tánh khiêm nhường, giọng nói nhẹ nhàng, Ngài Ngô Văn Chiêu cùng bàn bạc, thảo luận với các đạo hữu về công việc hành đạo.

Thế rồi, dần dần cơ Phổ độ phát triển mạnh. Tôn giáo Cao Đài hình thành với những nghi thức bắt buộc cần phải có như phẩm trật chức sắc, hình thức áo mũ phân biệt, ngôi thứ xưng hô... rồi việc thờ Tam Trấn Tam Giáo khác với Tam Thanh, làm cho sự gắn bó mật thiết ban đầu bớt đi chút ít. Tình đồng đạo, đồng Thầy vẫn còn nguyên vẹn nhưng đường lối hành đạo đã có khác nhau.

- Một bên là Công truyền, quảng bá mỗi Đạo ra khắp nơi, mang niềm tin đến với mọi người theo diện rộng, chấp nhận hầu hết môn sanh nào tìm đến nhập môn. Chủ trương này được các ngài: Lê Văn

---

<sup>59</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, 1962, trang 41.

Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, v.v... tích cực thực hiện. Quý ngài cố làm cho mỗi Đạo Trời được nhiều người biết đến.

- Một bên là Tâm truyền. Nhánh tu Tâm truyền không có chức sắc, thậm chí không để cho ai biết mình đang tu, lo chuyên tâm luyện đạo pháp giải thoát phần linh hồn. Đây là pháp tu của Ngài Ngô Văn Chiêu, được sự ủng hộ ban đầu của chư vị: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý... và sau này là của toàn phái Chiêu Minh.

Sự khác biệt lại thêm lộ rõ khi công cuộc Phổ độ “diện rộng” càng thành công, tiến đến việc hình thành hệ thống chức sắc, hoàn chỉnh phần nghi thức của tôn giáo Cao Đài.

Đỉnh điểm là vào đầu tháng 4-1926, trong một đàn cơ, Thầy dạy Ngài Ngô Văn Chiêu chuẩn bị thọ phẩm vị Giáo Tông:

*“Trung, Cư, Tắc, ba con lập tức lên Chiêu, biểu nó phải sắm sửa một bộ Thiên phục màu trắng. (...) Hiếu lại phải nhọc công nữa, Thầy giao phần may sắm cho con. Con liệu cho kịp Rằm phải có nghe con”.*<sup>60</sup>

Những đàn cơ tiếp theo vào các ngày 7 và 8 tháng 3 Bính Dần, Thầy giảng dạy chi tiết cho bộ Thiên phục Giáo Tông; từ kích cỡ kiểu dáng chiếc

---

<sup>60</sup> Hương Hiếu, *Đạo Sử 1*, trang 106.



mão, vị trí các quẻ Dịch trên áo đến kiểu hài. Vài ngày sau (11-3), bà Nguyễn Thị Hương dâng lên cho Thầy xem kiểu mũ bà mới may. Thầy dạy:

“*Trúng, mà ai đội con phòng lật đật.*”<sup>61</sup>

Lời dạy này như là lời tiên tri về ngôi Giáo Tông sẽ chưa có người đảm nhận. Tuy vậy, bà Nguyễn Thị Hương vẫn tích cực may cho xong trọn bộ Thiên phục Giáo Tông đúng hạn theo như Thánh lệnh.

Ngày 13-03 Bính Dần (24-4-1926) được ghi dấu là ngày Ngài Ngô Văn Chiêu từ tạ phẩm vị Giáo Tông. Ngài hoàn lại phí tổn nhưng không nhận Thiên phục.

Đây thật sự là một chấn động lớn cho chư vị nhánh Phổ Độ. Trong nỗi đau buồn, quý Tiền Khai Nhánh Hai đã hiểu được lời tiên tri của Thầy hai ngày trước đó. Như vậy từ nay đã trở lại thành hai nhánh hành đạo theo hai khuynh hướng khác nhau, như buổi ban đầu.<sup>62</sup>

---

<sup>61</sup> Hương Hiếu, *Đạo Sư 1*, trang 109.

<sup>62</sup> Phẩm Giáo Tông và Đầu Sư từ thời điểm này đã được Ôn Trên lập vị. Tuy chưa có người đảm nhận nhưng các bộ Thiên phục của Giáo Tông và Thái Đầu Sư vẫn được may sẵn và để trên ngai trong buổi lễ Thiên phong Chức Sắc lần I. Đến Rằm tháng 10 - Lễ Khai Minh Đại Đạo - ảnh chụp nội điện Thánh Thất Gò Kén cho thấy bộ Thiên phục Giáo Tông ấy còn để trên ngai.

Sự kiện Đức Chí Tôn giáng đàn dạy Đạo riêng cho từng nhánh đã có từ trước khi hai nhánh cộng tác với nhau. Nay, mỗi nguồn đạo mạch lại được Thầy tiếp tục dìu dẫn theo phương tu riêng như lời Thánh giáo hôm mồng 9 tháng Giêng Bính Dần vừa qua: *“Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà... Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy là chủ, sau các con sẽ hiểu.”*

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu ghi lại trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên nhận định như sau: *“Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau, vì một đảng (ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mọi Đạo, một đảng (ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế”.*

Việc hành đạo theo Công truyền hay Tâm truyền cũng đều “tự độ và độ tha”, đến đây lại chia thành hai ngã như trước; nhưng đã không còn giống y như trước nữa. Phải chăng đã đến lúc mỗi đạo Trời bước vào thời phóng phát? Dù quan điểm nào đi nữa, biến cố này vẫn không làm xao lòng những hành giả vững đức tin. Công cuộc phổ truyền mỗi đạo sau đó bước ngay vào cuộc chuyển biến mạnh mẽ cho cả hai nguồn đạo mạch.

Năm 1967, nhị vị Tiên khai Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt đại diện Đức Ngô, lâm đàn tại Ngọc Minh Đài phân giải:

*“Cơ Đạo có hai phần: Vô vi và hữu hình.”*

*Hữu hình là chánh thể, đạo luật. Công truyền để tạo thành một khuôn viên mẫu mực, un đức và huấn luyện người đời trở nên có hành động, tác phong của Hiền Thánh, Tiên Phật; để xứng đáng quỳ trước chánh thể Chí Tôn, là ngôi phò bày Tạo hóa siêu nhiên, ẩn tàng một lý duy nhất gồm cả vô vi và hữu hình.*

*Thế nên Vô vi Tâm truyền là cơ vận hành chuyển luân vũ trụ, để vạn vật thừa tiếp khí Tiên Thiên cho mưa thuận gió hòa, cho hóa sanh trường dưỡng. Trời cũng đó mà người cũng đó, nên mới gọi là Đạo.”<sup>63</sup>*

Trong quyển Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu (bản in năm 1962), trang 42, viết:

*“Quan phủ Ngô Văn Chiêu biết bấy giờ Ngài đã xong nhiệm vụ trong việc xây dựng nền tảng Cơ Phò Độ của Cao Đài Đại Đạo.*

(...)

*Vả lại Ngài còn phải đảm đương một sứ mạng khác, rất quan trọng của Đức Chí Tôn giao phó, là phần việc lập thành và điều khiển Cơ Tuyển Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi”.*

---

<sup>63</sup> Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phò Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam tiếp diễn tại Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài (Vĩnh Hội).

## G. THỜI GIAN CUỐI ĐỜI NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU

Ngài Ngô từ tạ phẩm Giáo Tông ngày 13-03 Bính Dần (1926); đến ngày Ngài thoát xác đăng Thiên 13-03 Nhâm Thân (1932) tính ra còn đứng 6 năm.

Mọi người lúc ấy chưa biết, nhưng rất có thể Ngài Ngô đã biết quỹ thời gian còn lại của mình. Ngài sắp xếp nhiều công việc cần thiết mà, quan trọng nhất là phải tìm ra những bậc nguyên nhân để truyền thừa Pháp Đạo (chúng tôi trình bày thành một phần riêng phía sau); và còn nhiều việc khác cũng cần thiết, như:

### 1. Hoàn tất nợ áo cơm

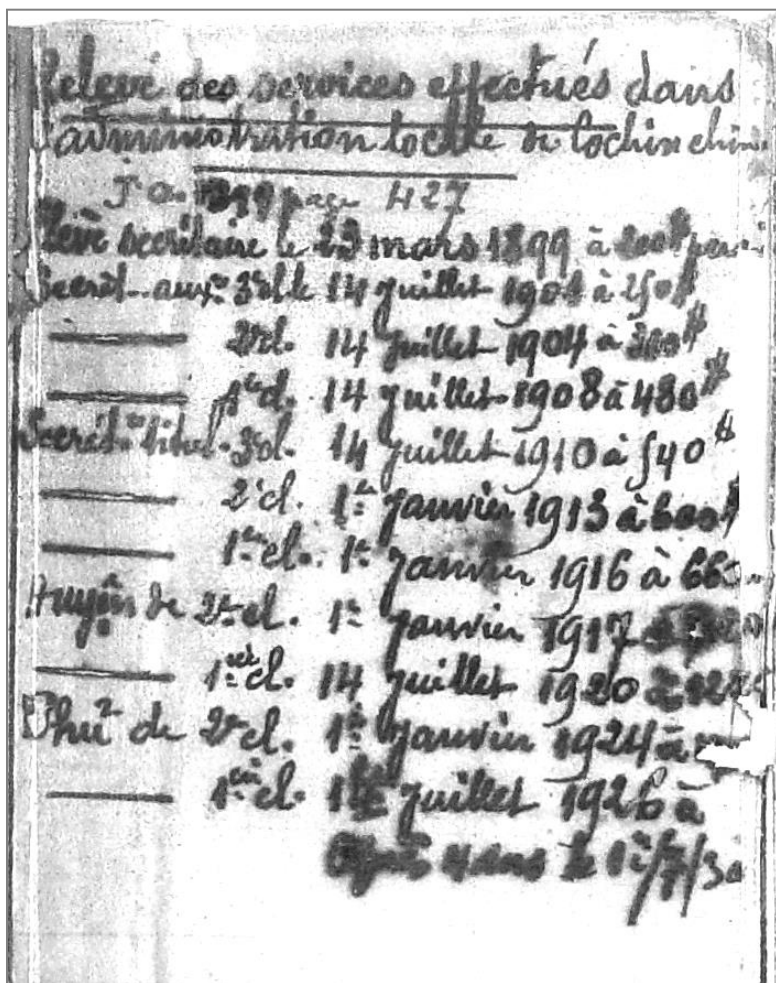
Từ năm 12 tuổi, Ngài Ngô nhập học nội trú Collège de My Tho, được nhà trường nuôi ăn học. Tiếp đến, lên Sài Gòn học nội trú Lycée Chasseloup Laubat cũng không tốn tiền nhà, Ngài Ngô quan niệm đó là nợ áo cơm.

*“Chiêu còn mắc nợ nhà nước, lo sao cho thái bình mới đủ trả nợ nước nên van vái đêm ngày không ngớt. Còn nợ nhà là vợ con cô bác.*

*Chưa xong bốn phận như thế đâu dám tự đắc được”.*<sup>64</sup>

---

<sup>64</sup> Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu, bản in 1962, trang 109.



Bút tích Ngài Ngô ghi lại các thời điểm  
thăng quan chức của mình

Ngoài ra, theo Ngài, còn nhiều khoảng “nợ” khác trong kiếp làm người. Những vị đệ tử Ngài Ngô thâm nhập lời dạy của Ngài, đã ghi lại trong phần Triết Lý (quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, 1962, trang 128) về cách hành xử khi còn ở thế:

*“Cõi trần là nơi vay trả, con người phải trả cho tất oan gia trái chủ: Tiên thiên nghiệp chướng đã gây ra, trải qua nhiều kiếp trước.*

*Muốn giải mối oan nghiệp này chỉ có một biện pháp duy nhất là khép mình vào khuôn Đạo ban truyền, hành y giới luật. Chủ yếu là làm phước cho nhiều và đừng vay thêm nợ mới.*

*Nợ oan khiên nó đeo đai theo kiếp con người chẳng rời, nó lại mang nhiều hình trạng, dầu khôn lanh đến bực nào, dầu cao bay xa chạy tới đâu cũng không mong trốn tránh đặng.*

*Nên người tu phải gần đời để trả nợ đời. Nhưng lẫn lộn theo thế mà không luyến thế: Cư trần bất nhiễm trần.*

*Luôn luôn nên nhớ: Còn nợ là còn chuyển kiếp”.*

Vì vậy, trong suốt cuộc đời, nhất là chôn quan trường, Ngài Ngô giữ một mực chí công vô tư, thanh liêm đôn hậu. Ngài đã nguyện “Nhứt hào vô phạm” để không chịu nghiệp oan. Đơn cử, xin

trích một đoạn bài viết, cho thấy người đời nhớ lại thời gian Ngài làm chủ quận Phú Quốc:

*“Theo các vị lão thành thuật lại thì ông Chiêu là người hiền lành. Ông thường định hướng cho dân cất nhà. Ông là người thanh liêm, ngày Tết, trước phòng việc của ông có treo bảng miễn nhận lễ vật...”*<sup>65</sup>

Việc thọ lãnh quan chức với Ngài Ngô là chẳng đặng đừng, là việc trả nợ áo cơm, không hề làm quan quyền hãnh diện; thậm chí Ngài còn gọi đó là bị “đi đày”. Trong thơ từ Phú Quốc gửi về, Ngài viết:

*“Các con ngẫm nghĩ mà xét lại. Cha bị đày đã gần bốn năm rồi, cái sự rủi ro trong nhà, tai nạn các con đều qua khỏi hết, đến đâu có quới như phò tri, có người thương xót, vậy là phước rồi...”*

Với quan niệm “trả nợ” rõ ràng như vậy, có lẽ điều khó khăn nhất cho Ngài Ngô (lại là điều mong muốn của hầu hết người đời) là phẩm trật chức tước của Ngài đều đặn thăng tiến: Từ một Thơ ký học việc 21 tuổi (1899) trở thành Thơ ký chánh ngạch (1910), lên Thơ ký hạng nhất (1916) năm 38 tuổi; năm sau đậu Tri huyện, rồi thăng tiến lên Đốc phủ hạng nhất năm 48 tuổi (1926) (Tham khảo bút tích ngài Ngô nơi trang 116).

---

<sup>65</sup> Trích từ quyển *Hải Đảo Phú Quốc*, Thư viện trường Trung học Phú Quốc ấn hành năm 1974.

Với đầy đủ điều kiện, 48 là tuổi làm nên sự nghiệp lớn. Nhưng thực tế ngài Ngô Văn Chiêu đã chọn con đường tu hành, “ly gia cắt ái” từ ngày thọ nhận làm đệ tử Tiên Ông. Khi chuyển về Sài Gòn năm 1924, Ngài sống tách biệt với gia đình.

Một việc quan trọng tiếp đến của Ngài Ngô là dụng Pháp môn Vô vi để độ đời; cũng là một cách làm công quả âm thầm.

## **2. Công quả bằng Đạo pháp**

Trước hết xin được kể một câu chuyện.

Có một câu chuyện về Ngài Ngô Văn Chiêu thường được Đạo trưởng Huệ Lương kể cho chư huynh đệ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam nghe. Câu chuyện tuy không thuộc về chính sử nhưng xin ghi lại, đại ý:

“Tháng 10-1926, Quyền Thống đốc Nam Kỳ Le Fol tiếp nhận từ Khai Tịch Đạo do Ngài Lê Văn Trung đại diện gửi đến; thời gian ấy, ông cũng nhận nhiều báo cáo bất lợi cho đạo từ các cấp dưới trình lên.

Ông Le Fol phân vân, cân nhắc. Biết được Ngài Ngô là Đốc phủ làm việc tại dinh Thống đốc, thờ Đức Cao Đài, lại không có tên trong Tờ Khai Tịch Đạo, một hôm, ông bà Le Fol tự đến tư gia Ngài Ngô Văn Chiêu tìm hiểu. Khi nghe Ngài Ngô cho biết về huyền diệu cơ bút, do hiểu kỳ cũng như muốn tự thể nghiệm, ông bà Le Fol đề nghị được



chính mình phò loan. Ngài Ngô chấp nhận và làm pháp đàn trợ diễn.

Lúc cơ lên, ông bà Le Fol mê man. Đến khi tỉnh lại, tiếp được một bản văn bằng Pháp ngữ, ý cho biết trong vòng mấy ngày tới ông bà sẽ nhận được tin buồn. Quả thật, sau đó ít ngày có tin từ Pháp qua, theo đó, cha của ông Le Fol đã mất.”

Như trên đã nói, câu chuyện tuy không thuộc vào chính sử nhưng phần nào chứng minh được phản ứng im lặng của dinh Thống đốc Nam Kỳ trước tờ Khai Tịch Đạo, cũng là một dịp Ngài Ngô dụng Vô vi pháp hỗ trợ gián tiếp cho công cuộc phổ độ của Nhánh Hai.

Hơn tháng sau, ngày 30-12-1926 ông Le Fol tuyên chuyển qua làm Khâm sứ xứ Cao Miên. Ông Blanchard de la Brosse thay thế, làm Thống đốc Nam Kỳ.

### **a. Những chuyến đi “rải thuốc”**

*“Lời tháng tư năm Mậu Thìn (1928) Ngài xin nghỉ được 6 tháng,<sup>66</sup> thông thả đi du lịch theo lệnh Đức Cao Đài Thượng Đế dạy.*

*Cuộc du lịch theo Thánh ý đến nay không ai hiểu rõ lý do chỉ biết đó là cuộc du ngoạn có tính cách*

---

<sup>66</sup> Thực tế Ngài xin nghỉ phép 3 tháng rưỡi. Theo bút tích Ngài ghi lại, thời gian nghỉ phép là từ 16-5 đến 30-8-1928. Đây là lần đầu tiên Ngài xin nghỉ phép dài hạn.

thần bí do lệnh trên dạy. Trong dịp này chư đệ tử theo Ngài rất đông kể có ngót 30 người. Các ông Hội đồng Huy và ông Tư Huỳnh lo sắp đặt phần công quả này. Ông Phán Quý cũng có đi theo.

Đây là chuyến đi xa của Ngài, đường đi thấy nhiều sự tai nạn bất ngờ, khổ cực, gian lao nhưng đều qua khỏi. Ban ngày đi khúc nào vắng vẻ ngừng xe công phu, ăn uống rồi tiếp tục. Ban đêm kiếm chùa chiền tá túc. (...) Ngài khởi sự đi du lịch nhằm ngày 26 tháng tư Mậu Thìn (13-6-1928) qua 28 thì tới Hà Tiên. Ngài bảo ghé lại chùa Tiên Sơn Tự ở Thạch Động nghỉ. Đêm ấy cầu cơ, Sơn Thần giáng:

(...)

“Chư khanh thiên công du lịch, Ta kính tặng Đại Đức một bài công quả:

Thử khứ hậu lai đắc lộ trình,  
Từ nhiên lãng nguyệt hữu Chiêu minh.  
Đương thời thiên vận kỳ luân chuyển,  
Mãn tải công phu sự thái bình.”

(...)

Bữa mừng một tháng năm Mậu Thìn (18-6-1928) Ngài ghé tại chùa Kim Cang (Đế Thiên Đế Thích), đêm đó cầu cơ tại chùa, Đức Thích Ca Như Lai có cho hai bài thi... (...)

Bữa mồng ba tháng năm (20-6-1928) cầu tại núi Bà Khen, Đức Ân Nguyệt Thiên Sư có cho hai bài thi... (...)

*Đi du lịch trên Đé Thiên Đé Thích xong rồi Ngài bèn trở về. Đến mãi phép Ngài làm việc lại và cũng được ở Sài Gòn như trước.<sup>67</sup>*

Đọc đoạn viết trên, chúng ta lưu ý chữ Thiên dùng từ “Thiên công du lịch” để gọi chuyến đi của Ngài Ngô và phái đoàn. Rõ ràng, công phu thiên định có tác dụng phổ độ cứu đời bằng cách đặc biệt nào đó, vô vi nhi vô bất vi.

Ngài Ngô sau đó còn vài chuyến đi như vậy.

*“Hiện nay không ai còn nhớ vào năm nào nhưng biết rõ sau cuộc du lịch Trà Lon<sup>68</sup> còn hai chuyến đi nữa. Chuyến thứ nhứt đi Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre v.v... chuyến thứ nhì Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Chuyến đi này có ông bà Tư Huỳnh, bà Hai Ngữ, cô Ký Út, ông bà Hội đồng Huy, đồng Ngưng.*

*Bà Tư Huỳnh kể: xe đang chạy Ngài biểu ngừng, xuống xe Ngài lấy trong túi ra cái đĩa bàn nhỏ đặt trên đầu xe rồi biền vào số nhỏ, rồi đi nữa. Bà Tư hỏi sao đi hấp tấp quá, Ngài nói: “Rải thuốc rồi đi chớ còn ở làm chi nữa.”<sup>69</sup> (sách chú thích: Ngài nói đi du lịch đó là rải thuốc).*

---

<sup>67</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in năm 1962, trang 56.

<sup>68</sup> Trà Lon hay Tà Lon là tên một ngọn núi ở Campuchia, cách thị xã Kampot khoảng 10 km về hướng Tây Nam. Núi cao hơn 1000m, khí hậu mát mẻ. Đứng trên núi nhìn thấy đảo Phú Quốc của Việt Nam.

<sup>69</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in năm 1962, trang 59.

## **b. Truyền pháp và lập ba đàn đầu tiên**

Sau khi về Sài Gòn khoảng hai năm, đến giữa năm 1926, Ngài Ngô đã truyền pháp đạo cho người môn đệ đầu tiên (dù trước đó Ngài đã có hướng dẫn thờ Thiên Nhân và kinh kệ cho một số vị); đó là ông Lê Văn Huân (1899-1939) một công chức làm việc tại Tòa án Sài Gòn (mời xem thêm nơi trang 178), tiếp đến là truyền pháp cho nhiều vị khác (trang 177).

Nhu cầu phát triển Đạo, dù là Tâm Truyền, cũng cần những nơi thờ phượng nghiêm túc, có người thường xuyên cúng kiếng âm áp, và nhứt là làm nơi truyền Pháp môn cho người hữu căn. Đây là nơi có bộ phận thông công để tiếp Thiên điển thọ nhận lời Thánh huấn. Các nơi này gọi là “Đàn”.

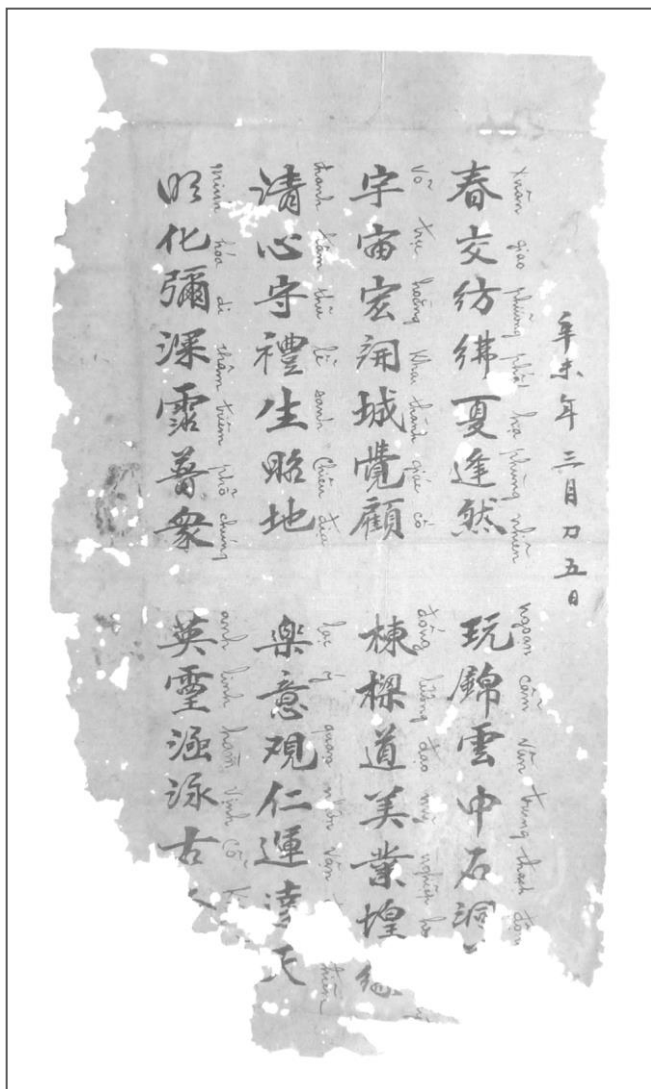
Ngài Ngô Văn Chiêu đã định hướng trước, đầu tiên chọn hai vùng để truyền Pháp, với ba nhà đàn:

- Đàn Phú Lâm tại Sài Gòn.
- Đàn Cần Thơ.
- Đàn Chợ Lớn

Các nhà đàn trên được trình bày chi tiết ở phần sau, trang 164.

## **c. Giảng đàn khi còn tại thế**

Giảng đàn qua cơ bút là việc hệ trọng của các Đấng, phải có Thiên lệnh với một nhiệm vụ cụ thể



Bút tích của Ngài Ngô Văn Chiêu ghi lại bài thơ Ngài giảng  
 đàn ngày mừng 5 tháng 3 năm Tân Mùi (1931)

trong thời điểm nào đó. Ngài Ngô Văn Chiêu đã làm “nhiệm vụ” đặc biệt này khi còn sinh tiền. “*Tuy Quan Phủ tu hành khổ hạnh nhưng Ngài rất an vui tự tại trong cảnh thanh bần vì Ngài đã thành Đạo tại thế.*”

*Năm Canh Ngũ (1930) nhằm ngày mùng năm tháng ba, ở Đan Hiệp Minh Cái Khê, Cần Thơ, chư nho hội nhau cúng Trời Phật và phò loan. Lúc ấy nhằm giờ Ngọ, Quan Phủ đương ngồi tịnh ở đơn phòng của Ngài ở số 110 đường Bonard Sài Gòn trên lầu 3, Ngài xuất thân đi dạo chơi với Đức Vân Trung Tử Đại Tiên. Ngang qua Đan Hiệp Minh thấy chư nho thành kính trong việc cúng kiếng và có người nhắc đến Ngài, nên Ngài và Đức Vân Trung Tử giáng điển cho chung bài thi như sau:*

*Xuân giao phượng phát hạ phùng nhiên  
 Ngoạn cảm Vân Trung thạch động tiền  
 Võ trụ hoàng khai thành giác cố  
 Đồng lương đạo mỹ nghiệp hoàng duyên  
 Thanh tâm thủ lễ sanh Chiêu Địa  
 Lạc ý quan nhơn vận đạt thiên  
 Minh hóa di thân triêm phổ chúng  
 Anh linh hàm vịnh cổ kim truyền.”<sup>70</sup>*

---

<sup>70</sup> Theo bút tích Ngài Ngô (hình chụp ở trang 124), Ngài giáng đàn ngày mùng 5 tháng 3 năm **Tân Mùi (1931)**. Trên một số sách đã in có hai chỗ cần lưu ý chỉnh lại: “**Thanh** tâm thay vì Thành tâm; **Quan** nhơn thay vì quang nhơn”. Bài thơ in bên trên đã được sửa.

“Trong bài thi có tên của Đức Vân Trung Tử và tên Ngài “Chiêu Địa” vì lúc sanh tiền Ngài được nhiều người thân tặng cho danh hiệu ấy vì cái bụng lớn của Ngài. Sau có người hỏi lại, Ngài xác nhận đó là sự thật. Bài thi kỷ niệm trên đây được các đệ tử Ngài học thuộc lòng, và từ khi Ngài liêu tới nay thường năm tới ngày mừng năm tháng 3 là lập lễ kỷ niệm Ngài hiển Đạo tại thế mà khi Ngài còn tại tiền Ngài công nhận. Ngài cũng có giảng cơ Đàn Phú Lâm và cho bài sau đây:

Đàn Phú Lâm, 13 tháng giêng năm Nhâm Thân (18-02-1932).

### **Thiên Mạng Tiên Ông, Ngô Minh Chiêu**

Bài:

Nghĩ cuộc thế mà buồn cho thế  
 Hiển theo Tiên thế mới lạ kỳ  
 Non Tiên sớm Lão hồi quy  
 Dựng nền Đại Đạo trường thi lựa tài  
 May mắn kẻ lánh đời bay nhảy,  
 Sớm hồi đầu ác cải thiện tùng  
 Lăn theo mối Đạo Trung Dung  
 Ngày đêm tứ tiết khôn trung một bầu.  
 Sau Lão sẽ tiếp.”<sup>71</sup>

---

<sup>71</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, 1962, trang 68. Sau khi quy vị, Đức Ngô có giảng cơ tại đàn Phú Lâm ngày 29-3 Nhâm Thân (03-5-1932) cho tiếp bài thi này.

Ngài Ngô được một số người cho biết rằng đã có nhiều lần giảng đàn nơi khác, đơn cử, Ngài giảng tại Chiếu Minh Đàn Cái Vồn (Cần Thơ) đêm 03-01-1932 (Nhâm Thân):

**“Ngô văn Chiêu**

*Ngô Văn thiếu tứ thiếu tình tâm*

*Chiêu giảng đông tây ý vị đàm*

*Tất báo thân nhơn, nhơn khả thiện*

*Thiện đa đa thiện, ngã lai lâm.*

*Lai lâm khuyến thiện, khuyến thân nhơn*

*Tích phước từ tâm vị kiến thân*

*Khứ khứ hành trình, kim nhứt thời*

*Tùng thời ản thế, thế phiến thân.*

*Phiến thân linh diệu, diệu đơn tri*

*Khả đãi hành tàng tự kiến tri*

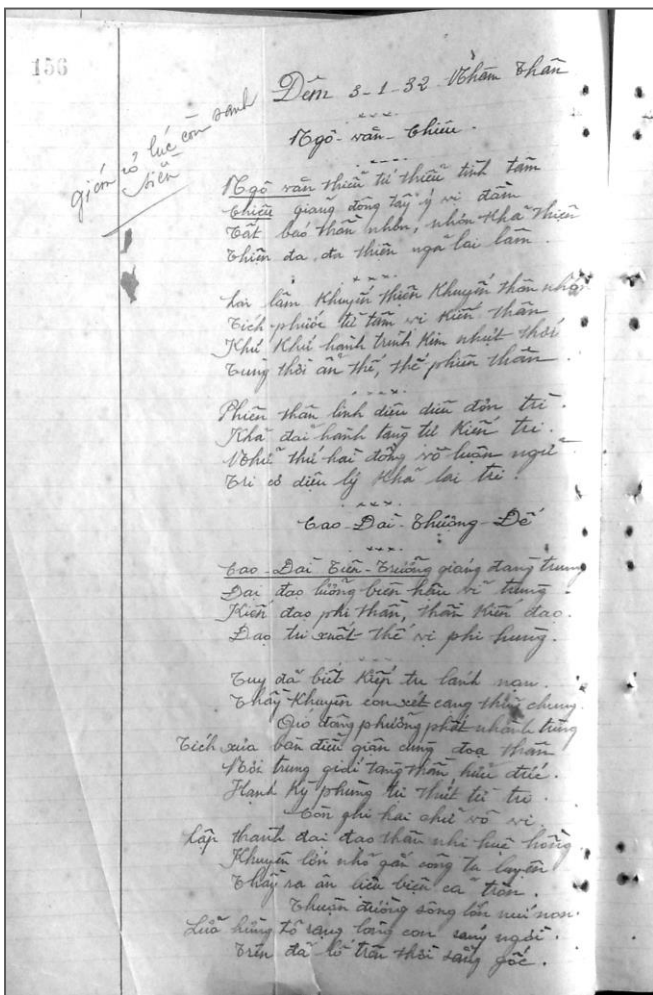
*Nhữ thứ hài đồng vô luận ngữ*

*Tri cơ diệu lý khả lai tri.”<sup>72</sup>*

---

<sup>72</sup> Người viết cùng quý vị đại diện Tổ đình Chiếu Minh đến Chiếu Minh Giáo Tòa, được vị Quyền Chương giáo, Đại sư Bùi Liên Chi cho chụp lại nhiều trang trong quyển Thánh giáo viết tay, có nhiều bài từ năm 1926. Riêng bài Thánh giáo này được Đại sư cho biết do đồng tử Huệ Chơn tiếp diễn (cụ Huệ Chơn về sau hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo).





Ảnh chụp một trang Thánh giáo tại  
 Chiếu Minh Đền Cái Vồn

### 3. An định việc xuất thế đấng Thiên

#### a. Những sắp xếp sau cùng

Ngài Ngô Văn Chiêu thành Đạo tại thế, vì vậy Ngài biết trước, và trù định, sắp xếp hậu sự việc thoát xác cho mình. Có lẽ Thánh giáo của Đức Cao Đài ban cho Ngài Ngô tại Phú Quốc, khi Ngài chuẩn bị chuyển về Sài Gòn (7-1924), là tiên báo đầu tiên. Thánh giáo ấy có đoạn:

*“Giờ này Thầy điếm thâm công  
Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên”.*

Giữa năm 1931, Ngài Ngô còn làm việc tại Sài Gòn (ngày 01-6-1931 Ngài chuyển trở lại làm việc ở 2<sup>è</sup> Bureau dinh Thống đốc). Lúc này Ngài đã bớt ăn uống. Tinh thần Ngài vẫn minh mẫn nhưng sức khỏe kém dần. Các đệ tử có phần lo lắng, Ngài Ngô thường trấn an, lại nói “chẳng ai biết được căn bệnh của Ngài”.

*“Đến cuối năm 1931, Ngài mệt nhiều nên xin phép ở nhà dưỡng bệnh.*

*Khi đi Trà Lơn lần thứ 2, chuyển về Ngài ghé Cần Thơ vào ngày mùng 5 tháng 3 Nhâm Thân (10-4-1932). Các đệ tử của Ngài có câu cơ đặng hỏi thăm căn bệnh của Ngài, chớ còn Ngài chẳng hề nói thiệt sợ e các đệ tử theo bịnh rịn làm trễ ngày giờ Ngài. Đức Đại Từ Phụ có giảng cơ dạy như vậy:*



### **Ông Võ Văn Thơm**

(1867-1943)

Ông thường được gọi là Hội Đồng Thơm (phu quân bà Huỳnh Thị Trinh); ông là người tích cực góp phần tạo dựng Chiếu Minh Nghĩa Địa



**Am (còn gọi là Thảo Lư) xây dựng năm 1932, đối diện Chiếu Minh Nghĩa Địa, nay không còn.**

*“Xác phàm cư tại thử xứ, còn linh hồn du diễn  
Tứ Châu phổ hóa”.*

*Bữa 12 tháng 3 Nhâm Thân, Đức Văn Xương  
Đế Quân cho như vậy:*

*“Chung quy rồi nợ ấy tiêu diêu  
Đủ đức hạc đưa giữa nhạc thiêu  
Phơi phới gót sen lên chín bực  
Vui miền thanh nhã trí phong phiêu”.*

*Ở Càn Thơ Ngài không chịu ở nhà ai hết. Các  
đệ tử Ngài bèn cất cho Ngài cái am, cách châu  
thành Càn Thơ 3 ngàn thước, trước Chiêu Minh  
Nghĩa Địa. Ngài dạy phải làm bằng cây lợp lá  
đơn sơ thôi, bởi chỉ dùng có chừng một tuần nhật,  
làm tử tế không ích gì lại tốn kém. Trong lúc cất  
am, Ngài tạm ở cái am của bà Tư Huỳnh kế bên”.<sup>73</sup>*

<sup>73</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 70.

Xin nói thêm về 2 cái am nêu trên: Năm 1930, thân mẫu bà Tư Huỳnh (bà còn có tên: Trần Thị Hương, Tư Hồng, Minh Hồng) mất, an táng trong Chiêu Minh Nghĩa Địa (Chiêu Minh Nghĩa Địa đã được tạo dựng từ năm 1927, do 3 vị: Võ Văn Thơm, Nguyễn Văn Huỳnh và Họa đồ Lê Công Phụng). Bà Tư Hồng vào một am tu đối diện nghĩa địa để báo hiếu và an tịnh tu hành.

Đầu năm 1932, bà cho xây cất lại am, lợp ngói, lót gạch khang trang và gọi đó là Thảo Lư. Nơi đây thường lập đàn cơ nên trong các bản điển ký ghi là Thảo Lư Đàn. Đến khi Ngài Ngô dạy cất am cho Ngài an dưỡng, chuẩn bị thoát xác, có tài liệu cũng gọi am này là Thảo Lư nên dễ nhầm lẫn. Chúng tôi tạm gọi đây là “Am lá”. Am lá cất cạnh Thảo Lư, nằm trên một ao sen, rất thanh nhã, nhưng vì cất bằng vật liệu đơn giản nên chỉ vài năm sau đã bị hư hoại. Riêng ngôi Thảo Lư, đến năm 1935 đã được ⇨

“*Chung quy rồi nợ ấy tiêu diêu*”, lời Thánh ngôn của Đức Văn Xương Đế Quân cho biết “nợ đời” của Ngài Ngô Văn Chiêu đã xong, Ngài chuẩn bị thời gian từ mùng 5 đến khoảng mùng 10 tháng 3 Nhâm Thân, Ngài tạm ở tại Thảo Lư, chờ cất Am lá. Lúc này, mỗi buổi Ngài chỉ dùng ít trái cây, chuẩn bị quy Thiên. Hàng đệ tử và con cháu Ngài cũng không ngờ được điều này vì tuổi đời Ngài Ngô là 54, chưa phải cao tuổi lắm.

Những ngày, những giờ phút cuối cùng của Ngài Ngô còn tại thế là những khoảnh khắc thiêng liêng, hết sức quý giá. Ngài tuyệt đối không cho một ai biết mình sắp chia tay, để tránh mọi người bị lụy theo thế đời. Ngài dùng những giờ phút cuối để căn dặn các đệ tử, đang tựu về chung quanh, những việc cần thiết căn bản cho việc tu hành <sup>74</sup>:

---

phá dỡ để xây dựng ngôi Thánh Đức Tổ Đình Chiếu Minh, còn đến nay.

<sup>74</sup> Đến giữa năm 1934, việc giữ đúng theo lời dạy của Ngài vẫn chưa được thực hiện. Đêm 04-7 Giáp Tuất, Thầy giảng tại nhà ông Nguyễn Háo Vĩnh giao nhiệm vụ:

“*Mấy con hãy lập một bồn kinh y như Huân truyền cho các con rồi để lưu lại Tàng Thơ, có dấu ký tên của Huân và Lý, chứng nhận rằng hai đứa nó truyền lại y như của Ngô Đại Tiên dạy (...)* Sau đây sẽ cử do đó là chánh góc rồi thi hành cho y như vậy.”

Vài ngày sau, Đức Ngô giảng tại Trước Tiết Tàng Thơ:

“*Ngô Đại Tiên, hỷ chư môn đệ (...)* ⇨

- Thứ nhất: Giữ đúng chơn truyền Ngài đã dạy; từ cách sắp xếp, nghi thức cúng kiếng trên bàn thờ, kinh kệ cho đúng nguyên... đến cách các đệ tử sinh hoạt, đoàn kết thương yêu nhau.

*“Khi Ngài gần quy liễu còn ghi “mấy lời kim thạch” lưu lại cho các đệ tử.”<sup>75</sup>*

*Ngài dạy dùng vải để chép những bài Thánh giáo dạy giữ y quy củ của Ngài khai Đạo Kỳ ba này.”<sup>76</sup>*

- Thứ nhì: Về pháp môn tu luyện. Đây là phần cuối cùng của thời gian còn lại, vào Ngọ thời ngày 13-3 Nhâm Thân:

*“Ngài triệu tập tất cả đệ tử hiện diện công phu và sắp đặt: Ngài ngồi trên, giữa. Hai hàng hai bên:*

*Bà Hội Đồng Thơm      Bà Tư Huỳnh*

*Cô Tám Lưu              Cô Năm Nguyệt*

*Bà Đốc Thượng        Bà Niệm*

*Ông Đốc Thượng      Ông Hội Đồng Huy.”<sup>77</sup>*

*Về phần **Vĩnh**, trò đã sắp đặt bốn kinh của Ta truyền, hãy đem vô đàn Phủ Lâm rồi cho chư đệ tử dọn lại, và từ đây phải tuân hành y như kiếu mẫu chẳng nên chế cải, sau thất chơn truyền.”*

Ngày rằm tháng 7 Giáp Tuất (1934), chư vị hoàn tất quyển “Bốn Nguyên Kinh bên Phái Bạch Y Vô Vi của Đức Ngô Đại Tiên Chơn Truyền” gìn giữ bốn nguyên cho đệ tử Chiếu Minh đến nay và mãi về sau.

<sup>75</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 68.

<sup>76</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 70.

<sup>77</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 74. ⇨

Buổi công phu này thiết nghĩ có nhiều ý nghĩa:

- Kiểm tra lại lần cuối pháp môn công phu của các đệ tử đã học Đạo với Ngài, nếu có điều cần Ngài sẽ chỉ dẫn thêm. Ngài đã yên tâm.

- Bằng Thần lực, Ngài ban ơn cho các vị này nói riêng, và toàn thể các hàng đệ tử nói chung, ân điển của Ngài trước khi giã từ.

Qua buổi công phu cuối cùng này, Ngài tạo điều kiện cho các đệ tử chia tay Ngài trong vô vi thanh tịnh. Chắc chắn rằng, với các vị có mặt hôm ấy, buổi công phu cuối cùng với Ngài là một kỷ niệm không thể nào quên.

### **b. Cõi rỗng về nguyên**

Từ sáng sớm ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân (18-4-1932), Ngài Ngô đã dặn bà Tư Huỳnh chuẩn bị sẵn xe cho Ngài có việc cần.

Lòng bà Tư muốn lưu Ngài ở lại Cần Thơ nên có hơi dè dặt. Ngài Ngô cho mời ông Hội Đồng Võ Văn Thơm vào gặp. Hai vị nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp nên mấy bà không hiểu.

---

Xin ghi rõ thêm: Bà Hội Đồng Thơm tên Huỳnh Thị Trinh, bà Tư Huỳnh tên Trần Thị Hương; cô Tám Lưu tên Nguyễn Thị Lưu; cô Năm Nguyệt tên Ngô Thị Nguyệt (con Ngài Ngô); bà Đốc Thượng tên Nguyễn Thị Nghiêm; bà Niệm tên Nguyễn Thị Luân; ông Đốc Thượng tên Nguyễn Thiện Thượng; ông Hội Đồng Huy tên Bùi Quang Huy. Tất cả các vị đều là đệ tử trực truyền của Ngài Ngô.

Ông Hội Đồng Thơm cung kính nghe Ngài Ngô căn dặn, sau đó vâng dạ lui ra.

Lúc sau, người lái xe của ông Hội Đồng Thơm lái chiếc xe Delahaye đã được lau rửa sạch sẽ đến trước am. Cô Năm Nguyệt hỏi Ngài “*Cha đi về Tân An phải không?*” Ngài cười bảo “*Cha đi bí mật*”.

*“Sau giờ công phu, anh đồng Ngung công Ngài ra xe, đi theo có Bà Thơm, Bà Huỳnh, Cô Năm Nguyệt và anh đồng Ngung.*

*Ngài thì ngồi một mình băng sau, còn Bà Tư, Bà Thơm ngồi sụp xuống hai bên dưới chun Ngài.*

*Da mặt và mình mẩy Ngài từ từ đổi ra vàng như nghệ. Xe đến bến đò Cần Thơ, ngừng để mua vé đò, bọn trẻ nhỏ xúm lại xem, hỏi: Ông đau chi mà vàng lờm như vậy Ông? Bà Thơm lấy mấy tấm màn xe che lại thì Ngài gỡ xuống mà không nói, Đến đò Mỹ Thuận, Bà Tư vào chờ mua vé, mấy đứa nhỏ cũng bu xem và hỏi như ban nãy. Ngài bảo: Đã đến giờ rồi mà chưa đi, kêu chị Tư ra đi. Cô Năm Nguyệt thưa còn chờ mua giấy đò rồi đi liền.*

*Xe xuống đò Mỹ Thuận xong, đò xô ra độ hai ba phút đồng hồ tại sông Tiền Giang thì hồn Ngài lia xác. Ngài xuất hồn đi êm ru không ai hay cả, cho đến mấy người đệ tử theo trên xe hầu Ngài cũng chẳng hay. Tới chừng đó có người làm ở dưới đò Mỹ Thuận thấy, tri hô lên, nói: Mấy Bà đi đâu mà đem ông già chết đi theo, có giấy phép hay*



không? *Mấy Bà hoảng hốt, khóc và xin quay đò trở lại.*

*Thế, Ngài liễn đạo nhằm ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thìn, lối 3 giờ chiều (18 Avril 1932).*

*Đò quay lại, xe lên bờ thì vừa kịp lúc xe của Ông Tư Huỳnh và Ông Hội Đồng Huy vừa đến. Tất cả hay sự việc, đều quay trở lại Thảo Lư Cần Thơ. Đến nơi, phò xác vô đặt ngòi tại Thảo Lư<sup>78</sup>, lúc bấy giờ nước da mặt Ngài trở lại trắng và con mắt bên trái bắt đầu mở to ra, có đủ tinh thần như khi còn sống, còn con mắt bên mặt thì nhắm như thường.”<sup>79</sup>*

Báo Đuốc Nhà Nam xuất bản ngày 25-4-1932 viết về đám tang Ngài Ngô có thêm một số chi tiết:

*“ (...) Chùng xe tới bến đò Mỹ Thuận, thì Ông ngòi xếp bằng trên nệm, hai tay để trong lòng bàn chơn, theo như mọi khi Ông ngòi tịnh vậy. (...)*

*Đến khi về tới Cần Thơ, thấy Ông ngòi yên như vậy thì anh em trong Đạo bồng Ông vô, rồi để trên cái ghế cho Ông ngòi luôn chớ không để nằm.*

<sup>78</sup> Thật ra đây là Am lá mà Ngài đã dặn làm tạm.

<sup>79</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 74.

Theo “Bút tích của bà Trần Thị Huỳnh” (bà Tư Minh Hồng), bản đánh máy, có ghi: “*Lúc đi thì có một người nam là đồng tử của Thầy (Ngưng) theo hộ, với bốn đệ tử của Thầy là: Minh Hồng, Minh Trinh, Minh Lưu, Minh Nguyệt*”. Như vậy trên chuyến xe đưa Ngài Ngô liễn Đạo có thêm cô Tám Lưu (Nguyễn Thị Lưu), đệ tử trực truyền của Ngài.

*Một điều rất lạ là tuy đã tắt hơi mà thần sắc chẳng đổi, trong mình không cứng, rờ ngực nghe còn ấm luôn. Để Ông ngồi như vậy đến ba ngày rưỡi mà hơi nóng nơi ngực vẫn còn.”<sup>80</sup>*

Trước đó khoảng độ nửa năm, như đã tiên đoán trước mọi việc, Ngài Ngô ghi lời di chúc đặt vào một phong thơ dán kín, căn dặn các đệ tử thân cận rằng khi nào ngài liễu thì mở ra hành theo.

*“Khi Ngài liễu đạo rồi thì Đệ tử của Ngài mới xé phong thơ trong ấy có lời di chúc của Ngài. Ngài để lại một trăm đồng bạc và một nang thơ. Ngài dạy lấy số tiền đó mà xây dùng trong cuộc an táng Ngài. Cuộc an táng phải làm cho đơn tiện, chẳng nên bày nhiều chuyện; nhứt là chẳng nên thâu tiền của ai đi điếu cho Ngài. Lúc còn sanh tiền Ngài đã nguyện cùng Thầy “nhứt hào vô phạm” thì đến khi chết Ngài cũng chẳng chịu thọ hưởng của ai. Ngài nhứt định chẳng chịu cho ai để lên bàn thờ của Ngài một số tiền gọi là đi lễ điếu cho Ngài.*

*Ngài lại dạy các Đệ tử của Ngài phải đẩy xe đưa Ngài ra phân mộ.”<sup>81</sup>*

Trong quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in năm 1962, trang 75, phần di chúc có bổ sung thêm:

---

<sup>80</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 81.

<sup>81</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in lần thứ Nhứt 1932, trang 48.

“*Khi Ngài liễu đạo rồi các đệ tử tìm thấy ở Thảo Lư một phong thư do Ngài để lại, có mấy lời:*

*Thôi, các em nhứt tâm.*

*Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại. Chẳng đặng nhiều lời.*

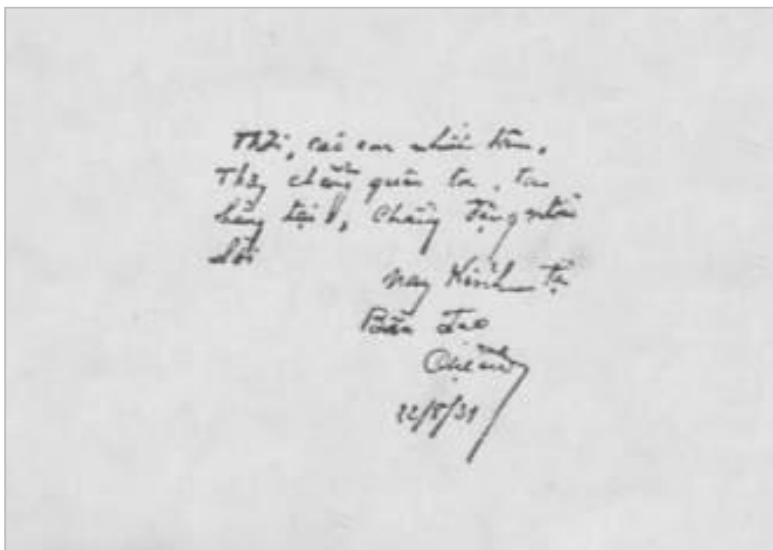
*Nay kính tạ*

*Bản đạo*

*Chiêu”*

Rất tiếc là các bản Lịch Sử không ghi nguyên văn Tờ Di Chúc. Nay đã thất lạc...

Dưới đây là bản chụp lại bút tích của Ngài Ngô trong Di chúc ấy, in nơi trang bìa quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962. Theo ảnh chụp, Ngài viết di chúc vào ngày 22-5-1931 (nhằm ngày 06-4 Tân Mùi).



Sau ba ngày, nhà chức trách phái bác sĩ đến xem xét và yêu cầu nên chôn cất cho đúng luật lệ. Mọi việc khâm liệm đều do các đệ tử Ngài tự tay đảm nhiệm. Trước đó, Ông Hội đồng Võ Văn Thơm đã nhận di chúc trực tiếp từ Ngài Ngô nên đã chuẩn bị một “lục giác”<sup>82</sup> để liệm ngôi.

Chiều ngày 16 tháng 3 năm Nhâm Thân, nhằm 21-4-1932, toàn thể gia quyến cùng hầu hết các đệ tử, môn đồ, thân bằng quyến thuộc đồng tỵ về Cần Thơ đưa tang Ngài Ngô Văn Chiêu, người đệ tử đầu tiên của Đức Thượng Đế Chí Tôn thời Tam Kỳ Phổ Độ.

*“Đám táng không trống không kèn, cũng chẳng có đọc kinh kệ gì hết. Vì Ngài đã có dạy rằng: Lúc sanh tiền mỗi ngày đã có cầu cho Ngài rồi. Ngài đã biết Ngài là ai, đến chết Ngài sẽ đi đâu, nên khỏi đọc kinh cầu nguyện cho Ngài lúc đó.*

*Khi động quan, đem lục giác của Ngài ra xe thì các đệ tử y theo lời dạy, chầm rãi đẩy xe đưa Ngài qua Nghĩa địa.*

*Đường đi chẳng bao xa, cỡ 200 thước. Người đi đưa đám cũng đông mà người đi coi cũng chẳng ít, bởi vì đám táng này lạ mắt bấy lâu nay chưa từng có.(...)*

---

<sup>82</sup> “Lục giác” làm bằng gỗ có sáu mặt đứng đều nhau, cao khoảng 1,2m. Mặt trên và dưới bằng phẳng, đường kính khoảng 0,8m.



**Bửu tháp  
Ngài Ngô tại  
Chiếu Minh  
Nghĩa Địa**



**Cảnh đưa tang Ngài Ngô tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**  
(Liên đài của Ngài được chụp riêng rồi dán lên ảnh nên thiếu cân đối)

*Khi xe tang qua tới phần mộ rồi thì các đệ tử của Ngài bèn phụ, đem quan tài ra để trên một cái nền đã xây sẵn, rồi tiếp tục xây bao quanh khuất hết. Vòng ngoài thì sẽ xây một cái tháp.”<sup>83</sup>*

Tất cả hoàn tất trong không khí trầm buồn nhưng im ắng, thanh tịnh. Toàn một màu tang trắng.

\* \* \*

Về một số sự kiện diễn ra trong giờ phút cuối đời Ngài Ngô, chúng ta thử cùng suy nghĩ.

- Ngài Ngô Văn Chiêu định trước việc **thoát xác trên sông Tiền**, có thể tạm lý giải:

Đức Chí Tôn tiên báo “*Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên*”. Cỡi rồng là một việc không tưởng theo người đời thường. Riêng Ngài Ngô, Ngài hiểu rằng mình sẽ thoát xác trên Tiền Giang<sup>84</sup>. Dù đó là ngoại cảnh, là thể xác, nhưng cũng là lý Đạo.

Đất nước Việt Nam là Thánh địa, có những điều linh thiêng riêng. Sông Cửu Long vào Nam

---

<sup>83</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, trang 79.

<sup>84</sup> Ghi chú cuối trang 47 quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1932, viết: Ngày Rằm tháng Giêng năm Nhâm Thân, quan Phủ Vương Quan Kỳ có xuồng thăm Ngài ở Tân An thì Ngài có nói: *Tuy tôi đau nhiều chớ không chết ở đây đâu. Thầy đã định cho tôi chết ở Tiền Giang.*

Việt tách thành 2 nhánh Tiền Giang và Hậu Giang.<sup>85</sup>

Ngài Ngô đang ở Cần Thơ, chỉ cần vài phút Ngài đã có thể thoát xác trên sông Hậu, nhưng chỉ “cỡ” có 3 rông. Ngài quyết phải về Mỹ Thuận để “thừa lục long” cỡ 6 rông theo Thiên định. Tại sao phải là 6 rông? Kinh Dịch quẻ Kiền có câu: *“Thời thừa lục long dĩ ngự thiên”*. Bài kinh xưng tụng Đức Chí Tôn của đạo Cao Đài có câu tương tự: *“Thời thừa lục long du hành bất tức”* (tạm dịch: Đúng thời cỡ sáu rông vân du không nghỉ). Sáu rông là sáu hào dương, cỡ 6 rông là trọn vẹn, là đạt thuần dương, như lục căn lục trần đã thuần theo Thiên lý.

Thân xác Ngài Ngô “cỡ 6 rông tại Mỹ Thuận” nhưng lúc ấy Chơn thần Ngài đã “thừa lục long dĩ ngự thiên”.

- Sự kiện trước khi thoát xác **da Ngài Ngô vàng như nghệ**, theo thiên ý, Ngài đã luyện thành “Ngũ khí triều ngươn, Tam huê tụ đảnh”.

*“Muốn Tam huê tụ đảnh phải bảo Tinh, dưỡng Khí, tồn Thần. Luyện chơn chưởng thành đờ, cho*

---

<sup>85</sup> Hậu Giang đi qua Cần Thơ sau đó ra biển bằng 3 cửa: Bảo Định, Trần Đề và Ba Thắc (Bassac) (Đến khoảng năm 1970, nhánh Ba Thắc đã bị bồi lấp nên Hậu Giang còn 2 cửa ra biển). Tiền Giang chảy qua Mỹ Thuận mới phân thành 6 nhánh, đổ ra biển bằng 6 cửa: cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu.

*Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần huồn Hư. Ba báu quy về Kim đánh là “Thành Đạo”. Còn muốn cho Ngũ Khí triều ngươn phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế ngũ quan thì ngũ tạng hiệp về tam hồn thanh tịnh vô vi. (...)*

Ấy là Tứ tổ quy gia, hiệp với Huỳnh Lão Trung Ương tức là Ngũ Khí triều ngươn”.<sup>86</sup>

Quy về Huỳnh Lão Trung Ương, hay Trung ương Mồ Kỷ Thổ (Thầy dạy trong phần Tứ Tượng Thành Hình, quyển *Đại Thừa Chơn Giáo*) là Thành Đạo. Huỳnh hay Thổ đều màu vàng; nhưng vàng chỉ trong khoảnh khắc ấy thôi, đến khi linh hồn Ngài Ngô đăng Thiên thì tất cả trở về màu trắng.

- Khi liễu Đạo **mắt trái mở**, đây là một “ấn chứng” của người tu pháp môn Chiếu Minh, Ngài Ngô Văn Chiêu, người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài chứng hiện đầu tiên.

Để tạm lý giải, chúng ta nhớ lại bài kệ về Thiên Nhân: “*Nhãn thị chủ tâm. Lưỡng quang chủ tế. Quang thị thần. Thần thị Thiên. Thiên giả Ngã dã...*”<sup>87</sup> với câu cuối: “*Thiên giả Ngã dã*” (tạm dịch: Trời [thị hiện] như thế, Con Người cũng [có thể] được vậy). Muốn được vậy người tu phải đạt Đạo,

---

<sup>86</sup> *Đại Thừa Chơn Giáo*, chương Thập Tự Tam Thanh.

<sup>87</sup> Đây là bài kệ đặc biệt được Thầy dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Nhánh Công truyền) và trong *Đại Thừa Chơn Giáo* (Nhánh Tâm truyền).



phối Thiên. Thiên Nhân trên Thiên Bàn trở thành ấn chứng ngay trên thân xác người Thành Đạo, quả là một đặc ân mà Đức Chí Tôn ban cho, quá đặc biệt cho hành giả tu hành thời Tam Kỳ Phổ Độ này.

Có một chi tiết nhỏ, lúc đến bến đò Mỹ Thuận *“Ngài bảo: Đã đến giờ rồi mà chưa đi...”*

Về phần Thiên, Ngài thấy lệnh Thiên triệu đã tới, không thể chần chừ, xe lại chưa lên sông.

Về phần Hậu thiên, ngày 13-3 Nhâm Thân nhằm 18-4-1932, giờ Hoàng Đạo từ giờ Ngọ đến hết giờ Mùi (3 giờ chiều), sau đó là Hắc Đạo. Điều này có thể phần nào ảnh hưởng việc Ngài Ngô muốn đi cho kịp.

## TẠM KẾT VỀ CUỘC ĐỜI NGÀI NGÔ

• Riêng nói về cuộc đời quan chức của Ngài Ngô Văn Chiêu, sau khi tổng kết, chúng ta thấy rõ con đường thăng tiến thật đẹp: Năm 21 tuổi (1899) đậu Thành Chung, được nhận làm Thơ ký tập sự ngay, vào chánh ngạch năm 1901, lên ngạch và lên lương các năm 1904, 1908, 1910, 1913, 1916. Đậu Tri huyện năm 1917, lên Tri huyện hạng 1 năm 1920, lên chức Tri phủ năm 1924, Lên Đốc phủ năm 1926. (Đốc Phủ là chức phẩm cao nhất mà người Việt có thể đạt đến trong chế độ thời bấy giờ)... thế nhưng, qua đến 1931, năm Ngài 53 tuổi, Ngài Ngô từ nhiệm để chuyên lo việc tu hành. Trên thực tế, ở vào tuổi và địa vị này hầu hết mọi người đều lo hưởng thụ. Ngài thì lại khác người, ra Phú Quốc làm chủ quận - như vua một vùng - Ngài lại xem như mình bị đi đày xa xứ. Trong bức thư từ Phú Quốc gửi cho con gái kể trên, có đoạn Ngài viết: *“Các con ngẫm nghĩ mà xét lại. Cha bị đày đã gần bốn năm rồi, các sự rủi ro trong nhà, tai nạn các con đều qua khỏi hết, đến đâu có quới hơn phò tri, có người thương xót, vậy là phước rồi...”*

Từ nhỏ, Ngài Ngô đã cố gắng tự vươn lên bằng con đường quyết chí đi học. Ngài đã đường hoàng tạo được vị thế cho mình đến mức cao tột trong xã hội. Thế nhưng, đạt được rồi, Ngài lại không hề cho rằng quan chức là mục đích cuối cùng của cuộc sống. Càng thăng tiến, càng thành công Ngài càng

khiêm nhường, có lúc xem đó là sự bị dày để trả nợ kiếp phù sinh. Cách suy nghĩ này thật lạ. Tâm lý hạ mình như vậy đã đi suốt con đường đời của Ngài, từ lúc chọn bạn đời đến làm việc, sinh hoạt... qua một số câu chuyện cụ thể đã nêu.

- Một phần câu chuyện về Nhơn đạo của Ngài Ngô Văn Chiêu là như vậy, chắc chắn còn nhiều điều khác chúng ta chưa biết. Có nghiên cứu cuộc đời của Đức Ngô chúng ta sẽ thấy, xuyên suốt là cả một đức tính khiêm nhường trong khi đạt hết thành công này đến thành công khác.

Nhìn lại, cuộc đời của Đức Ngô rất rõ ràng, rành mạch: 20 năm đầu đi học, 20 năm kế báo hiếu, lập gia đình, 12 năm cuối ly gia cắt ái. Đức Ngô đã hoàn thành tốt phần Nhơn đạo của mình. Công việc đó chỉ là cơ sở, là nền tảng, không có không được, để tiếp nối một công việc khác to lớn hơn nhiều, đó là đường tu Thiên Đạo. Nhờ có Thiên Đạo Đức Ngô mới đạt phẩm vị Đại Tiên.

Chúng ta đang có những điều kiện rất thuận lợi để hành tròn Nhơn đạo và Thiên đạo, như Ngài Ngô. Các thế hệ sau này, nếu đi theo đúng Tân pháp Cao Đài cũng sẽ được các điều kiện thuận lợi ấy, y như lời Ngài Ngô dạy các con mình: *“Các sự rủi ro trong nhà, tai nạn các con đều qua khỏi hết, đến đâu có quới nhơn phò trì”*. Việc trả những món “nợ tiền khiên” nhờ vậy sẽ nhẹ nhàng bớt.

**PHẦN BA**

**CƠ TUYÊN ĐỘ**  
**THỜI TAM KỶ**

## A. NGUYÊN TẮC PHÁP MÔN NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN

*“Khoa Tâm truyền để dẫn dắt người hữu căn, muốn ly khai thế cuộc, tìm đường siêu xuất.*

*Tín đồ phải trường trai, tuyệt dục, tứ thời thiền định, phải chịu bao nhiêu sự khổ đảo, thử thách, chẳng nài khổ hạnh. Nhứt trần bất nhiễm.*

*Công phu, công quả, công trình phải đều đặn.*

*Tóm tắt, tín đồ phải thấu triệt lý huyền vi, diệu ẩn, phải chính tâm diệt dục, vong kỷ xả thân: kể mình như đã chết chưa chôn.”*<sup>88</sup>

Bước đầu tiên, người tu theo Nội Giáo phải nắm lòng bốn câu kệ của Phật Đạo, được Ngài Ngô viết lại thành tám câu lục bát như sau:

*“Một là sanh chúng hằng hà,  
Dốc lòng cứu vớt, lòng ta thê nguyên.  
Hai là phiền não nói chuyển,  
Nguyện thê đoạn tuyệt như thuyền ra khơi.  
Ba là chí học chiêu mời,  
Pháp môn sâu nhiệm, thanh thời có ngày.  
Bốn là Phật Đạo cao dày,  
Nguyện thành chánh quả mới tày chí ta”.*

Song song theo đó, hành giả được mật truyền và trì hành công phu theo đúng pháp môn Ngài

---

<sup>88</sup> Chiếu Minh, *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, 1962, trang 129.

Ngô đã học trực tiếp từ Thiêng Liêng tại Phú Quốc. Các pháp môn này có nguyên tắc gần giống như phép luyện đơn của Tiên gia và Thiền tông Phật giáo. Hành giả phải tịnh tọa công phu vào tứ thời Tỵ, Ngọ, Mẹo, Dậu, trong ngày.

Nhưng, điểm đặc biệt khác của Tân pháp Cao Đài là hành giả được “điểm Thần”. Ngày 13-01 Bính Dần (25-02-1926), vấn đề này được Thầy giảng trong ý nghĩa Thiên Nhãn:

*“Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bế, lập Tam kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp “Tinh Khí” đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh...*

*“Thầy đến đặng hườn nguyên chơn Thần cho các con đặng đắc Đạo.”*<sup>89</sup>

Sau này, năm 1936, Thầy dạy thêm trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Người ngộ đạo phải lấy Ngũ Hành chế tạo mà luyện kim đơn cho thành xá lợi. Muốn thành xá lợi cần vận chuyển pháp luân cho Ngũ khí triều ngươn, Tam huê tụ đánh....*

*Muốn Tam huê tụ đánh phải bảo Tinh, dưỡng Khí, tồn Thần. Luyện chơn chương thành đồ cho Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư, ba báu quy về tại Kim đánh là “Thành Đạo”.*

---

<sup>89</sup> Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, 1928, trang 12.

*Còn muốn cho Ngũ khí triều nguồn thì phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế ngũ quan thì ngũ tạng hiệp về, tâm hồn thanh tịnh vô vi”.*

Hành giả tu theo khoa Nội giáo Tâm truyền phải thật nghiêm túc giữ giới quy (như Ngũ giới cấm, trường trai tuyệt dục...), giữ Tinh Khí Thần không hao tán.

## B. VỀ DANH HIỆU CHIÊU MINH

Có thể nói, về nguồn gốc hai chữ “Chiêu Minh”, ngày nay ít người tường tận, ngay cả những vị tu Chiêu Minh lão thành. Nguyên do chánh, vì rằng khi được hỏi, quý vị thường trả lời: “*Không để ý lắm, chỉ biết lo tu thôi*”.

Vậy nên, trừ trường hợp tìm được sử liệu xưa chính xác, ngày nay chúng ta chỉ có thể chất lọc và suy luận từ các nguồn hiện có, chủ yếu là các quyển “*Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*” (in lần thứ Nhứt năm 1932), đến các quyển sau (in lần thứ Tư năm 1954; in lần thứ Năm năm 1962).

### 1. Danh hiệu Chiêu Minh

Thường được đề cập đến trước hết là “Chiêu Minh Nghĩa Địa”. Nghĩa địa được chư đạo hữu lập nên giữa tháng 5-1927. Ông Lê Công Phụng<sup>90</sup> là một trong những vị góp phần vào, có viết thư cho Ngài Ngô xin phép sau này đưa xác thân Ngài về đây, mục đích chánh là xin Ngài xác nhận. Ngài Ngô hồi đáp, có đoạn: “*Về sự ‘Nghĩa địa’, tôi mừng cho các đạo hữu có công đức với người đồng đạo...*”. Vậy là Ngài đã đồng ý.

Trong quyển “*Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*” in lần thứ Nhứt, năm 1932, sau từ “Chiêu Minh Nghĩa Địa” có phần ghi chú:

---

<sup>90</sup> Ông Lê Công Phụng thượng tượng ngày 15-10 Mậu Thìn.



“Lúc Nghĩa địa lập thành rồi, thì tín đồ ở Cần Thơ có cầu Thần, Tiên mà xin đặt tên Nghĩa địa. Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên mới cho tên là “Cao Đài Nghĩa Địa”.

Bởi lúc ấy thiên hạ còn đang công kích đạo Cao Đài lắm, nên các tín đồ Cần Thơ xin Đức Lý cho tên khác phòng khỏi thiên hạ, kẻ đi qua người đi lại, xâm xì nhạo báng. Đức Lý Đại Tiên mới sửa lại là “**Chiếu Minh Nghĩa Địa**” trùng tên với đàn Chiếu Minh. Mà tên đàn Chiếu Minh thật là Thần Tiên cho là Chiêu Minh, song có một vị tín đồ bạch rằng hai chữ Chiêu Minh không khác xa hai chữ Chiêu Bình là bao nhiêu, sợ người ta nghe không rõ mà có việc hồ nghi, không tốt; nên Thần, Tiên mới phết thêm một dấu sắc, mới thành ra Chiếu Minh”.

Ghi chú này được các quyển “*Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*” in sau sử dụng hầu như nguyên văn, qua đó, chúng ta thấy:

- “**Chiếu Minh Nghĩa Địa**” trùng tên với đàn Chiếu Minh”, Nghĩa địa được lập cuối năm 1927, như vậy, các Đàn Chiếu Minh đã được định danh trước đó, cụ thể là Chiếu Minh Đàn Phú Lâm và Chiếu Minh Đàn Cần Thơ, đều có từ khoảng đầu năm Đinh Mão (1927).

- Đức Lý đặt tên “**Chiêu Minh**” có lẽ muốn tôn chữ “Chiêu”, tên Ngài Ngô. Và cũng có thể Ngài Ngô biết, muốn ản đi một chút, nên khiến thành

chữ “Chiêu”.<sup>91</sup> Dù sao, qua đó thấy Ôn Trên quá chiều lòng các đệ tử đầu tiên. Tiếp phần *Lịch sử*:

“*Cũng lúc cầu Tiên xin tên nghĩa địa đó, tin đồ ở Càn Thơ có xin Thần, Tiên phê cho ít bài thi nói về nghĩa địa để làm kỷ niệm. Thần Tiên cũng vui lòng phê cho mấy bài liên hườn dưới đây:*

**“Lý Đại Tiên**

*Chiếu* gương nhứt nguyệt rõ tâm thành,  
*Minh* cảnh đài trung rạng giá thanh,  
*Nghĩa* tụ ngàn năm bia tạc để;  
*Địa* trường hai chữ tặng môn sanh.

(...)

*Muôn năm Nghĩa địa chẳng phai mòn,*  
*Ngọc Đé hồng ân tạc sử son,*  
*Hai chữ **Chiếu Minh** làm kỷ niệm;*  
*Lưu truyền vạn kiếp vững bền còn.*

**Cửu Thiên Huyền Nữ**

*Bên còn hai chữ **Chiếu Minh Đàn,***  
*Hiệp lực đồng tâm nghĩa mộ an,*  
*Lập chi tu hành cho phải phép;*  
*Ngàn năm xác dẫu, phách không tàn.”*

---

<sup>91</sup> Ngài Ngô viết tên mình (*Chiêu địa*) trong bài thi Ngài giảng đàn lúc còn sanh tiền (ảnh trang 124), theo đó, chữ Chiêu viết 昭, có nghĩa là sáng sủa, làm sáng tỏ; chữ Chiếu viết 照, cũng có nghĩa là soi sáng, chiếu sáng. Ý nghĩa của hai chữ này không khác nhau.

Nói chung, danh hiệu **Chiếu Minh Đàn** có từ đầu năm 1927, đồng thời với sự thành lập hai đàn Phú Lâm và Cần Thơ; sau này, nếu tìm được Thánh giáo xưa xác định thì quá tốt vậy.

## 2. Về chữ Minh trong Đạo danh tín đồ

Tất cả tín đồ chánh thức của Chiếu Minh đều đương nhiên có Đạo danh với chữ lót là “**Minh**”, dù nam hay nữ. Tuy vậy, tìm lại quyết định của Ngài Ngô, hay Thánh giáo dạy về vấn đề này, vẫn chưa thấy.

Vì thế, để tìm gốc tích việc này, chúng ta vẫn phải nhờ đến Thánh giáo xưa dạy chính Ngài Ngô; từ tên riêng **Ngô Văn Chiêu** đến đạo danh **Ngô Minh Chiêu** để suy luận.

- Từ đầu, chữ Minh thường được Ôn Trên đưa vào Thánh Giáo khi dạy Đức Ngô, như:

- Trung Thu năm Kỷ Mùi (1920), đàn tại nhà ông Lâm Tấn Đức, có câu:

*“Cao Đài Minh nguyệt Ngô Văn Chiêu”.*

- Ngày 16-01 Mậu Thìn (1928), tại đàn Hiệp Minh:

*“Nguyệt Minh cao chiếu thượng ngươn quang,  
Chánh khí huyền đô Tử Phủ đàn”*

- Trung Thu Mậu Thìn (1928), tại nhà ông Nhung (Sài Gòn):

*“Tầm sư học Đạo chốn Linh Tiêu,  
Từ thuở Tam Hoàng Minh nguyệt triều,  
Đài nội Minh Hoàng lên viếng cảnh;  
Trăng thu vọng tưởng chỗ Minh Chiêu”*

- Ngày 03-5 Mậu Thìn (1928), tại núi Bà Khen:  
*“Chiêu Minh đạo lý dắt người mê”*

• Đến khi Ngài Ngô đăng Tiên, dường như sự việc rõ ràng hơn. Thời gian đầu Ngài giảng đàn còn xung thế danh:

- *“Thất Bửu Sơn (Châu Đốc) ngày 30-3 Nhâm Thân (05-5-1932).*

*Ngô kỳ huynh liễu đắc thành công,  
Văn thượng Thiên Đình lý luật đông,  
Chiêu dắt nhơn sanh cơn kiếp khổ,  
Giảng tường cho rõ hiểu hồn vong.”*<sup>92</sup>

- *“Minh Thiện Đàn (Bạc Liêu) ngày mồng một tháng tư năm Nhâm Thân (06-5-1932), tại nhà Hội đồng Cân.*

*Ngô đồng lá rụng nhánh còn tươi,  
Văn sĩ nhà Nam gấm mực cười,  
Chiêu tập trời thu trăng sáng rõ,  
Lai đàn chào bạn nghĩa nhân mười.”*

Nhưng, chỉ mười ngày sau, tại đàn Trà Môn ngày 10-4 Nhâm Thân (15-5-1932), Ngài đổi cách xưng danh:

---

<sup>92</sup> Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu, 1962, trang 89.

“**Ngô** đồng gặp tiết rất màu tươi,  
**Minh** đạo khuyên ai chớ mím cười,  
**Chiêu** tuấn phản hồi đề bằng hổ,  
 Chủ đàn vô phép để làm chơi.”

Đàn tái câu, Ngài giảng dạy:

“**Ngô Minh Chiêu** đắc chỉ Thiên Hoàng,  
 Độ chúng tu hành khỏi trái oan,  
 Máy lúc gặp kỳ là hội lớn,  
 Khuyên ai mau bước tới Tiên Bang.”

Đêm 24-4 Nhâm Thân (29-5-1932), tại Thảo Lư, Ngài mừng các đệ tử:

“**Minh** châu vật báu có chi bằng,  
**Chiêu** tập hiền đồ giữa ánh trăng,  
 Mừng bấy chừ nho lòng kính bái,  
 Trò vưng lời ngọc giữ lòng măng.

Theo Thiên ý, tôi phải xưng Ta, vậy Ta cho chừ  
 sĩ an tọa...”.

Sự kiện Đức Ngô giảng đàn, đổi cách xưng, từ “Văn” thành “Minh” rất quan trọng, không kém “Tôi” và “Ta”, chắc chắn đây cũng là Thiên ý. Thời điểm cuối tháng 5 năm 1932 (Nhâm Thân) có thể xem là cột mốc khá rõ, xác định đạo danh tín đồ Chiêu Minh lột chữ “**Minh**”.

(Các đàn trên trích từ *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in lần thứ Tư, 1954, trang 50-55)

## C. MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỌ HỌC PHÁP MÔN CHIẾU MINH

Ngoài việc “thật nghiêm túc giữ giới quy (như Ngũ giới cấm, trường trai tuyệt dục...)” như nêu trên, người tín đồ tu theo Chiếu Minh cần tự trang bị nhiều về nội lực, nội tâm. Bên cạnh đó, cần cầu nguyện để có sự phù trợ từ các Đấng bên trên.

### a. Tự nơi hành giả - Gương Ngài Ngô

Trong quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in 1962, nơi trang 126, viết về cách sanh hoạt của tín đồ:

#### *“Cách sanh hoạt*

*Tín đồ bề ngoài giữ như người thường: Không cạo râu, xuống tóc, đeo dấu hiệu, ăn mặc cách riêng. Nấu sòng trong thâm tâm. Ngoài vẫn lẩn lộn theo thế tục.*

*Phải có kế sanh nhai, tự nuôi thân, chớ chẳng được phép nhờ người giúp đỡ, cấp dưỡng (lẽ cố nhiên là trừ ra trường hợp những người già cả phải nhờ con cháu phụng dưỡng). Công ăn việc làm phải cố gắng đừng cho trái nhọn đao.*

*Ngoài, phải giữ tròn phận công dân, khâm tuân pháp luật, giúp ích xã hội.*

*Trong gia đình, sau việc cúng kiếng phượng thờ, phải lo tròn nhiệm vụ.*

*Chính lúc còn tại tiền, Ngài cũng vừa làm công chức, vừa lo tu hành như thường, không giải đãi trong phần nào hết. Ngài tu giữa chợ mà không ai biết.*

*Ngày cúng bốn thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu). Cơm (ăn chay kỹ: toàn thảo mộc) hai bữa như thường. Phép tu của Ngài không chịu Sơn, Xuyên, Am, Cốc. Mà cũng chẳng dạy tịch cốc, hành thân.*

*Bất luận giàu nghèo sang hèn, ăn uống phải thanh đạm, chỗ ở, cách sống phải đơn giản. Như vậy mới đúng theo gương mẫu của Ngài, và đúng theo câu Ngài thường nhắc: Hữu phước bất khả hưởng tận.*

*Tín đồ cũng có gia đình như người. Càng thường phải trọn thi chung. Nhưng đến một thời kỳ phải GIỮ NHƯ SEN MỘC DƯỚI BÙN KHÔNG NHƠ.*

*Còn câu “LY GIA CẤT ÁI” không có nghĩa là bỏ gia đình, mà phải đoạn căn tâm: sống trong cảnh mà không đắm mê tham luyến.”*

*Trong phần Cách hành trì, người tín đồ cần phải thi hành ba “bản sự”: Công Phu, Công Quả, Công Trình. Ba phần phải đồng đều.*

*Ngoài ra: “Tín đồ chẳng được phép đi tuyên truyền, hoặc rủ ren, mời mọc người khác. Phận sự phải luôn luôn làm gương mẫu, là cố gắng hành đạo cho đúng quy giới, hầu có thể cảm hóa người trông vào. Đó là phép Chánh Kỳ Hóa Nhơn.*

*Tín đồ phải lấy câu Tự Giác Giác Tha làm châm ngôn. Vì nếu không lĩnh hội được giáo lý thì chỉ dẫn ai được (Ngô thân bất độ, hà thân độ).*

*Tín đồ phải trầm mặc, chẳng nên bàn đến chánh sự, chẳng nên luận đến Tông giáo khác, chẳng nên xen vô việc đôi chối của người.*

*Đức Ngô Minh Chiêu hằng dạy: “Làm thinh mà tu là hay nhất”.<sup>93</sup>*

### **b. Người truyền pháp - Gương Ngài Ngô**

Người truyền pháp môn, còn gọi là “Người Chỉ Kiếu”, có nhiệm vụ hết sức quan trọng cho cá nhân người học đạo, cũng như cho tương lai cơ Đạo Chiếu Minh. Dĩ nhiên, Ngài Ngô là người đầu tiên truyền bí pháp Chiếu Minh.

Ngài Ngô thường nói: “Ở trần thế không người nào được làm thầy người nào hết”. Ngài chỉ là người truyền giáo mà thôi, “mấy người học Đạo, là học Đạo với Đức Thượng Đế”. Chẳng những thế thôi, Ngài còn không chấp nhận cho mấy vị học Đạo trực tiếp với Ngài gọi Ngài là “Thầy” nữa.

Tuy nhiên, trong trách nhiệm chọn đệ tử, Ngài Ngô đã quán xét căn cơ từng người. Nhiều trường hợp Ngài tạo điều kiện độ dẫn; nhiều trường hợp khác, dù rất thân cận, Ngài vẫn từ chối không truyền đạo pháp.

---

<sup>93</sup> *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu, 1962, trang 127.*



- Trường hợp điển hình nhất mà Ngài Ngô không truyền đạo pháp là ông Tư Ngung, đồng tử riêng của Ngài. Vào những ngày cuối, Ngài Ngô sắp đăng Thiên, ông Tư có quỳ xin thọ pháp nhưng Ngài không đồng ý (xin xem thêm nơi trang 75).

Năm 1929, Ngài Ngô có ghi chú trong sổ tay riêng vài ý kiến về ông đồng tử Tư Ngung này:

*“ (...) Đạo vô vi ít dụng đồng cốt, có dùng để mà tu thì tốt, Thần Tiên Thánh Phật giúp sức cho người tu vì chỗ tin cậy sự thật, chẳng có dối giả. Chớ thẳng đồng Ngung ăn chay nhỏ lớn mà sự tu thì không, nên phải ngừa nó ra.”*

- Một trường hợp khác, cũng có làm đồng tử cho Ngài, đó là ông Hồ Vinh Quy (còn gọi là ông Phán Quý), người được Ngài Ngô chọn mở đạo xuống Cần Thơ (xin xem thêm nơi trang 168). Ông Phán Quý không học pháp môn từ Ngài Ngô, về sau ông lập Chiêu Minh Tam Giáo.

- Một trong những trường hợp chịu nhiều thử thách của Ngài Ngô, đó là việc tu học của bà Trần Thị Hường (bà Tư Hồng hay Tư Huỳnh). Theo bà ghi lại, trong một lần:

*“Nghe Thầy nói lớn tiếng: “Vợ của anh Tư Huỳnh thật vô lễ, mau mau lấy đồ đi đi cho mau, không đặng ở đây lâu”. Miệng Thầy nói, tay thì xách cái giỏ bằng mây liệng xuống từng lần thứ nhì. Con Hồng liền quỳ gối xuống: Bạch Quan lớn*

*xin thương, truyền phép cho tôi tu cho chóng quả, vì tôi chán đời mà tu. Dầu khổ nhọc bao nhiêu, tôi nguyện thiên ma bất thối, xin Ngài đừng thử tôi.”*

Về sau, bà Tư tu hành đắc quả vị Như Ý Nương Nương.

• Nhiều trường hợp khác được chư đệ tử Ngài xác nhận, Ngài Ngô đã dễ dàng nhân độ dân, thậm chí Ngài đã thể hiện huyền diệu tạo sự tin tưởng ngay. Một trong những trường hợp đó là ông Bùi Quang Huy; tóm lược như sau:

Ông Hội đồng Quản hạt Bùi Quang Huy (1878-1933) (ông cùng tuổi với Ngài Ngô) người làng Mỹ Thuận, An Trường, Trà Ôn, Cần Thơ (nay thuộc Vĩnh Long) là người giàu có, lại nhân nghĩa.

Từ giữa năm 1927, ông Hội đồng Huy mua một mẫu đất ở Cái Vồn, Bình Minh, dự định lập nhà máy xay lúa; cũng năm ấy, ông có đến hầu đàn tại nhà ông Tư Huỳnh. Cuối năm 1927, ông Hội đồng Huy có cùng ông Tư Huỳnh lên Sài Gòn thăm Ngài Ngô. Đầu năm 1928, ông Bùi Quang Huy lên Sài Gòn mua máy xay lúa. Khi đang dạo xem hàng hóa tại khu Charner (đại lộ Nguyễn Huệ), “tình cờ” ông Hội đồng Huy gặp Ngài Ngô đang trên lầu đi xuống, hai vị chào hỏi nhau. Ngay sau đó ông Huy có cảm giác lạ, kêu xe chạy nhanh về nhà Ngài Ngô (110 Bonard) cách đó gần 500m. Lên lầu 2, nhìn vào khe cửa, ông Huy thấy Ngài Ngô đang ngồi tịnh trước Thiên bàn. Dọ hỏi những người

chung quanh, ông đều nghe trả lời rằng không hề thấy Quan phủ ra khỏi nhà.

Sau đó, trong lúc trò chuyện, ông Hội đồng Huy có hỏi Ngài Ngô về chuyện lạ hồi chiều. Ngài Ngô cười và khiêm nhường trả lời, đại ý: “Tôi đâu dám. Có lẽ Ông Trên thấy ông có căn lành nên khuyến tu đó”.

Về lại Cần Thơ, ông Hội đồng Bùi Quang Huy gác hết mọi chuyện làm ăn. Sau khi sắp xếp xong, ông lên Sài Gòn thọ pháp tu từ Ngài Ngô.

Ngày 18-02 Quý Dậu (1933), ông Bùi Quang Huy liễu đạo, đắc vị Huệ Mạng Kim Tiên.

### **c. Xin Keo**

“Xin Keo” là một trong những “cách thức trực nhận” trong Cơ Tuyên Độ của đạo Cao Đài. Nói cách khác, đây là phương pháp mà “người chỉ kiếu” trực tiếp thỉnh ý kiến Ông Trên về đối tượng muốn học Đạo.

Người phát tâm đi tu theo Chiếu Minh sau vài tháng được cùng cúng thời để dần quen nếp tu, nếu quyết tâm tu sẽ được xin keo. Có 2 lần cần xin keo:

- Lần thứ nhất, xin để được hầu đàn cơ, trực tiếp nghe Ông Trên dạy. Đây là đợt “kiểm duyệt” đầu tiên. Người muốn tu còn phải bền tâm, nhẫn nại, tự xét và được mọi người, kể cả Ông Trên, nhận xét trước khi bước tới chánh thức: Thọ pháp.

- Lần thứ hai, xin keo để được thọ pháp.

Sau đây xin trình bày qua về cách thức xin keo:

Trước Thiên bàn, sau một số thủ tục cần thiết, người xin sẽ trân trọng chấp tay, với hai đồng tiền xu trong bàn tay, cầu nguyện; sau đó thả rơi 2 đồng tiền xuống chiếc khay bên dưới. Qua sự chứng kiến của vị chủ đàn, nếu 2 đồng xu *một hình một chữ* là được; nếu *hai mặt hình* là tốt nhưng chưa được, còn chờ thêm thời gian. Nếu *hai mặt chữ* là không được, người muốn tu phải cần thêm nhiều cố gắng.

Có thể nói, xin keo là bước cuối cùng người muốn học pháp môn Chiếu Minh phải trải qua. Xin keo được, sẽ được chọn ngày học pháp.

## D. CÔNG CUỘC PHỔ TRUYỀN ĐẠO PHÁP

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ tạ phẩm vị Giáo Tông ngày 13-3 Bính Dần (1926), thời gian sau đó cũng là lúc cơ đạo Tâm truyền khởi sự phát triển, Ngài chấp nhận chọn đệ tử để truyền pháp môn luyện đạo và lập các đàn tu.

### 1. Truyền đạo pháp tại Sài Gòn - Đàn Phú Lâm (6-1927)

Sau người đệ tử đầu tiên là ông Lê Văn Huân (trang 177), tại Sài Gòn, Ngài Ngô dạy một số vị.

Nguyên ban đầu, có một số thầy giáo dạy trường Tiểu học Phú Lâm nghe tin đạo Cao Đài thiết lễ Khai Minh tại chùa Gò Kén (Tây Ninh) vào Rằm tháng 10 Bính Dần (1926), nên cùng hẹn nhau lên tham dự. Sau lễ, lòng tin đạo vẫn còn nhưng phần nào bị ảnh hưởng bởi cuộc “thử thách” đêm Rằm.<sup>94</sup>

Nhờ qua cuộc lễ đó, nghe nói đến nhánh đạo Tâm Truyền, các thầy giáo gồm quý ông: Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Mười, Phạm Văn Thới tìm đến diện kiến Ngài Ngô Văn Chiêu.... Ba vị này hữu duyên, cùng với ba người vợ, được Ngài Ngô thu nhận, truyền dạy pháp môn luyện đạo.

---

<sup>94</sup> Về cuộc “thử thách” này, mời đọc phần “Chuyện biến Tý thời Rằm tháng mười” nơi trang 32, quyển *Lịch sử đạo Cao Đài-Truyền Đạo*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ấn hành, Nxb Tôn Giáo.

Sau đó, quý vị được lập đàn. Bộ phận phò loan thành lập gồm: nhị vị Nguyễn Văn Dương, Phạm Văn Thới phò Ngọc cơ, ông Nguyễn Văn Mười làm điển ký. Thời điểm này vào đầu tháng 5 năm Đinh Mão (1927).

Xin đơn cử một đàn tập cơ đầu tiên của chư vị vào ngày mùng 7 tháng 5 năm Đinh Mão, nhằm ngày 6 tháng 6 năm 1927:

*“Cao Thượng Huyền Khung.*

*BÀI*

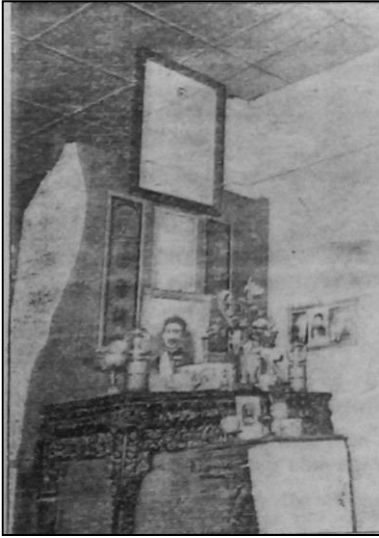
*Còn thân thì phải trau thân,  
Mai sau có thuở trở về Bồng Lai.*

*\* \* \**

*Chờ cho đến hội Long Hoa,  
Thì con mới thấy người ta thế nào.  
Chúng con gắng sức ước ao,  
Ước ao sao có ngôi cao với người.*

*Thăng.”*

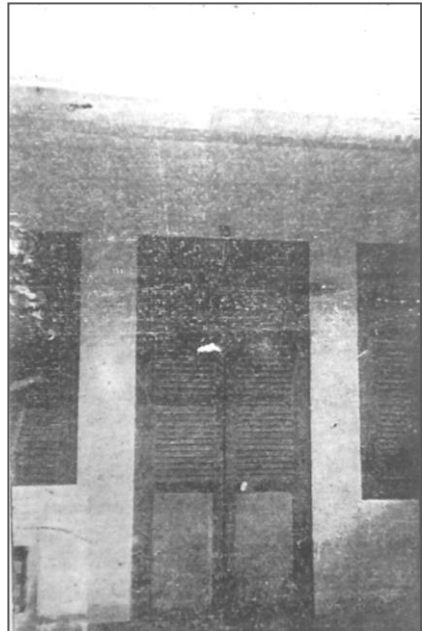
Tiếp đến, có thêm một số vị học đạo như ông bà Nguyễn Văn Lý,... nhứt là sự có mặt của ông Lê Văn Huân, vị đệ tử đầu tiên của Ngài Ngô. Số người hầu đàn ngày càng đông thêm, trong đó, đa số là các thầy giáo trường Phú Lâm và gia đình (nhờ ở chung trong cư xá cạnh trường).



**Thiên Bàn  
Đàn Phú Lâm**

(Ảnh trang này  
Trích từ quyển  
*Lịch sử Quan phủ  
Ngô Văn Chiêu*)

**Căn số 10  
“phổ thầy giáo”  
(Đàn Phú Lâm)**



Đàn Phú Lâm trước hết lập tại nhà ông Nguyễn Văn Dương (nay có số 10A đường Tân Hòa Đông, quận 6, cạnh trường Tiểu học Phú Lâm).

Sau hơn 1 năm, do xe cộ giao thông ồn ào làm mất thanh tịnh, đàn được dời qua căn số 10 “phố thầy giáo” bên kia đường, gần đó. Đây là nhà ông bà Nguyễn Văn Mười.<sup>95</sup>

Đàn Phú Lâm là nơi phát tích hai bài Hồng Thệ và Hồng Nguyễn áp dụng trong pháp tu Chiêu Minh. Hai bài này do ông Phạm Văn Thới thọ điển chấp bút. Chư vị trình lên Ngài Ngô (đang ở tại số 110 Bonard) và được chấp nhận.

Đến năm 1935, Đàn Phú Lâm chứng kiến sự kiện ông Phạm Văn Thới xin chuyển đi làm việc ở Gò Đen, Long An, và như vậy sẽ không thể thường xuyên phò cơ với ông Minh Dương ở Đàn Phú Lâm.

Đàn tại Phú Lâm ngày 22-02-1935, Đức Cao Đài Tiên Ông không vui, dạy:

*“Mừng các con.*

*Các con, việc dễ chẳng làm lại tìm việc khó, nhưng đã yêu cầu thì Thầy cũng chẳng phụ lòng các con. Vậy cứ giữ vậy rồi sẽ biết.*

---

<sup>95</sup> Dãy phố này có tất cả 15 căn, cấp cho các thầy dạy trường Phú Lâm, trước sân banh (nay là Siêu thị Phú Lâm). Căn số 10 có tọa độ GPS là: N 10°45'17,4"; E 106°38'00,3".



*Còn việc đàn là việc của Thầy, nào phải của các con! Hiểu? Vậy giữ vậy. Thầy còn đây nghĩa là ở nhà đợi việc đến.*

*Các con đã gieo hột thì đợi trái, đã có tính là phải tính cho đến rồi sẽ biết ý Thầy.”*

Năm 1951, ông Nguyễn Văn Dương quy liễu, Đàn Phú Lâm bé. Các đạo hữu chuyển qua tiếp tục hành đạo tại các đàn, như: Đàn Chợ Lớn (đường Phú Thọ, quận 11), Đàn Long Hoa (đường Bùi Viện, quận 1) hay Đàn Long Ân (đường Hai Bà Trưng, Tân Định) và một số đàn khác.<sup>96</sup>

## **2. Truyền đạo pháp tại Cần Thơ – 7-1926**

Việc truyền mỗi đạo Tâm truyền xuống Cần Thơ là do Ngài Ngô Văn Chiêu chủ động.

Khoảng tháng 4 năm Bính Dần (1926), tức là sau thời điểm từ tạ phẩm Giáo Tông, Ngài Ngô gặp ông Phán Hồ Vinh Quy (1872-1945) (còn gọi là Phán Quý)<sup>97</sup> để trao công quả xuống mở nhánh đạo Nội

---

<sup>96</sup> Nhiều phần về đàn Phú Lâm ghi theo lời bà Dương Thị Bội (bà sanh năm 1925, tu Chiêu Minh), con của ông Dương Văn Chơi (1901-1978) và bà Nguyễn Thị Thương (ông bà đều là đệ tử Chiêu Minh và đặc đạo) và là con dâu ông Nguyễn Văn Dương và bà Giao Thị Thanh. Nhờ lúc nhỏ có lần được Ngài Ngô vuốt đầu khen ngoan, bà cảm thấy có duyên tu hành từ sớm; cụ Dương Thị Bội hiện vẫn ở căn nhà xưa của ông Minh Dương, trí nhớ còn khá tốt để kể lại nhiều chuyện cũ.

<sup>97</sup> Ông **Hồ Vinh Quy** hiệu là Trọng Quý, sinh năm 1872. Năm 1925, ông làm Thông phán ở Sài Gòn nên thường được gọi ⇨

Giáo của Ngài xuống Cần Thơ. Trước đó, Ngài Ngô đã hướng dẫn ông Phán Quý cách phò cơ. Ngài Ngô căn dặn ông Phán Quý phải tìm gặp ông Nguyễn Như Bích<sup>98</sup> để kết hợp làm cặp phò loan.

Mọi sự diễn tiến như Ngài Ngô đã định liệu, buổi phò loan đầu tiên vào ngày rằm tháng tư Bính Dần (26-5-1926). Nhiều người trong gia đình ông Nguyễn Như Bích phụ việc lập đàn, cúng bái.

Dần dần, số người hầu đàn đông thêm. Một số vị nhân sĩ, học thức địa phương như ông bà Hội đồng

là ông Phán Quý. Đạo trưởng Huệ Lương viết: “*Cụ Lý Trọng Quý hay là Hồ Vinh Quy... người cao ráo, dong dãi, thông Tây học và rất thâm Nho học. Tánh tình cụ rất ôn hòa, nghiêm nghị ít nói*”.

Ông Hồ Vinh Quy pháp danh Từ Huệ, tu theo Chiếu Minh, và đã từng tháp tùng Ngài Ngô đi hành đạo nhiều nơi. Đến khoảng năm 1931 - 1932 ông tách riêng, thờ Tam giáo (gọi là Chiếu Minh Tam Giáo, khác Tam Giáo bên Phổ độ) và lập ở xóm Chài (Cần Thơ) một đàn Tiên. Nơi đây có tiếp cơ được quyển kinh Tam Nguơn Giác Thế (1931). Cơ sở kinh tế lúc ấy là lò tương Quảng Hòa Xương. Cũng có lúc ông sống trên một chiếc ghe.

Ông Hồ Vinh Quy liễu đạo ngày 01-04 Ất Dậu (1945) và được an táng tại Chiếu Minh nghĩa địa (táng năm, bia mộ ghi tên Hồ Vinh Quy). Rất tiếc là chưa tìm được hình của ông.

<sup>98</sup> Ông **Nguyễn Như Bích** là con duy nhứt của chí sĩ Nguyễn Thần Hiến (1857-1914). Theo sự sắp xếp của cha, năm 1908 ông Nguyễn Như Bích đi Nhứt học, nhưng đến cuối năm, do hiệp ước Pháp-Nhứt bó buộc, ông phải về nước. Ông Như Bích lập gia đình với bà Hồ Thị Hương (con ông Cả Hồ Văn Nhứt).

Ngôi nhà ông Nguyễn Như Bích, nơi lập những đàn đầu tiên, tại góc đường Nguyễn Trãi - Nguyễn Đình Chiểu (tên ngày nay); GPS: N 10°02'15,8"; E 105°47'15".

Võ Văn Thơm, ông bà thương gia Nguyễn Văn Huỳnh, ông bà Nguyễn Thiện Thượng - Đốc học trường Võ Văn, ông bà Nguyễn Thiện Niệm... tham dự thường xuyên.

Ngày 18-05 Bính Dần (27-6-1926), Ngài Ngô Văn Chiêu xuống Cần Thơ. Đêm ấy hầu đàn tại nhà ông Nguyễn Như Bích, Đức Thượng Đế giảng cơ dạy Ngài:

*“Chiêu nghe Thầy phân,*

*Tại lời nguyện của con khi trước, nay Thầy đã hứa cho con ngồi yên tịnh đặng Thầy dìu dắt con theo Thầy, nhưng còn phải độ cả chúng sanh cho kịp Hội Long Hoa”.*

Một thời gian ngắn sau, việc tụ tập đông người tại nhà ông Nguyễn Như Bích bị mật thám Pháp theo dõi, làm khó (do quá trình du học Nhật Bản của ông), đàn được dời qua nhà ông Nguyễn Thiện Niệm và nhà ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Ngày 16-8-1926, khai đàn cho ông Nguyễn Thiện Niệm (đường Nguyễn An Ninh), Thầy ban ơn:

*“Ngày tháng như thoi kíp khá tu  
 Ân cần tụng Niệm nguyện công phu  
 Bỏ đề tua gắng lòng gìn giữ  
 Đệ tử trau dồi khiến ngọc chu”*

Ngày 24-8-1926, khai đàn cho ông Nguyễn Văn Huỳnh, Thầy ban ơn:

*“Ngày tháng như thoi quý báu thay  
Non cao chón chở bấy nhiêu cây,  
Chén **Huỳnh** tay rót vui lòng thú  
Phụng múa rồng châu ngọc hướng Tây”.*<sup>99</sup>

### a. Chiếu Minh Đàn Cần Thơ

Qua đầu năm Đinh Mão (1927), ông Nguyễn Văn Huỳnh (Tu Huỳnh) và bà Trần Thị Hường (Tu Hồng) cất xong căn nhà 2 tầng (ảnh trang 172), tầng trên ông bà dành cho Chiếu Minh Đàn.<sup>100</sup>

Ngày nay nhắc đến, nơi đây thường được gọi là Chiếu Minh Đàn cũ, phân biệt với Chiếu Minh Tổ Đình xây dựng sau.

Đầu năm 1934, Ôn Trên giao nhiệm vụ cho ông Tu Huỳnh xây Thánh Đức Tổ Đình trên cuộc đất Thảo Lư,

*“Huỳnh con lãnh mạng Thầy Trời,  
Lập nền Thánh Đức kịp thời đó con.  
Chớ nệ tiếng nước non khó dễ,  
Đàn Hậu Giang bốn bể oai linh.  
Tá danh là hiệu Chiếu Minh,  
Thật thành vốn thiệt Thánh Đình Ngô Chiêu.”*

---

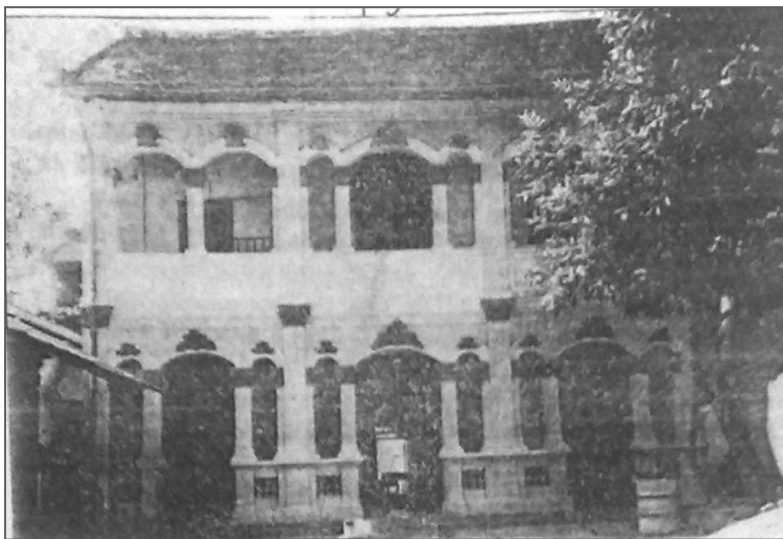
<sup>99</sup> Chi tiết về việc khai đàn tại nhà hai vị này trích từ tập Thánh Giáo viết tay còn lưu giữ tại Thánh Đức Tổ Đình Chiếu Minh (Cần Thơ).

<sup>100</sup> Địa điểm nay tại góc đường Châu Văn Liêm - Phan Đình Phùng; GPS: N 10°01'50,7"; E 105°47'11,3".



**Bàn thờ tại  
Chiếu Minh Đàn (cũ)**

(Ảnh trang này trích từ  
quyển *Lịch sử Quan phủ  
Ngô Văn Chiêu*, bản in năm  
1962)



**Chiếu Minh Đàn (cũ) tại nhà ông Tư Huỳnh**

Chưa kịp xây dựng Tổ Đình, ông Tư lâm trọng bệnh và liểu đạo cuối năm Giáp Tuất (1934). Bà Tư (Minh Hồng) cáng đáng mọi việc xây dựng đến khi xong.

### **b. Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế**

Đây là một “nhánh” đạo khá đặc biệt của Chiếu Minh, tồn tại trong một giai đoạn cần thiết buổi đầu tại Cần Thơ, lúc Ngài Ngô còn sanh tiền. Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế đã gánh vác một số trách nhiệm về mặt pháp lý, giúp Chiếu Minh Đoàn Cần Thơ yên ổn lo về phân giáo pháp.

Xin tóm tắt một số điển tiến:

- Ngày 17-5-1927, chư vị Võ Văn Thơm, Nguyễn Văn Huỳnh và Lê Công Phượng cùng hiệp đồng mua hai miếng đất hai bên đường Cần Thơ-Cái Răng, tổng cộng 4,5 mẫu, làm cơ sở đạo.

- Ngày 8-8-1927, chư vị đứng đơn gửi Chánh Tham biện, Chủ tỉnh Cần Thơ, xin lập nghĩa địa và am tự trên hai sở đất trên.

- Ngày 30-8-1927, Thống đốc Nam Kỳ yêu cầu chư vị giải thích thêm về việc lập “Am tự Cao Đài”.

- Ngày 13-9-1927, ngài Võ Văn Thơm gửi thơ giải thích êm xuôi.

- Ngày 27-10-1927, chư vị Võ Văn Thơm, Nguyễn Đăng Khoa, Đặng Khắc Kỷ, Nguyễn Văn Thượng, Lê Công Phượng, Nguyễn Thiện Niệm gửi

đơn xin lập một Am tự làm chỗ giảng đạo, và Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế với Điều lệ cùng Ban Quản lý (gồm các vị nêu trên).

- Ngày 02-11-1927, Chánh Tham biện Cần Thơ thừa ủy nhiệm Thống đốc Nam Kỳ đã ký công văn số 152-C cho phép. Sau đó, Thống đốc Nam Kỳ duyệt y bản Điều lệ Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế ngày 27-3-1928.

- Đầu năm 1929, có Thiên lệnh dạy ông Hội đồng Võ Văn Thơm cất một ngôi chùa, ông bà lập tức lo việc xây dựng ngôi Cao Đài Hội Giáo (sau Ôn Trên đổi thành Cao Đài Hội Thánh).<sup>101</sup>

Cao Đài Hội Thánh còn được gọi là Cơ Phổ Hóa. Quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, bản in năm 1962, trang 110, viết chi tiết về phương pháp hành đạo tại đây, xin trích:

*“Cách sắp đặt sự thờ phượng và cúng kiếng của Quan phủ Ngô Minh Chiêu về Cơ Phổ Hóa lúc Ngài còn sanh tiền.*

---

<sup>101</sup> Ngôi chùa sau 1975 không còn, cuộc đất nay cạnh trường Lê Quý Đôn, thuộc Công viên Thiếu Nhi (đường Hòa Bình). Kiểu dáng ngôi Cao Đài Hội Thánh ở Phú Quốc lấy theo ngôi chùa này.

Hầu hết nội dung về Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế viết theo tư liệu của Đạo huynh Phan Lương Minh (cháu ngoại ông Hội đồng Võ Văn Thơm).

*Rút theo cái thơ Ngài viết cho bà Hội đồng Thom ở Cần Thơ, chỉ dạy về cách sắp đặt cúng kiếng và sự thờ phượng nơi chùa Cao Đài Hội Thánh của bà mới cất xong (1929)."*

Trong lời dạy của Ngài Ngô có đoạn: “Cái đàn mới này tử như Nhà thờ đạo Thiên Chúa, để quan hôn tang tế”. Các chi tiết gồm: Chỗ thờ, đồng nhi, ngày cúng, cách quỳ cúng... được quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu* trên ghi đầy đủ ở các trang kế tiếp.

### **3. Chiếu Minh Đàn Chợ Lớn**

Ông Trần Nghĩa Trọng (1902-1941) là em thứ 8 của bà Trần Thị Ngữ (1891-1953), hai chị em đồng thọ pháp tu Chiếu Minh với Đức Ngô khoảng năm 1928.

Đầu năm 1932, trong một lần thăm Đức Ngô, ông Trần Nghĩa Trọng được Ngài dạy, đại ý: “Anh về lập một cái nhà đàn, tôi sẽ độ cho lập công quả”.

Ông Tám Trọng cố tìm và lập được nhà đàn tại lầu 3, nhà số 29 đường Piquet (từ năm 1955 đổi thành đường Lê Tấn Kế) cạnh chợ Bình Tây, gọi là Đàn Chợ Lớn; khai đàn ngày rằm tháng 8 Nhâm Thân (1932). Năm 1935, Đàn Chợ Lớn dời về số 23 Ariès (đến năm 1954 đổi thành đường Phú Thọ) đến nay.



## E. NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ TRỰC TRUYỀN TỪ NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU

Trong các quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, từ quyển in lần 1 (1932, nhà in Xưa Nay) đến các quyển in các lần sau đều ghi:

*“Quan phủ Ngô Văn Chiêu truyền Đạo cho tất cả nam nữ lối vài ba chục người mà thôi,<sup>102</sup> bởi vì theo việc tu hành của Ngài rất khó lắm, phải có gan và phải bền lòng gắng chí mới được.”*

Giải thích việc “*phải có gan*” đi tu mới được, sách giải thích:

*“Ngài thường dạy hễ tu thì phải có gan dặng mà chịu khảo, vì hễ “vô ma khảo bất thành Đại Đạo”, còn nếu mà Đạo cao nhưt trượng ma cao đầu thượng.”*

Vì vậy, *“Trước hết muốn cầu đạo với Ngài thì phải trường trai, tuyệt dục và phải lập đại thế, đại nguyện với Đức Thượng Đế. Chừng nào Đức Thượng Đế chứng cho và cho phép Ngài chỉ Đạo thì Ngài mới chỉ. Bằng chẳng có lệnh của Đức Thượng Đế thì Ngài chẳng hề chịu truyền Đạo.”*

---

<sup>102</sup> Các quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu* in sau này có chú thích thêm: *“Về sau Ngài có nói với ông Tám Trọng đàn Chợ Lớn: Máy người đệ tử mà Thầy hứa đó là những người đại căn, tình nguyện xuống thế làm công quả theo Thầy truyền đạo”*.

Trường trai đã khó, tuyệt dục lại càng khó hơn. Kèm theo đó còn nhiều điều kiện khác nữa như phải cúng và tịnh luyện mỗi ngày đủ bốn thời... Cuối cùng, cần nhận được sự cho phép của Ông Trên.

*“Cách thức trực nhận sự cho phép của Đức Thượng Đế là bằng phương cách “xin keo”.”*

Phương cách “xin keo” đã được trình bày ở phần trước.

### **a. Người đệ tử đầu tiên của Ngài Ngô**

Từ khi rời Phú Quốc về làm việc tại Sài Gòn vào năm Giáp Tý (1924), Ngài Ngô Văn Chiêu vẫn giữ nguyên phương pháp tu hành riêng của mình.

Việc Ngài Ngô tu theo Đức Cao Đài thời bấy giờ được vài bạn hữu biết, có vị khá thân thiết với Ngài như quý ông: Vương Quan Kỳ, Cao Văn Sự, Nguyễn Văn Vân, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Nguyễn Văn Hoài, Trương Vinh Quy, Lý Trọng Quý... Trong số ấy, nhiều vị đã được Ngài Ngô hướng dẫn thờ Thiên Nhân. Tuy nhiên, Ngài giữ riêng pháp môn tu luyện. Không biết rằng lúc ấy Ông Trên chưa cho phép Ngài Ngô truyền Đạo, hay do Ngài chưa tìm gặp người vừa ý. Vì vậy, mỗi đạo Tâm truyền do Ngài Ngô Văn Chiêu nắm giữ coi như vẫn còn “ẩn”, chỉ một mình Ngài biết, một mình Ngài hành.

Người được Ngài Ngô chọn làm đệ tử đầu tiên là ông **Lê Văn Huấn**<sup>103</sup> (1899-1939), một công chức lúc ấy đang làm việc tại Tòa án Sài Gòn.

Nguyên, ông Lê Văn Huấn tuy còn trẻ (27 tuổi) nhưng lòng hằng mộ đạo. Ngày nọ, vào khoảng tháng 6 năm Bính Dần (1926), ông đến hầu đàn Cầu Kho (nhà Ngài Đoàn Văn Bản). Đang quỳ phía ngoài, chợt ông được Ông Trên điểm danh.<sup>104</sup>

Hôm ấy, Thiêng Liêng hướng dẫn ông Lê Văn Huấn tìm đến Ngài Ngô Văn Chiêu để thọ học pháp môn Nội giáo Tâm truyền.

Ông Lê Văn Huấn được Ngài Ngô Văn Chiêu chấp thuận truyền đạo. Từ đó, ông trở nên người đệ tử đầu tiên, là người anh “trưởng tràng” xứng đáng trong số những môn đệ Ngài Ngô chọn tiếp sau này. Cũng từ đó - tháng 6, tháng 7 năm Bính Dần (1926) - bắt đầu sự chuyển biến mới: Phát triển phần Công truyền trong cơ Tuyên độ theo Tâm pháp vô vi.

---

<sup>103</sup> Mời xem thêm về ông **Lê Văn Huấn**, trang 182.

<sup>104</sup> Đoạn này ghi theo lời ông Lê Văn Trứ (1926-2010), con trai ông Lê Văn Huấn. Ông Trứ cũng là đệ tử Chiêu Minh.



Một số vị đệ tử cấp Nhứt của Ngài Ngô Văn Chiêu  
(Chi tiết nơi trang sau)

**Chú thích ảnh trang trước.** Từ trái sang phải,

Hàng đứng gồm quý ông:

- Nguyễn Văn Mười
- Nguyễn Thiện Thượng
- Nguyễn Văn Lý
- Lê Văn Huấn
- Nguyễn Văn Dương
- Phạm Văn Thới

Hàng ngồi gồm quý bà:

- Trần Thị Cửa (bà Mười)
- Nguyễn Thị Nghiêm (bà Thượng)
- Nguyễn Thị Huyền (bà Lý)
- Giao Thị Thanh (bà Dương)
- Hồ Thị Ngân (bà Thới)

## **b. Các vị đệ tử thọ pháp trực tiếp từ Ngài Ngô Văn Chiêu**

Qua tập hợp tư liệu gốc từ nhiều nguồn đáng tin cậy, cùng sự đóng góp ý kiến của nhiều vị trưởng thượng, và các vị có trách nhiệm tại các Đoàn Chiếu Minh hiện nay, chúng ta sưu tầm lại danh sách chư vị (rất có thể chưa thật đầy đủ), sau đó đến cụ thể từng gia đình chư vị để tìm hỏi thêm tin tức, thăm linh tháp... những người ngay từ buổi đầu đã tin tưởng vào một pháp môn tu hành mới, trọn tín thành chấp nhận làm những đệ tử đầu tiên của Ngài Ngô Văn Chiêu.

Đây là những nhân tố chủ yếu cho nền đạo Chiếu Minh buổi đầu, các vị là những “Nguyên nhân” xuống thế gian thừa tiếp mối đạo, khi chưa hề thấy một ấn chứng nào vẫn tin tưởng nhập môn.

Sau đây là danh sách các vị đệ tử Chiếu Minh thọ pháp trực tiếp từ Ngài Ngô Văn Chiêu (còn gọi là đệ tử cấp Nhứt). Danh sách này được chia làm hai phần Nam và Nữ, được sắp xếp tương đối ngẫu nhiên (vì chưa có tư liệu xác định thời điểm từng vị nhập môn để căn cứ); chỉ riêng ông Lê Văn Huân đã được xác định là vị đệ tử đầu tiên của Ngài Ngô. Ở mỗi vị, chúng tôi cố gắng để tìm được hình ảnh, năm sanh, năm liễu đạo và Thánh Sắc chứng nhận vị ấy đắc đạo với quả vị kèm theo.



## 1. Ông

### LÊ VĂN HUẤN

(1899 - 1939)

Đặc vị:

**ĐẠO ĐỨC KIM TIÊN**

Ông **Lê Văn Huấn** (con thứ bảy của cụ ông Lê Văn Tuấn; sanh năm Kỷ Hợi (1899), người quê ở Phước Thái (Quán Chim), Long Thành. Ông Lê Văn Huấn lập gia đình với bà Nguyễn Thị Thành (1905-1995) có duy một người con là Lê Văn Trú (1926-2010) sau tu theo Chiếu Minh, đắc quả.

Năm 27 tuổi, đang làm thông ngôn Tòa Đại Hình Sài Gòn, ông được Ngài Ngô nhận làm đệ tử đầu tiên. Đến năm 1931, khi Ngài Ngô về Cần Thơ tu dưỡng, ông tiếp tục mượn lầu 2 phố 110 Bonard (nơi Ngài Ngô trọ trước đó). Khoảng năm 1935, ông chuyển công tác xuống làm tại Tòa án Cần Thơ và ngụ tại một trong những căn phố của ông Nguyễn Thiện Niệm (số 43 đường Nguyễn An Ninh, nay là 111 Châu Văn Liêm - Cần Thơ).

Năm 1939, ông Lê Minh Huấn liễu đạo tại Cần Thơ. Đặc biệt, ngày quy liễu của ông là 13-3 Kỷ Mão, trùng ngày đặng Thiên của Đức Ngô. Ông

đắc quả vị **Đạo Đức Kim Tiên**. Mộ tháp ông hiện tại Chiếu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ).

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Chí Tôn ân ban cho ông Lê Minh Huân đắc vị Đạo Đức Kim Tiên; đàn tại Trước Tiết Tàng Thơ (Thủ Thiêm) ngày Rằm tháng 5 Kỷ Mão (1939):

**“Cao Đài Tiên Ông,**

*Thầy mừng các con. Thầy miễn lễ, các con nghe dạy.*

*Thầy hằng độ những con biết hạ mình và hay xét tội lỗi mình, mà không tự cao tự đại, mền Đạo chẳng rời Đạo, một tiết cầm giữ lấy mối khẩu thọ tâm truyền của Thầy hầu khỏi rày chinh mai lịch, cho Đạo Thầy vĩnh viễn trường tồn. Được vậy, một là đời gặp Đạo chánh, hai là các con gọi ân lành, thì quý giá có chi bằng.*

TRƯỜNG THIÊN

*Đạo Cao Thầy nắm chủ quyền,  
Thường ban những trẻ bốn nguyên chẳng rời.  
Nhứt tâm gìn lấy Đạo Trời,  
Tuân câu Thiên mạng y lời đình ninh.  
Thanh liêm thường gặp tánh tình,  
Không khoe đạo đức ý mình như ai.  
Hằng noi giáo lý Cao Đài,  
Giữ lòng thanh tịnh đỡ hay chẳng bàn.  
Tháng ngày lo dứt dây oan,  
Đạo đời hai lẽ quyết toan cho tròn.*



Đạo lo luyện, đức lo tròn,  
 Trong hàng đệ tử đáng con thảo hiền.  
 Hành chánh đạo giữ chơn truyền,  
 Không lo canh cải mối giềng vô vi.  
 Vẹn gìn ngũ giới tam quy,  
 Một câu danh lợi không bì với ai.  
 Ngày nay chứng vị liên đài,  
 Tên đề **Minh Huấn** là ngày Thiên phong.  
 Chi hơn nhuần gội ân hồng,  
 Thầy truyền dụng phép huyền công giáng đàn.  
 Ngày nay là ngày Thầy ân phong cho **Minh Huấn** là **Đạo Đức Kim Tiên**. Vậy các con nên hiểu.

### THI

**Đạo** thành nhờ giữ đúng chơn truyền,  
**Đức** tốt không làm sai bốn nguyên;  
**Kim** thạch hằng gìn câu chánh niệm,  
**Tiên** đài nay đặng tọa Kim Tiên

Giờ nay Bàn Đạo đã đặc lệnh Thầy giáng đàn mừng chư đạo hữu và cũng có nhiều quan niệm về đạo đức. Từ ngày Bàn Đạo được đơn thư chiếu triệu về Thầy đến nay Bàn Đạo mới rõ luật Thiên Đình chẳng riêng vị, một mảy không sai với người tội phước. Chư đạo hữu nên biết người tu vào bực Đại Thừa, hành đúng chơn truyền, chẳng trái Lý Đạo, thì Thầy điểm hóa, đến ngày lâm chung đơn thư chiếu hạ mới chứng quả vị gần Thầy. Còn người tu mà hay dùng tư ý làm cho trái lẽ tự nhiên,

hay sanh sự và tướng sự quý là hay, là phải, chẳng tuân Thiên ý, dầu có tu cũng khó mong kết quả, đến ngày lâm chung nguơn thân xuất được mà chẳng có đơn thơ thì đâu về chứng quả đặng. Chừng ấy ăn năn đã muộn, phải chịu dưới quyền luật thưởng phạt của Tạo Hóa.

Vậy chư đạo hữu phận sự hãy do theo chơn truyền mà hành cho đúng lý thiên nhiên. Ngoài những lời Thầy truyền, chẳng nên nghe. Vậy mới ngăn ngừa cơ Đạo sau này khỏi sai tôn chỉ, bởi Đạo Thầy truyền xuống thế để độ những người nguyên nhân nào phải độ kẻ hóa nhân. Ấy là cơ tuyên độ. Nếu chư đạo hữu chẳng để cho Thầy lựa lọc mà dùng tư ý độ kẻ hóa nhân xen vào làm cho rối đạo sanh thêm điều khảo đảo, mượn lấy danh Đạo mà làm cho nơ đục.

Vậy từ đây chư đạo hữu khá dè dặt cho khỏi trái ý Thầy thì sau khỏi ăn năn.

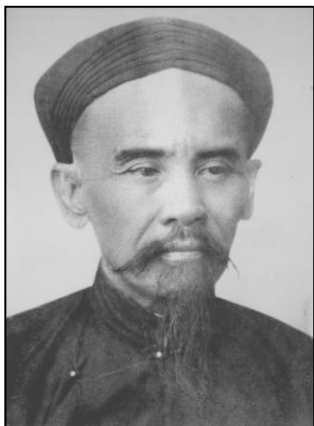
### THI

Nỗi Đạo vì đời phải dẫn đo,  
Thì sao cho đáng phận làm trò;  
Thà nương ngọn phước vô vi nhỏ,  
Hơn phát cây cờ dục vọng to.  
Ông Tạo sẵn gầy đường sáng suốt,  
Xe trần nên tránh nẻo công co;  
Vui buồn méc thót đôi câu chuyện,  
Hay dở đừng phê chí gặng dò.

*Bàn Đạo hỉ chư đạo hữu.  
Thăng.”*



**Mộ tháp Ông Lê Văn Huấn tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**  
(Ảnh Huệ Nhẫn chụp tại Chiếu Minh Nghĩa Địa, Cần Thơ)



## 2. Ông

# NGUYỄN VĂN HUỲNH

(1875-1934)

Đặc vị:

**THIÊN MÔN  
ĐẾ QUÂN**

Ông **Nguyễn Văn Huỳnh** sanh năm Ất Hợi (1875), người gốc Cần Thơ, lập gia đình với bà Trần Thị Hương (1881 - 1958), nhị vị cùng là đệ tử trực truyền từ Ngài Ngô Văn Chiêu.

Sinh thời, Ông Nguyễn Văn Huỳnh, còn gọi là Ông Tư Huỳnh, kinh doanh khá, chủ garage Cẩm Vân ở Cần Thơ.

Ông Nguyễn Văn Huỳnh liêu đạo ngày 27-11 Giáp Tuất (1934). Ngày mùng 6 tháng 3 Ất Hợi (1935), tại Chiêu Minh Đàn,<sup>105</sup> Đức Cao Đài ân ban cho ông Nguyễn Văn Huỳnh đặc vị Thiên Môn Đế Quân:

---

<sup>105</sup> Ngôi nhà xưa của Ông Tư Huỳnh (Chiêu Minh Đàn) góc đường Châu Văn Liêm và Phan Đình Phùng (tên ngày nay).

*“Cao Đài Thượng Đế, Thầy các con.*

*THI*

*Chánh lý Đạo mâu độ thiện căn,  
Độ con nam nữ mới ân ban.  
Trên trăm thế kỷ huòn nguyên lại,  
Gắng chí khuyên lo mới Đạo hằng.*

*Các con, Đạo đã mở, mới chánh đường tà  
lẫn lộn xen vào, ấy là cơ Trời tiền định. Phải rán  
bền tâm vững bước trên đường Đạo.*

*Đêm nay, **Huỳnh**, Thầy cho đặc lệnh giáng  
đàn. Đứng giữa Tý thời, các con tái cầu.*

*TRƯỜNG THIÊN*

*Cho hay cái chí tu hành,  
Đến ngày quy liễu, phước lành Thầy ban.  
Đạo tâm biết rõ đá vàng,  
**Huỳnh** nay đặc chỉ Thầy ban trở về.  
Các con xem thấy lời phê,  
Thời mau lo liệu giải mê tánh trần.  
Thầy là Tạo Hóa cầm cân,  
Dày công tu luyện hưởng phần công cao.  
Tứ ân các trẻ dôi trau,  
Cung Tiên phản giá, Thiên Tào đề lai.  
Thầy ban ơn các con. Thặng.”*

Tái cầu:

*THI*

*“**Thiên** hạ nào ai có biết ai!*

*Môn không tu luyện đạo Cao Đài.  
Đế vương hữu đức bền cơ nghiệp,  
Quân tử không phân đọa chẳng sai.*

*Ngã Nguyễn Văn Huỳnh hồi gia mừng huynh đệ. Mừng đạo **Niệm**, mừng **Hồng**, mừng các con. Nghe!*

*Từ lánh thế theo Thầy về Bạch Ngọc, lúc ấy thơ thới cảnh Tiên, nhìn lại cõi trần rồi thêm chán ngán. Về Bạch Ngọc, vào làm lễ Đại Từ Phụ, ơn ban trở lại phận sự nơi Thiên môn. Nay đứng bá nhựt lai đàn thăm đạo hữu.*

### PHÚ

*Thiên khai Huỳnh Đạo, địa tạo sơn hà,  
Khai đại đồng tôn giáo kỳ ba,  
Lập chánh lý chung hòa hiệp một.  
Đạo vô vi chỉ truyền giống tốt,  
Độ con người biết chốn tử sanh.  
Ráng lo tu, ráng lập chí thành,  
Xa vật chất, công danh là mộng tưởng.  
Kìa là Cực Lạc từ bi toại hưởng!  
Khỏi tam đồ nghiệp chướng đầy xô.  
Vây thời tua gắng chí cần lo,  
Tĩnh giác mê, cầm lái chiếc đò,  
Nhắm Tây Thiên về trực chỉ.  
Đạo thời có độ hơn độ kỹ,  
Theo vai tuồng chơn lý phân minh.  
Nhưng tiếc thay, nhiều nổi bất bình!  
Vì đồ kỹ, vì công danh sanh nghịch lẫn.*

Khuyên đạo hữu tu đừng có giận,  
 Để Nguồn Thân dìu dẫn thông lưu.  
 Tu cũng đừng hay ưu hay tưởng,  
 Thời ra vô một hướng cao thâm.  
 Xuất chơn Thân dìu dẫn nơi tâm,  
 Xem kẻ thế lỗi lầm biết hết.  
 Thầy có dạy đàn rành tịch diệt,  
 Vậy ai tường nói thiệt ra nghe!  
 Đạo người tu cũng phải dặt dè,  
 Song luận biện nên lẽ luật dạy.  
 Tịch diệt phải Hư Vô hiệp lại,  
 Đạo cao thanh một phái vô vi.  
 Nghĩ cuộc đời rồi gẫm là hay,  
 Sanh ở thế cũng chẳng nài vì thế.  
 Mượn xác thịt để làm diệu kế,  
 Nuôi chơn Thân ngưng bé luyện tu.  
 Hằng ngày lo vận chuyển công phu,  
 Thành chánh quả ngao du cõi ngoại.  
 Già nam nữ, Thiên môn trở lại,  
 Nơi cõi trần trái phải mặc ai.

Lo nghinh tiếp điển Thầy giáng bút. Thăng.”



**Mộ tháp Ông Nguyễn Văn Huỳnh tại  
Chiếu Minh Nghĩa Địa**

(Ảnh Huệ Nhẫn chụp tại Chiếu Minh Nghĩa Địa, Cần Thơ)





### 3. Ông

## **BÙI QUANG HUY**

(1878-1933)

Đặc vị:

**HUỆ MẠNG  
KIM TIỀN**

Ông **Bùi Quang Huy** sinh năm Kỷ Mão (1878), là con của cụ ông Bùi Văn Hồi. Sinh thời, ông Bùi Quang Huy là người hào sảng, tạo dựng nên sự nghiệp, đặc cử Hội Đồng Địa Hạt (Cần Thơ). Ông Bùi Quang Huy lập gia đình với bà Trương Thị Mọn (1878-1939).

May duyên được Ngài Ngô thị hiện huyền diệu tại Sài Gòn, ông Bùi Quang Huy về Cần Thơ thả hết mấy ao cá, ngưng việc kinh doanh để quyết tâm đi tu theo pháp môn Ngài Ngô Văn Chiêu truyền dẫn. Ông bà cùng tu hành đến cuối đời.

Ông Bùi Quang Huy liễu đạo ngày 18-02 Quý Dậu (1933). Sau đây là Thánh Sắc của Đức Chí Tôn ân ban cho ông Bùi Quang Huy đặc vị Huệ Mạng Kim Tiên; đàn tại Thảo Lư (Cần Thơ) ngày mùng 6 tháng 3 Ất Hợi (1935):

**“Cao Đài Thượng Đế,**

*Thầy mừng các con nam, nữ. Đàn nay Thầy ân phong cho **Huy** vào hàng Tiên tịch, chứng quả vị là **Huệ Mạng Kim Tiên** và cho giáng đàn. Vây các con tiếp cầu, Thầy thăng.*

**THI**

***Huệ Mạng** ân phong thọ chỉ quy,  
Lai đàn tam hiệp tới giai kỳ;  
Tiến trình liễu đắc Thiên đàn lộ,  
Thị ngã hồi quang tánh tự **Huy**.*

*Hỉ chư đạo hữu. Đạo ngày nay còn cậy có chư đạo hữu ở lại lo hoàn thành mà giúp Thầy.*

**TRƯỜNG THIÊN**

*Tiếng rằng học Đạo tu Tiên  
Nói theo bước Thánh, chơn Hiền khi xưa.  
Nghe rằng là bực thượng thừa,  
Bốn thời chẳng sót chiều trưa đủ đầy.  
Thánh truyền thao lược sẵn tài,  
Trong thời phục hổ, ra ngoài giáng long.  
Rõ ràng là phép huyền công,  
Luyện thành chánh quả thân thông dồi dào.  
Khi thì thấp, lúc lại cao,  
Phân thanh, khử trược rõ màu hư không.  
Biết chãng lòng phải dạn lòng,  
Thấy chi thời thấy, đừng mong luận bàn.  
Tu như Chơn Võ thời Ấn,  
Hy sanh vì tâm lòng vàng háo sanh.*

Giúp cho loài vật đã đành,  
 Còn dùng phép Đạo vận hành con nguy.  
 Ấy là đáng mặt tu trì,  
 Để đời biết tích mà ghi vào lòng.  
 Nói về hai chữ hư không,  
 Hư không xét lại nơi lòng thì hay.  
 Tôn sư đã dạy nhiều bài,  
 Đạo siêu cũng bởi nơi ai xét mình.  
 Đạo mâu tóm lại “làm thính”,  
 Làm thính cho trọn mới mình Chơn thân.  
 Nếu tu sớm Sở chiều Tần,  
 Rộn ràng trí não thì thân còn đâu?  
 Thiên cung náo loạn Thần hầu,  
 Trở dạy e nổi khó thâu phục về.  
 Lỡ rồi bít lấp cung Né,  
 Ngũ hành vào đó sơn Khê phải đành.  
 Khuyên tu giữ trọn đức lành,  
 Có ngày huynh đệ cũng thành đạo cao.

Bàn Đạo khuyên chư hiền hữu hãy vui vì Đạo  
 mà hiệp tác cộng hòa lo phận sự, trên Tiên tịch đã  
 nêu tên, quỉ ma kháo thí. Bàn Đạo mừng kỷ niệm  
 Bô đào, huynh đệ chung hưởng.

### THI

Bảng Tiên Thầy đã có ghi rồi,  
 Giữ chặt lòng vàng chớ thả trôi;  
 Đạo đức đừng cho sơ sót mấy,  
 Giữ gìn khẩu nghiệp khuyên đôi lời.

Thăng”.

Phần mộ ông Bùi Quang Huy và bà Trương Thị Mọn an táng nơi đất nhà, làng Mỹ Thuận, tổng An Trường, huyện Trà Ôn, Cần Thơ (nay là xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long)



**Phần mộ Ông Bùi Quang Huy tại Thuận An, tỉnh Vĩnh Long**



#### 4. Ông

**PHẠM TẤN LỘC**  
(1895 – 1945)

Đặc vị:

**MINH KHAI**  
**KIM TIÊN**

Ông **Phạm Tấn Lộc** sinh năm Ất Mùi (1895), người quê Cần Đức, Long An; lập gia đình với bà Nguyễn Thị Huỳnh (1895 - 1938). Trong các người con của ông bà có hai người tu Chiêu Minh, đó là ông Phạm Tấn Thành (1913-1990) (đặc vị Thiệu Bửu Chơn Nhơn) và ông Phạm An Khương (1917-1995) (đặc vị Y Đức Đạo Nhơn).

Sinh thời, vào năm 1929, ông Phạm Tấn Lộc và bà Nguyễn Thị Huỳnh được Đức Chí Tôn khuyến tu, xin trích đoạn đàn vào tháng 3 Kỷ Tỵ (tháng 4-1929) tại đàn Phú Lâm:

*“Cao Thượng Huyền Khung.*

(Cho vợ chồng Lộc muốn học Đạo)

*Tu có vợ chồng là thuận, Thầy cũng vui cho.  
Vây hãy lựa ngày đến cầu **Chiêu**, nó định cho.*

*Phải khẩn vái cho lắm. Thầy nói, con hiểu không? Việc là việc lớn, chẳng nên gấp tính.*

*Gắng chí nghe!”*

Đàn ngày Rằm tháng 11 Kỷ Tỵ (15-12-1929) tại Đàn Phú Lâm, Thầy có lời dạy thêm:

*“Lộc và vợ hãy do theo **Chiêu**, lời nó là ý Thầy. Khá hiểu!*

***Thới, Lộc**, và vợ hai đứa hãy cần lo cho mẹ”.*

Ghi chú: Trong Thánh giáo ghi “Thới, Lộc”, Thới là ông Phạm Văn Thới (1900-?), em út ông Phạm Tấn Lộc. Ông Thới cũng là đệ tử cấp nhứt của Ngài Ngô.

Ông Phạm Tấn Lộc liễu đạo ngày 13-01 Ất Dậu (1945) đắc vị Minh Khai Kim Tiên. Mộ tháp ông Phạm Tấn Lộc an vị tại xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, Long An.

Ngày Rằm tháng giêng Ất Sửu (1985) tại đàn Long Hoa, Đức Cao Đài ban ơn cho Minh Khai Kim Tiên giáng đàn:

*“Thầy các con. Thầy mừng các con lưỡng phái kim đàn.*

### **THI**

*Thượng Nguơn Ất Sửu ngự đàn tiên,  
Vui thấy các con có chí tiên.  
Đảnh lễ cầu Thầy ban phước huệ,  
Cho nhau luyện tập rõ nguồn Tiên.*

## HỮU

*Tiên Đạo hành y quả vị thành,  
Đạo Cao tô điểm rạng nền thanh.  
Chơn ngôn diệu khuyết cần noi dấu,  
Mật pháp truyền lưu khá thực hành.*

*Tiết Thương Nguơn Đại Đán, Thầy ngự giá đàn  
tiền chứng lễ cùng gia ân hóa Đạo cho các con tu  
hành phấn chấn, minh mẫn đạo tâm, Kim thân ứng  
hiện.*

*Thầy miễn lễ, các con an tọa.*

*Thầy nhắc lại cho các con nhớ rằng: Đạo mầu  
đạt đặng, công tu đắc quả do một chữ “tịnh”. Bởi  
chữ “tịnh” trọng yếu vì tiên, cho nên người tu đơn  
luyện mạng phải trau tâm cho chí tịnh, phẳng lặng  
như nước đựng trong bầu thì Đạo pháp mới hóa  
sanh, Tam Thanh mới ứng hiện, đồng thời chuyển  
thất tình thành thất bửu, chuyển lục dục ra lục  
thông thì các con mới mong siêu thoát. Bằng chẳng  
thì rất uổng cho một kiếp tu cay đắng, khổ hạnh  
biết bao!*

*Ngày xưa Tiên Phật đắc lục thông ngũ huệ  
cũng nhờ trau lấy một chữ “tịnh” mà thành Đạo.*

*Hễ tâm còn vọng động thì tánh phải lãng xao,  
Khí tán, Thần hao theo ý tục lòng phàm. Còn tâm  
đắc thanh tịnh thì tánh đặng an nhiên, Khí tụ Thần  
ngưng, huyền vi mới ứng hiện.*

*Vậy người tu phải lập lấy chí cả, giữ vững lòng thành, giai vô không hoán sắc, nhứt tâm hành chánh pháp thì mới thành danh đắc quả, tạo lấy ngôi báu vị lãnh nơi chốn non Bồng thiên thu tự tại. Vậy thì:*

### TRƯỜNG THIÊN

*Các con lo phận tu tròn,  
 Như Thầy huấn bảo lại còn nhủ khuyên.  
 Chữ Không đạt thủ cơ huyền,  
 Không Không mà đặng Thân yên tánh thiên.  
 Chữ Không hệ trọng vi tiên,  
 Tâm Không luyện đặng, cửa Huyền ra vô.  
 Đắc Không siêu xuất Hà Đồ,  
 Mà tu đắc Không thật khó biết bao!  
 Dầu cho khổ nhọc đừng nao,  
 Chí bền vẹn giữ đặng vào Bồng Lai.  
 Lành thay ngọc báu cầm tay!  
 Ngày đêm dò luyện hiện bày huyền vi.  
 Rày lo bồi bổ cung Ly,  
 Đủ đây sẽ đặng phương phi siêu phàm.  
 Thành công đắc quả con ham,  
 Gương Tiên ý Phật học làm mới cao.  
 Đoạn lìa thế sự lao đao,  
 Rồi con mới đạt lý cao Đạo mầu.  
 Mùi hương thanh khí dồi dào,  
 Người tu khá lánh pha màu trước ô.  
 Rày lo hạnh đức điểm tô,  
 Trau dồi pháp nhiệm Hư Vô diệu huyền.*



*Tâm thành nhuần gọi ân Thiên,  
Rồi con thâm rõ Thiêng Liêng hộ trì.*

*Đàn nay Thầy gia ân hạ lệnh cho Minh Khai Kim Tiên và Ngô Minh Đạo Nhơn lai đàn cùng các con hội ngộ. Vậy các con thành tâm tiếp câu, Thầy thượng ý...*

*Tiếp diễn*

**THI**

**Minh** thừa chơn Đạo khá y truyền,  
**Khai** pháp vô vi chứng Phật Tiên.  
**Kim** thạch tạc ghi lời Thánh huấn,  
**Tiên** điều khách tục buổi quy nguyên.

*Bần Đạo mừng xuân chư hiền hữu và rất hoan hỷ cùng chư hiền có lòng niệm tưởng giờ nay. Vậy chư hiền an tọa nghe Bần Đạo luận đôi lời về ý chí và đức tin đối với người tu chánh pháp.*

*Muốn xong một kiếp để trở về quê xưa cựu vị phải Song Tu mới được. Thật là khó khăn, trăm cay ngàn đắng, nhưng chẳng phải khó mà không làm được. Nếu chẳng làm được thì sao biết bao Tiên Phật cũng do phạm thế tạo thành mà tu đắc quả chứng vị cao? Chư hiền nên ghi nhớ rằng trong sự tu hành, thành bại duy tại chí. Một bí quyết để thành công đắc quả.*

*Vậy chư hiền, hàng Nguyên Nhơn kỳ trí, quyết đạt cơ thoát tục siêu phàm thì phải tạo lấy chí bền, dựng đức tin nghị lực gia tâm khổ hạnh;*

*ngoài thì lo bồi đức lập công tiến vị, trong thì năng vận hành chơn cơ mật pháp, hằng tưởng Thầy hóa độ thì có lo chi chẳng đắc thành chánh quả, ngôi cao vị cả tạc sẵn bên mình. Đó là trường cứu chi kế vậy.*

### TRƯỜNG THIÊN

*Giã từ cố hữu trần gian,  
Tệ hời Tiên cảnh, nội đàn lo tu.  
Muốn về hưởng thú thiên thu,  
Ngày đêm Đạo pháp công phu vận hành.  
Cùng đời chẳng dạ cầu danh,  
Chơn ngôn hằng đọc, năng hành tâm kinh.  
Sớm chiều bốn buổi tinh minh,  
Thoát ly trần cấu, vô minh đâu còn.  
Mấy lời nhắn nhủ sắt son,  
Chư hiền thức lý tu tròn Đạo Cao.*

*Ngộ Minh Đạo Nhơn sắp lai đàn. Bàn Đạo xin  
nhường bút. Xin kiếu.”*



**Mộ tháp ông Phạm Tấn Lộc tại xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, Long An (Thợ xây đã có lầm lẫn khi lắp hoa sen trên tháp thay vì hồ lô, hoa sen dành cho nữ, gia đình sẽ sửa lại).**

Trong ảnh, phía xa là mộ tháp ông Phạm Tấn Thành.



## 5. Ông

# NGUYỄN THIỆN THƯỢNG

(1896 – 1934)

Đặc vị:

**NHỨT BỬU  
CHƠN NHƠN**

Ông **Nguyễn Thiện Thượng** sinh năm 1896, người quê ấp Phú Quới, xã Vĩnh Hòa, Chợ Lách, Bến Tre. Ông là con trai lớn (miền Nam gọi là anh Hai) của cụ ông Nguyễn Thiện Dụng (1875-1947) và cụ bà Nguyễn Thị Tí (1876-1944).<sup>106</sup>

Ông bà Nguyễn Thiện Dụng có 11 người con, sau ông Nguyễn Thiện Thượng, có thêm ba vị tu Chiếu Minh, đó là bà Nguyễn Thị Huyền - thứ Tư (trang 288), cô Nguyễn Thị Lưu - thứ Tám (trang 293) và cô Nguyễn Thị Tấu (1912-1972) - thứ Mười.

---

<sup>106</sup> Ông bà có các người con: Nguyễn Thiện Thượng (mất sớm), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thiện Hạng, Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Thục, Nguyễn Thị Lưu, Nguyễn Thị Kinh, Nguyễn Thị Tấu, Nguyễn Thiện Kiến và Nguyễn Thiện Xương.

Ông Nguyễn Thiện Thượng lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nghiêm (1903-1933) người gốc Cần Thơ. Năm 1928, lúc làm Đốc học trường Võ Văn (của ông Hội đồng Võ Văn Thơm) ở Cần Thơ, biết được đạo, nhị vị Nguyễn Thiện Thượng và Nguyễn Thị Nghiêm đồng lòng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu; lúc đó nhị vị đã có một trai là Nguyễn Thiện Hoai (1927-1971).<sup>107</sup>

Ông Nguyễn Thiện Thượng liễu đạo ngày 28-3-1934 tại quê nhà Vĩnh Hòa, Chợ Lách, mộ tháp tại đây (mộ tháp tại Chiếu Minh Nghĩa Địa Cần Thơ được ông Nguyễn Thiện Niệm dựng làm kỷ niệm).

Ông Nguyễn Thiện Thượng được Đức Cao Đài ân ban Thánh Sắc là Nhứt Bửu Chơn Nhơn. Sau đây là đàn tại Thảo Lư (Cần Thơ) ngày 13-3 Giáp Tuất (26-4-1934):

*“Bản Đạo mừng chư hiền sĩ.*

*THI*

*Ngã chí trung can diệt tánh trần,  
Minh hườn ngũ khí luyện nguơn thân,  
Thượng Tiên nhứt vị tiêu diêu lạc,  
Đắc lệnh thừa lương giá hạ trần.*

---

<sup>107</sup> Bà Huỳnh Thị Nhung (sinh năm 1933) vợ ông Nguyễn Thiện Hoai, cùng con gái là bà Nguyễn Minh Ân (1953) cư ngụ tại Linh Xuân, Thủ Đức; hai vị đã giúp cung cấp hình ảnh và thông tin của cả gia đình cho tác giả.

*Nhứt tâm hành đạo dặng thành công,  
 Bửu ngọc bảng cao giữa bệ rồng;  
 Chơn lý Thầy truyền lo chín chắn,  
 Nhân thân hóa ngọc tại Thiên đường.  
 Chào mừng chư đạo hữu nam, nữ.”*

-----

Thảo Lư, ngày 01 tháng 4 năm Giáp Tuất (13-5  
 1934)

“*Bản Đạo mừng chư đạo hữu  
 Nguyễn Minh Thượng, ta mừng quý đạo hữu,  
 ta mừng Niệm. Nghe:*

*Vui Tiên cảnh Bồng Lai hứng mát,  
 Thấy chư hiền bát ngát nãi nông;  
 Cuộc đời bẽ khổ mênh mông,  
 Theo Thầy chung thỉ một lòng mới xinh.  
 Khuyên ai khá trọn đức tin,  
 Quý là sơ khởi Chiêu Minh Cao Đài.  
 Tam Thanh dấu tích trần nay  
 Biết thời sớm xét, sau rày khỏe thân  
 Trời Nam nghịch tiết khổ dân,  
 Quy nguyên cữ gốc nhân thân bảo toàn.  
 Thương cho công quả Trời ban,  
 Mới là nghe dặng lời vàng tri âm.  
 Cuộc trần tạm chẳng mấy năm,  
 Giữ tròn lời thệ cao thâm trở về.  
 Biết thời dạ chớ chấp nê,*

*Tin thành ắt có ngày về gặp nhau.  
Nhớ khi chung cuộc ra vào,  
Người về Tiên cảnh phân nhau một hồi.  
Ít lời giải muộn mà thôi,  
Giã chừ quý hữu ta hồi Tiên bang.”*



**Mộ tháp ông Nguyễn Thiện Thương  
tại Vĩnh Hòa-Bến Tre**



**6. Ông**

**NGUYỄN  
THIỆN NIỆM**

(1898 – 1935)

Đặc vị:

**GIÁC MINH KIM TIÊN**

Ông **Nguyễn Thiện Niệm** sinh ngày 25-01-1898, người quê ở Ô Môn, Cần Thơ, là anh cả trong 4 anh em, 2 em gái và em trai tên Nguyễn Văn Thiệu (tu Chiếu Minh, trụ trì Đàn Khai Nguyên, Phú Quốc). Ông Nguyễn Thiện Niệm lập gia đình với bà Nguyễn Thị Luân (1900 – 1972), ông bà có 3 người con trai (về sau bà cùng tu theo Chiếu Minh, đặc vị Thanh Lạc Nương Nương).

Thời gian ông Nguyễn Thiện Niệm làm việc ở Đông Pháp Ngân Hàng Cần Thơ cũng là giai đoạn mỗi đạo Chiếu Minh khởi sự tại đây. May duyên gặp Đạo, ông bà trở nên nhân tố tích cực buổi đầu.

Ông Nguyễn Thiện Niệm liễu đạo ngày 18-6-1935, an táng tại Chiếu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ).

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Chí Tôn ân ban cho ông Nguyễn Thiện Niệm đặc vị Giác Minh



Kim Tiên; đàn tại Thảo Lư (Cần Thơ) ngày mùng 1 tháng 9 Ất Hợi (1935):

“*Cao Tiên huân luyện độ môn sanh,  
Đài các Huỳnh Kim Tử Phủ thành;  
Giáo giải tu chơn tâm dưỡng tánh,  
Chủ truyền **Thiện Niệm** đăc hời sanh.  
Hóa quang ân huệ con nhuần gội,  
Đạo pháp minh tâm phẩm vị rành.  
Nam nữ y truyền trong bốn buổi,  
Phương mầu Đại Đạo đăc thời hanh.*

*Thầy mừng các con nam nữ, Thầy thương ỷ  
cho Niệm giáng. Thầy miễn lễ các con....*

Tiếp điền

*Ngã **Nguyễn Thiện Niệm** chào chư đạo hữu  
nam, nữ (...) Sắc phong **Giác Minh Kim Tiên**.*

THI

*Tiên tục ngày xưa đã rẽ đôi,  
Một nền Đại Đạo ráng vun bồi;  
Cung Tiên sớm chực hầu Sư Phụ,  
Cửa Phật ngày nay cứu độ đời.  
Giáng giải Đạo mầu vưng lệnh dạy,  
Tỏ phân cơ Tạo đăc quy hời;  
Tu hành cần mẫn ân ban thưởng,  
Tự **Giác Minh** nay chí định rồi.*

## TRƯỜNG THIÊN

Cõi trần một kiếp trầm luân,  
 Gặp Thầy truyền giáo nhớ chừng căn xưa.  
 Học tu Đạo pháp thượng thừa,  
 Trải qua mấy lúc nắng mưa gọi nhuần  
 Ngày về nhớ Đức Hồng Quân,  
 Liên Hoa hóa kiếp hưởng phần Tây phương.  
 Nức nồng báu lạ phi thường,  
 Trở về một cảnh mới tường thử chung.  
 Tôi nay đắc lệnh trùng phùng,  
 Để lời phân tỏ **Minh Hồng** đạo tri.  
 Phân tường những lúc hồi quy,  
 Thầy còn thử thách đôi khi đá vàng.  
**Niệm** đây lúc tạm thế gian,  
 Đạo mẫu **Hồng** giữ luận bàn sao nên?  
 Tại lòng thế tục đôi bên,  
 Ít nhiều hiểu rõ cái nền Đạo Cao.  
 Biết rằng huynh đệ xa nhau,  
 Khi về một lúc truyền rao dặn dò.  
 Thôi đành một lúc cam go,  
 Người tu bị khảo lần dò thoát qua.  
 Giữ lòng đừng tưởng lo ra,  
 Ngày sau phản bốn Thiên Tòa chung vui.

Vì ngày nay tôi đắc lệnh giáng để phân đôi lời  
 sau trước vẫn tất. Ngày chư đạo hữu hầu Thầy tại  
 gia đạo hữu **Luôn** (bà Nguyễn Thiện Niệm- NV) tôi  
 sẽ luận đạo.

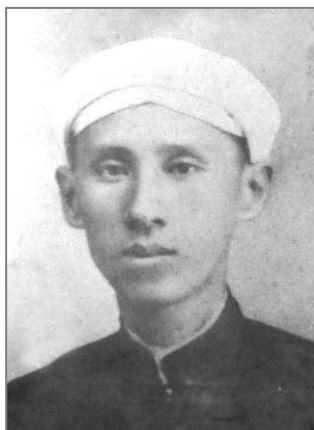
*THI*

*Bồ đào mìnng chúc cảm ơn thi,  
Luận Đạo ngày nay đắc phỉ rày?  
Giã các đệ huynh hồi thượng cảnh,  
Chư Tiên đồng lại, ngã đồng quy...*

*Thăng.”*



**Mộ tháp Ông Nguyễn Thiện Niệm tại  
Chiếu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ)**



**7. Ông**

**TRẦN  
NGHĨA TRỌNG**

(1902 – 1941)

Đặc vị:

**ĐẠI GIÁC  
CHƠN TIÊN**

Ông **Trần Nghĩa Trọng** sinh năm Nhâm Dần (1902) là em thứ 8 của bà Trần Thị Ngữ (thứ 2; những người thứ 3, 4, 5, 6, 7 đều mất sớm). Ông Tám Trọng không lập gia đình và theo chị Hai Ngữ làm đệ tử trực truyền Ngài Ngô. Hai vị đảm nhận trọng trách truyền Pháp đạo tại Đền Chợ Lớn. Về sau người em gái thứ 9 tên Trần Thị Nguyên cũng tu Chiêu Minh.

Ông Trần Nghĩa Trọng liễu đạo ngày 04-7 Tân Tỵ (1941), mộ táp tại Đền Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Cao Đài ân ban cho ông Trần Nghĩa Trọng đặc vị Đại Giác Chơn Tiên; đàn đêm 23-7 Tân Tỵ (1941) tại Chiêu Minh Đền Chợ Lớn:

## THI

“*Cao* ban đệ tử đắc thành công,  
*Đài* các nêu tên rõ mặt rồng;  
*Giáo* hóa từ xưa gìn trọn đạo,  
*Chủ* truyền chiếu triệu một tay Ông.

*Thầy mừng các con.*

*Thầy giảng thế lập nên một nền Đại Đạo, trước cho các bậc nguyên nhân giảng trần, luân hồi chuyển kiếp, lẫn lộn cùng đời chịu đủ các cảnh của đời tạo ra, hầu để chờ ngày thâu hành phạt sự, để đui dắt toàn linh trở về căn xưa vị cũ. Duyên may các con gặp Đạo Thầy, các con chớ sờn lòng nản chí, các con nên noi gương của các bậc tiên du liễu đạo mà trì chí lập tâm kiên cố để theo Thầy cho đến ngày cùng. Vậy như **Trọng** đây trước cũng một nguyên nhân của Thầy sai giảng phạm, ngày nay công đầy quả đủ, Thầy hạ chiếu triệu đơn thơ thâu về nguyên vị.*

## THI

*Dày dặn công phu Đạo mới thành,  
 Rõ ràng đệ tử của Tam Thanh;  
 Luân hồi chuyển kiếp theo trần thế,  
 Thâu góp toàn linh chứng quả lành.*

*Vậy ngày nay, chiếu theo Thiên luật, Thầy hạ lệnh ân phong cho **Trọng** là **Đại Giác Chơn Tiên**. Thầy ban ơn cho giảng đàn nay cùng các con đạo lý thuyết minh. Thầy thượng ỷ.*

## TIẾP CẦU

*Bàn Đạo mừng chư đạo hữu cả đàn.*

## THI

*Đại chiếu ân ban sắc lệnh Thầy,  
Giác truyền thông thả trở về Tây;  
Chơn ngôn Từ Phụ vừa phân phán,  
Tiên Phật vui vầy một hội say.*

## HỮU

*Mấy kiếp lâm phạm mấy kiếp xong,  
Vẹn lời nguyện ước đặng thành công;  
Tu hành hằng giữ lòng kim thạch,  
Học đạo thường nơi chí bá tông.  
Bí pháp đồ theo khuôn Tạo Hóa,  
Chơn truyền họa lại phép Sư Ông;  
Ngày nay công quả vừa viên mãn,  
Mừng đặng Thiên Đình sắc chỉ phong.*

## BÀI

*Ngày thọ lãnh đơn thơ chiếu triệu,  
Khiến tâm thần yếu yếu mình mình;  
Nê hoàn Thầy mở khiếu linh,  
Dứt rồi cuộc thế Ngọc Kinh trở về.  
Chầu Sư Phụ sắc phê ban thưởng,  
Hội quần Tiên vui hưởng Bàn Đào;  
Cảnh nhàn mặc sức tiêu dao,  
Phụng chầu hạc múa đón chào người xưa.  
Thú thanh nhã chiều trưa toại chí,  
Cuộc nhàn du sơn thủy thích tình;*

Sen vàng đỡ gót khoe xinh,  
 Đạo chơi Tử Phủ, Động Đình khắp nơi.  
 Sớm Bồng Đảo, chiêu đời Tây Vực,  
 Cảnh thiên nhiên thơm nức mùi hương;  
 Chỉ rành cảnh báu Tây phương,  
 Ai người rõ lối kịp bươn trở về.  
 Nhớ những lúc Thầy phê tại thế,  
 Lập đàn tràng phổ tế chúng sanh;  
 Cơ linh từ ấy lập thành,  
 Lần lần Thầy chuyển nguyên sanh trở về.  
 Nơi Trước Lý mượn đề bí khuyết,  
 Chọn chư hiền chí thiết đạo tâm;  
 Linh Đài là chỗ cao thâm,  
 Là nơi linh diệu chí tâm Đạo cao.  
 Tạm một lúc rồi sau cũng đẹp,  
 Cho chư hiền biết phép của Thầy;  
 Phép Thầy luân chuyển như vậy,  
 Bí truyền, giáo hóa, phân hai con đường.  
 Chừng ấy mới tỏ tường chơn giáo,  
 Bản Đạo đem bốn thảo ra truyền;  
 Chỉ rành người tục phép Tiên,  
 Hiểu rồi khá rành cần chuyên đêm ngày.  
 Đủ mọi lẽ tỏ bày khi trước,  
 Giữ in khuôn gặng bước đừng sai;  
 Đạo thành chịu khổ nhiều ngày,  
 Đường Tăng xưa cũng đắng cay muôn bề.  
 Bản Đạo đây hằng nghe Sư Phụ,  
 Để nhiều lời phủ dụ ban sơ;  
 Khảo trừng lắm lúc ngăn ngo,

Như đèn trước gió, như cờ gặp dông.  
 Nhưng khăng khăng một lòng bền chặt,  
 Nhờ trên Thầy thường nhắc nhở khi;  
 Làm tôi với chúa trọn nghi,  
 Không tham sang cả chẳng vì lợi danh.  
 Giữ đặng một chí thành lo Đạo,  
 Đến ngày cùng phước báu tay nương;  
 Biết rằng đồng đạo mến thương,  
 Quả lành đã chứng Tây Phương phải về.  
 Thuyền Bát Nhã đã kề sẵn bến,  
 Lái huyền quang cầm đến Ngọc Kinh;  
 Khách Tây Du mới thỏa tình,  
 Công viên quả mẫn Thiên Đình thưởng ban.

### THI

Bò đào cam giá tửu Tây Phương  
 Ly rượu mừng chung chữ nghĩa phương  
 Tiên tục từ đây xa lại cách  
 Cơ màu sau sẽ tả nên chương.

Bản Đạo kiếu. Thăng.”





**Mộ tháp Ông Trần Nghĩa Trọng, phía xa là mộ tháp bà Trần Thị Ngử, tại Đàn Chợ Lớn**



**8. Ông**  
**NGUYỄN VĂN**  
**LÝ**  
(1898-1950)

Đặc vị:  
**VIÊN MINH**  
**ĐẠO NHƠN**

Ông **Nguyễn Văn Lý** sinh ngày 08-10-1898 (Mậu Tuất), người gốc ở Bến Tre. Sinh thời, ông làm việc trong ngành Công Chánh. Ông Nguyễn Văn Lý và người phối ngẫu là bà Nguyễn Thị Huyền (1900-1976) cùng thọ pháp làm đệ tử trực truyền Ngài Ngô Văn Chiêu. Khoảng năm 1940, ông và bà cùng lên Tây Ninh hành đạo tại Minh Cảnh Đàn. Tại đây, ông và bà truyền pháp Chiêu Minh cho nhiều vị khác tiếp nối.

Ngày 20-7-1950 (18-5 Canh Dần), ông Nguyễn Văn Lý bệnh rồi liễu đạo tại Sài Gòn, gia đình lập mộ tháp tại nghĩa trang Hội Tương Tế Bến Tre. Năm 1978, nghĩa trang giải tỏa (nay là khu chợ Phạm Văn Hai, Tân Bình), ông được di táng về quê bà Huyền, xã Vĩnh Hòa, Bến Tre (mộ nằm). Ngày mồng 1 tháng 11 năm Canh Dần (09-12-1950), tại

Đàn Long Ân (Tân Định, Sài Gòn), Đức Cao Đài ân ban Thánh Sắc cho Ông Nguyễn Văn Lý đặc vị Viên Minh Đạo Nhơn:

*“Cao Đài Chưởng Giáo Thiên Tôn, Thầy mừng các con nam nữ.*

*Các con ôi! Thầy vì đức từ bi, lòng bác ái, chẳng đành để cho chúng sanh dần thân vào vòng luân hồi lục đạo, khổ đọa trầm luân nên mới giáng trần lập Đạo, gieo rải mối chơn truyền, độ những kẻ linh căn về nơi nguyên vị.*

*Các con là đệ tử của Thầy cũng nên noi theo gương từ ái của Thầy tận tâm vì Đạo. Trên, Thầy cảm ân thương phật công bình.*

### THI

*Thầy lập Đạo mầu độ chúng sanh,  
 May duyên phước ngộ ráng tu hành;  
 Bền mê xa lánh điều vinh nhục,  
 Bờ giác nương về hưởng phước thanh.  
 Bể ái, thuyền đưa con liễu tử,  
 Nguồn ân, hạc rước, lúc siêu sanh.  
 Chấm công những kẻ căn duyên mãi,  
 Thầy độ về nơi Tử Phủ Thành.*

*Y theo Thánh lệnh thì đàn nay, Thầy hạ chiếu cho giác linh của Lý giáng cơ và ân phong cho đạo hiệu là **Viên Minh Đạo Nhơn**. Vậy các con tiếp cầu, Thầy thượng ý.*

*Tiếp điểm**THI*

*Viên khai chánh giác ngộ Thiên ân,  
 Minh lý hư vô thoát tục trần;  
 Đạo pháp đạt thành tôn vạn cổ,  
 Nhơn gian bất thức chứng kim thân.*

*HỮU*

*Thân phàm vương vấn mối oan gia,  
 Vay trả, lao thân, khổ trí mà;  
 Nay đặng rảnh rồi câu trái chủ,  
 Non Tiên nhàn hưởng thú yên hà.*

*Thú yên hà, vào ra động phủ,  
 Con nhàn du, cúc tửu lan đình;  
 Cảnh lành, muôn vẻ lịch xinh,  
 Thiên hương thoai khí, thần linh nhẹ nhàng.*

*Bần Đạo mừng chư đạo hữu kim đàn. Đàn nay, Bần Đạo phụng thừa Ngọc Sắc nương cơ tá bút tiếp xúc đệ huynh để bàn sơ về thế sự nhơn tình, luận tóm tắt về tinh thân đạo đức.*

*Nầy chư hiền hữu ôi!*

*Cuộc thế tựa như bèo mây tan hiệp,  
 Cõi dinh hoàn là kiếp trả, vay,  
 Người ở đời có tỉnh, có say,  
 Ai thức tỉnh thì đặng gặp Thầy, gặp Đạo.  
 Biết lo tu khỏi tạo trái oan,  
 Chịu quả nhồi mà chẳng thở than,*

*Trả cho dứt nợ sẽ đặng đứng vào hàng  
 Tiên Thánh Phật.  
 Còn người say, mê sa đường vật chất,  
 Là tự chôn mình vào chỗ vực sâu,  
 Máy huyền vi đâu phải cơ cầu,  
 Luật Tạo Hóa, câu thiện ác đảo đầu giai  
 hữu báo.*

### THI

*Cám cảnh đệ huynh nghĩa mặn nồng,  
 Người thì giúp sức, kẻ ra công;  
 Hộ trì Bàn Đạo ngày quy liễu.  
 Nghĩa nợ, ơn kia tạc để lòng.*

### HỮU

*Lòng đạo đức từ bi, bác ái,  
 Tánh từ hòa, nhẫn nại, thiện lương;  
 Giúp đời chỉ lối Thiên đường,  
 Biết nơi đạo đức, tâm phương tu hành,*

### HỮU

*Hành đạo chớ nài nổi đặng cay,  
 Mừng nay về đặng dưới chơn Thầy;  
 Sớm châu Bệ ngọc, trình công quả,  
 Chiều lại tiêu diêu chốn Lạc Đài.*

*Chư đạo hữu, về phần Bàn Đạo truyền giáo  
 bền lòng, ráng lo tu đạo pháp, trên có Sư Phụ hằng  
 bố hóa, và từ đây nên hiệp tác cùng chư đệ huynh  
 nơi Chiếu Minh Long Ẩn Đàn chung lo vun bồi*

nền Đại Đạo để lập đức bồi công cho mau thành một kiếp.

*Huyền* đạo hữu nên hiểu rằng: Xưa ở thế, vì câu ái tả mà phải chịu trả quả cùng nhau, nay chia cách kẻ Tiên người tục, Bần Đạo cũng lấy tình đồng đạo tri âm khuyên đạo hữu nên thu xếp bớt việc đời để lo tu hành cho đúng Đạo. Gần ngày cùng, ráng chịu quả nhồi cho mau dứt.

### THI

*Giã từ huynh, đệ gắng công trình,  
Un đức tinh thần, đạo pháp minh;  
Thao lược đủ tài dìu dắt chúng  
Về nơi Tử Phủ, chốn cung Huỳnh.*

*Thăng.”*



Phần mộ nằm cải táng của ông Minh Lý tại Bến Tre



9. Ông

**NGUYỄN VĂN  
MƯỜI**

(1901-1948)

Đặc vị:

**THANH HƯ  
ĐẠO NHƠN**

Ông **Nguyễn Văn Mười** sanh năm Tân Sửu (1901). Sinh thời ông dạy học tại trường Phú Lâm nên quen biết với các vị: Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Thiện Thượng, Phạm Văn Thới... (cùng là giáo viên trường Phú Lâm) nên biết được Đạo. Ông Nguyễn Văn Mười cùng vợ là bà Trần Thị Cúa (1907-1939) đồng làm đệ tử của Ngài Ngô Văn Chiêu.

Ông Nguyễn Văn Mười liễu đạo ngày 22-5 Mậu Tý (20-6-1948). Mộ lục giác của ông Nguyễn Văn Mười (và bà Trần Thị Cúa) tại thổ mộ gia đình đường Hùng Vương, thị trấn Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Cao Đài ân ban cho ông Nguyễn Văn Mười đặc vị **Thanh Hư Đạo Nhơn**, đàn ngày 05-9-1948 tại đàn Phú Lâm:

*“Cao Đài Thượng Đế,*

Mừng các con. Đàn nay Thầy chứng lòng thành nguyện của các con. Vậy Thầy ân phong cho **Mười là Thanh Hu Đạo Nhơn**. Các con tiếp câu, Thầy thương ý.

**THI**

**Thanh** tịnh giới trau Đạo tối cần,  
**Hu** vô bồi bổ thể kim thân;  
**Đạo** thành Nam Đẩu Tinh Quân chiếu  
**Nhơn** quả trả xong đặng thoát trần.

**HỮU**

Trần thế là nơi tạo chuỗi phiền,  
 Lo tu sao đặng phản huờn nguyên  
 Bàn Đào động phủ là ngôi báu  
 Sớm tối vào ra trước bệ tiên.

**HỮU**

Bệ tiên châu chực Tiên Ông,  
 Cao Đài Thượng Đế dày công độ đời;  
 Ban truyền Đại Đạo khắp nơi,  
 Độ người căn thiện thoát đời trầm luân.

Bản Đạo mừng chư hiền hữu.

**TRƯỜNG THIÊN**

Cảm tình đồng đạo tri âm,  
 Cầu Thầy đánh lễ thành tâm khẩn nguyện.  
 Từ bi Thánh ý ban truyền,  
 Cho tôi tiếp xúc chư hiền đàn trung.



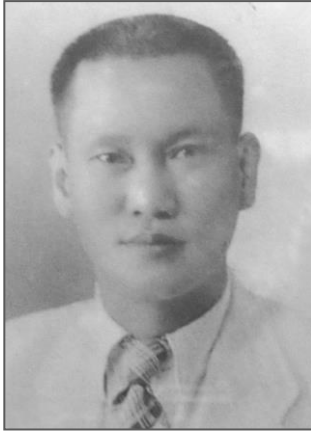
Thú vui bút tả chẳng cùng,  
 Mừng nhau hỷ dạ đôi chung rượu nồng.  
 Việc đời thấy có hườn không,  
 Bỏ cơ tạo hóa giữ lòng lo tu.  
 Đạo thành về chốn thanh u,  
 Cờ Tiên rượu Thánh muôn thu hưởng nhàn.  
 Lánh đời khỏi tạo trái oan,  
 Đẹp lòng nhân dục mưu toan lợi quyền.  
 Học đời hạnh đức thánh hiền,  
 Từ bi bác ái cần chuyên tu hành.  
 Phật Tiên năng độ chúng sanh,  
 Thoát vòng cương tỏa về thành Nhụy Châu.  
 Trò đời lắm cuộc bể dâu,  
 Tang thương biến chuyển có đâu vững bền.  
 Lo tu cảnh lạc lân lân,  
 Trau dồi đạo đức lập nền Tiên gia.  
 Đào Nguyên động phủ quê nhà,  
 Dinh hoàn cõi tạm đây là mê tân.  
 Nhớ khi còn ở dưới trần,  
 Tu hành phải chịu lắm phần cam go.  
 Quanh năm thủ phận làm trò,  
 Tội căn sám hối lần dò thang Tiên.  
 Ngày nay đắc chí phi nguyên,  
 Để lời nhắc nhở bạn hiền cố giao.  
 Bá tông lập chí thanh cao,  
 Tu thành chánh quả bàn đào vầy vui.  
 Giờ nay kẻ ở người lui,  
 Tiên phàm chia cách chưa nguôi tác lòng.

(...)

*Sau có dịp, Bản Đạo sẽ cho thi kỷ niệm về mỗi đạo hữu.”*



**Mộ lục giác của ông Nguyễn Văn Mười (bên phải) và của bà Trần Thị Cửa (bên trái) tại Gò Dầu, Tây Ninh.**



**10. Ông**  
**NGUYỄN**  
**VĂN DƯƠNG**

(1898 – 1951)

Đặc vị:

**HUYỀN MINH**  
**ĐẠO NHƠN**

Ông **Nguyễn Văn Dương** sanh ngày 21-12-1898 (Mậu Tuất). Sinh thời ông làm thầy giáo dạy trường Phú Lâm. Biết được đạo, ông Nguyễn Văn Dương và người phối ngẫu là bà Giao Thị Thanh (1899-1933) đồng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu.

Ông Nguyễn Văn Dương liễu đạo ngày 12-3 Tân Mão (1951). Mộ tháp của ông và gia đình tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; về sau khu đất giải tỏa lập bệnh viện Bình Tân, các tháp đã được cất bốc.

Ngày Rằm tháng 2 Quý Tỵ (1953), đàn tại nhà ông Nguyễn Minh Truyện (1908-1969), Đức Cao Đài giảng, ân ban cho ông Nguyễn Văn Dương đặc vị **Huyền Minh Đạo Nhơn**, cùng giảng đàn với một đạo hữu khác là Minh Quý (đệ tử cấp 2, đặc vị Nhứt Huệ Đạo Nhơn):

**“Cao Đài Tiên Ông,**

*Thầy mừng các con.*

*Cao Tiên hằng dạy trẻ tu hành,  
Luyện kỹ là nên Đạo cạnh tranh;  
Thầy đã lo tròn con khỏi nhọc,  
Đạo Thầy, Thầy tạo khỏi con canh.*

*Thầy hằng dạy con lo tu kỹ, đó là biểu hiệu  
Chiếu Minh, các con muốn lo nên Đạo của Thầy  
không sai lạc và nên tảng vững chắc không chi hơn  
con lo tu hành, bề ngoài cho có vẻ đạo đức, bề  
trong lo luyện kỹ cho thành đơn được là con trả ơn  
Thầy mà lo đắp nền đạo hậu lai.*

*Bao nhiêu sự con giúp gánh Đạo Thầy, Thầy  
không mừng bằng một con dễ dạy.*

*Miễn con luyện kỹ, Đạo thành,  
Danh Thầy vững chắc truyền thanh ích gì.  
Chi cho nhọc, từ bi, đạo đức,  
Rèn nhứt tâm, đáng bực trò Tiên;  
Lòng con thơ thới nhà thiên,  
Y trong phép đạo là giềng Thầy con.*

*Các con tiếp Minh Dương, Minh Quý giáng,  
Thầy thương ý.*

**Huyền Minh** Đạo pháp vững như thành,  
Đắc lệnh triệu hồi hướng **Dương** thanh;  
**Nhứt Huệ** thông tri nên Đạo **Quý**,  
Chực châu bệ ngọc bảng đề danh.

*Bản Đạo **Huyền Minh** mừng các bạn đạo, ngài **Nhứt Huệ** vui lòng ngày hôm nay giáng tiếp cùng quý đạo, vậy hai tôi họa thi kỷ niệm.*

*Từ lánh bước, chia hai Tiên tục,  
Mà thời đưa đến lúc hai xuân;  
Xiết chi cảnh thú chào mừng,  
Thương bạn đạo khó chùng sớm tối.  
Cảnh khổ khảo quả nhôi cam phạt,  
Ráng chí dè khỏi hận ngày sau;  
Câu văn dùng chữ ngọt ngào,  
Đừng lời quá mạnh mà trao cho người.  
**Huyền Minh** nhắc cơ Trời khó lộ,  
Bóng theo hình, không chỗ nào sai.  
Rảnh giờ gặp bạn tái lai,  
Kiểu chư bạn đạo có ngày viếng thăm.  
**Nhứt** chi đạo năng cầm vững chắc,  
**Huệ** Thầy ban mới đắc cơ Trời;  
Nhọc nhàn bốn buổi không lời,  
Ôm trau của quý nhớ lời thế xưa.  
Bản Chiếu Minh Thượng Thừa khó độ,  
Người thiện căn có chỗ sẵn rồi;  
Cân chi lời nói ngoài môi,  
Cứng lòng sắt đá, một lời không phân.  
Phân đồng ý mới cân nẻo Đạo,  
Kịp tâm đồng mới bảo cho nhau;  
Kiểu từ già bạn ngày sau,  
Tiếp vui một bữa mà trao ý Thầy.  
Thăng.”*



**Mộ tháp ông Nguyễn Văn Dương (bên phải) và của bà Giao Thị Thanh (bên trái), khu đất nay đã giải tỏa làm bệnh viện Bình Tân.**

(Ảnh Huệ Nhẫn chụp ngày 16-6-2005)



## 11. Ông

### NGUYỄN THÀNH TỰU

(1885 – 1954)

Đặc vị:

**HUỆ ĐỨC  
KIM TIÊN**

Ông **Nguyễn Thành Tựu** sinh năm Ất Dậu (1885), người vùng Trà Ôn, Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Ông Nguyễn Thành Tựu lập gia đình với bà Lê Thị Trĩ (1883-1963) (ông bà cùng tu theo Chiếu Minh). Ông Nguyễn Thành Tựu thời gian sau đảm nhận việc truyền pháp chỉ kiếu tại Thánh Đức Tổ Đình cho nhiều vị.

Ông Nguyễn Thành Tựu liễu Đạo ngày 16-6 Giáp Ngọ (1954). Phần mộ ông Nguyễn Thành Tựu và bà Lê Thị Trĩ nằm tại xã Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Chí Tôn ân ban cho ông Minh Tựu đặc vị **Huệ Đức Kim Tiên**; đàn tại Thánh Đức Tổ Đình (Cần Thơ), Tý thời, 09-01 Ất Mùi (1955):

*“Cao Đài Thượng Đế Chưởng Giáo Thiên Tôn, Thầy mừng các con. Thầy mừng các con nam nữ đàn tiên.*

*THI*

*Đạo thành nhờ bởi có chơn tâm,  
Sau, trước gìn y một tiết cầm;  
Trên thuận, khâm tuân cơ đạo chuyển,  
Dưới hòa, tôn kính luật cao thâm.  
Từ bi hằng giữ lòng thanh tịnh,  
Bác ái thường trau sửa lỗi lầm;  
Chánh kỹ nên gương hiền triết để,  
Độ đời thoát hóa kiếp luân trâm.*

*Các con tu nên để trọn đức tin nơi Thầy, hằng lo tưởng Thầy, tưởng Đạo, một phút chẳng nên rời thì trên có Thầy hằng độ. Thầy ân phong cho **Tự** là **Huệ Đức Kim Tiên**. Các con tiếp câu, Thầy thượng ý.*

*Tiếp diễn*

*THI*

***Huệ** tâm phát khởi, huệ tâm linh,  
**Đức** tánh thường trau, đức tánh bình;  
**Kim** thể vận hành, đon hạ chiếu,  
**Tiên** thiên khí hóa, Đạo cao minh.*

*Ngã tự **Minh Tự**, chứng quả vị **Huệ Đức Kim Tiên**. Nay phụng thừa Thánh Chỉ, giáng điển Tổ Đình, hội ngộ cùng bạn đạo **Chiếu Minh**. Mừng quý hữu nữ, nam, **Tiên, Hậu**<sup>108</sup>. Mời chư hiền an tọa.*

---

<sup>108</sup> Tiên, Hậu là nói tắt về hai vùng Tiên Giang và Hậu Giang. Ngài Ngô thuở đầu dạy đạo vùng Sài Gòn - Chợ Lớn (Tiên Giang) và Cần Thơ ⇨



### PHÚ

Nay Bần Đạo về châu Sư Phụ,  
 Chón Lữ đình, đoàn tụ bạn thanh;  
 Cũng nhờ xưa, sẵn có căn lành,  
 Nay tỉnh ngộ, tu hành Đại Đạo,  
 Trên Sư Phụ từ bi truyền giáo,  
 Luyện chơn thân phục đảo cưu ngôi.  
 Căn duyên mãn quy hồi Tiên cảnh,  
 Ngày ở thế, quả trần phải gánh,  
 Nay về Tiên, nhàn rảnh xiết bao,  
 Con vào ra cục thốt sen chào,  
 Thường năm dự Bàn đào Tiên hội.  
 Chử đạo đức, ăn năn cải hối,  
 Phép tu là rồi tội cho mình.  
 Gìn y câu giáo lý Chiếu Minh,  
 Giữ đúng phép thần linh đạo pháp.  
 Ôn Sư Phụ hằng lo báo đáp,  
 Nghĩa đệ huynh dung nạp hòa giao,  
 Để roi truyền đức tốt, gương cao;  
 Minh chơn lý, truyền trao hậu thế.

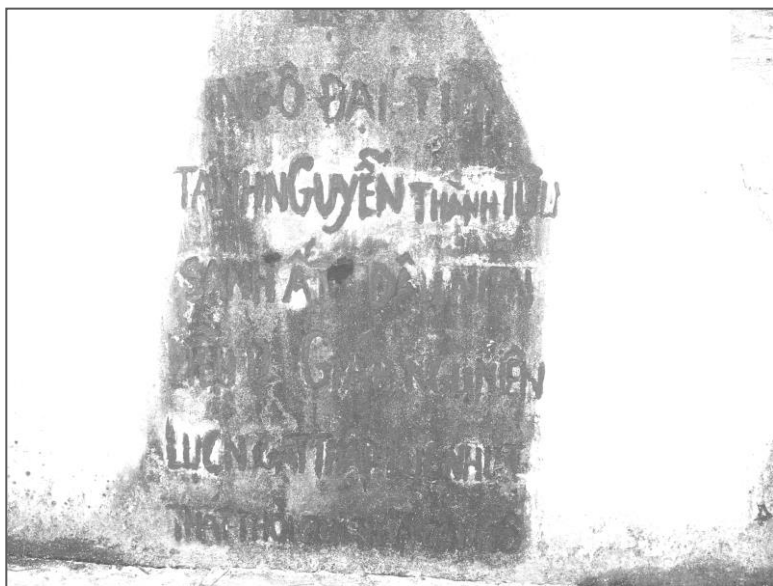
### THI

Đòi tu nay đã rảnh rang rồi,  
 Công quả xử tròn bốn phận tôi;  
 Thờ chúa thảo ngay, không đổi tánh,  
 Quả lành nay đang chứng cao ngôi.

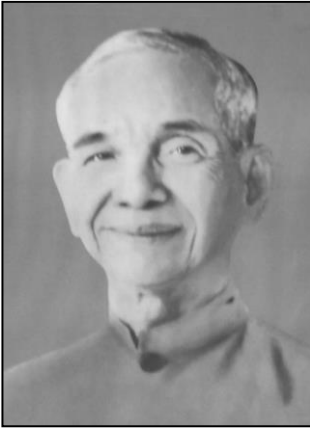
---

(Hậu Giang). Ôn Trên và các đạo hữu gọi Tiên, Hậu để phân biệt hai nhóm.

*Mượn chén bô đào, đãi bạn thanh,  
Chung vui, chia sót, phước Trời dành;  
Thấm nhuần đạo đức tinh thần rạng,  
Quả mãn công viên, hưởng phước thành.  
Giã chư hiền hữu. Thăng.”*



**Phần mộ ông Nguyễn Thành Tựu tại  
xã Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long.**



## 12. Ông

### **BÙI HÀ THANH**

(1905 – 1985)

**CHƯƠNG GIÁO  
CHIẾU MINH  
GIÁO TÒA**

Ông **Bùi Hà Thanh** sanh năm Giáp Thìn (1905) tại Tổng An Trường, Trà Ôn, Vĩnh Long. Ông là con của ông Bùi Quang Huy và bà Trương Thị Mọn (xem trang 192 và 299). Ông Bùi Hà Thanh lập gia đình với bà Phan Kim Đính.

Thời trẻ, ông Bùi Hà Thanh thông minh, học giỏi nhưng mang bệnh lao khá nặng (thuở đó là bệnh nan y). May duyên, khoảng năm 1929, ông gặp được Ngài Ngô Văn Chiêu và được Ngài trị dứt hẳn bệnh. Ông Bùi Hà Thanh đã đặt trọn niềm tin vào Ngài Ngô và ngày mùng 1 tháng 9 Tân Mùi (1931), ông đã trực tiếp thọ pháp từ Ngài Ngô Văn Chiêu. Có thể nói, ông Bùi Hà Thanh là đệ tử trực truyền cuối cùng của Ngài Ngô Văn Chiêu, chỉ 6 tháng trước khi Ngài Ngô đăng Thiên (13-3 Nhâm Thân – 1932).

Đến năm 1970, ông Bùi Hà Thanh bắt đầu tạo dựng nên Chiếu Minh Giáo Tòa (Cái Vồn, Cần Thơ). Từ năm 1972, nơi đây đã ổn định hệ thống giáo quyền gồm Cửu Viện, và các ban ngành; đồng thời với hệ thống giáo pháp các cấp, do Chương Giáo Bùi Hà Thanh chấp chương.

Chiếu Minh Giáo Tòa từ đây trở thành một nhánh đạo mới.



**Phần mộ ông Bùi Hà Thanh trong khu thổ mộ gia tộc tại Thuận An, Vĩnh Long**



### 13. Ông

## PHẠM VĂN THỚI

(1905 – sau 1975)

Ông **Phạm Văn Thới** sinh năm 1905 là em út (thứ 8) ông Phạm Tấn Lộc (1895-1945) (xem trang 196). Ông Phạm Văn Thới lập gia đình với bà Hồ Thị Ngàn (1903-1934) (xem trang 309), nhị vị có 2 người con, một gái một trai. Năm 1927, khi dạy học tại trường Phú Lâm và biết được đạo, nhị vị đồng lòng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu.

Năm 1934, bà Hồ Thị Ngàn liễu đạo (đắc vị Ngọc Thiên Tiên Nương). Qua năm sau, 1935, ông Phạm Văn Thới về làm Hiệu trưởng trường tiểu học Gò Đen (Long An).

Việc ông Phạm Văn Thới xin chuyển đi Gò Đen dạy học, kèm theo vấn đề ông sẽ không thể làm đồng tử thường xuyên được, chư vị đàn Phú Lâm tỏ ra lo lắng. Ngày 22 tháng giêng Ất Hợi (25-02-1935), Đức Cao Đài giảng dạy:

*“Các con, việc dễ chẳng làm lại tìm việc khó, nhưng đã yêu cầu thì Thầy cũng chẳng phụ lòng các con. Vậy cứ giữ vậy rồi sẽ biết.*

*Còn việc đàn là việc của Thầy, nào phải của các con! Hiểu? Vậy giữ vậy. Thầy còn đây nghĩa là ở nhà đợi việc đến. Các con đã gieo hạt thì đợi trái, đã có tính là phải tính cho đến rồi sẽ biết ý Thầy. Thầy giúp cho.”*

Vài năm sau, ông Phạm Văn Thới không còn làm đồng tử.

Sau đó, tại Gò Đen, ông lập gia đình với một phụ nữ (chưa biết tên) có người con gái tên Mai. Rồi vài năm sau đó, ông lập gia đình với bà Nguyễn Thị Một (1915 - ?), nhị vị có thêm 3 người con (hai gái một trai).

Sau năm 1975, ông bà Phạm Văn Thới định cư ở Hoa Kỳ, ít còn nghe tin tức.



## 14. Bà TRẦN THỊ HƯỜNG

(1881 – 1958)

Đạo danh: **Minh Hồng**

Đức vị:

**NHƯ Ý  
NƯƠNG NƯƠNG**

Bà **Trần Thị Hường** (thường được gọi là Tư Huỳnh, Tư Hồng) sanh năm Nhâm Ngọ (1881), người gốc Cần Thơ. Lập gia đình với ông Nguyễn Văn Huỳnh (1875-1934) (xem trang 187) nên còn được gọi là bà Tư Huỳnh. Hai vị tạo dựng nên sự nghiệp trước khi cùng đồng lòng thọ pháp tu theo Ngài Ngô tại Cần Thơ. Bà được ban đạo danh Minh Hồng.

Về công đức của ông bà, chúng ta có thể đọc thêm trong các sách sử viết về Ngài Ngô và Chiêu Minh.

Bà Trần Thị Hường liễu đạo ngày 23-4 Mậu Tuất (1958). Mộ tháp của bà Minh Hồng tại Chiêu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ).

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Cao Đài ân ban cho bà đức vị **Như Ý Nương Nương**, đàn đêm 14

tháng 8 Mậu Tuất (1958) tại Thánh Đức Tổ Đình (Cần Thơ):

*“Cao Đài Thượng Đế Chưởng Giáo Thiên Tôn.  
Thầy các con. Thầy mừng các con nam nữ kim đàn.*

(Chư đạo hữu đọc bài Dưng Bò Đào đến câu:  
“*Tiên Ông hoan lạc kết trình tường*” thì Thầy tiếp)

### THI

*Trình tường Đạo pháp của Thầy ban,  
Học tập dày công chiếm bằng vàng;  
Ứng thí Long Hoa, Thầy vượt số,  
Dữ lành răn thương rất minh quang.*

### HỤU

*Quang cảnh Trời thu rất đượm đà,  
Giáng trần Thầy rưới giọt Ma-ha;  
Độ điều chơn tánh hồi Tiên cảnh,  
Dẫn dắt anh linh đảo Bửu tòa.  
Nước trí bốn mùa sanh dị thảo,  
Non nhơn tám tiết trở kỳ hoa;  
Thoát trần đặng dự Bàn Đào hội,  
Mới rõ người Tiên chẳng trẻ già.*

*Thầy miễn lễ, các con an tọa.*

*Đạo Thầy tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời. Những trẻ có lòng chí thành chí kính, biết mộ Đạo tướng Thầy, công quả siêng làm để vun bồi âm chất và công phu cần mẫn luyện để đào tạo lấy Nhị Xác*



*Thân; đến con nợ mãn số trần, Thầy độ về Tiên cảnh an hưởng phước nhàn thanh, bắt sanh bắt tử.*

*Đàn nay Thầy cho các con biết: Vì số trần đã mãn, công quả đặng viên thành cho nên Thầy đã thấu hồi chơn linh của đệ tử **Minh Hồng** về nơi nguyên vị, ân phong Thiên tước là **Như Ý Nương Nương**, đảm nhận nhiệm vụ nơi Bàn Đào hội và hạ lệnh cho giáng điển đàn trung.*

*Vậy các con tiếp cầu, Thầy thượng ý...*

*Tiếp cầu:*

### THI

***Như** tánh thiện căn đắc thọ truyền,  
**Ý** Thiên thông đạt thị tiền duyên;  
**Nương** thoàn bát chánh huòn nguyên vị,  
**Nương** cảnh hư linh rất toại nguyên.*

*Ngã tự **Minh Hồng** thọ tước Thiên phong là **Như Ý Nương Nương** trực thuộc Đức Kim Mẫu Từ Tôn nơi Bàn Đào Tiên Hội. Mừng chư hiền hữu nam nữ hiện diện. Chư hiền an tọa.*

*Hôm nay chư hiền hữu có lòng tưởng nhớ đến Bàn Đạo nên hội hiệp đông đủ nơi Thánh Đức Tổ Đình, trước đánh lễ hầu Thầy để thám nhuần điển huệ, sau mong ước đặng hội ngộ kim bằng tri âm đồng đạo. Cho hay Trời chẳng phụ lòng người đạo đức nên giờ nay Sư Phụ mới hạ lệnh cho Tiên tước được trùng phùng. Thiết rất phi chí khách tu mi mà cũng rất đẹp lòng người quả đắc!*

Từ ngày dứt bỏ đặng xác tục rồi thì hồn Tiên rất nên thông thả, chốn non linh muôn ngàn tự tại, có lúc nhàn du miền động phủ, có cơn khiến hứng chốn Bồng dinh, ngắm xem cảnh báu muôn vẻ lịch xinh, rất thỏa tình người thoát tục.

Nhơn ngày hội hiệp hôm nay, ngoài ra sự mừng vui thỏa thích về ý chí và tinh thần đạo đức thì không có chi đáng nói hơn là Bản Đạo để lời khuyên chư hiền hữu ngày nay còn ở thế: Khá rèn lòng kiên nhẫn, lập chí lo tu hành cho đắc thành chánh quả, cho kịp hội kịp kỳ Phán Đoán Đại Đồng, Long Hoa ứng thí. Vì hễ quả đậm công cao thì vị ngòi đặng rạng rỡ.

Chư hiền hữu nên ghi nhớ rằng: Người học đạo Tiên gia thì cần phải tu chường đức lành. Bởi vậy cho nên luôn luôn phải kèm chế lấy tâm phàm, cần nhắc tội phước từ việc làm, chọn lọc từ lời nói. Đừng để cho lòng tánh buông lung rồi tam muội hỏa thiêu hết công đức lâm thì rất uổng cho công trình đã đào tạo.

Thi tặng chư đạo hữu ở Cần Giang:

Tiên tục ngày nay hiệp nhưt tràng,  
 Mừng chư hiền hữu ở Cần Giang;  
 Tu hành thấm nhuần ơn Từ Phụ,  
 Luyện tập lưu thông phép Đạo Vàng.  
 Mối cũ gìn y nơi Thánh Đức,  
 Giềng xưa giữ vẹn chốn Cao Đàn;

*Thoát trần sẽ rõ cơ Trời định,  
Khuyên lẫn ngày nay chớ loạn bàn!*

*Thi tặng chư đạo hữu các nơi:*

*Chuyển bút đàn trung để máy lời,  
Mừng chư hiền hữu ở cùng nơi;  
Tổ Đình hội hiệp người tri kỷ,  
Thánh Đức đoàn viên bạn thức thời.  
Chúc đặng công thành nhuần đức Phật,  
Cầu cho quả đắc gọi ân Trời;  
Tu là cội phúc đời thương ví,  
Nhứt kiếp luyện trau ngộ nhứt thời.*

*Thi tặng riêng chư đạo hữu đã dày công khó  
nhọc hộ giúp Bàn Đạo trước ngày bỏ xác:*

*Cám nghĩa đồng tông nghĩa mặn nồng,  
Hộ giùm Bàn Đạo rất dày công;  
Nguyện cùng Từ Phụ gia ân điển,  
Cầu với Tôn Sư nhỏ phước hồng.  
Đạo pháp tu hành mau đắc quả,  
Chơn truyền luyện tập chóng thành công;  
Tưởng tình để lại thi đôi vắn,  
Cám nghĩa đồng tông nghĩa mặn nồng.*

*Thi tặng chư đạo hữu Long Ân Đàn:*

*Quý bút linh cơ giáng bửu đàn,  
Mừng cho Long Ân nhuận ân ban;  
Đạo Cao gìn giữ tròn chung thủy,  
Đức cả đôi trau đặng vẹn toàn.*

*Công quả vun bồi nền Thánh Đức,  
 Công trình xây dựng ở Tiền Giang;  
 Cho hay có chí, Trời ban phước,  
 Chứng quả ngày sau mới rõ ràng.*

*Đây là lời khuyên bảo kẻ trong thân:*

*Này lời khuyên bảo thân nhon!  
 Đường đời thăm thẳm, giẫm chơn sâu rồi.  
 Toan lo đạo đức trau dồi,  
 Noi gương Tổ Phụ vun bồi nền nhân.  
 Đỉnh chung ví thể phù vân,  
 Thạnh suy, tan hiệp xoay vần mãi thôi.  
 Tu hành may đặng về ngôi,  
 Phật Tiên chứng quả, phỉ rồi trần duyên.  
 Tình đời đảo đảo điên điên,  
 Đạo Trời diệu diệu huyền huyền biết bao!  
 Người mà có chí thượng cao,  
 Tu thành nhứt kiếp, Động Đào dưỡng an.*

### THI

*Tạm chén bô đào đãi cố nhân,  
 Chung vui hoan ẩm rạng tinh thần;  
 Nghĩa nhon vẹn giữ tròn chung thủy,  
 Công quả, công phu gắng mãi cần.*

*Bản Đạo già chư hiền hữu.”*



**Mộ tháp Bà Trần Thị Hương tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**



**15. Bà  
HUỲNH  
THỊ TRÌNH**

(1890 – 1970)

Đặc vị:

**DIỆU PHÁP  
NƯƠNG NƯƠNG**

Bà **Huỳnh Thị Trình** sanh năm Canh Dần (1890) tại Hòa Tân, Sa Đéc. Năm 1907, bà lập gia đình với ông Võ Văn Thơm (1876-1943) (Hội Đồng Địa Hạt). Đến năm 1927, may duyên gặp được Ngài Ngô Văn Chiêu tại Cần Thơ, bà Huỳnh Thị Trình xin thọ pháp (với sự đồng ý của ông Hội Đồng Võ Văn Thơm).

Cùng với quý ông Lê Công Phụng (1878-1946) và Nguyễn Văn Huỳnh (1875-1934), ông bà Võ Văn Thơm đã có công quả mua đất và tạo dựng nên Chiếu Minh Nghĩa Địa.

Bà Huỳnh Thị Trình liễu đạo ngày 28-11 Kỷ dậu (05-01-1970). Mộ tháp bà Minh Trình hiện tại Chiếu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ).

Sau đây là Thánh Sắc của Đức Cao Đài ân ban cho bà đặc vị Diệu Pháp Nương Nương, đàn tại

Thánh Đức Tổ Đình ngày 13-3 Canh Tuất (18-4-1970):

*“Thầy các con.*

*Các con mừng Thầy một bài*

*(Đọc bài Bông Lai)*

### THI

*Cao thiên soi xét rất quang minh,*

*Đài thượng lưu chơn pháp gắng gìn;*

*Tiên cảnh quy hồi nhờ luyện kỹ,*

*Ông răn, thưởng, chánh đáng công bình.*

*Đạo cao lắm lúc thặng trâm,*

*Tu mà biết sửa lỗi làm mới cao.*

*Tinh thần đừng để lãng xao,*

*Tứ thời luyện tập mai sau hưởng nhàn.*

*Thầy mừng các con kim đàn. Thầy miễn lễ, an tọa, nghe Thầy giáo hóa.*

*Giờ nay Thầy giá ngự Thánh Đức Tổ Đình chứng lễ thành kính của các con nam nữ Tiên, Hậu phụng hiến kỷ niệm ngày Thánh đán, vậy Thầy rọi lần điển huệ điểm hóa cho các con trước biết nghe lời Thầy dạy, sau yên tâm tịnh luyện. Đạo cao diệu hóa, đức cả huy hoàng.*

*Đạo Thầy lập mở kỳ nay là phương pháp cải tục, hườn Tiên, để cho những kẻ có chí nguyện tu hành thoát vòng cương tỏa; rảnh nợ trần ai, hầu trở lại quê xưa cảnh cũ, hưởng thú nhàn lạc chốn*

*nước Nhược, non Bồng, đầy kỳ hoa dị thảo, đủ mùi thiên hương.*

### TRƯỜNG THIÊN

*Đáo kỳ giá ngự Tổ Đình,  
 Tâm thành Thầy chứng đức tin vững vàng.  
 Tír ân đệ tử nội đàn,  
 Phước hồng chan rưới hân hoan tấm lòng.  
 Tu hành giữ để tâm không,  
 Nhớ câu “Tam Ngộ” “Tam công” chớ rời,  
 Ngày đêm bốn buổi đừng rời,  
 Võ văn đầy đủ thành thoi Non Bồng.  
 Danh cao phú quý chẳng mong,  
 Biết tuân Thánh ý mới xong phận trò.  
 Ý phạm xen lẫn hại to,  
 Làm con ngay thảo đấng đo bất ngờ.  
 Tír rày bỏ tánh hững hờ,  
 Vâng theo “Keo, Chuẩn” kịp giờ khỏi lo.  
 Đời tàn nhiều nổi cam go,  
 Dễ đâu dòi dối quanh co trăm bề.  
 Long Hoa biểu diễn hầu kê,  
 Con mau hành đúng chẳng hề đẩy đưa.  
 Chiếu Minh một phái Thượng Thừa,  
 Tam Thanh biệt lập, lọc lừa nguyên nhân.  
 Đệ huynh nhứt trí tương thân,  
 Chung lo tô điểm thêm phần vẻ vang.  
 (...)  
 Thương con dạy đã mòn hơi,  
 Vì đâu con chẳng tuân lời của Cha.*



*Phải vì sắp đặt điều ngoa,  
Làm cho con trẻ phải xa ý Thầy.*

*Thầy ban bỏ đào cho các con, thời gian thúc giục không chờ đợi nên Thầy nhắc lại cho những con chưa hồi tâm để biết giác ngộ.*

*Nay Thầy từ bi ban hồng ân cho **Minh Trình** và ân phong là **Diệu Pháp Nương Nương**, con tiếp cầu, Thầy thượng ý.*

### THI

***Diệu** khuyết chơn ngôn ráng chặt gìn,  
**Pháp** truyền tạc để cố hành in;  
**Nương** nhờ Đạo cả quy ngôi vị,  
**Nương** lệnh Tôn Sư đảo Tổ Đình.*

*Tôi là **Minh Trình**, được Thầy ân phong và cho hội hiệp cùng chư hiền nam nữ. Tôi rất vui mừng và chào tất cả kim đàn. Xin chư hiền an tọa nghe tôi nhắc lại đôi lời:*

*Kiếp con người chẳng khác nào một trường ảo mộng, thanh, suy, bỉ, thối, dẫu sống được trăm năm, rốt cuộc rồi cũng là tay không.*

*Chúng ta may duyên hữu phước ngộ đặng đạo Thầy hãy ráng nhứt tâm, bền lòng trau giồi đạo pháp cho kim đơn kết tụ thì không uổng một kiếp phù sinh.*

Về phần tử, tôn, mẹ để lời nhủ khuyên bớt dạ ai  
hoài, để trọn tâm kính Thầy, trọn Đạo, nghe mẹ  
cho bài sau đây:

### TRƯỜNG THIÊN

Khuyên con nối chí mẹ hiền,  
Tưởng tin trên có Phật, Tiên, Thánh, Thần.  
Đường tu tua sớm phăng lần,  
Vun bồi âm chất hương phần Thiên Thai.  
Chiếu Minh của Đức Cao Đài,  
Các con ghi nhớ đừng sai tác lòng.  
Giã con ở lại trần hồng,  
Mẹ hồi Tiên cảnh thong dong sớm chiều.

### KỆ

Mượn bờ dào dãi cố nhân  
Cùng nhau hoan ẩm tinh thần thêm tươi.

Tôi từ giã chừ hiền, đợi khi khác có lệnh Thầy,  
sẽ giáng tái ngộ.

Thăng.”



**Mộ tháp Bà Huỳnh Thị  
Trình tại Chiếu Minh  
Nghĩa Địa**



**Phần mộ ông Võ Văn Thơm tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**



**16. Bà  
NGUYỄN  
THỊ LUÔN**

(1900 – 1972)

Đặc vị:

**THANH LỘC  
NƯƠNG NƯƠNG**

Bà **Nguyễn Thị Luôn** sanh năm 1900, bà lập gia đình với ông Nguyễn Thiện Niệm (1898 – 1935), (xem trang 207). Năm 1927, ông Nguyễn Thiện Niệm đang làm việc tại Ngân hàng Đông Pháp ở Cần Thơ, may duyên lúc Ngài Ngô xuống Cần Thơ dạy Đạo, ông bà đồng lòng xin thọ pháp môn giải thoát. Ông Nguyễn Thiện Niệm mất sớm (năm 37 tuổi), bà Nguyễn Thị Luôn một lòng giữ đạo đến cuối đời.

Bà Nguyễn Thị Luôn liễu đạo ngày 26 tháng 5 Nhâm Tý (06-7-1972). Mộ tháp bà Minh Luôn tại Chiếu Minh Nghĩa Địa (Cần Thơ).

Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân ban cho bà **Nguyễn Thị Luôn** đặc vị **Thanh Lộc Nương Nương**, đàn tại Thánh Đức Tổ Đình (Cần Thơ) ngày rằm tháng 10 Nhâm Tý (20-11-1972):

### THI

“**Cao** ân ban bố trẻ trần ai,  
**Đài** linh cứu con khỏi đọa đày;  
**Giáo** Đạo Tam Thanh quy nhứt mạch,  
**Chủ** khuyên môn đệ khá đua tài.

*Thầy các con.*

*Nhơn tiết Hạ nguon, Thầy giá ngự Thánh Đức  
 Tổ Đình chứng lễ và mừng các con nam nữ đàn  
 tiền. Thầy miễn lễ, các con tọa thiền nghe lời giáo  
 huấn.*

*Các con đã vào hàng đệ tử của Thầy, học Đạo  
 Vô Vi Chiếu Minh Tam Thanh, là phải gọi rằng  
 Thượng thừa thì phải nương theo pháp đạo mà tu  
 tánh và luyện mạng cho kỹ càng, để thoát ly khổ  
 hải, đứt dây quả báo luân hồi tránh khỏi cảnh  
 Diêm Phù, ngoài ra còn phải lo chưởng đức lành  
 và trau sửa mình được chính đính hoàn toàn hầu  
 nêu gương cho đời trông thấy, chớ nếu có đạo mà  
 không đức thì có khác chi cây kia không vỏ, thử hỏi  
 cây đó có tươi tốt, sum sê và sống lâu đặng chăng?*

*Đời thường ví: Người có đức như tầm trong  
 kén, có muôn tơ bao bọc, che chở ấm thân. Vậy các  
 con ngoài việc tu luyện nên đua nhau vun bồi âm  
 chất, lập công đức đầy đủ cho ra người chí thiện  
 chí mỹ mới xứng đáng với địa vị của các con.*

Thầy nhắc tóm tắt sơ lược điều mà Thầy bao phen giảng dạy, ước mong rằng các con quan tâm đến để hành theo cho đúng.

Đàn nay Thầy cho biết **Minh Luân** được ân phong vào hàng Tiên tịch và Thầy ban ơn cho giảng đàn cùng các con giải bày đạo lý. Thầy thương ý, các con tiếp câu.

Tiếp điển

THI

“**Thanh** bạch gọi ân đức chí thiêng,  
**Lộc** lừa kiên cố ngộ chơn truyền;  
**Nương** nhờ từ thuở noi gương đẹp,  
**Nương** giảng đàn nay quyết nhủ khuyển.

Tôi **Minh Luân** nhờ ơn Sư Phụ ân phong là **Thanh Lộc Nương Nương** và đặc lệnh giảng hội hiệp cùng chư huynh đệ muội. Tôi rất hân hoan chào mừng chư huynh đệ muội và xin mời an tọa nghe tôi phân tỏ.

Hồi tưởng lại khi còn ở thế, nhờ may duyên hữu phước gặp được Thầy thọ giáo và dày công luyện kỹ nên nay mới đắc quả vị, thật là hân hạnh biết bao.

Tôi nhớ lại lúc quy liễu cùng khi đau yếu, chư hiền đã hết lòng thương tưởng, chẳng ngại khó nhọc viếng thăm giúp đỡ, lo lắng mọi việc được chu

toàn, thiệt tôi muôn vàn cảm kích, và có đôi lời đa tạ tất cả chư hiền Tiên và Hậu.

Sẵn dịp này tôi xin nhắn nhủ các em bạn đạo hãy noi gương đừng xao lãng mỗi đạo Thầy và tuân hành y quy luật lệ đã ban hành kịp thời và hợp lý.

### THI BÀI

Gió hiu hắt canh thâu chỉ dẫn,  
 Thương thân phàm lặn đặng đa sâu;  
 Ai người suy kỹ nghiệm sâu,  
 Khá lo lập đức hồi đầu thiện duyên.  
 Chốn trần thế chác phiền đeo bám,  
 Lắm oan khiên u ám thiên thu;  
 Cuộc đời như bóng phù du,  
 Đạo Trời gặp buổi luyện tu đắc thành.  
 Phận già đã nhàn thanh cảnh báu,  
 Chạnh cho người còn háo lợi vinh;  
 Đồng môn cốt nhục chi tình,  
 Lẽ nào chẳng có tiếng trình nhủ khuyên.  
 Khuyên bạn đạo diệt phiền trừ não,  
 Chỉ cần chuyên nương nấu an vui;  
 Gỡ rối oan nghiệt cho xuôi,  
 Song tu tánh mạng hưởng mùi thanh tao.  
 Lời Thầy dạy đề cao chủ ý,  
 Luật Thầy ban chơn lý tuân hành;  
 Để tâm lừa lọc trọc thanh,  
 Bàng Tiên có thưởng ân lành thưởng ban.

*Tôi xin mời các chư hiền đồng chung hoan ẩm  
bồ đào tửu.*

*KỆ*

*Giã từ cố hữu kim bằng,  
Diêu Cung trở gót lòng hằng nhớ thương.  
Thăng.*



**Mộ tháp Bà Nguyễn Thị Luân tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**





## 17. Bà

### TRẦN THỊ NGŨ

(1891 – 1953)

Đặc vị:

**VÔ VI**

**NƯỞNG NƯỞNG**

Bà **Trần Thị Ngũ** sinh năm Tân Mão (1891). Đầu năm 1927, lúc đang ở Sài Gòn, bà Trần Thị Ngũ xuống Cần Thơ thăm bà Trần Thị Hương (bà con cô cậu) nên biết được mối đạo. Về Sài Gòn, bà khuyến khích em trai (thứ 8) là Trần Nghĩa Trọng (1902–1941) (xem trang 211), và hai chị em đồng vào đường tu, làm đệ tử Ngài Ngô. (Về sau bà còn độ dẫn em út thứ 9 là Trần Thị Nguyên tu theo pháp môn Chiếu Minh). Trong các chuyến đi du lịch “rải thuốc” của Ngài Ngô Văn Chiêu thường xuyên có mặt bà Hai Ngũ và ông Tám Trọng.

Bà Trần Thị Ngũ hành đạo tại Đàn Chợ Lớn (nay trên đường Phú Thọ, phường 1, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Minh Ngũ liễu đạo ngày 27-02 Quý Tỵ (10-4-1953). Mộ tháp bà Trần Thị Ngũ tại Đàn Chợ Lớn (ảnh trang 216).

Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân phong bà **Trần Thị Ngữ** đắc vị **Vô Vi Nương Nương**, đàn ngày 14-7 Quý Tỵ (23-8-1953) tại Đàn Chợ Lớn:

*“Cao Đài Giáo Chủ,*

*THI*

*Ban ơn nam nữ gọi ơn Thầy,  
Khuya sớm tu cần dạ chớ khuây!  
Thăng lối non Tiên, Thầy dìu dắt,  
Ra vào cõi Phật ứng điếm may.*

*Ngày Trung Nguơn đại đàn, Thầy rất vui thấy  
các con hòa hiệp cùng nhau đánh lễ mừng Thầy.  
Thầy lấy làm vui chứng chiếu và ân phong cho  
**Minh Ngữ** là **Vô Vi Nương Nương**, đắc linh Thầy  
về đàm luận với các con.*

*Thầy thượng ý...*

*Tiếp điện*

*THI*

***Vô Vi Nương Nương** giáng,  
Mừng chư đạo nữ nam,  
Tu mau thành chánh quả,  
Theo Tiên bỏ xác phàm.*

## THI

May mắn thoát ra khỏi lưới trần,  
 Gọi ơn Từ Phụ tứ Thiên ân;  
 Học cơ Tạo Hóa phân thanh trước,  
 Luyện phép vô vi hiệp Khí Thần.  
 Nhân quả trả rồi xong một kiếp,  
 Tiền căn sẵn có khỏe muôn phân;  
 Hôm nay giáng bút mừng chư đạo,  
 Khuyên rắng công phu đắc pháp thân.

## BÀI

Nợ trần thế trả rồi một kiếp,  
 Theo Tiên đồng, Phật điệp tay nương;  
 Ngày về tới chốn Thiên đường,  
 Đến nơi Cực lạc dạo vườn kỳ viên.  
 Thương trần thế tiền khiên oan trái!  
 Lắm tội tình, quấy phải đa mang;  
 Bao nhiêu nợ nần buộc ràng,  
 Sớm lo lợi lộc, chiều lo tước quyền.  
 Con người vướng đảo điên bốn cửa,  
 Lại còn ham nghiêng ngửa đỉnh chung;  
 Cho hay mạng số đến cùng,  
 Con đường siêu đọa vẫy vùng thoát thân.  
 Nhờ Từ Phụ Thiên ân bố hóa,  
 Thức tỉnh đời biết ngả tâm tu;  
 Có bao nhiêu kẻ hồi đầu,  
 Tâm truyền khẩu khuyết, công phu Đạo thành.  
 Chịu khó nhọc lừa thanh lóng trước,

Ráng tu trì lập đức bồi công;  
Trước sau vẹn giữ một lòng,  
Học theo phép nhiệm Sư Ông lưu truyền.  
Gặp khảo đảo, tâm thiên ý định,  
Ráng lo tu tấn tinh tinh thân;  
Đừng chịu thị dục xác thân,  
Tưởng Thầy tưởng Đạo, chư Thần hộ an.  
Khuyên đạo hữu bốn đàn nam nữ,  
Trước cùng sau cư xử thuận hòa;  
Cùng chung học Đạo của Cha,  
Cùng chung một phái, đừng xa lời truyền.  
Kẻ chỉ Đạo giữ giếng mối cũ,  
Đem lời Thầy phân nhủ người sau;  
Há phân rằng thấp với cao,  
Đừng thêm đừng bớt, mảy hào tội mang.  
Đừng canh cải đá vàng xen lộn!  
Giữ phận mình khiêm tốn là hay;  
Cho hay là Đạo của Thầy,  
Làm trò học lóm, phô bày mà chi!  
Nên nhớ Đạo vô vi vô tướng,  
Đừng lâu rồi tưởng tượng vẽ ra.  
Càng ngày càng lạc càng xa,  
Thất truyền rồi phải đọa qua luân hồi.  
Mừng chư đạo mấy lời nhắn nhủ,  
Giữ cho tròn quy củ bốn nguyên;  
Rời khi thoát tục về Tiên,  
Trước đền Bạch Ngọc sổ biên đủ điều.  
Công với tội, Linh Tiêu phán đoán,  
Từ ngày tu mấy đoạn trái qua;

*Phân minh rành trước Thiên Tòa,  
 Thành Tiên tác Phật do Cha định rành.  
 Quy luật Đạo, Tam Thanh ứng hóa,  
 Nếu làm sai, đày đọa trần gian;  
 Chừng nào phạt sự chu toàn,  
 Mới cho trở lại phục hoàn cựu ngôi.  
 Mừng chư đạo mấy lời phân giải,  
 Mong ước sao cả thầy nữ nam;  
 Tu sao nhập Thánh siêu phàm,  
 Tu cho vẹn Đạo được làm trò Tiên.*

### THI

*Ty chôn trần ai học Đạo mầu,  
 Lo tu giải thoát khỏi thân sau;  
 Con người một kiếp bao nhiêu đó,  
 Hết cảnh vinh hoa đến cảnh sâu.*

### HỮU

*Cảnh sâu dứt được, cảnh Tiên lên  
 Thì khá lo tu lập chí bền;  
 Bỏ đức bồi công trừ hậu quả,  
 Có ngày cũng được số đề tên.  
 Thăng.”*



**18. Bà**

## **BÙI THỊ KINH**

(1874 – 1941)

Đặc vị:

**THÁI BỬU  
TIÊN NƯƠNG**

Bà **Bùi Thị Kinh** sinh năm Giáp Tuất (1874), con của ông Bùi Văn Hồi và là chị thứ 4 của ông Bùi Quang Huy (xem trang 192), gia đình người làng Mỹ Thuận, tổng An Trường, huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là Vĩnh Long). Bà Bùi Thị Kinh lập gia đình với ông Lê Nghĩa Phương (1871-1933) (Cai tổng Phương).

Bà Bùi Thị Kinh thọ pháp môn tu với Ngài Ngô, hành đạo cần mẫn. Trong những chuyến đi “rải thuốc” của Ngài Ngô, bà Minh Kinh thường có mặt.

Bà Bùi Thị Kinh liêu đạo ngày 13-7 Tân Ty (1941), an táng đất gia đình xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, Vĩnh Long.

Bà Bùi Thị Kinh đắc vị **Thái Bửu Tiên Nương**. Ngày 14-10 Nhâm Tý (1972), tại Chiếu Minh Đàn Cái Vồn, Thái Bửu Tiên Nương giáng:

*THI*

*“**Thanh** tịnh đàn trung chí kính thành,  
**Vân** thừa sắc lệnh giáng đàn thanh.  
**Đồng** chung nam nữ lo nghinh tiếp,  
**Tử** báo tin rồi xuất điển thanh.*

*Chư phận sự tiếp cầu **Thái Bửu Tiên Nương**.  
 Tiểu Thánh chào đàn trung, hộ đàn xuất ngoại...*

Tiếp điển

*THI*

***Thái** thân giáng thế cũng vì con,  
**Bửu** ngọc **Kinh** luân chẳng mối mòn.  
**Tiên** trước **Thị** hơn tu đắc pháp,  
**Nương** thuyền **Bùi** tộc trở về non.*

*Tiên Nương chào chư đạo hữu nữ nam, Đạo cô mừng chư tôn diệt, mẫu thân mừng hiếu tử, ngoại tổ mừng hiền tôn. Tiên Nương mời đàn trung an tọa.*

*THI*

*Khuyến nhủ đôi câu với tử tôn,  
 Gìn tâm đạo đức lúc sinh tôn.  
 Để khi hơi dứt hồn thanh thân,  
 Khởi tội, khởi sầu, khởi địa hôn.*

## THI

Đạo hữu đôi câu đáp tạ lòng,  
 Chẳng nài khó nhọc chẳng nài công.  
 Đôi câu chạm khắc tri lòng thiện,  
 Nhân quả trần gian khá giữ xong.  
 Trước học giữ gìn trau luyện pháp,  
 Đắc thành phẩm vị luật Thiên công.  
 Bao niên vắng mặt không cơ hội,  
 Có dịp hôm nay phi tác lòng.

Bình!

## THI

**Hà Thanh**, đây đáp tạ,  
 Tôn điệt hảo tâm thành.  
 Trần gian không vướng bận,  
 Nhưng nhớ mái đầu xanh.  
 Cõi đời là ảo mộng,  
 Danh lợi tợ sương sa.  
 Lâm chung, không tất cả,  
 Tội phước sẽ theo ta.  
 Nay duyên đời ngộ Đạo,  
 Thiếu phúc khó mong cầu.  
 Đạo tìm đâu dễ thấy,  
 Có phước được tròn cầu.

## THI

Tròn câu nguyện ước thoát trần gian,  
 Cảnh khổ tử sinh lắm khổ nàn.  
 Chí quyết tách trần về cõi thọ,



*Muối dưa dòi luyện chớ nên than!*

### BÀI

Đời đau khổ nghiệp trần vương ván,  
 Kẻ tu hành lận đận nhiều phen;  
 Lập trường bền vững cho quen,  
 Vững vàng bền chặt, khóa then giữ gìn.  
 Gương trí huệ bên mình có sẵn,  
 Phải luôn luôn chiến thắng khó khăn;  
 Lỡ thua, thất thủ, nhớ rằng:  
 Hiện còn cất giữ “Bảo thành” nhẫn kiên.  
 Đành kiên nhẫn triền miên năm tháng,  
 Để cho qua vận hạn tối đen;  
 Chữ Tu ôn cố trui rèn,  
 Rồi sau sẽ được hưởng phen vui nhàn.  
 Cùng tôn tử lại càng lưu chú,  
 Học hiểu rành đầy đủ lý chơn;  
 Hiền nhân tâm chớ cho sờn,  
 Để sau được hưởng huy hoàng phước dư.  
 Bao lời khuyên nhủ vô tư,  
 Tử tôn, đạo hữu, đạo thư giữ gìn.

### THI

Giữ gìn đạo đức hưởng ngày sau,  
 Dòi luyện âm dương phải cố trau.  
 Nhứt kiếp muối dưa gian khổ lắm,  
 Muôn thu hạnh hưởng, hưởng ngày sau.  
 Giờ mãn điển, Tiên Nương từ giã chư đạo  
 hữu, chư điệt tôn, chư tôn tử.

*NGÂM*

*Mãn giờ từ giã đàn tiên,  
Tử tôn, đạo hữu, điển Thiên thu hồi.*

*Thăng.”*



**Phần mộ Bà Bùi Thị Kinh  
tại xã Thành Lợi, Bình Tân, Vĩnh Long**

Chưa tìm  
được hình

## 19. Bà

# HUỲNH THỊ HUỒN

(1880 – 1935)

Đặc vị:

**GIÁC BỬU  
NƯƠNG NƯƠNG**

Bà **Huỳnh Thị Huồn** sinh khoảng năm 1880, có gia đình và sinh sống tại vùng Phú Nhuận, Sài Gòn.

May duyên được học đạo pháp với Ngài Ngô Văn Chiêu, bà Huỳnh Thị Huồn hành đạo tại Đàn Phú Lâm.

Bà Huỳnh Thị Huồn liễu đạo cuối năm Ất Hợi (1935). Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân ban cho bà Huỳnh Thị Huồn đặc vị Giác Bửu Nương Nương; đàn ngày 21-3 Bính Tý (1936) tại Đàn Phú Lâm:

## THI

*“Cao ban Đạo pháp rồi nguyên nhân,  
Đài bửu Linh Tiêu độ thể trần;  
Thượng vị sẵn dành dư thiện đức,  
Để truyền chơn khuyết đắc kim thân.*

*Thầy mừng các con. Giờ hôm nay Thầy lâm đàn điểm hóa cho các con mau giác ngộ mà độ rồi nguyên căn. Thầy lấy làm vui mừng cùng các con.*

*Từ ngày Thầy trao y bát chơn truyền cho các con thế thiên hành hóa, gìn giữ cơ quan của Đại Đạo mà dẫn dắt nhơn sanh, thoát khỏi luân hồi lục đạo, khêu sáng ngọn đuốc tinh thần cho nhơn sanh thấu đáo thâm uyên đạo lý, công các con rất lớn với đạo, mà đạo tuy chia nhiều chi, nhiều phái, chớ có một cửa các con là chính mà thôi. Vậy các con ráng lo tu luyện độ đời, ngày nào các con để cái gánh xuống đất rồi là ngày các con dựng tiêu diêu nơi cõi thọ. Các con khá an lòng gìn giữ.*

*Giờ nay Thầy cho **Huờn** lâm đàn, và sẽ trọng thưởng có một phần ân huệ lớn.*

### THI

***Giác** ngộ chơn truyền chứng quả cao  
**Bửu** Tinh tinh thể nữ anh hào;  
**Nương** theo phép đạo hằng tu luyện,  
**Nương** nhị xác thân đến động đào.*

*Thầy thương ý, Thầy ban ơn cho các con và chứng lòng của các con.*

Tái cầu

## THI

**Giác** tánh **Huỳnh** đình chuyển pháp luân,  
**Bửu** linh **Thị** đại đức tươi nhuần;  
**Nương** cơ **Huần** đạo Tây phương cảnh,  
**Nương** bước thiên đài hứng gió xuân.

Chào chư quý đạo huynh, đạo tỷ, đạo đệ, đạo muội. Giờ hôm nay tôi lấy làm mừng cho chư huynh đệ và tôi được thấy cơ mâu nhiệm của Hóa Công, vậy để tôi tập làm thi bài mà thuật chuyện.

Mấy năm tu luyện Đạo Thầy,  
 Ngày nay đắc ngộ vui vầy biết bao.  
 Gọi nhờ ơn đức thanh cao,  
 Gia phong **Giác Bửu** động đào hưởng an.  
 Phần tôi thua thiếu lắm đàng  
 Công phu chẳng đặng hoàn toàn bấy nhiêu.  
 Đức tài còn kém quá nhiều,  
 Luyện đơn học Đạo mai chiều chưa lâu.  
 Nhưng lòng chí nguyện ơn cao,  
 Ngưỡng nhờ Thầy độ đặng vào cảnh Tiên.  
 Báu thay tâm pháp chơn truyền,  
 Thật là diệu diệu, huyền huyền tinh vi.  
 Ngày nay mới biết cực kỳ,  
 Tiếc chùng đà thoát còn gì mà tu.  
 Khuyến cùng tín nữ chư nhu,  
 Gia công tập luyện hạp phù phép linh.  
 Đức Thầy ngự tại Ngọc Kinh,

Hằng ban ân huệ cho mình tu đơn.  
 Quý hiền đạo đức cao hơn,  
 Vị ngôi, trát phẩm Chơn Nhơn khó gì.  
 Ngày giờ này sống tu đi,  
 Chớ đừng biếng nhác đến khi khó về.  
 Quý huynh công quả bộn bề,  
 Độ đời thức tỉnh giác mê luân hồi.  
 Đóng vai hướng đạo chưa rồi,  
 Công viên quả mãn phản hồi Thiên thai.  
 Thì như tôi kém đức tài,  
 Mà còn đứng bảng Thiên Đài Nương Nương.  
 Lựa là quý vị dắt đường,  
 Ngày đêm luyện tập âm dương kết thành.  
 Nấu đơn luyện thuốc trường sanh,  
 Nướng nuôi xá lợi vận hành châu thân.  
 Y theo nề nếp Thầy phân,  
 Luyện tinh hóa khí nuôi Thần sáng nên.  
 Lập tâm cứng cáp vững bền,  
 Công phu bốn buổi đáp đền ơn Cha.  
 Chúc mừng nam nữ thuận hòa,  
 Thành Tiên, đắc Phật, Long Hoa châu Thầy.

### THI

Thầy là Ngọc Đé giáng trần gian,  
 Truyền dạy phép linh mở nẻo đàng;  
 Chỉ biểu chúng ta tu luyện Đạo,  
 Thiệt là hữu phước gặp Trời ban.

*Vậy để lời cho chư quý hiền huynh ráng gia công tu luyện mà nắm chặt mối chơn truyền độ rồi nhưn sanh thoát vòng luân hồi tứ khổ. Ngày các hiền huynh mãn phận sự rồi thì sẽ có chiếu triệu phi thăng, đó là ngày quý hiền huynh để cái gánh nặng nề nghỉ vai vậy. Còn quý đạo tử, đạo muội ráng lo lập công bồi đức, chuyên tâm, trì chí mà thanh luyện đạo mầu, thì phẩm vị thiêng liêng Thầy sắp sẵn, chớ thấy khó mà ngã lòng, đừng ham vui quá bỏ phận sự thì kiếp đọa trầm luân nơi khổ hải, ráng tu cho kịp ngày giờ, không thể làm phép chi mà tránh sự quả báo luân hồi, chỉ có một phương pháp này mà thôi, vậy ráng tu, kéo uổng lắm bỏ bạn gái ta ôi! Vậy tôi mừng chung, tôi xin kiếu. Khi nào có lệnh sẽ giáng tỏ bày thêm chút ít.*

*Không không hai chữ tặng người tu  
Như thế ngày sau cá hóa cù .....*

*Thăng.”*

**Giác Bửu Nương Nương** có bài Thánh ngôn giáng ngày 13 tháng 8 Bính Tý tại Trước Tiét Tàng Thơ in trong chương “*Làm sao tạo Phật tác Tiên*” quyển Đại Thừa Chơn Giáo:

*THI*

*“Giác ngộ Đơn thơ luyện pháp mầu,  
Bửu đài an hưởng thể dài lâu,  
Nương chơn bước thẳng đàng Tiên Phật,  
Nương bóng Từ Bi tránh bể dâu.*

*Chào chư đạo-tâm nam nữ lưỡng phái.*

*TRƯỜNG THIÊN*

*Chán đời tâm Đạo thoát thân,  
Nhảy ra cho khỏi lưới trần bao vây.  
Gẫm suy cơ Tạo vẫn xây,  
Người đời sống đó thác đây mấy hồi!  
Ừ gì những bả tanh hôi,  
Lợi danh vốn thiệt miếng mồi quý câu.  
Trần gian mai thám chiếu sâu,  
Không lo nhảy tránh cái bầu tang thương.  
Tập tành đạo đức làm gương,  
Phủ mùi thế tục tầm đường quang minh.  
Đời người mộng ảo phù sinh,  
Chắc chi an lạc chôn mình bến mê.  
Biết đi sao chẳng biết về?  
Biết khôn sao cứ dựa kê bầy hang?  
Trước ta cũng ở thế gian,  
Cũng mê, cũng mệt, cũng lòng chuộng ưa.  
Đến sau thức tỉnh bỏ chừa,  
An vui cùng Đạo sớm trưa tu hành.  
Mùi đời đã biết hôi tanh,  
Thì đâu có giựt có giành làm chi!  
Học câu bác ái từ bi,  
Giữ tâm thanh tịnh vô vi rất nhàn.  
Luyện đơn nấu thuốc Tiên bang,  
Chỉ tâm trau tánh vững vàng chín ương.  
Đời là vũng máu núi gươm,  
Mưa dầu nắng lửa họa chung tràn đồng.*



Chi bằng phủi sạch bụi hồng,  
 Ngoài vòng cương tỏa tâm không mới màu.  
 Mò trăng chi đáy nước sâu,  
 Sắc màu hình tướng có đâu vững vàng!  
 Cảnh Tiên chi xiết là nhàn,  
 Phôn hoa náo nhiệt rộn ràng mừng lo.  
 Miễn đời mặc ám ăn no,  
 Gia thế đái tử lo cho đủ đầy.  
 Luyến trần phải chịu đắng cay,  
 Sừng lông biến kiếp lôi cày, kéo xe.

THI

Xe loan đây thẳng đến đàn Tiên,  
 Mừng hội Tam Thanh chuyển Đạo huyền,  
 Kinh báu một pho đây nghĩa lý,  
 Ất là hơn loại đứng ngôi yên.  
 Tôi xin kiếu chư đạo tâm nam nữ.  
 Thăng.”

(Ghi chú: Rất tiếc chưa tìm được mộ tháp của Bà)



**20. Bà**  
**NGUYỄN THỊ HỘI**

(1876 – 1940)

Đặc vị:

**NGỌC BỬU**  
**NƯỜNG NƯỜNG**

Bà **Nguyễn Thị Hội** sinh năm Bính Tý (1876). Năm 1929, nhờ sự khuyến khích của con rể là ông Nguyễn Văn Dương (xem trang 226) và con gái Giao Thị Thanh (bà Dương), bà Nguyễn Thị Hội thọ học đạo pháp với Ngài Ngô Văn Chiêu. Tại Đàn Phú Lâm, ngày 08-7 Kỷ Tỵ (12-8-1929), Ôn Trên ban ơn dạy:

*“Cao Thượng Huyền Khung. Mừng các con.*

*(...) Hội, Thầy chứng cho con đó.”*

Đàn tái cầu:

*“Cửu Thiên Huyền Nữ. Phái nữ, ta cho điều lệ rất dễ, vậy hãy ráng nghe!*

*Hội, Thanh, Cửa, Ngàn, giữ tứ thời cho đúng, nhứt là đừng vắng mặt lâu. ”*<sup>109</sup>

Bà Nguyễn Thị Hội liễu đạo ngày 22-9 Canh Thìn (22-10-1940). Sau đây là Thánh Sắc của Đức Cao Đài ân ban cho bà **Minh Hội** đắc vị **Ngọc Bửu Nương Nương**; đàn ngày mùng 9 tháng giêng Tân Tỵ (04-02-1941) tại Đàn Chợ Lớn:

“*THI*

*Cao Đài Thượng Đế chiếu quang minh,  
Ban bố hồng ân trẻ Đạo thuần;  
Một tác lòng thành Thiên Địa chứng,  
Mừng chung con trẻ rạng danh thinh.*

*Cao Đài Thượng Đế. Ngày lành tháng tốt,  
Thầy cùng Tiên Phật giá lâm. Các con thủ lễ!*

*Thầy hỷ xả các con lớn nhỏ gọi ân hồng, Thầy rất vui mừng ngự giá, rưới đức ban ơn cho những con tròn công tròn đức. Vậy các con biết ý Thầy ý Đạo, nên biết phận sự mình đối với Thầy với Đạo thế nào thì mới Đạo sẽ trường cửu.*

*Ngày lành, Thầy ban ơn lành chiếu điển linh.*

---

<sup>109</sup> **Hội** là bà Nguyễn Thị Hội, **Thanh** là bà Giao Thị Thanh-con bà Hội (trang 304), **Cửa** là bà Trần Thị Cửa (trang 306), **Ngàn** là bà Hồ Thị Ngàn (trang 309).

## THI

Vui vì các trẻ hiệp đàn nay,  
 Ban bố bồ đào rưới phép hay;  
 Trên dưới các trò hoan lạc âm,  
 Ngày đêm một dạ niệm danh Thầy.

## HỮU

Thầy sẽ bên mình độ các con,  
 Gọi chung phước đức Đạo vương tròn;  
 Chí bền cao thấp do người tạo,  
 Giữ vẹn lời Thầy đáng mặt con.

Thầy ban ơn hạ lệnh ân phong cho **Hội** giáng  
 đàn cùng các con hoan lạc. Thầy ngự ý.

## Tiếp điện

## THI

**Ngọc** cung vui bảy thú yên hà,  
**Bửu** pháp rạng ngời mấy độ xa;  
**Nương** cảnh Thân Tiên, Trời thưởng tứ,  
**Nương** mây giá hạc đạo Ta bà.

Tôi mừng chung chư đạo hữu nam nữ.

Ngày lành gọi ơn lành Thầy ban ân và đặc lệnh  
 giáng đàn cùng chư đạo hữu vui vầy. Từ ngày thọ  
 chơn pháp của Thầy, hằng gìn chơn tâm tu hành,  
 thường lấy chữ tín thành làm gốc, nhưt tâm nhưt  
 đức không đổi không dời, cứ y pháp hành trì tứ  
 thời giữ vẹn. Nên Thầy vì thế mà độ tôi được siêu

*phàm nhập Thánh, an hưởng thú thanh nhàn nơi  
lạc vị.*

### TRƯỜNG THIÊN

*Từ ngày rảnh nợ trần ai,  
Hồn về Lạc cảnh bệ giai châu Thầy.  
Gội nhuần võ lộ vui say,  
Ân phong chức lãnh Diêu đài ở an.  
Thú vui báu lạ muôn ngàn,  
Đờn linh tao nhã hội bàn đào Tiên.  
Toại lòng kẻ chốn bốn nguyên,  
Ngôi cao phẩm báu hiện tiền đua xinh.  
Tiên cung rày đã khỏe mình,  
Từ đây lánh nẻo gập ghềnh thế gian.  
Mừng nay đắc lệnh giáng đàn,  
Cùng chư đạo hữu nhứt tràng lạc hoan.  
Nghĩ về cuộc thế đa đoan,  
Buồn câu oan trái buộc ràng người chơn.  
Tu là gieo hạt kim đơn,  
Giống lành nên giống nhờ con quả lành.  
Thầy hằng độ dẫn chúng sanh,  
Thoát vòng khổ não, Đạo thành quy căn.  
Tu là hôn đặng siêu thăng,  
Thế gian so sánh chi bằng đó ai!  
Duyên may gọi đức cao dày,  
Thầy Trời xuống thế chỉ bày Thiên cơ.  
Mỗi người trau bức đồ thơ,  
Đơn phòng kín cất, đợi giờ phi thăng.  
Đạo lành hết võ rồi vẫn,*

Hành cho đúng phép dò phăng mối giềng.  
Gìn lòng hai chữ tịnh yên,  
Ngừa cơn sóng gió con thuyền ngoài khơi.  
Biết tu thì biết luật Trời,  
Công bình hai chữ chẳng dòi chẳng thay.  
Đạo cao khá lập đức dày,  
Đạo cao sẽ biết cái tài ma cao.  
Anh hùng chí khí đừng nao!  
Trường thi Đạo đức, anh hào mới nên.  
Khảo cho biết bỏ hay bền,  
Năm ba độ khảo, tuổi tên bảng đề.  
Chờ ngày chiếu ngọc Thầy phê,  
Mới mong thoát tục đặng kẻ non Tiên.  
Đã mừng bạn đạo hữu duyên,  
Trường trong lý nhiệm tâm truyền Thầy trao.  
Ấy là quý giá biết bao!  
Tháng ngày bốn buổi cần trau cho thuần.  
Cơ mâu vui với ngày xuân,  
Đôi lời mừng chúc mấy từng Đạo cao.  
Hiểu câu lý thú diệu dào,  
Tháng ngày sẽ đặng Đạo cao chắc cầm.  
Xưa còn nghĩa nặng tình thâm,  
Cái niềm quyến thuộc nhiều năm nặng mềm.  
Nay đã Tiên tục khôn tìm,  
Nương cơ tổ lấy một điều rủi may.  
Lời này khuyên nhủ kìa ai!  
Thương nhau nên phải tương lai tỏ tình.  
Lời thành mượn lấy cơ linh,  
Phương hay rồi sẽ bên mình rõ thông.

*Thuyền lời trao ý Hóa Công,  
Ngày sau cũng đặng đền rồng gặp nhau.*

**Dương**, tôi mừng cho đạo hữu vẹn Đạo người và Đạo Trời. Vậy tôi tạ ơn đạo hữu một bài thi, ấy là ý Thần Tiên đền đáp.

### THI

*Đạo thành ơn ấy cũng còn ghi,  
Chút nợ áo cơm đáp vẹn nghi;  
Cái lối quang minh đà vui ngút,  
Long Hoa rồi cũng kịp kỳ thi.*

Tôi tạ ơn đạo hữu một bài thi để làm kỷ niệm và mừng đạo hữu sẽ đắc kỳ sở nguyện.

Tôi chào chung chư đạo hữu nam nữ. Tôi xuất cơ.”



**Mộ tháp của Bà Nguyễn Thị Hội,  
khu đất nay đã giải tỏa làm bệnh viện Bình Tân.  
(Ảnh Huệ Nhân chụp ngày 16-6-2005)**





**21. Bà  
NGUYỄN  
THỊ NGHIÊM**

(1903 – 1933)

Đặc vị:

**BẠCH BỬU  
TIÊN NƯƠNG**

Bà **Nguyễn Thị Nghiêm** sanh năm Quý Mão (1903), bà lập gia đình với ông Nguyễn Thiện Thượng (1896-1934) (xem trang 203) và có một con trai tên Nguyễn Thiện Hoai (1927-1971). Biết được mối Đạo, ông bà đồng lòng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu khi tuổi đời còn rất trẻ.

Bà Nguyễn Thị Nghiêm liễu đạo ngày 19-3 Quý Dậu (13-4-1933) lúc tròn 30 tuổi. Phần mộ bà Nguyễn Thị Nghiêm tại Chiếu Minh Nghĩa Địa, Cần Thơ.

Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân ban cho bà Nguyễn Thị Nghiêm đặc vị **Bạch Bửu Tiên Nương**, đàn tại tư gia ông Nguyễn Thiện Thượng ngày 29-5 Quý Dậu (21-7-1933):

## THI

“**Cao** thủy hà niên tận?  
**Đài** tinh thử nhật sinh,  
**Giáo** thành Thiên bất phụ,  
**Chủ** ý tại tâm linh.

Thầy mừng chư môn đệ (...). Thăng.

## THI

**Bạch** đăng kim khuyết hội kỳ trân,  
**Bửu** cảnh Thiên bang hội liệt Thần;  
**Kim** hạp Thần Tiên công tảo thí,  
**Tiên** Nương đắc lệnh hội văn nhân.

Tôi mừng chư đạo hữu. Tôi đắc lệnh Thầy nên khôngặng ở lâu. Giã chư đạo hữu. Thăng.”

Sau đây là một số đàn khác có Bạch Bửu Tiên Nương giáng:

- Thảo Lư, ngày 06 tháng 6 Quý Dậu (1933):

## THI

“**Bạch** mừng đạo hữu khá vui lòng,  
**Bửu** nguyện đàn trung giữ vạn trong;  
**Nghiêm** hạnh tu hành gìn chữ nhẫn,  
**Hương** y lời Phật sắc cao phong.”

- Thảo Lư, ngày mồng 9 tháng giêng năm Giáp Tuất

*THI*

*“Bạch Nghiêm Tiên Nữ hạ trần gian,  
Bửu linh hoàng ân tứ sắc ban;  
Tiên cảnh Bồng Lai quyền nhứt vị,  
Nữ nhàn thanh động hạ trần gian.”*

Đặc biệt, trong kinh *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản in lần thứ ba, năm 1956, trang 138), chương Quân tử và Tiểu non, đàn ngày 02-9 Bính Tý (16-10-1936), Bạch Bửu Tiên Nương giảng dạy về “*Lập chí tu hành*”. Xin trích bài thi xưng danh:

*THI*

*“Bạch ngọc đổ rên tỉnh giấc mê  
Bửu linh nguyện đắc cảnh Tiên kề,  
Tiên bang thú lạ vui khôn xiết  
Nương bóng Cao Đài ngoại cõi quê.”*

Thiên sắc Bạch Bửu Tiên Nương ghi bên trên cũng do theo đàn này dạy.



Phân mộ Bà Minh Nghiêm tại  
Chiếu Minh Nghĩa Đạ



**22. Bà  
NGÔ  
THỊ NGUYỆT**

(1906 – 1969)

Đặc vị:

**NGỌC HÀ TIÊN NƯƠNG**

Bà **Ngô Thị Nguyệt** sinh ngày 27-5-1906 (Bính Ngọ), là con thứ năm của Ngài Ngô Văn Chiêu. Thời thiếu nữ, cô Năm Nguyệt giỏi về nữ công, may thêu rất đẹp; có đính hôn với một thanh niên gia đình quyền thế, thanh niên này (chưa rõ tên) đi Pháp du học và không còn tin tức. Cô Năm Nguyệt phát tâm đi tu, học pháp với Ngài Ngô, kẻ cận trợ giúp Ngài Ngô đến khi Ngài đăng Thiên (1932).

Đến khoảng năm 1935, người thanh niên du học Pháp đột nhiên trở về, quyết tâm lập gia đình với cô Năm Nguyệt. Qua cơ bút, cô Năm hỏi ý kiến cha (lúc đính hôn Ngài Ngô cũng đã biết) và được trả lời rằng cô phải trả nghiệp.

Lập gia đình đến năm 1938, chồng cô Năm qua đời lúc cô mang thai. Người con gái cô sinh ngay

sau đó cũng mất sớm. Gia đình nhà chồng đồng ý bảo trợ để cô Năm trở lại đường tu. Cô Năm học pháp với cô Hai Ngũ đàn Chợ Lớn.

Cô Năm Nguyệt liễu đạo ngày 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969) đắc vị Ngọc Hà Tiên Nương; mộ tháp bà Minh Nguyệt nơi Chiếu Minh Tổ Đình (Cần Thơ). Đàn ngày Rằm tháng 3 Canh Tuất (1970) tại Đàn Chợ Lớn:

“*THI*

*Đạo* thanh hòa vui Thánh ý mừng,  
*Đức* hiền chừ đệ thầy khâm tuân;  
*Kim* ngôn hành đúng không sai lệch,  
*Tiên* Phật vui vầy chúc mãi xuân.

*Bản Đạo* giáng lâm mừng chừ hiền nam nữ.

(...)

*BÀI*

*Đạo* có khảo là đường tấn bộ,  
*Đạo* thử lòng đến chỗ thanh cao;  
Muốn qua đèo ải ba đào,  
*Trì tâm* khổ nhọc xiết bao cực lòng!  
*Sắt* với đá dày công dôi luyện,  
*Luyện* nên hình chế biến *Kim Thân*;  
*Say* sưa hạnh đức *Đạo Bản*,  
*Ngày* sau phỉ nguyện Thánh Thần nương mây.  
*Tu* tam phẩm luyện đầy ngũ khí,  
*Vượt* không gian kim thủy quen chiều.  
*Vô* vi vô xú mến yêu,

*Lộ cho chút lý, hiểu nhiều tâm tu.*

*(Cười...)*

*Sắc lệnh Thầy trao Bàn Đạo y hành cho **Minh Nguyệt** giáng đàn, Thiên phong là **Ngọc Hà Tiên Nương**.*

*Bàn Đạo hộ điển...*

*Tiếp điển*

*THI*

***Ngọc** các thoát ly cõi tội tình,*

***Hà** liên tươi đẹp cảnh hoa xinh;*

***Tiên** cung ngôi cũ Thầy thăng thưởng,*

***Nương** bút thi đàm phí chí tình.*

*Tôi chào chư đạo huynh, đạo tỷ, đạo đệ, đạo muội. Một lời thành thật chuyển đến Tổ Đình lòng biết ơn chư đạo tâm, hiền huynh, hiền tỷ, hiền đệ, hiền muội.*

*Một thời gian nương nấu chờ ngày bỏ xác về Tiên, công ơn chư đạo Tổ Đình rất nặng mang ở thế. Chư đạo có công lao giúp đỡ, tôi rất mến và đội ơn. Nay tôi được về đàn thành tâm kính đôi lời biết ơn. Xin chư hiền huynh, hiền tỷ, hiền đệ, hiền muội nhận lòng thảo đạo đức vậy!*

*Đây tôi tỏ qua căn nghiệp của tôi: Một thời gian trở lại đường tu, ấy chẳng qua còn vương nợ trần nên phải trả. Khi trở lại đường tu luyện, nhưt nguyện thế nguyện phải giữ cho trọn chung thủy y*

theo lời Thầy truyền khi xưa. Đó là chơn truyền bất di bất dịch.

Tôi thọ pháp nơi Thầy từ ngoại dung hình thức phương thờ, cúng kiếng, y phục, chỉ rành cho đến nội dung là pháp Đạo. Phép ấy tu dốt, không hề đem đơn kinh, đạo thơ cắt nghĩa chi cả; tôi hằng đem lời giáo huấn ấy nói lại cho chư đạo huynh, đạo tử.

Nếu sau này ai canh cải chỉ lạc con đường Vô Vi Đại Đạo, không nên tin nghe mà bị gạt, uổng một kiếp tu không thành chánh quả về ngôi vị được. Nếu đã rui tin mà hành theo thì khi lâm chung, bàng môn chục rước cũng phong tước của bàng môn.

Đây tôi có đôi lời minh cho chư hiền huynh, hiền tử suy gẫm giữ vững đức tin và coi theo gương Thầy còn tại thế: Thầy tu và để kiếu mẫu lại đó. Có tu giống Thầy mới về THẤY được.

Tôi hối tiếc khi lâm trọng bệnh để nhờ quả! Vì sơ sót phải trọng trước thể xác vô minh, lòng mờ đi đôi chút mà phải bị phạt. Vậy chư huynh, đạo tử ráng cẩn thận khi người hộ giúp làm điều trái ý Đạo mà nghĩ như tôi, phải trẽ. Nên khi bỏ xác về ngôi vị thì còn phải luyện, rất tiếc vậy.

**Hạnh**, tôi nhờ đạo hữu dành nhiều bồ đào gởi về Tổ Đình chia vui với tôi. Thăng.”



**Mộ tháp bà Ngô Thị Nguyệt tại Chiếu Minh Nghĩa Địa**





**23. Bà**

**NGUYỄN  
THỊ HUYỀN**  
(1900 – 1976)

Đặc vị:

**DIỆU GIÁC  
NƯƠNG NƯƠNG**

Bà **Nguyễn Thị Huyền** sinh ngày 21-10-1900 tại Vĩnh Hòa, Bến Tre, con thứ Tư của cụ ông Nguyễn Thiện Dung và cụ bà Đặng Thị Ti; bà có người anh Hai tên Nguyễn Thiện Thượng và người em tên Nguyễn Thị Lưu cùng là đệ tử cấp Nhứt của Ngài Ngô; cô em thứ Mười Nguyễn Thị Tấu (1912-1972) được bà độ dẫn. Bà Nguyễn Thị Huyền lập gia đình với ông Nguyễn Văn Lý (1898-1950) (xem trang 217).

Tuổi đời còn rất trẻ, theo gương anh Hai Thượng, ông bà đồng lòng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu lúc đã có 3 người con trai. Đến năm 1938, ông bà lên Tây Ninh truyền pháp tại đàn Minh Cảnh (đây là đàn xưa, tại Bàu Năng, đến năm 1945, đàn bị cháy do chiến tranh, dời qua xây dựng chỗ hiện nay, cũng Bàu Năng, đường Cách Mạng Tháng Tám). Bà Minh Huyền nhiều năm truyền

pháp đạo cho nữ phái ở Đoàn Minh Cảnh (Tây Ninh). địa chỉ vẫn ghi ngụy tại Thủ Đức.<sup>110</sup>

Các vị ở Minh Cảnh Đoàn (Tây Ninh) cho biết lúc sanh tiền bà Minh Huyền được Thầy ân ban Thánh danh là Diệu Giác. Trong một dịp về thăm quê Bến Tre (ấp Phú Quới, Vĩnh Hòa) dịp sắp Tết, bà liễu đạo ngày 29-01-1976, mộ nằm, tại quê nhà.

Ngày Rằm tháng 7 năm Tân Dậu (1981), tại Minh Cảnh Đoàn, Đức Nam Phương Giáo Chủ ban Thánh sắc, ân phong cho bà Diệu Giác là **Diệu Giác Nương Nương**.<sup>111</sup>

*“THI*

*Thiện nguyện Thiên tòng lễ kính cung,  
Đức linh Thầy ngự điểm đàn trung;  
Thiên căn quả mãn hồi nguyên vị,  
Ân thưởng sắc ban hội điện cung.*

*Bốn chức chào trung đàn, huy nh tỷ đệ muội.  
Bốn chức đặc lệnh báo tin. Chư hiền thành tâm thủ  
lễ tiếp Giá, Bốn chức xuất ngoại hộ đàn.*

Tiếp diễn

---

<sup>110</sup> Theo thẻ Căn cước số 032835, cấp ngày 29-6-1961, bà Nguyễn Thị Huyền ở địa chỉ: Linh Xuân Thôn, Thủ Đức, Gia Định (ảnh trên chụp theo thẻ Căn cước).

<sup>111</sup> Chư vị cố cựu tại Minh Cảnh Đoàn cho biết: Do thời điểm lúc ấy tình trạng khó khăn chung, ít liên lạc được, nghe tin trở bà Minh Huyền (Diệu Giác) liễu đạo, chư vị cầu nguyện với Ông Trên xin được biết tin tức về bà, Ông Trên đã ban ơn cho bà giáng đàn.

*Thầy các con!*

**THI**

*Nam bang hữu phước hưởng ân lành,  
Phương chuyển Đạo khai độ chúng sanh;  
Giáo pháp tâm truyền tu chứng vị,  
Chủ trường tu học Đạo Tam thanh.*

*Thầy các con, Thầy miễn lễ các con an tọa tịnh tâm. Thầy chứng lòng thành các con kính lễ ngày Trung nguơn Đại Đán. Chư Phật Tiên đồng hội kiết ân điển ban lành, cho cả sanh linh căn lành sớm giác, cùng ngày kỷ niệm Đạo huynh Đạo tử, các con đồng. Thầy ban điểm sắc phong cho **Minh Huyền** phục vị thọ hưởng **Diệu Giác Nương Nương** an lạc điện cung tu bồi bổ khuyết. (...)*

*Còn các con mới học Đạo, Thầy trợ điển lành, các con cần siêng lo, giữ gìn kỹ cẩn pháp Đạo hằng giờ, tứ thời rèn luyện mới sáng kiến mãn minh, các con cần nghiệm xét. Thời buổi Hạ nguơn, tuần hườn vay trả, đạo thì khảo đảo lọc lừa, đời cũng loạn lạc cạnh tranh không có chi bền bỉ đó a.*

**THI**

*Bể khổ trần mê lắm buộc ràng,  
Giác tâm tu học đặng nhàn an;  
Trường đời chen lán tranh đua hụp,  
Cửa Đạo sớm tầm toại chí phan.*

## BÀI

*Phanh luyện pháp cao truyền mật khẩu,  
 Giữ thường hành mới thấu huyền năng;  
 Vô vi Đạo lý thị hoằng,  
 Con lành thường chuyển lần phăng kịp kỳ.  
 Ngày Thượng hội đồng quy chơn lý,  
 Mỗi con tu cang kỷ y hành;  
 Ân lành điếm Đạo tạc danh,  
 Trường tu cao chưởng pháp danh chủ quyền.  
 (...)*

*Đồng chung lo thuyền đò thọ lãnh,  
 Gắng chung tâm bước thẳng thuyền từ;  
 Tiếp đưa căn vị an cư,  
 Về ngôi vị phẩm Cao Sư thưởng phân.  
 Còn các con chung phân đàn nội,  
 Gắng y hành tiếng trỗi chung tâm;  
 Đạo cao siêng nghiệm suy tâm,  
 Chánh tà thanh trược kỹ chăm xét hành.*

*Thôi Thầy ban ơn lành các con lo tu, có Thầy  
 hằng tại, các con tiếp cầu có Nương Nương giáng.*

## Tiếp diễn

## THI

*Diệu pháp tâm tu quả mãn hồi,  
 Giác về cảnh lạc được an ngôi;  
 Nương cơ chuyển bút mừng chư Đạo,  
 Nương máy huyền vị hội ngộ ôi.*

*Bàn nương chào trung đàn đệ muội, lưỡng ban đạo tâm. Bàn nương thấy chư hiền thành tâm cầu nguyện kính trọng. Bàn nương rất vui ghi tâm tạc dạ, cầu Thầy ban điển chư Đạo được sáng kiến minh, lo lập công bồi vị. Đó là kính Thầy trọng Đạo, trọn nghĩa đệ huynh, chung lo đồng toại nguyện.*

### THI

*Bồ đào cung hiến hội hòa chung,  
Mời cả Đạo Tâm cộng hưởng cùng,  
Say Đạo thường hành lo lập đức,  
Có ngày chung hội điện Tiên cung.*

*Mãn giờ Bàn nương xin cầu chúc tất cả đàn trung được ân lành Thầy bố hóa, tu luyện thường hành, Đạo tâm định tịnh. Thôi Bàn nương từ giã.”*



**Phần mộ bà Minh Huyền tại Vĩnh Hòa - Bến Tre**



## 24. Cô

### NGUYỄN THỊ LƯU

(1908 – 1948)

Đặc vị:

**BÍCH VÂN**

**TIÊN CÔ**

Cô **Nguyễn Thị Lưu**, con thứ tám của cụ ông Nguyễn Thiện Dụng và cụ bà Đặng Thị Tí; Cô có người anh thứ Hai tên Nguyễn Thiện Thượng (xem trang 203) và chị thứ Tư tên Nguyễn Thị Huyền (xem trang 288). Cô Tám Lưu không lập gia đình và cùng các anh chị làm đệ tử Ngài Ngô

Trong quyển *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu* (bản in lần thứ 5, năm 1962), trang 74, ghi lại thời điểm cuối, trước khi Ngài Ngô Văn Chiêu rời Thảo Lư về đặng Thiên trên sông Tiên, lúc đó có mặt Cô Tám, xin trích:

*“Giờ Ngọ ngày 13, Ngài triệu tập tất cả đệ tử hiện diện công phu, và sắp đặt Ngài ngồi trên giữa. Hai hàng hai bên:*

*Bà Hội Đồng Thơm*

*Cô Tám Lưu*

*Bà Tư Huyền*

*Cô Năm Nguyệt*

*Bà Đốc Thượng*

*Bà Niệm*

*Ông Đốc Thượng*

*Ông Hội Đồng Huy*

*Sau giờ công phu, anh đồng Ngung cũng Ngài ra xe....”*

Cô Nguyễn Thị Lưu liễu đạo ngày 18-6-1948 (Mậu Tý) tại Sài Gòn, gia đình lập mộ tháp nơi Nghĩa trang Hội Tương tế Bến Tre. Năm 1978, nghĩa trang giải tỏa (nay là khu chợ Phạm Văn Hai, Tân Bình), gia đình cải táng về ấp Phú Quới, Vĩnh Hòa, Chợ Lách, Bến Tre (mộ nằm).

Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân ban cô Nguyễn Thị Lưu đặc vị **Bích Vân Tiên Cô**. Đoàn tại Đoàn Phú Lâm, Tý thời Rằm tháng 11 Kỷ Sửu (03-01-1950)<sup>112</sup>.

### THI

*“Cao minh thường phạt rất công bình,  
Đài Đạo độ người biết kính tin,  
Giáo hóa Tâm Kinh truyền bí pháp,  
Chủ tâm phan luyện kiến châu minh.*

*Thầy mừng các con nam nữ.*

*Thầy miễn lễ, các con tịnh tâm nghe Thầy dạy:*

*Đạo Thầy tuy khó nhưng cũng có chỗ dễ, sự dễ hay khó là do nơi người học Đạo hiểu hay chẳng hiểu chỗ chánh lý mà thôi. Thầy hay độ những kẻ*

---

<sup>112</sup> Đoàn này có trong quyển *Đại Thừa Chơn Giáo*, bản song ngữ Việt Pháp, in lần thứ nhì năm 1950.

*có lòng thành biết trọng Đạo kính Thầy, một tiết cầm không dòi dối, hằng giữ câu chánh kỷ hóa nhơn, chẳng tham danh luyến lợi. Thầy thấy phân đông trong hàng môn đệ còn làm tướng mà tranh cao luận thấp với nhau về chỗ tu Tiên, tu Phật. Vậy Thầy giải thích cho các con rõ:*

*Ở vào thời kỳ Hạ nguơn này, chính mình Thầy lãnh phân thống chương quyền hành của Tam Giáo là Phật, Thánh, Tiên giữa hội Công Đồng. Bởi vậy, tu theo Đạo Thầy, ai có duyên Phật thì đắc Phật, ai có căn Tiên thì thành Tiên, cũng có kẻ chứng quả vị Thánh Hiền hoặc chuyển kiếp luân hồi đặng thọ hưởng vinh hoa phú quý. Bởi vậy cho nên mới gọi rằng Đại Đạo Quy Nguyên hay là Đại Đồng Tôn Giáo.*

*Đàn nay Thầy ân phong cho **Lưu** vào hàng "**Hậu Bát Tiên**", chứng vị là "**Bích Vân Tiên Cô**" thế cho "**Hà Tiên Cô**" thăng cấp.*

*Vậy các con tiếp câu, Thầy thượng ý.*

*Tiếp câu*

*THI*

***Bích** thủy châu **Lưu** chiếu rạng ngời,  
**Vân** ghé vận tải khắp cùng nơi;  
**Tiên** đơn độ thế cơn nguy biến,  
**Cô** đọc Tâm kinh rõ mạng Trời.*

*\* \* \**



Trời Đất chuyển xây tạo thế trần,  
 Bốn mùa tám tiết cứ vắn lân;  
 Hà Đồ luyện đặng trường xuân thọ,  
 Đắc nhưt dương gian Đạo tối cần.  
 Cần mẫn lo tu luyện kiếp này,  
 Đắc thành mới rõ hội "Rồng mây";  
 Non Tiên khiến hứng nhuần ân cả,  
 Động Thánh tiêu diêu gọi đức Thầy.  
 Thầy dạy năm xưa tạc để lòng,  
 Tu hành nên luyện tánh "không không";  
 Trau tâm bất nhiễm điều trần tục,  
 Đoạn dứt ý phàm đắc lục thông.

Mừng chư hiền huynh, chư hiền tỷ cùng chư hiền hữu nội đàn.

Từ ngày nợ mẫn số trần, căn Tiên phục vị đến nay, tôi hằng thừa lúc nhàn thanh ngao du khắp cả non Tiên, động Thánh. Nay tôi mới rõ lại cõi trần đen tối, lạnh lùng, nặng nề, trọng trước, sánh với non Tiên muôn phần khác hẳn, nào là thú non nhơn nước trí, dị thảo kỳ hoa; bốn mùa thoai khí đầm ấm êm đềm thanh tịnh. Người thì muôn tuổi chẳng thay hình, còn cảnh vật lại ngàn năm không đổi sắc, Thật: "Cảnh tục người Tiên không thể trú, còn cảnh Tiên người tục dễ chi gần".

Sanh ra kiếp con người ở trần gian chẳng khác nào như sương sa ở ngọn cỏ, như tuyết đóng ở đầu non, chỉ rã tan trong giây lát, mà kẻ thế chẳng mấy

ai nghĩ đến chỗ đó mà giữ mình hồi tâm tự tỉnh hầu có tâm phương tu luyện để giải thoát kiếp phù sanh sớm nở tối tàn, cứ mải lo chen lấn phú cường, mua vinh bán nhục, đoạt lợi tranh danh mà đành chôn lấp tinh thần vào nơi tử lộ.

Tôi, buổi sanh tiền nhờ có duyên lành sớm gặp Thầy, gặp Đạo, là nhờ có trọn đủ đức tin, thử chung không đời đời nên ngày nay mới đặng chứng quả vị nhân, thật chẳng uống cho một kiếp tu trái biết bao nỗi đắng cay buồn tủi.

### THI

Tu hành trước khổ mới sau vui,  
 Nhân tánh kiên tâm ném đủ mùi;  
 Hết đắng, hết cay, rồi tới ngọt,  
 Đạo màu thâm thúy tới giờ lui.

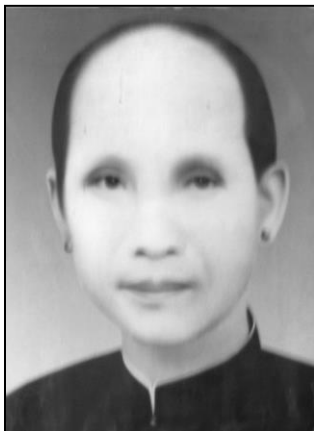
### TRƯỜNG THIÊN

Thừa ưa gió mát trăng thanh,  
 Mây lành đỡ gót dạo quanh động tiên.  
 Phút đâu Ngọc Sắc ban truyền,  
 Phụng thừa Thánh chỉ đàn tiền giáng lai.  
 Trường thiên thảo luận một bài,  
 Để làm kỷ niệm hơn ngày "ân phong".  
 Cao Đài Giáo Chủ Tiên Ông,  
 Hoằng khai Đại Đạo ân hồng vạn linh.  
 Truyền phương khứ ám hồi minh,  
 Chơn ngôn diệu khuyết tâm kinh chỉ truyền.  
 Cho người rõ thấu bốn nguyên,  
 Tâm tu tác Phật thành Tiên siêu phàm.

*Thú vui đuốc tuệ hoa đàm,  
 Phú thi tửu hứng lòng phàm diệt tiêu.  
 Lượng trên dĩ đức dung nhiều,  
 Hòa nhơn độ thế chuộng chừ chúng sanh.  
 Miễn đời giác ngộ đường lành,  
 Tỉnh cơn hồ điệp tu hành Đạo chơn.  
 Đời vừa gặp lúc Hạ Nguơn,  
 Tang điền thương hải tuần huơn vãn xây.  
 Thiên cơ khó nổi giải bày,  
 May duyên mới gặp Đạo Thầy kỳ ba.  
 Ráng tu kịp hội "Long Hoa",  
 Trễ rồi một kiếp đọa sa muôn đời.  
 Dầu cho vật đổi sao dời,  
 Tu hành cũng đặng Phật, Trời chở che.  
 Thăng."*



**Phần mộ cô Minh Lưu tại Vĩnh Hòa - Bến Tre**



**25. Bà**

**TRƯƠNG THỊ  
MỌN**

(1879 – 1939)

Đặc vị:

**NGỌC BỬU  
TIÊN NƯƠNG**

Bà **Trương Thị Mọn** sinh năm Canh Thìn (1879) người vùng Hậu Giang, lập gia đình với ông Bùi Quang Huy (1878 - 1933) (xem trang 192) và tùng theo ông thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu, giữ trọn đến cuối đời.

Bà Trương Thị Mọn liễu đạo tháng 10 năm Kỷ Mão (1939). Ngày Rằm tháng 10 Canh Tuất (13-11-1970), bà Trương Thị Mọn giáng đàn tại Đàn Cái Vồn với Thiên Sắc là Ngọc Bửu Tiên Nương:

*“**Minh Y Đồng Tử**, Tiểu đệ chào chư huynh tử, Tiểu Thánh chào chư đạo hữu nam nữ. Giờ nay Tiểu Thánh được lệnh giáng báo đàn, có mẫu thân tá bút. Vạy đại huynh cùng chư hiền tử, đạo hữu tiếp câu...*

Tiếp câu

## THI

*Trau đòi **Ngọc** báu ở nơi tâm,  
Xả lợi **Bửu** châu khó kiếm tâm.  
Kẻ thế **Tiên** Thiên nào rõ thấu!  
Người tu **Nương** Đạo luyện chơn tâm.*

## HỤU

*Chơn tâm về được cõi non Bồng,  
Nhờ thế **Trương** buồm quyết lướt xông.  
Quá bể **Thị** giang về giác ngạn,  
Chẳng từ **Mọn** phước quyết đòi công.*

## HỤU

*Dồi công đắc vị hưởng thanh nhàn,  
Một kiếp dài dầu tại thế gian.  
Quyết chí tu hành không nản dạ,  
Mãn đời trở lại hưởng tâm an.*

*Thân mẫu chào mừng các con, Tiên Nương ban phước lành chư nam nữ. Giờ lành nay nhân ngày kỷ niệm, Tiên Nương lai phàm đôi phút nhủ khuyên. Tiên Nương cho phép tử tôn an tọa, chư nam nữ bình thân. (Chư đạo hữu dâng bô đào)*

## THI

*Chứng lễ tử tôn đã hiến dâng,  
Ban ân mỗi trẻ khỏe tâm thân.  
Cố gìn đạo đức lo đòi luyện,  
Tạo phước tạo lành được khỏe thân.*

*Giáng đàn mừng cả nữ nam đàn,  
Mừng đến tử tôn phước bố ban.  
Mừng thấy giờ nay đàn tái lập,  
Mừng chung tất cả trước trung đàn.*

*Tá cơ mong mỗi nhũ con hiền,  
Cháu dại trần gian dạ cố khuyên.  
Tập luyện đức nhân cùng đạo hạnh,  
Bước lần theo Đạo để về Tiên.  
Tử tôn đã hiểu trần gian giả,  
Áo mộng phù vân chẳng vững yên.  
Sương đọng trên hoa mau biến dạng,  
Ngựa qua sông cửa thoáng qua liền.*

### BÀI

*Tử tôn nam nữ đàn tiên,  
Hữu duyên hữu phước lời khuyên thỉnh tụng.  
Biết bao kẻ khó hùng khó ngộ!  
Biết bao người sụp đổ thế gian;  
Bởi chúng không Đạo làm giàn,  
Đi trên tham vọng dựa màn phù vân.  
Đời tuy có, lần lần tan mất,  
Đạo không không mà thật còn hoài;  
Hữu tình hư hoại nay mai,  
Vô vi tồn tại muôn ngày Tiên bang.  
Cuộc sống giả trần gian hữu chất,  
Sống cuộc đời chơn thật trường tồn;  
Đó là cuộc sống linh hồn.  
Phải nào xác thịt trường tồn ở đâu?*

Kẻ mê muội nguyện cầu sống mãi,  
 Có đâu nào đào thải Hóa Công;  
 Có ai thoát được cái vòng,  
 Tử, sanh, bệnh, lão trần hồng đầu con!  
 Đã biết rõ, đâu còn mê mẩn,  
 Việc tu hành cẩn thận bước đi;  
 Ngày sau đi đến khoa thi,  
 Đạo tâm thi thố, khó gì hồi con!  
 Nếu về được Bông non mà ngắm,  
 Thời các con suy gẫm ra sao?  
 Cảnh Tiên thôi lấm sặc màu,  
 Yên vui tự tại, con nào chẳng ham!  
 Thử tưởng tượng khi làm Tiên Thánh,  
 Không xác phàm khỏi gánh họa vương;  
 Ôm đau ám lạnh trần dương,  
 Tránh xa, vui khỏe trên đường cảnh Tiên.  
 Được giao du khắp miền Thượng Giới,  
 Thú biết bao, hãy đợi hãy chờ;  
 Thiện căn đơm tược bấy giờ,  
 Bỏ đề hạt giống đang chờ mọc cây.  
 Tâm lương thiện hằng ngày vun tưới,  
 Gieo giống lành chan rưới từ bi;  
 Ngày xưa các trẻ tu trì,  
 Nên nay gặp Đạo Vô Vi tại nhà.  
 Khuyên đôi đoạn lời Già ghi lại,  
 Các tử tôn cần phải nghiệm suy!  
 Để lo tu niệm kiên trì,  
 Giữ phân chơn giáo phúc quy cội nguồn.

## THI

*Nguồn cội nhà ta giữ mỗi giềng,  
Phước hồng mới gặp Đạo chơn truyền.  
Giữ gìn tôn chỉ đừng sai lạc,  
Quý báu vô cùng mỗi Đạo Tiên.*

*Mẫu thân đôi bài tá bút chỉ dạy tử tôn (...) Mẫu thân từ già các con. Tiên Nương già từ chung đàn nội.*

## NGÂM

*Mãn giờ điển rút về Tiên,  
Giã từ tất cả đàn tiên, hồi thặng.”*



**Phần mộ Bà Trương Thị Mọn tại Thuận An, Vĩnh Long**





**26. Bà  
GIAO  
THỊ THANH**

(1899 – 1933)

Đặc vị:

**NGỌC THANH  
TIÊN NƯƠNG**

Bà **Giao Thị Thanh** sanh năm Kỷ Hợi (1899), bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Dương (1898 - 1951) (xem trang 226). Ông Nguyễn Văn Dương dạy học trường Phú Lâm nên biết được Đạo qua các bạn đồng liêu, ông bà đồng thọ pháp tu với Ngài Ngô Văn Chiêu lúc tuổi đời còn khá trẻ, đồng thời khuyến khích mẹ ruột là Bà Nguyễn Thị Hội (xem trang 273) đồng tu.

Bà Giao Thị Thanh liễu đạo ngày 19-8 Quý Dậu (06-10-1933) (ảnh mộ tháp Bà trang 229)

Sau đây là Thánh Sắc Đức Cao Đài ân ban bà Giao Thị Thanh đặc vị Ngọc Thanh Tiên Nương; đàn ngày mừng 2 tháng 5 Giáp Tuất (13-6-1934) tại Đàn Chợ Lớn:

“*Cao Đài Tiên Ông.*

*Thầy chứng đàn cho Thanh tiếp chuyện với các con.*

Tiếp diễn

*Ngọc Thanh. Mừng chư hiền hữu, chư hiền muội.*

*Em sớm về Tiên cảnh đặng hầu dưới bệ Cha. Hiền hữu và hiền muội mừng cho em đã đặng theo hầu Thầy nơi Bạch Ngọc Các. Em bởi còn chờ chư hiền huynh và chư đạo muội mới được lãnh lấy Thiên phong.*

*Từ lúc em từ trần thường hay theo hầu Thầy giảng đàn các nơi nhưng chưa đắc lệnh nên chưa được cùng anh chị em hầu chuyện.*

THI

*Ngọc các đài mây chiếu rạng ngời,  
Thanh cảnh non Bồng đạo thánh thời.  
Tiên phong đã đặng hầu dưới bệ,  
Nương bút cõi trần tỏ khúc nô.*

*Các chị mừng em mỗi người một chung rượu. Chị Ba Sâm, thêm Tám Thới, chị Mười, chị Ba Minh dựng rượu. Từ đây em được theo Thầy, lúc nào đắc lệnh sẽ tỏ cặn lời. (Vui...)*

*Thăng.”*



**27. Bà**  
**TRẦN THỊ CỦA**  
(1907 – 1939)

Đặc vị:

**NGỌC BỔN**  
**TIÊN NƯƠNG**

Bà **Trần Thị Của** sinh năm Giáp Thìn (1904), bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Mười (1901–1948) (xem trang 222). Lúc ông Nguyễn Văn Mười làm thầy giáo trường Phú Lâm, biết được Đạo, ông bà cũng đồng lòng thọ học pháp môn tu với Ngài Ngô Văn Chiêu.

Bà Trần Thị Của liễu đạo ngày 09 tháng giêng năm Kỷ Mão (1939). Mộ táp ông bà tại thỏ mộ gia đình đường Hùng Vương, thị trấn Gò Dầu, Tây Ninh (ảnh trang 235).

Đức Cao Đài ban Thánh Sắc cho bà đặc vị **Ngọc Bổn Tiên Nương**.

Ngày mùng 9 tháng giêng năm Tân Ty (1941) tại đàn Phú Lâm, sau khi Ngọc Bửu Nương Nương (Nguyễn Thị Hội) (xem trang 273) giáng, ngay tiếp đó là phần giáng đàn của Ngọc Bổn Tiên Nương:

## THI

“Ngọc lành khoe sắc giá càng cao,  
**Bôn** phận tu hành quý biết bao!  
**Tiên** Phật tấm lòng ưa thanh tịnh,  
**Nương** mây về chốn hội Bàn Đào

“Tôi chào chung chư đạo hữu. Nay tôi được Thầy ban ơn hạ lệnh nên mới giáng đàn cùng chung hội hiệp. Bởi bấy lâu tôi hưởng vô sự thanh nhàn nơi Tiên cảnh, nay về viếng nhau là vì duyên vì có.

**Mười**, tôi mừng đạo hữu. Bởi Thầy hạ lệnh cho tôi giáng đàn cùng đạo hữu vì niềm đạo đức tỏ nổi duyên cơ tương lai. Vậy đạo hữu cần phải quan tâm chú ý!

## THI

Bước đường siêu thoát sẵn bên mình,  
 Ý tứ rình mò thấy Ngọc Kinh.  
 Ba lược sáu thao trong một trận,  
 Cây Thầy giúp lấy lá bùa linh.

## HỤU

Linh hiển nơi lòng khá rõ thông,  
 Tuyết sương nào hoại bóng cây tùng.  
 Ngôi cao tên tuổi xem càng rạng,  
 Khảo đảo đừng nao cứ cần phòng.  
 Tôi mừng đạo hữu mấy vần thơ,  
 Đạo đức từ đây chớ hững hờ!  
 Một tiếng dặn dò hai lẽ thấu,

*Ngọc Kinh, Sư Phụ vẫn còn chờ.*

*Tôi chào chung chư đạo hữu nam nữ. Thăng.”*



**28. Bà**  
**HỒ THỊ NGÀN**  
(1905 – 1934)

Đặc vị:  
**NGỌC THIÊN**  
**TIÊN NƯƠNG**

Bà **Hồ Thị Ngàn** sanh năm Ất Tỵ (1905), người vùng Cần Đức, bà lập gia đình với ông Phạm Văn Thới (1904 - ?) (xem trang 236), có 2 người con là Phạm Thị Yến và Phạm Văn Hòa.

Lúc ông Thới làm thầy giáo trường Phú Lâm, biết được Đạo, ông bà cùng đồng lòng thọ học pháp môn tu với Ngài Ngô.

Bà **Hồ Thị Ngàn** liễu đạo lúc còn trẻ, năm Giáp Tuất (1934), thọ Sắc phong **Ngọc Thiên Tiên Nương**. Thánh giáo tại Đàn Phú Lâm ngày 04-11 Giáp Tuất (10-12-1934)<sup>113</sup>, Đức Cao Đài ban ơn Ngọc Thiên Tiên Nương giảng đàn:

---

<sup>113</sup> Đàn này có in trong quyển *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản in lần thứ nhì, song ngữ Việt Pháp), trang 505.

## THI

*Cao* tốt hư vô Thái Cực Hoàng,  
*Đài* linh ứng hóa độ phàm gian.  
*Chưởng* khai mới Đạo lưu truyền khắp,  
*Giáo* dục quần sanh giải ách nàn.

*Các con thành tâm, Thầy cho Ngọc Thiên  
 Tiên Nương* giáng. *Thầy* phản giá.

## THI

*Ngọc* quý ngày nay mới biết thờ,  
*Thiên* cơ há để lộ hờ ơ.  
*Tiên* phàm do bởi tâm mình mãi,  
*Nương* bạn tu hành kịp buổi sơ.

*Tôi* chào mừng hiền huynh, các hiền muội. *Nay*  
*tôi* đặc lệnh giáng đàn tỏ đôi lời hơn thiệt.

## PHÚ

*Từ* Ngọc Sắc chín từng mây bạc,  
*Rảnh* kiếp trần cõi hạc về quê,  
*Ơn* Thầy ban dưới bệ dựa kê,  
*Hầu* Ngọc-Đế ngàn thu thông thả.  
*Nợ* đã mãi, ơn đền nghĩa trả,  
*Hiển* Đạo màu, ngọc hóa đài mây,  
*Khép* nép hầu dưới bệ tỏ bày,  
*Trình* công quả dâng vào Cung Ngọc.  
*Cơ* tiền định chính Thầy lừa lọc,  
*Hai* mươi trò nơi góc Trời Nam,

*Cũng cùng chung phụng mạng xuống  
phàm,  
Nay gặp hội **Cao Đài** truyền giáo.  
Lòng tỉnh ngộ tâm sư học Đạo,  
Thọ chơn truyền bốn thảo Tam Thanh.  
Nhờ công phu Đạo pháp vận hành,  
Căn duyên mãn đắc thành quả vị.  
Nương cơ Ngọc đế lời chú ký,  
Cho người đời rõ lý thiên nhiên,  
Hầu tâm tu siêu rỗi cửu huyền,  
Cùng thất tổ huờn nguyên nhứt mạch.*

*Em về mới biết rõ cơ Trời lồng lộng, vậy em  
khuyên chư hiền ráng lo tu hành, may ngày sau cùng  
nhau chung dưới bệ. Vậy phải trả, trả đến giờ chót.  
Thăng.”*

(Ghi chú: Rất tiếc chưa tìm được mộ tháp của Bà)





**29. Bà**  
**LÊ THỊ TRĨ**  
(1883 – 1963)

Bà **Lê Thị Trĩ** sanh năm Quý Mùi (1883), bà lập gia đình với ông Nguyễn Thành Tựu (1885-1954) (xem trang 230), ông bà đồng lòng thọ pháp môn do Ngài Ngô Văn Chiêu trực truyền.

Hiện chưa tìm được Thánh Sắc ân phong cho bà Lê Thị Trĩ. Trong Thánh giáo xưa còn giữ được một số chi tiết liên quan đến bà, như:

- Đêm Rằm Trung Thu Canh Dần (26-9-1950), tại Đàn Phú Lâm, một buổi hầu đàn đặc biệt, có đại diện các Đàn Chiếu Minh về dự, biên bản ghi phân đại diện Cần Thơ gồm các vị:

“*Cần Thơ: Hồng, Tựu, Trĩ...*”<sup>114</sup>

- Đàn Ngộ thời ngày 08-9 Quý Tỵ (25-10-1953), tại Thảo Lư (Cần Thơ). Đến cuối đàn, Thầy ban lệnh:

---

<sup>114</sup> Đó là: Bà Tư Minh Hồng, ông Nguyễn Thành Tựu và bà Lê Thị Trĩ.

“Điền ký phải biên phía dưới bài Thánh giáo mỗi đàn tên đệ tử phò loan và các đệ tử hầu Thầy, chia ra hai bên Càn tịch và Khôn tịch”.

Phần Khôn tịch có tên quý bà: Nguyễn Minh Hồng, Lê Minh Trĩ, Nguyễn Minh Trình, Nguyễn Minh Luân....

Bà Lê Thị Trĩ liễu đạo ngày 30-10 Quý Mão (1963). Phần mộ hiện tại xã Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long. Trên bia mộ ghi: “*Cao Đài Chiêu Minh – Đệ tử Ngô Đại Tiên*”; tên **Trĩ** của bà cũng căn cứ theo đây (trong một số bản điền ký ghi là **Tri**).



Phần mộ Bà Lê Thị Trĩ tại xã Thành Lợi, Bình Tân, Vĩnh Long



**Ảnh chụp một số vị đệ tử Chiêu Minh (cấp 1 và cấp 2)  
(Danh sách trang sau)**

**Các vị Nam phái (hàng đứng).** Từ trái sang phải:

- Ông **Phạm Văn Nhơn** (1907-1964)  
Đặc vị: *Minh Thành Đạo Nhơn*
- Ông **Nguyễn Văn Lệ** (1904-1977)  
Đặc vị: *Ngộ Thông Chơn Nhơn*
- Ông **Mai Văn Huỳnh**  
Đặc vị: *Ngộ Bửu Chơn Nhơn*
- Ông **Nguyễn Tri Cảnh** (1902-1963)  
Đặc vị: *Ngộ Chơn Chơn Nhơn*
- Ông **Lê Thiện Lộc**
- Ông **Nguyễn Duy Trong** (1900-1946)  
Đặc vị: *Ngộ Tánh Chơn Nhơn*
- Ông **Nguyễn Văn Truyện** (1908-1969)  
Đặc vị: *Ngộ Minh Đạo Nhơn*

**Các vị Nữ phái (hàng ngồi).** Từ trái sang phải:

- Bà **Trần Thị Đại** (bà Nhơn) (1913-2007)  
Đặc vị: *Mộc Hoa Nương Nương*
- Bà **Nguyễn Thị Đề** (bà Lệ) (1904-1937)  
Đặc vị: *Ngọc Diêu Tiên Nương*
- Bà Tư **Minh Hồng** (đệ tử cấp 1, đã đề cập)
- Bà **Nguyễn Thị Bé** (bà Trong) (1909-1958)  
Đặc vị: *Ngọc Lộ Tiên Nương*
- Bà **Lê Thị Chi** (bà Truyện) (1912-1990)  
Đặc vị: *Mộc Lan Nương Nương*



**Một số vị nữ đệ tử Chiếu Minh cấp 1, cấp 2 và cấp 3  
(Danh sách trang sau)**

**Hàng ngồi, từ trái sang phải:**

- (chưa biết)
- Bà Nguyễn Thị Luôn (cấp 1)
- Bà Tư Hồng (cấp 1)
- Bà Huỳnh Thị Trình (cấp 1)
- Bà Lê Ý Dĩ (bà Huyện Huyền)

**Hàng đứng thứ nhứt, từ trái sang phải:**

- Bà Từ Thị Hai
- (chưa biết)
- (chưa biết)
- Bà Huỳnh Thị Mậu (bà Lê Thiện Lộc)
- Bà Trần Thị Đại (bà Phạm Văn Nhơn)
- Bà Lê Thị Nữ
- (chưa biết)
- Bà Trần Thị Đáng
- Bà Lê Thị Chi (bà Truyện)

**Hàng đứng thứ nhì, từ trái sang phải:**

- (chưa biết)
- (chưa biết)
- Bà Sáu Tua



**Danh thiếp của Ngài Ngô gia đình còn giữ được**

**Ghi chú:** 2<sup>e</sup> Bureau phụ trách về Thương mại, cầu đường, kho tàng... cho thành phố.

**PHẦN BỐN**  
**PHỤ LỤC - BỔ SUNG**



## I. TÁNH ĐỨC NGÀI NGÔ KHI CÒN SANH TIỀN

Sau khi Ngài Ngô quy liễu, các vị đệ tử trực tiếp của Ngài cùng hiệp nhau, đồng lập một bản kê tánh đức Ngài Ngô lúc còn sanh tiền mà các vị từng trực tiếp chứng kiến, dành làm gương cho các đệ tử về sau. Các vị gọi đó là:

### *“Tánh đức của Thầy hồi còn sanh tiền*

- *Kiểu tu của Thầy là Tiên đạo, Nhơn đạo đi một lượt.*
- *Vừa tu vừa làm việc trả nợ đời.*
- *Tới ngày Đạo thành, thì Nhơn đạo cũng mãn.*
- *Tu giữa chợ mà không ai biết*
- *Tửu, sắc, tài, khí không nhiễm. Cư trần bất nhiễm trần.*
- *Không trọng cái danh làm quan.*  
*Không kể xác thân. Tu rồi, cái thân như chết chưa chôn. Ngài thường nói: “Thân này chẳng kể, kể chi danh”.*
- *Không ham sự sang trọng.*
- *Ngài thường nói: “Chớ ham sang trọng vật chất, nếu không thì khó theo Thầy”.*

- Ai nói xấu không giận.
- Ngài nói: “Việc thị phi coi như lông nhận, ai cười mặc ai”.
- Ít hay chơi với kẻ giàu, sang.
- Hay mến kẻ thấp hèn. Ngài thường nói: “Tố phú quới hành hồ phú quới, tố bản tiện, hành hồ bản tiện. Tố nào theo tố nấy”.<sup>115</sup>
- Thủ phận an bản. Ai biểu chơi với kẻ sang làm chi cho bị nó khi.
- Không hay rước khách.
- Tánh ưa tu.
- Tuy ở chốn thị thành mà ít ai biết chỗ ở của Ngài.
- Không chịu tỵ hội.
- Không ưa đông đảo.
- Không chịu ai lay lục.
- Không chịu ai tôn trọng hình thức.
- “Nhứt hào vô phạm”,  
Không chịu thọ lãnh lễ vật gì của ai.

---

<sup>115</sup> Chữ Tố (素) có nghĩa là: Căn bản, vốn thường, vốn là. Câu trên lấy từ sách Trung Dung, có thể hiểu như sau: Vốn là phú quý thì sống theo phú quý, vốn là nghèo khó thì sống theo nghèo khó.

Ngài nói: “Ở nhà cũng có thờ. Để ở nhà cúng, đem tới làm chi.”

- Không chịu phô bày và vẽ vời.
  - Ngài lập cái Đạo ra một cách rạch ròi cho mọi người đều tu được.
  - Không khoe khoang cái Đạo.
  - Người ta biết Ngài tu, ăn chay, mà không hiểu Ngài tu làm sao.
  - Ngài hay hát câu: Kín ngoài rồi lại kín trong.... (Xem “Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu”)
  - Tánh Ngài ít nói và không xen vô việc của ai.
  - Tánh Ngài từ bi mà cứng cõi. Ngài thường nói: “Đại hùng, đại lực, đại từ bi”.
  - Tánh Ngài vừa ý mỗi người; Ngài nói: “Quân tử như thủy”.
- “Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh, đó ai biết được cái danh Cao Đài.”
- Ngài nói: “Mình tu, mà đừng cho người ta biết mình tu, giữ bề ngoài như người thường.”
  - Ngài dạy trong đệ tử rằng: “Mình đừng làm ra người ngu phạm.”
  - Tuy ở chốn phiền ba, các việc thấy như không thấy, nghe như không nghe.

- Giữ tâm không xao động như nước đựng trong bầu, các việc đều không.

- Trong các việc làm, Ngài hay dè dặt. Ngài hay nói: “Tiên bảo kỳ thân.”

- Ngài dạy trong đệ tử Ngài, phải hạ mình, nhịn nhục, làm như thầy Tam Tạng, đi tới đâu cũng lay hoai cho xuôi việc.

- Ngài hay biết ơn, và hay lo báo ơn, đáp nghĩa.

- Ngài hay làm âm chất, hay bố thí âm thầm.

- Ngài nói: “Mua ruộng trên trời vững hơn mua ruộng dưới thế gian”. Bởi vậy, nên tuy làm quan, mà không dư dả như người ta.

- Trọn đời, Ngài giữ thanh bản (*La Misère dorée*)

- Ngài hay nói câu: “Hưởng phước bất khả hưởng tận”; mình có lộc Trời cho đừng hưởng hết, phải làm phước đặng để sau cho con cháu.

- Bình sanh hễ làm việc chi một lần thì thôi, nên hư gì một lần, Ngài không chịu sửa đi đổi lại. Trong việc tu cũng vậy, Ngài không đổi ý.

Đó là Ngài làm gương “Nhứt tâm”.

- Còn việc ăn uống rất thường.

*Không hay ăn đồ chiên xào nhiều dầu và không chịu bày đồ ăn nhiều cách. Tương, chao là gốc. Chuối sứ và đường thẻ là món tráng miệng thường. Ngài nói: “Miễn ăn no bụng thì thôi.”*

- *Chỗ Ngài ở không chưng dọn, miễn cho sạch sẽ thì thôi. Ngài nói: “Chỗ nào cao trên bốn thước tây thì có thanh khí.”*

- *Chỗ Ngài ở để vài cái ghế ngồi tu và vài cái ghế ngồi ngủ, và bàn ăn cơm, đơn sơ ít món vậy thôi.*

- *Không chịu dọn nhiều chuyện.*

- *Khi về nhà, Ngài hay mặc đồ bô vải.*

- *Khi đi làm việc và đi chơi, thì Ngài ăn mặc khăn áo như thường.*

- *Trong việc ăn mặc và trong thân hình, Ngài giữ một cách sạch sẽ. Ngài nói: “Thân mình của mình để dơ dáy và lèng xèng, đi nói đạo có ai thềm nghe.”*

- *Quan phủ là người đã làm gương mẫu trong cách tu tại gia (đạo đời đi cập) không vì đời mà lợi đạo, mà cũng không vì đạo mà bỏ đời (ly gia). Lúc Ngài còn ở Tân An, tuy làm quan huyện mà Ngài tự tay lo săn sóc mẹ già, cho đến y phục cũng chăm nom lấy.*

- *Ngài làm quan rất thanh liêm, không dư dả, lại con đông (9 người), mà Ngài làm*

---

*cũng trọn bốn phận cha hiền con thảo. Mấy con Ngài đều nên danh, đúng theo lời dạy của Đức Từ Phụ:*

*“Ngày sau thê tử ẩm phong,  
Phật, Tiên phổ hóa, con phòng hậu lai.”*

## II. VỀ HAI QUYỂN: KINH “*ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO*” VÀ SÁCH “*LỊCH SỬ QUAN PHỦ NGÔ VĂN CHIÊU*” BẢN IN ĐẦU TIÊN

Nhánh đạo Chiếu Minh được nhiều người biết đến chính là nhờ hai quyển: kinh *Đại Thừa Chơn Giáo*, in lần đầu năm 1937, và *Lịch sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu*, phát hành đầu tiên năm 1932; Tuy vậy, đến nay, ngay trong các đàn Chiếu Minh cũng khó tìm được bản in đầu tiên hai quyển sách này.

Trong tâm nguyện tìm sử liệu cho đạo, với quan tâm mong muốn giữ lại chơn truyền cho đời sau, chúng tôi đã rất may mắn tìm được nhiều sử liệu xưa.

Hai quyển kinh sách này và một số tư liệu gốc, chúng tôi sẽ cho in chung vào một quyển sách, có tựa là “*Những Quyển Kinh Sách Đầu Tiên Nhánh Đạo Chiếu Minh*” dưới hình thức quét ảnh (scan) cho đúng theo bản gốc.

Sau đây, trong phạm vi quyển sách này, xin giới thiệu qua hai quyển kinh sách trên.

### A. QUYỀN KINH ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO BẢN IN ĐẦU TIÊN NĂM 1937

*Đại Thừa Chơn Giáo* là quyển kinh đặc trưng của Cao Đài nhánh Chiếu Minh, được Ôn Trên giảng ban tại nhà đàn Trước Tiết Tàng Thơ (Thủ Thiêm, Sài Gòn) qua đồng tử Liên Hoa<sup>116</sup>. Đức Cao Đài Thượng Đế và các Đấng giảng đàn từ đầu tháng 8 năm Bính Tý (1936) đến 25 tháng 9 Bính Tý thì huần kinh, Đức Chí Tôn ban ơn cho chư vị có công tiếp kinh.

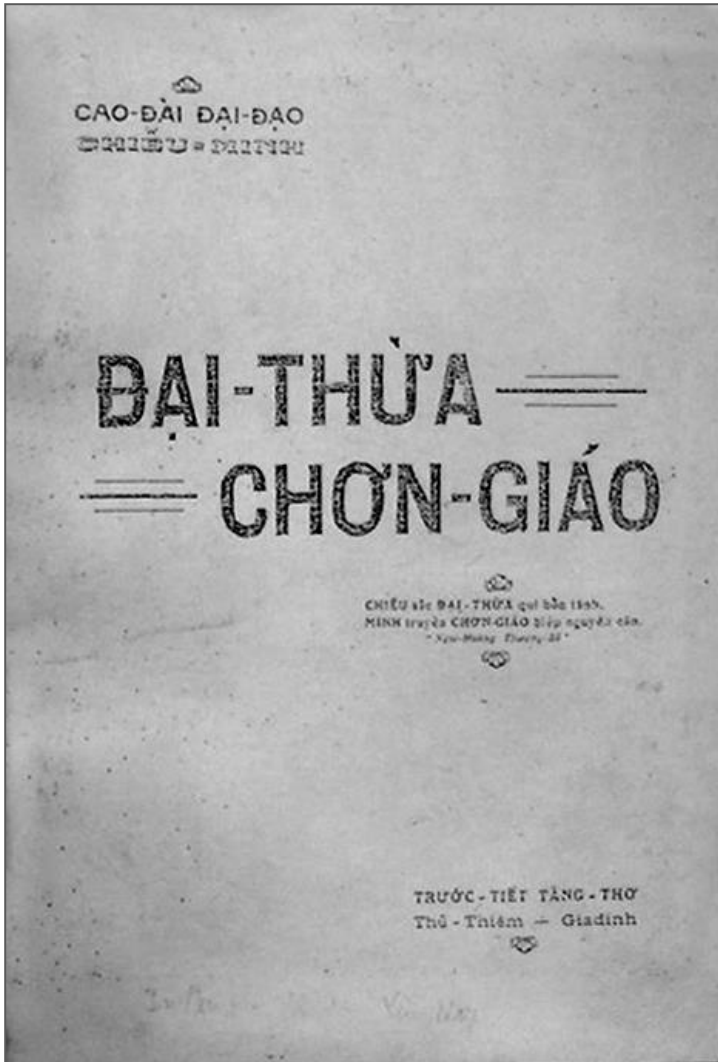


<sup>116</sup> Đồng tử **Liên Hoa** tên là Đàm Thi (1912-1998), sanh ngày 24-4-1912 tại Quảng Nam, con thứ 8 của cụ ông Đàm Kim Xán và cụ bà Lê Thị Nghiêm. Năm 1926, cụ vào Sài Gòn ở với người anh thứ 6 tên Đàm Thơ (đã nhập môn Cao Đài). Buổi đầu này cụ Đàm Thi ngụ tại Thánh thất Cầu Kho, qua 1927 ở tại nhà ngài Trần Văn Tà đến 1928 và làm đồng tử tại ngôi Trung Hưng Thánh Bản

(Long Thành), từ 1933 trở về Thánh thất Cầu Kho. Khoảng 1933 đến 1939, cụ làm đồng tử cho Liên Hòa Tổng Hội (trong giai đoạn này thọ lệnh tiếp *Đại Thừa Chơn Giáo*). Cụ Liên Hoa về sau là Chức sắc Minh Lý Thánh Hội (Đạo hiệu Khai Tịnh, hàng Khiết Tịnh Sư) cùng lúc làm Tiếp Cơ Quân Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Cụ Liên Hoa liêu đạo ngày 06-4-1998 tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng).





Bìa quyển Đại Thừa Chơn Giáo bản in lần thứ Nhứt -  
năm 1937 - Nhà in Xưa Nay

Ngày 07-5-1937, bản kinh đầu tiên được in xong, kích thước 14,5 x 21cm, có 198 trang chưa kê tựa. Hôm ấy chư vị thiết đàn trình lên Đức Chí Tôn quyển kinh vừa in xong. Có một sự lạ, nhưng cũng thường gặp trong đạo Cao Đài, Đức Lý Thái Bạch được lệnh giáng chình sửa một số sai sót trong bản in. Bài Thánh giáo sau đây được chư vị in và cho dán vào ngay trang đầu quyển kinh, đề tựa là “Huyền diệu vô cùng”.


Những bản kinh Đại Thừa Chơn Giáo in về sau không có phần Thánh giáo này (có bản có sửa, có bản không sửa theo đính chánh của Đức Lý), vì vậy, nhân đây chúng tôi xin trích ra Thánh giáo đính chánh của Đức Lý để tiện dụng:

“Đính chánh thêm

### **HUYỀN DIỆU VÔ CÙNG**



Quyển Đại Thừa Chơn Giáo in vừa xong bữa thứ Sáu 7-5, bữa thứ bảy 8-5-1937 đóng xong được vài trăm cuốn, chúng tôi thiết đại đàn đánh lễ Đức Chí Tôn mừng kinh làm hoàn thành, luôn dịp chúng tôi dựng vài quyển ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO trên Thiên Bàn.

Mới hay còn một vài chỗ sai: hoặc điển ký viết trật, hoặc ấn công sắp lộn, nên Đức Chí Tôn sai Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng giáng đàn sửa lại, chỉ

  
Đính chánh  
thêm  



HUYỀN ĐIỀU VÔ CÙNG

Quyển ĐẠI-THỪA CHƠN-GIÁO in vừa xong bữa thứ sáu 7 Mai. Bữa thứ bảy 8 Mai 1937 đóng xong được vài trăm cuốn, chúng tôi thiết Đại-Dàn đánh lễ Đức Chí-Tôn mừng kính làm hoàn-thành, luôn dịp chúng tôi dựng vài quyển ĐẠI-THỪA CHƠN-GIÁO trên Thiên-Bản. Mỗi hay còn một vài chỗ sai: hoặc điển ký viết trật, hoặc ấn công sắp lộn, nên Đức Chí-Tôn sai Lý Thái-Bạch Đại tiên-trưởng giảng Đản sửa lại, chỉ chỗ trật lộn trong nháy mắt; thật rõ-ràng là huyền-điều phi thường.

 ĐỨC LÝ   
đính-chánh thêm vài chỗ tiếp lộn, in trật

THI

LÝ đảo gập liết trái bóng đơm,  
THÀI hóa phương-phi đạo-đức thơm,  
BÁCH ngọc đồ rền bưng mắt lỉnh,  
GIĂNG minh chơn-pháp kịp lân xom. (Cười).

  
Đàn mừng in  
xong Kinh Đại-  
Thừa Chơn-Giáo  
đếm 28 rặng mặt 29  
tháng ba Bình-Sửu  
minnit 8 9 Mai 1937

Lão chào chư hiền. Giờ nay lão được linh Phụ-Hoàng sai lão đến đây dựng tuyền đượt "ĐẠI-THỪA" lần chót: những chỗ tiếp trật, sắp in lộn, phải đính-chánh lại. Đề một quyển lại trên Thiên-Bản lão xem-xét, còn chư hiền lấy một quyển dò theo, lão chỉ chỗ sai cho sửa.

| Trương    | Hàng | Chữ sắp lộn    | Xin đọc lại                           |                                       |
|-----------|------|----------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
|           | 2    | 15             | Bớ chúng sanb-linh!<br>Thoàn chớ rước | Bớ chúng-sanb! Linh<br>thoàn chớ rước |
|           | 3    | 23             | Chơn thân                             | chơn thân                             |
|           | 30   | 1              | Thuần chuyền                          | Thường chuyền                         |
|           | 50   | 15             | (lạ) Đại thừa cửu chuyền              | Tam thừa cửu chuyền                   |
|           | 100  | 17             | Tjnh, lĩa thuần đương                 | lĩnh tận, thuần đương                 |
|           | 105  | 29             | Lọc thành                             | Lọc tỉnh                              |
|           | 122  | 4              | ngĩa an                               | ngĩnh an                              |
|           | 127  | 17             | giúp ít                               | giúp ích                              |
|           | 134  | 22             | đỡ chơn                               | đỡ chơn                               |
|           | 134  | 23             | thũa lỉnh                             | thũa lỏng                             |
|           | 156  | 28             | so sáu                                | so sáu                                |
|           | 170  | 25             | bỏ bóng                               | bỏ đúng                               |
| 2 Mục Lục | 9    | số 10 Đại Thừa | Tam Thừa                              |                                       |

Bản đính chánh được viết thêm vào đầu sách

chỗ trật lộn trong nháy mắt; thật rõ ràng là huyền diệu phi thường.

## ĐỨC LÝ

### Đỉnh chánh thêm vài chỗ tiếp lộn, in trật

Đàn mừng in xong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo đêm 28 rạng 29 tháng 3 Đinh Sửu, nhằm 8-9 tháng 5, 1937.

“*THI*

*LÝ* đào gập tiết trái bông đơm,  
*THÁI* hóa phương phi đạo đức thơm.  
*BẠCH* ngọc đổ rên bưng mắt tỉnh,  
*GIÁNG* minh chơn pháp kíp lần xom.

(Cười)

Lão chào chư hiền. Giờ nay Lão được linh Phụ Hoàng sai Lão đến đây đặng tuyển duyệt “*ĐẠI THỪA*” lần chót: Những chỗ tiếp trật, sắp in lộn, phải đỉnh chánh lại. Để một quyển lại trên Thiên Bàn Lão xem xét, còn chư hiền lấy một quyển dò theo, Lão chỉ chỗ sai cho sửa.

| Trương | Hàng | Chỗ sắp lộn                                  | Xin đọc lại                          |
|--------|------|--|--------------------------------------|
| 2      | 15   | Bớ chúng sanh <i>linh!</i><br>Thoàn chờ rước | Bớ chúng sanh!<br>Linh toàn chờ rước |
| 3      | 23   | Chơn <i>Thân</i>                             | chơn thân                            |
| 30     | 1    | <i>Thuần</i> chuyên                          | Thường chuyên                        |

|         |    |                                  |                       |
|---------|----|----------------------------------|-----------------------|
| 50      | 15 | (tựa) <i>Đại thừa cửu chuyển</i> | Tam thừa cửu chuyển   |
| 100     | 17 | Tịnh, <i>tán</i> thuần dương     | Tịnh tận, thuần dương |
| 105     | 29 | <i>Lạc thành</i>                 | Lạc tinh              |
| 122     | 4  | nghĩa <i>an</i>                  | ngủ an                |
| 127     | 17 | giúp <i>ít</i>                   | giúp ích              |
| 134     | 22 | <i>để</i> chơn                   | đỡ chơn               |
| 134     | 23 | <i>thỏa tình</i>                 | thỏa lòng             |
| 156     | 25 | ao <i>sâu</i>                    | ao sâu                |
| 170     | 25 | bỏ <i>vòng</i>                   | bỏ dùm                |
| Mục lục | 9  | Số 10 <i>Đại Thừa</i>            | Tam Thừa              |

*Còn sai cũng nhiều và chữ c, t, g, n chót; kỳ sau có tái bản nên chỉnh lại kỹ nghe!*

### THI

*Phụng lệnh CAO TIÊN xét nét rồi,  
Chư hiền tiếp giá Lão về ngôi.  
Ban ơn nam nữ Tùng Thơ tịnh,  
Công đức vĩnh viên chói rạng ngời.*

*Thăng.”*

• Xin đề cập qua về nhà đàn **Trước Tiết Tàng Thơ**, là nơi được ơn tiếp bộ *Đại Thừa Chơn Giáo* năm Bính Tý (1936):

Sau một thời gian bôn ba trong cuộc đời, từng trải nhiều hoàn cảnh xuôi ngược, đến năm 1932, ông Nguyễn Háo Vĩnh gặp được môi đạo Cao Đài nhánh Chiêu Minh, ông thọ pháp và bước vào đường tu đơn.

*“Ông cất một nhà đàn bằng gạch ngói, rộng mỗi bề 10m, dưới có bậc tam cấp bằng đá xanh, trên có gác lửng bằng gỗ để làm chỗ thờ. Nhà đàn mang tên là Trước Tiết Tàng Thơ, được cất trên một gò đất giữa thửa ruộng 5 mẫu tại Thủ Thiêm, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh bên cạnh một nhánh nhỏ của rạch Cá Trê đổ ra sông Sài Gòn.*

*Thuở ấy chỉ dùng nước từ ghe chở tới bán, mỗi lần yêu cầu ghe chở nước đến đổ đầy các lu vú xếp vòng quanh 3 cạnh nhà đàn, có thể lên đến 30 lu. Phía sau nhà đàn (phía lộ, vì mặt tiền nhà đàn hướng về con rạch, mặt hậu đưa về mặt lộ) có nhà sàn ván, cột gạch làm chỗ cho đạo hữu nghỉ.”*<sup>117</sup>

Đến đây cũng xin nói thêm về ghi chú số 74, trang 132-133 về việc ông Nguyễn Háo Vĩnh được Thầy giao tham gia lập “*Bản nguyên Kinh bên phải*

---

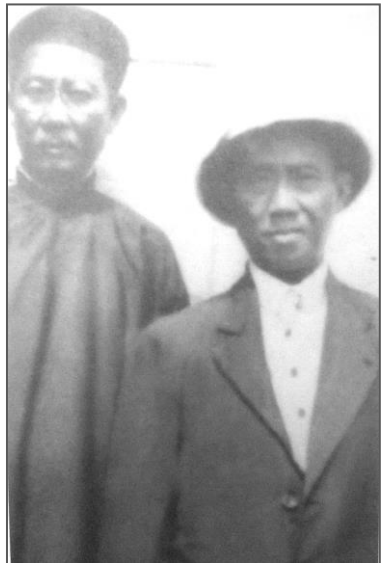
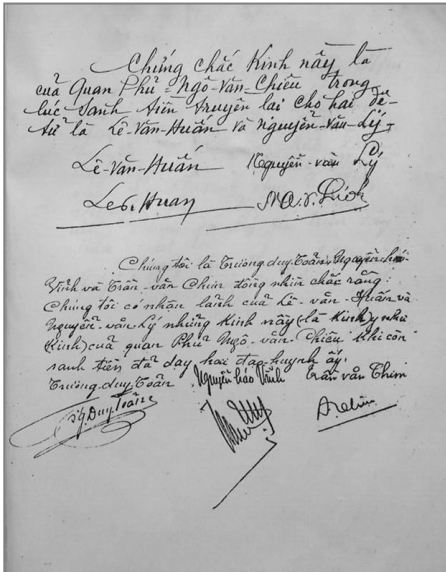
<sup>117</sup> Trích bài viết: Nguyễn Háo Vĩnh - Chiến sĩ phong trào Đông Du miền Nam của tác giả Phan Lương Minh, đăng trên Tạp chí Xưa & Nay, số 246, 10-2005. Đạo huynh Phan Lương Minh (Cần Thơ) là cháu ngoại ông Võ Văn Thơm và bà Huỳnh Thị Trình (trang 245).

Nhà đàn Trước Tiết Tàng Thơ nay không còn, vùng đất này có tọa độ GPS là: N 10°46'42"; E 106°43'22".



Bìa Bản Nguyên Kinh (trên) và trang xác nhận của chư vị trách nhiệm (dưới)

Nhị vị Trương Duy Toàn (trái) và Nguyễn Háo Vĩnh



*Bạch Y Vô Vi của Đức Ngô Đại Tiên Chơn truyền*”, tạm gọi là **Bổn Nguyên Kinh**: Đêm mừng 3 rạng mừng 4 tháng 7 Giáp Tuất (12 rạng 13-8-1934), Thầy giảng tại nhà ông Nguyễn Háo Vĩnh<sup>118</sup> (số 71

---

<sup>118</sup> Nhân đây cũng xin nói thêm về ông Nguyễn Háo Vĩnh chủ nhà in Xưa Nay và nhà đàn Trước Tiêt Tầng Thơ. Ông **Nguyễn Háo Vĩnh** (1893-1941) sanh ngày 19-02-1893 tại làng Bình Đức, Long Xuyên, con của cụ ông Nguyễn Háo Văn (một trong những người tham gia Phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ).

Thời trẻ, ông học trường Chasseloup Laubat. Năm 1905, ông Nguyễn Háo Vĩnh cầm đầu phái đoàn học sinh của Minh Tân Công Nghệ sang Nhật du học. Sau đó, ông Nguyễn Háo Vĩnh được cha đưa sang Hong Kong học tiếp tại trường Saint Joseph English. Do vừa đi học vừa tham gia các phong trào chống Pháp, năm 1916, ông Nguyễn Háo Vĩnh bị bắt tại Hong Kong và bị giao lại cho chính quyền Pháp ở Nam Kỳ, đưa ra tòa án tại Sài Gòn kết án tử hình, nhưng sau ông được Tổng Thống Pháp ân xá. Ông về Cần Thơ ở với cha.

Vào khoảng năm 1923, nhờ Thanh tra Chánh trị tại Phủ Toàn quyền Louis Marty đỡ đầu, ông Nguyễn Háo Vĩnh trở về Sài Gòn làm báo (là chủ nhân sáng lập 2 tờ báo *Hoàn Cầu Tân Văn*, và *Nam Kỳ Kinh Tế Báo*). Ông Nguyễn Háo Vĩnh lập và làm chủ nhà in Xưa Nay tại số 62-64 boulevard Bonard (sau đổi thành đại lộ Lê Lợi cho đến nay).

Năm 1932, ông nhập môn vào đạo Cao Đài nhánh Chiêu Minh, thọ pháp và bước vào đường tu đơn. Ông Nguyễn Háo Vĩnh liễu đạo ngày 19-6 năm Tân Tỵ (1941), được chôn cất theo nghi thức của đạo Cao Đài nhánh Chiêu Minh. Mộ tháp lục giác của ông khiến nhiều người dân địa phương (phường An Khánh, quận 2 TP.HCM) đến những năm 2014 còn nhớ.

Đàn ngày 23.9 Tân Mùi (1941) tại Trước Tiêt Tầng Thơ, Đức Cao Đài Giáo Chủ ân phong cho ông Nguyễn Háo Vĩnh đặc vị Linh Bửu Chơn Nhơn.



Mac Mahon, nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) giao nhiệm vụ:

*“Mấy con hãy lập một bốn kinh y như **Huân** truyền cho các con rồi để lưu lại Tàng Thơ, có dấu ký tên của **Huân** và **Lý**, chứng nhận rằng hai đứa nó truyền lại y như của Ngô Đại Tiên dạy. Rồi **Toản**, **Vĩnh**, **Chim** đồng ký tên dưới đó, **Thiện Lạc** ký sau để lệnh do cơ bút **Thiện Lạc** tiếp. Sau đây sẽ cứ do đó là chánh gốc rồi thi hành cho y như vậy.*

*Phần này về **Vĩnh** làm nội ba ngày cho xong. Hiểu Thánh ý không con **Vĩnh**?”<sup>119</sup>*

Vài ngày sau (18-8-1934), Đức Ngô giảng tại Trước Tiết Tàng Thơ:

*“Ngô Đại Tiên, hỷ chư môn đệ (...)*

*Về phần **Vĩnh**, trò đã sắp đặt bốn kinh của Ta truyền, hãy đem vô đàn Phú Lâm rồi cho chư đệ tử dọn lại, và từ đây phải tuân hành y như kiểu mẫu chẳng nên chế cải, sau thất chơn truyền.”*

Đến Rằm tháng 7 Giáp Tuất (24-8-1934) chư vị đã hoàn tất quyển “*Bốn nguyên Kinh bên phải Bạch Y Vô Vi của Đức Ngô Đại Tiên Chơn truyền*”, tổng cộng 30 trang viết tay, kích thước 20 x 29cm, với đầy đủ các chữ ký xác nhận như Thầy dạy.

---

<sup>119</sup> **Thiện Lạc Chơn** là thánh danh ông Nguyễn Văn Mùi, đồng tử lúc bấy giờ tại Trước Tiết Tàng Thơ.

**B. QUYỀN “LỊCH SỬ QUAN PHỦ NGÔ VĂN CHIÊU” bản in LẦN THỨ NHẤT NĂM 1932**

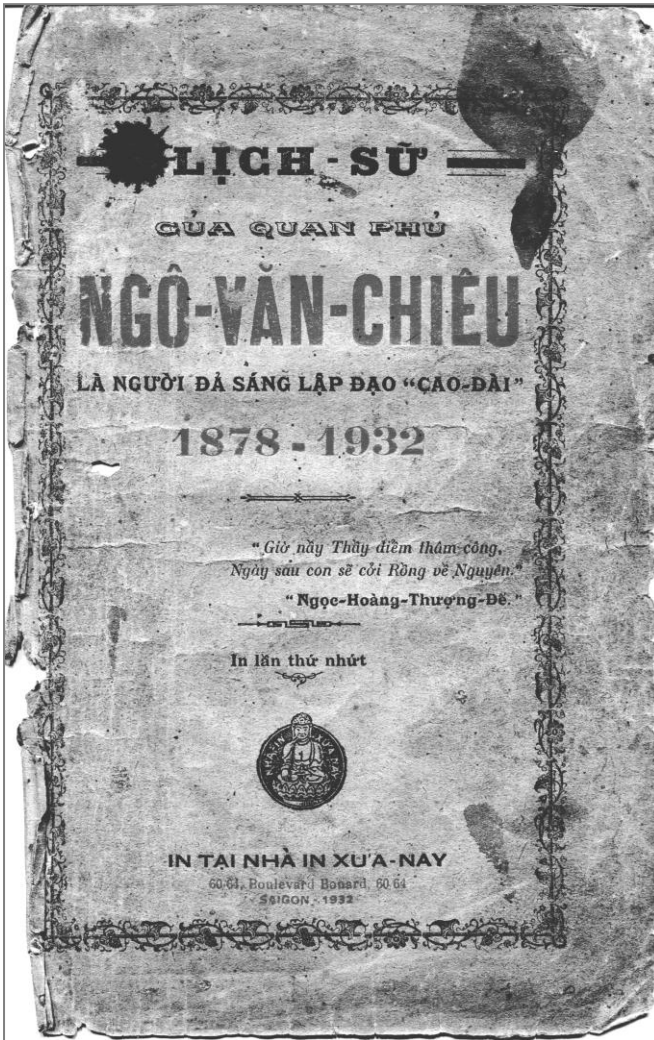
Nguyên tựa quyền này là: “*Lịch sử của Quan phủ Ngô Văn Chiêu người đã sáng lập Đạo Cao Đài 1878-1932,*” in tại nhà in Xưa Nay, số 60-64 boulevard Bonard, Saigon, 1932. Bìa quyền ghi rõ: In **lần thứ nhất** (ảnh bìa trang bên).

Với kích thước 15 x 23,5cm, tổng cộng 64 trang, quyền lịch sử này đã khắc họa nhiều nét quan trọng trong cuộc đời và đạo nghiệp của Ngài Ngô, đủ cho người đời sau lấy làm tài liệu căn bản. Do có một số ý riêng của người viết, các quyền in sau đã có lược bớt.

Do đã trải qua hơn 80 năm, chất giấy quyền sách đã xuống cấp nhiều, chúng tôi đã quét (scan) để lưu trữ bằng kỹ thuật số. Bản quét này đã được lưu tại Tổ Đình Chiêu Minh (Cần Thơ).

Xin nói thêm về các bản Lịch sử in về sau:

- Bản in **lần thứ nhì**, cũng với tựa “*Lịch sử của Quan phủ Ngô Văn Chiêu người đã sáng lập Đạo Cao Đài 1878-1932*” cũng in tại nhà in Xưa Nay (địa chỉ đã là 62 boulevard Bonard), năm in là 1936. Trình bày bìa và nội dung giống như bản in lần thứ nhất, có thêm từ trang 65 đến 72 in các Thánh giáo về Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên đắc Ngôi Hai qua Hội Thanh Chiêu (Cần Thơ) ngày 23-6 Giáp Tuất (03-8-1934).



**Ảnh bìa quyển *Lịch sử của Quan phủ Ngô Văn Chiêu*  
Bản in lần thứ Nhất – 1932**

---

Các bản in sau, kể từ bản **in lần thứ ba**, tựa đã được rút gọn: *Lịch sử của Quan phủ Ngô Văn Chiêu (1878-1932)*, nhà in Việt Hương, 34 Bonard; nội dung, kể cả Tiêu Tựa, đã có thay đổi, bổ sung. Bản in sau nữa bỏ thêm chữ “của” trên tựa sách.

### III. MỐI LIÊN HỆ GIỮA NGÀI PHẠM CÔNG TẮC VỚI ÔNG NGÔ KHAI MINH<sup>120</sup>

Sau thời điểm Ngài Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo Tông (Rằm tháng 3 năm Bính Dần-1926), đây đó râm ran những ý kiến, làm xấu đi mối quan hệ giữa hai nhánh đạo Phổ độ Công truyền và Nội giáo Tâm truyền, cụ thể là giữa Tòa Thánh Tây Ninh và Chiêu Minh. Sự việc đôi khi đến mức được đưa ra dư luận, báo chí, nhất là vào tháng 4-1932, lúc Ngài Ngô liễu đạo.

Thật ra, phương hướng tu hành đôi bên đã cơ bản có khác nhau từ trước. Việc này do căn duyên mỗi người, được Ôn Trên bố trí vào công cuộc tiếp nhận và phổ biến mỗi Đạo Trời trong giai đoạn sơ khai. Thế nhưng trên thực tế đã có mâu thuẫn, có lúc chỉ trích nhau ở cấp nào đó bên dưới.

Còn ở cấp cao nhất thì thế nào? Cụ thể, giữa hai vị lãnh đạo cao nhất là: Ngài Phạm Công Tắc - Chương quản Nhị Hữu hình Đài Tòa Thánh Tây Ninh và Ngài Ngô Văn Chiêu - vị lãnh đạo cao nhất Chiêu Minh. Sự hiềm khích giữa các vị nếu có ắt hẳn

---

<sup>120</sup> Tư liệu để viết phần này chủ yếu được trích từ tài liệu lịch sử Đạo lưu trữ tại Văn phòng Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Thời gian từ năm 1995 đến 2010, tác giả Huệ Nhân đã có nhiều dịp tiếp cận và sao chụp một số trong nguồn tư liệu này (trong đó có Thánh Lịnh của Đức Phạm Hộ Pháp và thư của ông Ngô Khai Minh), qua sự cho phép của Ngài Cải Trang Lê Minh Khuyên, Phó Chương Quản Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh.

đã hẳn sâu, truyền đời. Trên thực tế không ai thấy có chuyện đó.

Cũng trên thực tế, từ sau khi Ngài Ngô quy liễu khá lâu, Ngài Ngô giảng đàn dạy đạo nhiều lần, nhiều nơi, nhưng hoàn toàn không có phản ứng chính thức từ Ngài Phạm Công Tắc, hay của Tòa Thánh Tây Ninh. Ngược lại, một số tư liệu lịch sử được Tòa Thánh lưu giữ chứng minh đã có sự giao thiệp, giao tình giữa Ngài Phạm Công Tắc và ông Ngô Khai Minh, con trai Ngài Ngô Văn Chiêu.

Sự giao thiệp này chắc chắn đã diễn ra từ trước năm 1953, tạo nên sự hiểu biết, tin tưởng nhau. Đến ngày 25-02-1953, Ngài Phạm Công Tắc Chương quản Nhị Hữu hình Đài Tòa Thánh Tây Ninh đã ký Thánh Lệnh số 40/VPHP phong cho ông Ngô Khai Minh phẩm Lễ Sanh phái Thượng, đề “Điều hành Bàn Trị sự Hải Ngoại Cao Đài Truyền Giáo Hội” tại Paris, kinh đô nước Pháp. Sau đây là nguyên văn Thánh Lệnh:

*HỘ PHÁP ĐƯỜNG*

*VĂN PHÒNG*

-----

*SỐ: 40/VPHP*

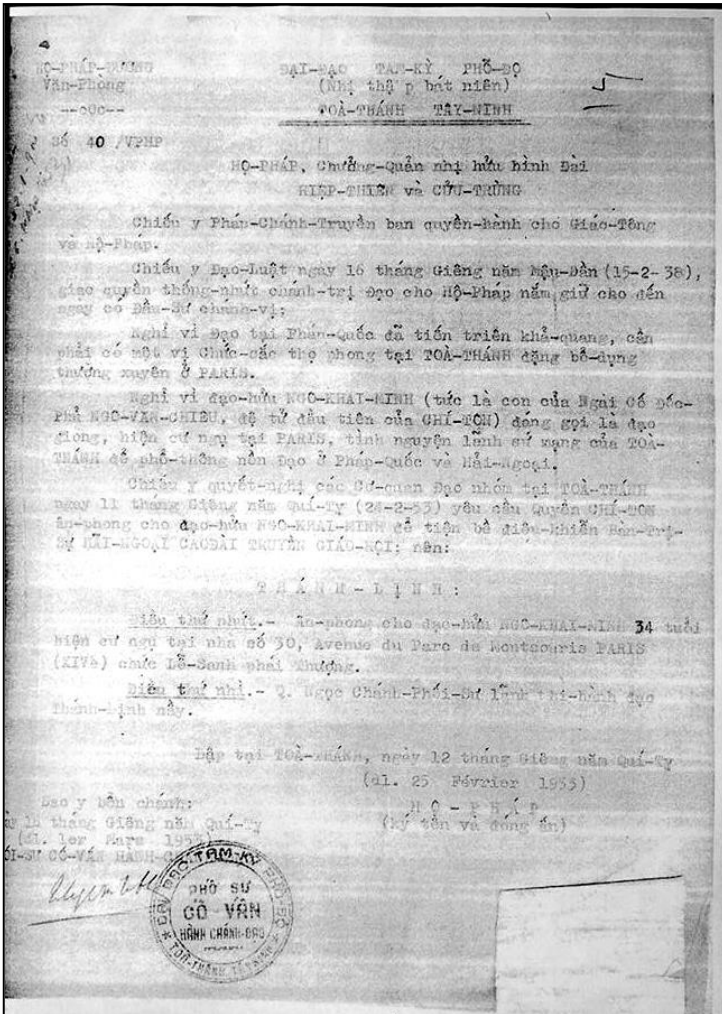
*ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ*

*(Nhị thập bát niên)*

*TÒA THÁNH TÂY NINH*

-----

*HỘ PHÁP, Chương Quản nhị hữu hình  
đài HIỆP THIÊN và CỨU TRỪNG*



**Thánh Lệnh số 40/VPHP ngày 12 tháng giêng Quý Tỵ  
 (25-02-1953) của Tòa Thánh Tây Ninh  
 ân phong ông Ngô Khai Minh chức Lễ Sanh**

*Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp.*

*Chiếu y Đạo luật ngày 16 tháng giêng năm Mậu Dần (15-2-1938), giao quyền thống nhất chánh trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị.*

*Nghĩ vì Đạo tại Pháp Quốc đã tiến triển khả quan, cần phải có một vị chức sắc thọ phong tại Tòa Thánh đặng bổ dụng thường xuyên ở Paris.*

*Nghĩ vì đạo hữu NGÔ KHAI MINH (tức là con của Ngài Cố Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu, đệ tử đầu tiên của Chí Tôn) đáng gọi là đạo dòng, hiện cư ngụ tại Paris, tình nguyện lãnh sứ mạng của Tòa Thánh để phổ thông nền Đạo ở Pháp Quốc và Hải ngoại.*

*Chiếu y Quyết nghị của Cơ Quan Đạo nhóm tại Tòa Thánh ngày 11 tháng giêng năm Quý Tỵ (24-2-1953) yêu cầu Quyền Chí Tôn ân phong cho Đạo hữu NGÔ KHAI MINH để tiện bề điều khiển Bàn Trị Sự Hải Ngoại Cao Đài Truyền Giáo Hội, nên:*

#### THÁNH LINH

**Điều thứ nhất:** *Ân phong cho Đạo hữu NGÔ KHAI MINH, 34 tuổi, hiện cư ngụ tại nhà số 30, Avenue du Parc de Montsouris, Paris (XIV<sup>e</sup>) chức Lễ Sanh phái Thượng.*

**Điều thứ nhì:** *Quyền Ngọc Chánh Phối Sư lãnh thi hành Đạo Thánh linh này.*



*Lập tại Tòa Thánh, ngày 12 tháng giêng*

*Sao y bốn chánh*

*HỘ PHÁP*

*Ngày 14 tháng giêng năm Quý Ty*

*(ký tên và đóng dấu)*

*Phối Sư Cố Vấn Hành Chánh Đạo*

*(đã ký)*

Chúng ta thấy, Thánh Lịnh này là “*Quyết nghị của Cơ Quan Đạo nhóm tại Tòa Thánh ngày 11 tháng giêng năm Quý Ty (24-2-1953)*”, là quyết nghị tập thể, trong đó ghi rõ: “*đạo hữu NGÔ KHAI MINH (tức là con của Ngài Cố Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu, đệ tử đầu tiên của Chí Tôn) đáng gọi là đạo dòng*”.

Thời gian sau đó, sự liên lạc vẫn tiếp tục. Ngày 21-6-1953, từ Paris, ông Ngô Khai Minh đã gửi về cho Ngài Phạm Công Tắc một bức thư với lời lẽ trân trọng, nội dung như sau:

*“Paris, ngày 21.VI.53*

*Kính gửi Đức Hộ Pháp*

*Tây Ninh (VIETNAM)*

*Bạch Đức Ngài,*

*Hôm nay, nhơn dịp có chị Suzanne về nước, cháu xin có vài hàng kính thăm Đức Ngài, và xin cho hay về sự liên lạc chặt chẽ của Chị và Cháu ở*

bên này trong công cuộc bành trướng nền Đạo. Tình cờ Châu gặp được chị ở Paris khi trở lại bên này, và sau khi trao đổi ý kiến, thì hai bên đều nghĩ như thế. Cho nên Chị về, mới có bức thư này để Đức Thầy làm tin.

Cháu cũng nên kể sơ công chuyện tiến triển thế nào từ ngày Châu trở sang Paris. Cháu trụ tập tất cả kiều bào, nhưt là những người xưa nay có thiện cảm với nền Đạo và cũng tìm hiểu chúng ta đã làm gì và hiện tiếp tục chuyện chi trong công cuộc kiến thiết quốc gia. Nên vậy, tất cả người ngoại quốc và người Pháp, thậm chí đến người Việt, đều rõ rằng Đạo với tính cách Đại đồng Bác ái, mà cũng vừa lo riêng một phần Đòi. Cháu không thể nói rõ hết nơi đây, để khi cháu về sẽ kể lẽ sự tình cho Thầy nghe. Tức nhiên là ngày nay, ai là một công dân Việt Nam dầu ở xa dầu ở gần, cũng am hiểu thời cuộc, thì dễ thấy rõ đường lối của nền Đạo, đều hoan nghênh và tận tâm bắt tay vào việc. Tức nhiên là về hình thức đã có rồi, nhưng ngặt nổi là sức người có giới hạn. Cháu đã hy sinh mấy tháng nay, công cuộc làm ăn cũng bị bế tắc, phần đồng bạc bị sụt giá, lại nữa sự trợ cấp không có ai lo, cho nên Cháu chỉ còn giữ địa chỉ tạm thời là ở nhà Châu, mà không có phương tiện để dời ra một nơi khác, như một văn phòng tại trung tâm điểm Paris, và hằng tuần hay hằng hai tuần, mình ra một loại báo chừng bốn trương, nói qua về tư tưởng của Đạo.

*Kể về hơn tài Cháu đã thu thập các bậc trí thức, từ 30 đến 50 tuổi, nào là luật sư, kỹ sư, bác sĩ, ... các nhà làm báo, cũng là giáo sư rất đông, nào là thanh niên từng học ở các Đại học đường, nào là anh em cựu chiến binh, lao động...*

*Tóm lại, đã có một tiếng dội rất tốt về cho nền Đại Đạo rồi, Thầy xin nhớ rằng lời của kẻ muốn phá chúng ta là trái sự thật, mình cứ làm kết quả sẽ thấy sau (ce sont les résultats qui comptent). Riêng biệt Trung tướng Thành, người đã thấy rõ sự hoạt động của Cháu ở Pháp là sao, thành thử Cháu mới trông đợi Đức Thầy sang được đây để được mục kích những cái gì đáng nghe thấy vậy.*

*Cháu tại sao vẫn đảm đương công việc hệ trọng này, là tự Cháu thấy mình đủ sức làm được, không phải mình tự kiêu hay có tánh khoe khoang gì. Xin Thầy vui lòng tưởng nhớ rằng tương lai một phần lớn của nước nhà là do cái nhóm du học sinh (guong vua Minh Trị của Nhật). Mình phải vun phân tưới nước nó để ngày mai sẽ trở thành những người đủ tài, đủ đức chăm lo, gánh vác công cuộc của nước nhà. (...)*

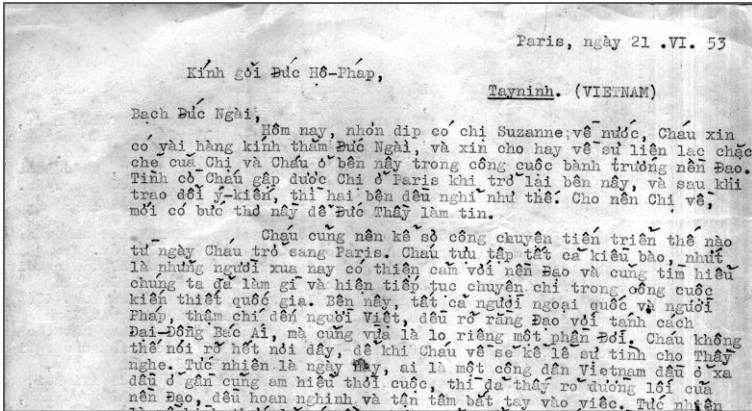
*Kể về bề giao thiệp đối ngoại, thì Cháu có gặp được nhiều giới chính trị ở Pháp, các nhà viết báo, thì bao nhiêu sự chú trọng đến tình hình ở Việt Nam thì đều nói qua Cao Đài trước nhứt, một lực lượng đáng kể, hùng hậu, một đường lối rất hay của nền Đạo, một chánh trị rất khéo do Đức Hộ*

*Pháp Phạm Công Tắc* lãnh đạo. Cho nên phận sự của Châu là một công hai ba việc ở đây, và ở nước ngoài, mà Châu đã may mắn được ở lâu ngày, và am hiểu công chuyện. Về phần ăn nói thì rất thích hợp với Châu là đã chăm lo việc học ngoại ngữ nhiều, với lại nữa hôm nay tuổi Châu là vừa để làm các công việc ấy.

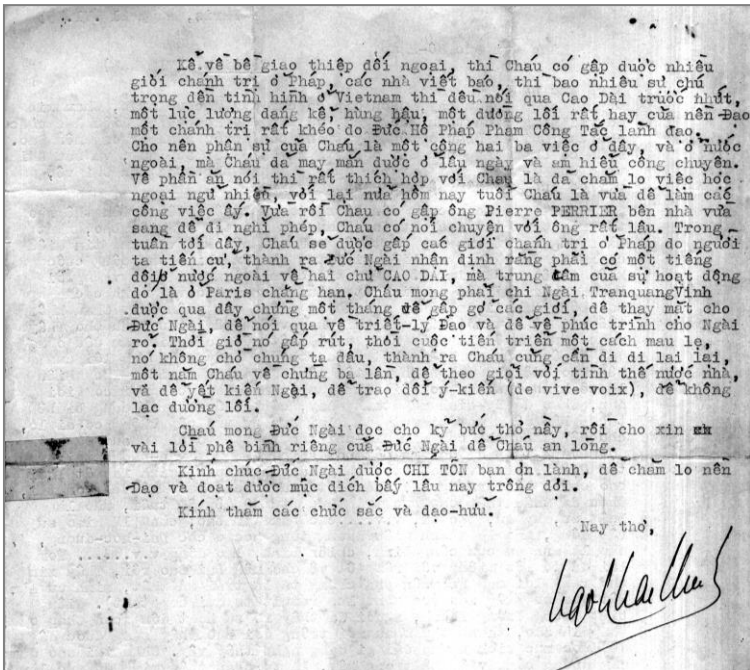
Vừa rồi Châu có gặp ông Pierre Perrier bên nhà vừa sang để đi nghỉ phép, Châu có nói chuyện với ông rất lâu. Trong tuần tới đây, Châu sẽ được gặp các giới chánh trị ở Pháp do người ta tiến cử, thành ra Đức Ngài nhận định rằng phải có một tiếng dội ở nước ngoài về hai chữ CAO ĐÀI, mà trung tâm của sự hoạt động đó là ở Paris chẳng hạn. Châu mong phải chi Ngài Trần Quang Vinh được qua đây chừng một tháng để gặp gỡ các giới, để thay mặt cho Đức Ngài, để nói qua về triết lý Đạo, và để về phúc trình cho Ngài rõ.

Thời giờ có gấp rút, thời cuộc tiến triển một cách mau lẹ, nó không chờ chúng ta đâu, thành ra Châu cũng cần đi đi lại lại, một năm Châu về chừng ba lần, để theo dõi với tình thế nước nhà, và để yết kiến Ngài, để trao đổi ý kiến (*de vive voix*), để không lạc đường lối.

Châu mong Đức Ngài đọc cho kỹ bức thư này, rồi cho xin vài lời phê bình riêng của Đức Ngài để Châu an lòng.



**Phần đầu và phần cuối bức thư ông Ngô Khai Minh gửi cho Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc ngày 21-6-1953**



*Kính chúc Đức Ngài được Chí Tôn ban ơn lành, để chăm lo nền Đạo và đạt được mục đích bấy lâu nay trông đợi.*

*Kính thăm các chức sắc và đạo hữu.*

*Nay thơ”*

Sự liên lạc giữa Ngài Phạm Công Tắc và ông Ngô Khai Minh tiếp tục tiến triển tốt đẹp. Đây là điều kiện cần thiết để sắp xếp một chuyến đi Pháp cho một phái đoàn cao cấp của Tòa Thánh. Chuyến đi với nhiều mục đích này sẽ do Ngài Phạm Công Tắc dẫn đầu, ông Ngô Khai Minh đảm trách nhiều việc tại Paris.

Chuyến “Âu du” bắt đầu khởi hành từ ngày 20-5-1954 và về đến Sài Gòn ngày 20-7-1954 đã được Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, là một thành viên trong phái đoàn, ghi lại chi tiết trong tập “Âu Du Ký”. Trong tập ký này, chúng ta nhận thấy ông Ngô Khai Minh được nhắc đến nhiều lần, có thể lấy ví dụ từ những trang đầu:

*“Các phóng viên báo chí, nhất là nhóm thợ săn ảnh chen chúc nhau đón chụp ảnh Đức Hộ Pháp và phỏng vấn Đức Ngài. Về đến phòng, có người theo xin thuê thanh những lời tuyên bố, thì Đức Hộ Pháp phú cho ông Ngô Khai Minh thay mặt đọc một bài cho họ thuê thanh. (...)*

*17g30 Đức Hộ Pháp mở một cuộc hội nghị báo chí tại salon nhà hàng (hotel George V) và thết đãi các đại diện báo chí một tiệc sâm banh. Trong cuộc hội nghị này Đức Hộ Pháp cho ông Ngô Khai Minh đọc lời tuyên bố.”*

Những dự tính về việc phát triển cơ đạo tại Pháp tiếc là không gặp thời. Nhiều biến động chánh trị lúc bấy giờ tại Việt Nam và ở Nam Việt, khiến nên ngày 16-02-1956 Ngài Phạm Công Tắc phải lưu vong sang Nam Vang.



**Ảnh chụp Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc và phái đoàn vừa xuống phi trường Orly (Pháp) (Ảnh tư liệu lưu trữ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý)**

#### IV. MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ HAI HỌ LÂM VÀ HUỖNH Ở HÀ TIÊN

Ngài Ngô Văn Chiêu sau khi tiếp được hồng danh Cao Đài lần thứ nhứt (tại nhà Ngài ở Tân An) vào tháng chạp Kỷ Mùi (1920), đến gần một tháng sau, ngày 11 tháng giêng Canh Thân, Ngài Ngô chuyên công tác, làm Tri huyện Hà Tiên. Ngay sau đó, Ngài đã kết thân với nhóm cầu Tiên tại Hà Tiên, gồm quý ông Cao Văn Sự, Lâm Tấn Đức, Nguyễn Thành Diêu, ông Phán Ngàn ... Phò cơ có nhị vị Lâm Tấn Đức và Cao Văn Sự.

*“Ông Ngô Minh Chiêu (...) năm 1919-1920 làm Tri huyện ở Hà Tiên. Ông thích theo mấy nhà nho ở Hà Tiên hầu đàn cầu Tiên. Đàn Tiên thường đặt ở nhà bác thầy (Lâm Tấn Đức).”<sup>121</sup>*

Đêm Trung Thu năm Canh Thân (26-9-1920), tại nhà ông Lâm Tấn Đức (nay có số 46 bên Đông Hồ) có thiết buổi phò cơ. Ôn Trên giáng ban bài thơ có tên chư vị hầu đàn:

*“Cao Đài minh nguyệt Ngô Văn Chiêu,  
Linh lung vạn học thể Quan Diêu.  
Vô thạm **Sự Đức** nhiệm ngao du,  
Bích thủy thanh sơn tương đối tiếu.”*

---

<sup>121</sup> Trích tập 2, trang 150, Hồi ký *Núi Mộng Guơng Hồ* (NXB Trẻ, 1998) của nữ sĩ Mộng Tuyết (1914-2007); nữ sĩ là học trò và là thứ thất ông Đông Hồ Lâm Tấn Phác.



Bài thơ khởi đầu bằng hai chữ Cao Đài, đây là lần thứ hai Ngài Ngô thừa tiếp hồng danh Đức Chí Tôn thời Tam Kỳ. Đức Cao Đài giáng tại nhà ông Lâm Tấn Đức, hôm ấy ông lại làm đồng tử phò cơ. Đây là duyên lành cho ông Lâm và gia đình. Vậy chúng ta tìm hiểu đôi nét về gia đình họ Lâm.

### 1. Về ông Lâm Tấn Đức và gia đình

Ông **Lâm Tấn Đức** (1866-1934) tự Hữu Lân, con của cụ ông Lâm Quang Huy và cụ bà họ Giang (ông bà có 3 người con là: Lâm Tấn Thoại, Lâm Tấn Đức và Lâm Thị Đào Hoa).

Ông Lâm Tấn Đức lập gia đình với bà Phan Thị Cao, ông bà không con, có một con gái nuôi tên Lâm Thị Việt.<sup>122</sup> Là người có tướng tá bệ vệ, nghiêm chỉnh lại thông minh, hoạt bát, ông Lâm Tấn Đức được dân địa phương trông cậy cử làm Kế Hiền (làng Mỹ Đức, Hà Tiên). Ông Lâm có biệt tài viết chữ Hán rất đẹp.<sup>123</sup>

---

<sup>122</sup> Bà Lâm Thị Việt có chồng là ông Trần Văn Tân, ông bà có nhiều con, người con trai đầu tên Trần Thiêm Thới (nhà thơ Trúc Hà) có vợ là bà Lê Thị Thượng. Ông Thới mất sớm, bà đi tu theo phái Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (Rạch Giá) lên đến phẩm Nữ Đầu Sư.

<sup>123</sup> Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa (cháu ông Đông Hồ, người đang giữ nhà kỷ niệm Đông Hồ) nói về ông Lâm Tấn Đức: “Vì bà con thường cho ông là người không chỉ có nét chữ đẹp, văn hay mà còn là người đạo cao đức trọng nên nhà nào được dán câu đối của ông viết mà ăn tết thì sẽ được nhiều may mắn, con cháu học

Năm 1909, ông Lâm Tấn Thoại và vợ là Trần Kim Phụng, lúc khoảng 30 tuổi, đột nhiên qua đời cách nhau 2 tháng. Các con ông Lâm Tấn Thoại gồm: Lâm Quế Thanh (nữ), Lâm Ngọc Anh (nữ) và Lâm Tấn Phác được người chú Lâm Tấn Đức đưa về nuôi dưỡng, xem như con ruột. Về sau:

- Bà Lâm Quế Thanh lấy chồng họ Mông ở Hòn Chông, Hà Tiên. Bà mất sớm, không con.

- Bà Lâm Ngọc Anh (1901-1977) lập gia đình với ông Lý Văn Nhơn (1900-1967) (sẽ đề cập thêm ở phần sau).

- Ông Lâm Tấn Phác (1906-1969), tức thi sĩ Đông Hồ, là nhà giáo, nhà thơ, rất yêu văn hóa Việt Nam.<sup>124</sup> Trong một số bài viết của mình, nhiều lần

---

giới lại được phong độ khiêm cung của người viết”. Ảnh ông Lâm Tấn Đức trang 66.

<sup>124</sup> Thi sĩ Đông Hồ tâm sự: “*Nằm nhà buồn buồn, tôi lấy mấy quyển sách ra xem thì là mấy tập Nam Phong cũ. Tôi giờ từng số, xem qua một lượt. Tôi gặp bài thơ Le Lac của Lamartine dịch ra Quốc ngữ của cô Lê Cẩm Nhung và của ông Nguyễn Văn Bông. Tôi để ý đọc, chỉ đọc bài Quốc ngữ thôi, vì bài chữ Tây thì tôi đã thuộc lòng (...)* Thì ra quốc văn có thể diễn nổi những cảnh sắc sảo sáng của thơ Tây, và cũng có thể diễn nổi những ý tứ thâm trầm, những tư tưởng cao thượng của thơ Tàu. Tôi tình ngộ. Tôi thấy rằng nước ta còn có chữ, giống ta còn có tiếng nói. Quốc văn ta có nghèo hèn kém coi gì đâu. (...) Cảm tình của tôi đối với tiếng nước nhà đậm thắm mặn mà cũng bắt đầu từ đó.”

Như thừa tiếp năng khiếu viết chữ Hán bằng bút lông của dưỡng phụ Hữu Lân, Đông Hồ chuyển qua viết thư pháp chữ Việt. Ông được xem là “Ông Tô” thư pháp Việt ngữ.

Đông Hồ nhắc đến Ngài Ngô thời ở Hà Tiên, viết về việc cầu Tiên ở đây, điển hình là bài báo *Chuyện cầu tiên ở Phương thành* trên Nam Phong Tạp Chí (Hà Nội), số 171, tháng 4-1932.

Sau đây xin nói thêm về ông Lý Văn Nhơn (1900-1967) chồng bà Lâm Ngọc Anh.

Ông **Lý Văn Nhơn** là thầy giáo dạy Hán văn và Pháp văn trường Tiểu học Hà Tiên (sau là trường Nguyễn Thần Hiến).

Lập gia đình với bà Lâm Ngọc Anh, ông bà có 5 người con: Lý Hữu Từ (nam), Lý Tiểu Uyển, Lý Tiểu Liên, Lý Hữu Phương (nam) và Lý Tiểu Chi. Ông có năng khiếu về hội họa. Về sau ông bà tu theo Chiếu Minh. Ông có lập ngôi Thanh Tịnh Am trên núi Cai Đệ (Bãi Nò, Hà Tiên).

Ông Lý Văn Nhơn tự vẽ Thánh tượng Thiên Nhân để thờ; có ý kiến cho rằng ông là người đầu tiên vẽ Thiên Nhân có Nhựt Nguyệt Tinh, điều này chúng tôi chưa kiểm chứng được.

## 2. Về ông Huỳnh Đăng Khoa và gia đình

Ông **Huỳnh Đăng Khoa**<sup>125</sup> (?-1915) làm Hương Chủ làng Mỹ Đức (làng Mỹ Đức là khu trung tâm Hà Tiên ngày nay), lập gia đình với bà Trần Thanh Tùng (?-1906). Ông bà có một con trai tên Huỳnh Văn Dần (mất sớm) và một con gái tên

---

<sup>125</sup> Ảnh ông Huỳnh Đăng Khoa trang 66.

Huỳnh Thị Anh (có chồng tên Mộng Toàn Lâm, gia đình danh giá ở Hòn Chông).

Ông Huỳnh Đăng Khoa cư ngụ bên bờ Đông Hồ (nay là góc đường Trần Hữu và Tham Tướng Sanh), cách nhà Ông Lâm Tấn Đức hơn 200m, hai vị rất thân thiết, thường xướng họa thơ văn.<sup>126</sup> Về sau, ông Huỳnh Đăng Khoa tu sơ cơ đạo Minh Sư, đạo danh Huỳnh Kim Chung, bà có đạo danh Kim Lư. Do bà muốn tu tiến nên đứng cưới thứ thất cho ông, đó chính là bà Lâm Thị Đào Hoa (?-1901), em gái ông Lâm Tấn Đức (đã đề cập phần trước). Ông Huỳnh và bà Lâm có một gái tên Huỳnh Thị Cang (tự Kính), sanh năm 1901 (bà Lâm mất sau khi sanh 17 ngày).

Ông Huỳnh Đăng Khoa có người em trai tên Huỳnh Cập Đệ làm Hương Cả ở Phú Quốc. Ông Cập Đệ có miếng đất số địa bạ 129, trên núi Dương Đông, địa thế thanh nhã, ông Đăng Khoa xuất tiền xây nên ngôi Quan Âm Tự (đạo Minh Sư); thời điểm này khoảng năm 1900.

Tiếp đó, trong gia đình còn truyền tụng câu chuyện: Vợ ông Cập Đệ mất sớm, ông cưới thứ thất. Bà này hắt hủi con vợ trước. Ông Huỳnh Đăng Khoa hay được, từ Hà Tiên đông ghe qua, dùng roi xử phạt ông Cả Đệ giữa làng đang họp, sau đó đưa hai đứa con của em mình về nuôi.

---

<sup>126</sup> Một số bài thơ của hai vị còn lưu tại lăng Mạc Cửu.

Chuyện xử phạt không rõ, nhưng chuyện nuôi hai con ông Cả Đệ thì có, ông Huỳnh Đăng Khoa xếp các con theo thứ tự: Huỳnh Chấp Phuông, Huỳnh Thị Thịnh, Huỳnh Văn Dần, Huỳnh Thị Anh và Huỳnh Thị Cang (tự Kính).

Bà Huỳnh Thị Cang (1901-1994) lập gia đình với ông Phan Kim Tố (1897-1976).<sup>127</sup> Ông bà có 8 người con, người con gái út tên Phan Thị Triệu (cô Chín Triệu) sanh năm 1932, tu Chiếu Minh (đàn Long Hoa) từ nhỏ.

Có thể nói, cô Chín Triệu là cháu của cả hai họ Huỳnh và Lâm, là chứng nhân cho bài viết này, trong đó có câu chuyện năm 1960, ông Nguyễn Văn Truyền (đàn Long Hoa, Sài Gòn) cùng một số đệ tử khác của Chiếu Minh, đến Phú Quốc tìm lại vết tích Quan Âm Tự với dự định xây cất lại thành đàn Khai Nguyên (Cao Đài Hội Thánh ngày nay). Chánh quyền lúc ấy hướng dẫn các vị tìm đến gia đình ông Phan Kim Tố và bà Huỳnh Thị Cang ký các giấy tờ, làm các thủ tục cần thiết về đất của Quan Âm Tự, và mọi việc đều trôi chảy.

Tóm lại, về mặt lịch sử, Ngài Ngô thừa tiếp hồng danh Đức Cao Đài lần đầu tại nhà Ngài ở Tân

---

<sup>127</sup> Ông Phan Kim Tố làm thư ký tòa Bó (tòa Hành chánh) quận Hà Tiên thời Ngài Ngô làm Tri huyện tại đây. Về sau ông bà hành đạo tại Bát Quái Đồ Thiên, ông Kim Tố thọ phẩm Giáo Hữu phái Thái (Hội Thánh Minh Chơn Đạo).

---

An, Ngài thừa tiếp hồng danh Đức Cao Đài lần thứ nhì tại nhà ông Lâm Tấn Đức (Hà Tiên), thừa tiếp hồng danh Đức Cao Đài lần thứ ba tại Quan Âm Tự (Phú Quốc). Ngôi chùa này do gia đình họ Huỳnh tạo dựng, đây cũng là địa điểm lịch sử, nơi Ngài Ngô Văn Chiêu thọ nhận làm vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế.



# MỤC LỤC

## **BỐI CẢNH NAM VIỆT TRƯỚC KHI THƯỢNG ĐẾ KHAI ĐẠO CAO ĐÀI**

1. Vài dòng lịch sử..... 13
2. Hệ thống hành chính ở Nam Kỳ đầu thế kỷ 20 .... 16
3. Hệ thống giáo dục ở Nam Kỳ đầu thế kỷ 20 ..... 17
4. Một số đặc điểm xã hội..... 19

### PHẦN NHẤT:

#### **NGHƠN ĐẠO CỦA NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**

- A. LẬP THÂN** .....24
- B. LÒNG HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ** .....29
- C. NGHĨA VỢ CHỒNG** .....33
- D. BỒN PHẬN LÀM CHA**.....35
- E. LÒNG NHƠN ÁI VỚI MỌI NGƯỜI**.....44

### PHẦN HAI:

#### **NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**

#### **TRÊN CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI**

##### **A. CĂN DUYÊN XƯA**

1. Kính thờ Đức Quan Thánh từ nhỏ..... 48
2. Đến đàn Tiên cầu thuốc cho mẹ ..... 48
3. Chập bút cầu Tiên trị bệnh cho dân ..... 51

##### **B. THỪA TIẾP HỒNG DANH CAO ĐÀI**

1. Nghe hồng danh Cao Đài lần đầu  
(Tân An – 1920)..... 59
2. Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ hai  
(Hà Tiên -1920)..... 62



## **C. THỌ HỌC PHÁP MÔN CAO ĐÀI**

1. Tham gia nhóm cầu Tiên tại Dương Đông ..... 68
2. Được chọn làm đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài (Phú Quốc - 1921) ..... 77

## **D. NHỮNG BƯỚC TU TIẾN TIẾP THEO**

1. Thiên Nhân xuất hiện (Phú Quốc - 1921) ..... 80
2. Thừa tiếp đầy đủ hồng danh Cao Đài Tiên Ông (Phú Quốc - 1921) ..... 84
3. Lễ dâng rượu nho cảm tạ chư Thiên ..... 86
4. Thoáng hiện cảnh Bồng lai (1924) ..... 87
5. Chuyển về Sài Gòn (1924) ..... 90

## **E. GIAI ĐOẠN HÀNH ĐẠO VỚI NHÁNH PHỔ ĐỘ (NHÁNH HAI)**

1. Lược sử Nhánh đạo Phổ độ Công truyền ..... 95
2. Cơ vận chuyển hai mạch Đạo sum họp ..... 99
  - a. Những buổi tiếp xúc đầu tiên ..... 99
  - b. Đoàn giao thừa Ất Sửu - Bính Dần ..... 105
3. Cuộc phân lập - Ngài Ngô từ tạ phẩm Giáo Tông ..... 108

## **G. THỜI GIAN CUỐI ĐỜI NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**

1. Hoàn tất nợ áo cơm ..... 115
2. Công quả bằng Đạo pháp ..... 119
  - a. Những chuyến đi “rải thuốc” ..... 120
  - b. Lập các Chiếu Minh Đoàn đầu tiên ..... 123
  - c. Giảng đàn khi còn tại thế ..... 123
3. An định việc xuất thế đăng Thiên ..... 129
  - a. Những sắp xếp sau cùng ..... 129
  - b. Cõi rỗng về nguyên ..... 134

## PHẦN BA: CƠ TUYÊN ĐỘ

### A. NGUYÊN TẮC PHÁP MÔN NỘI GIÁO

TÂM TRUYỀN ..... 148

### B. VỀ DANH HIỆU CHIẾU MINH..... 151

1. Danh hiệu Chiếu Minh ..... 151

2. Về chữ Minh trong Đạo danh tín đồ ..... 154

### C. MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ

#### THỌ HỌC PHÁP MÔN CHIẾU MINH

a. Tự nơi hành giả ..... 157

b. Người truyền pháp ..... 159

c. Xin Keo ..... 162

### D. CÔNG CUỘC PHỔ TRUYỀN ĐẠO PHÁP

1. Truyền đạo pháp tại Sài Gòn - Đàn Phú Lâm .... 164

2. Truyền đạo pháp tại Cần Thơ ..... 168

a. Chiếu Minh Đàn Cần Thơ ..... 171

b. Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế..... 173

3. Chiếu Minh Đàn Chợ Lớn..... 175

### E. NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ TRỰC TRUYỀN

#### TỪ NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU

a. Người đệ tử đầu tiên của Ngài Ngô ..... 177

b. Các vị đệ tử thọ pháp trực tiếp từ

Ngài Ngô Văn Chiêu ..... 181

### Quý Ông:

Ông Lê Văn Huấn ..... 182

Ông Nguyễn Văn Huỳnh..... 187

Ông Bùi Quang Huy ..... 192

Ông Phạm Tấn Lộc ..... 196

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| <b>Ông Nguyễn Thiện Thượng</b> ..... | 203 |
| <b>Ông Nguyễn Thiện Niệm</b> .....   | 207 |
| <b>Ông Trần Nghĩa Trọng</b> .....    | 211 |
| <b>Ông Nguyễn Văn Lý</b> .....       | 217 |
| <b>Ông Nguyễn Văn Mười</b> .....     | 222 |
| <b>Ông Nguyễn Văn Dương</b> .....    | 226 |
| <b>Ông Nguyễn Thành Tựu</b> .....    | 230 |
| <b>Ông Bùi Hà Thanh</b> .....        | 234 |
| <b>Ông Phạm Văn Thới</b> .....       | 236 |

### **Quý Bà:**

|                                   |     |
|-----------------------------------|-----|
| <b>Bà Trần Thị Hường</b> .....    | 238 |
| <b>Bà Huỳnh Thị Trinh</b> .....   | 245 |
| <b>Bà Nguyễn Thị Luân</b> .....   | 251 |
| <b>Bà Trần Thị Ngữ</b> .....      | 256 |
| <b>Bà Bùi Thị Kinh</b> .....      | 261 |
| <b>Bà Huỳnh Thị Hườn</b> .....    | 266 |
| <b>Bà Nguyễn Thị Hội</b> .....    | 273 |
| <b>Bà Nguyễn Thị Nghiêm</b> ..... | 280 |
| <b>Bà Ngô Thị Nguyệt</b> .....    | 283 |
| <b>Bà Nguyễn Thị Huyền</b> .....  | 288 |
| <b>Cô Nguyễn Thị Lưu</b> .....    | 293 |
| <b>Bà Trương Thị Mọn</b> .....    | 299 |
| <b>Bà Giao Thị Thanh</b> .....    | 304 |
| <b>Bà Trần Thị Cửa</b> .....      | 306 |
| <b>Bà Hồ Thị Ngân</b> .....       | 309 |
| <b>Bà Lê Thị Trĩ</b> .....        | 312 |

**PHẦN BỐN: PHỤ LỤC - BỔ SUNG**

|  |     |
|--|-----|
| I. TÁNH ĐỨC NGÀI NGÔ KHI CÒN<br>SANH TIỀN .....  | 320 |
| II. VỀ HAI QUYỂN: KINH “ <i>ĐẠI THỪA CHƠN<br/>GIÁO</i> ” VÀ SÁCH “ <i>LỊCH SỬ QUAN PHỦ NGÔ<br/>VẤN CHIÊU</i> ” BẢN IN ĐẦU TIÊN ..... | 326 |
| III. MỐI LIÊN HỆ GIỮA NGÀI PHẠM CÔNG TẮC<br>VỚI ÔNG NGÔ KHAI MINH.....   | 340 |
| IV. MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ HAI HỌ LÂM VÀ<br>HUỲNH Ở HÀ TIÊN .....   | 351 |

**CUỘC ĐỜI ĐẠO ĐỨC CỦA NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU**  
**Về vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài**  
**và con đường Tâm Pháp bí truyền**

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ  
Thánh Đức Tổ Đình - Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi  
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: (024) 37 822 845 – Fax: (024) 37 822 841  
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc: **ThS. Nguyễn Hữu Có**

Biên tập: **Lê Hồng Sơn**  
Trình bày và kỹ thuật: Hoàn Nguyên  
Sửa bản in: Đạt Tường, Phương Trúc  
Thiết kế bìa: Lê Anh Thư

Đơn vị liên kết: ông Trần Quang Dũng (Thiện Hạnh)  
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

*Số lượng in: 1.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm*  
*In tại Xí nghiệp in FAHASA 774 Trường Chinh, phường 15,*  
*quận Tân Bình, Tp.HCM*

*Số ĐKXB: 1604-2021/CXBIPH/10-54/TG*

*Mã ISBN: 978-604-61-7764-7*

*QĐXB: 200/QĐ-NXBTG ngày 12 tháng 5 năm 2021*

*In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2021*